HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

CHÚC MỪNG NĂM MỚI



XUÂN
ĐINH
SỬU
1997

Số 32 tháng 12/1996 & 1/1997

HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO
P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842. USA
http://kicon.com/hopluu
Tel: (714)537-5229 • Email:: tchopluu@aol.com

Phát hành hai tháng một kỳ • Số 32, tháng 12/96 & 1/97

Đại diện tại Florida
Triều Hoa Đại / Tel: (904)282-2419
Đại diện tại Houston, TX
Ngu Yên / Tel: (713) 524-6262
Đại diện tại San Jose
Phạm Việt Cường / Tel: (408)294-2413
Đại diện tại Âu châu
Mr Lê Tất Luyện / 15 Place Souham, 75013. France / Tel: 45.83.19.12
Đại diện tại Na Uy
Hoài Mỹ / Nattlandsveien 63. N-5030 Landas, Norway
Đại diện tại Canada
Trân Sa / Tel: (416)762-4659 • Hồ Đình Nghiêm / Tel: (514)342-8018
Đại diện tại Australia
Thường Quán / Tel: 61.3/ 8071.797
Đại diện tại Đông Âu
Yên Phong / PSF-21. 37284 - Waldkappel. Germany

•

Chủ trương

Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Lê Bi, Phạm Việt Cường, Hồ Minh Dũng, Triều Hoa Đại, Đào Trung Đạo, Như Hạnh, Trần Diệu Hằng, Luân Hoán, Vũ Quỳnh N.H, Đỗ Kh., Nguyễn Trọng Khôi, Thụy Khuê, Thân Trọng Mẫn, Hồ Đình Nghiêm, Nguyễn Thị Khoa Phương, Chân Phương, Thường Quán, Trân Sa, Hoàng Xuân Sơn, Đỗ Hữu Tài, Kiệt Tấn, Đặng Tiến, Tường Vũ Anh Thy, Nguyễn Mạnh Trinh, Nguyễn Quốc Trung, Phan Thị Trọng Tuyến, Nguyễn Tiến Văn, Lê Thị Thấm Vân, Trần Vũ, Trương Vũ

chủ biên
Khánh Trường

Số đăng ký tại Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN : 1065-9323



Tranh Đinh Cường

HỢP LƯU

Kính chúc độc giả
một năm mới an khang, thịnh vượng

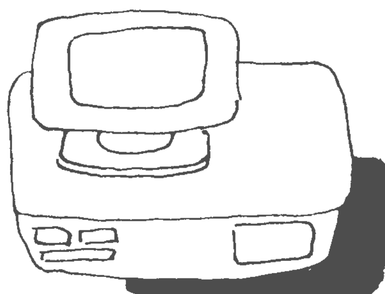


MỤC LỤC

Tranh bìa
Nguyễn Thị Hợp: Khỏa Thân Và Măng Cụt (lụa)



THƯ TÒA SOẠN



Số báo độc giả đang cầm trên tay đánh dấu một năm nữa sắp qua. Cũng là năm thứ sáu *Hợp Lưu* có mặt trên diễn đàn văn học nghệ thuật hải ngoại.

Sáu năm, gần 1/3 chiều dài lịch sử tị nạn. Bao nhiêu đổi thay trên mọi lãnh vực ở quê nhà, quê người đã đến, đã đi. Sáu năm, nếu lấy thời điểm hiện tại so với ngày đầu *Hợp Lưu* ra đời, hẳn nhiên biết bao khác biệt. Những người viết tiên phong đến với *Hợp Lưu* tuy vẫn là những đồng hành thủy chung, nhưng vì sinh kế cùng hệ lụy cá nhân, họ không thể thường xuyên góp mặt. Bù lại, trong các số *Hợp Lưu* vài năm trở lại đây, đã xuất hiện liên tục những tài năng trẻ. Lớp người mới này góp sức thổi vào môi trường văn học nghệ thuật những luồn gió mới. Và đã ít nhiều xua tan được bầu khí u uất, đau thương, nặng nề định kiến chính trị cùng sự bảo thủ, vốn dĩ đã và đang là sức trì kéo tiêu cực, khiến cho văn học nghệ thuật Việt Nam không thể tiến nhanh được về phía trước.

Dù đã nói nhiều lần, nhưng *Hợp Lưu* vẫn không ngần ngại nhắc lại: Mọi thể chế chính trị rồi sẽ qua đi, duy văn học nghệ thuật sẽ còn đó, mãi mãi. Cho nên việc tìm kiếm, giới thiệu, bảo tồn những thành tựu thuộc các lãnh vực ấy vẫn được *Hợp Lưu* coi trọng hàng đầu.

Để theo sát đường hướng đã vạch, *Hợp Lưu* ước mong mỗi số báo sẽ là một số chủ đề liên quan đến các lãnh vực văn học, nghệ thuật, xã hội..., hoặc giới thiệu một khuôn mặt tiêu biểu thuộc các lãnh vực trên. Ước mong đó phần nào *Hợp Lưu* đã thực hiện, nhưng do nhiều hạn chế khách quan, vẫn chưa như ý.

Đầu năm 1997, (số Tân Niên) *Hợp Lưu* sẽ giới thiệu **nhà văn Phan Khôi,** trong một số chủ đề dồi dào tư liệu cùng những biên khảo, lý luận, phê bình của nhiều cây bút uy tín trong, ngoài nước. Nhân tiện, chúng tôi xin nói thêm: Hầu hết mọi tư liệu dùng để thực hiện số chủ đề này do giáo sư Tạ Trọng

Hiệp - vừa từ trần - cung cấp, nên số báo cũng là số tưởng niệm cố giáo sư, mà theo chúng tôi, là một trong những nhà văn hóa có nhiều đóng góp quí báu cho nền học thuật Việt Nam.

Tiếp theo, đầu tháng 4, là số chủ đề về **Đồng Tính Luyến Ái.**

Dù muốn dù không, dù tránh né cách nào, chúng ta cũng không thể phủ nhận rất nhiều tài năng lớn trong mọi lãnh vực - nhất là các lãnh vực văn học, nghệ thuật tạo hình, điện ảnh, kịch nghệ, âm nhạc... - thuộc giới Đồng Tính Luyến Ái. Hơn thế nữa, Đồng Tính Luyến Ái hiện đang là một hiện tượng xã hội rõ nét nhất trong thời đại bây giờ. Đó là lý do *Hợp Lưu* mạnh dạn thực hiện số báo này, dù biết sẽ có nhiều phản ứng không thuận lợi từ phía dư luận bảo thủ. Nhưng chủ trương của *Hợp Lưu*, từ bao giờ đến mãi mãi, là mạnh dạn tiến công vào bất cứ nan đề gai góc nào liên quan đến con người. *Hợp Lưu* đã mời nhiều nhà nghiên cứu; nhiều giáo sư hiện đang giảng dạy về Đồng Tính Luyến Ái tại các đại học; và nhiều cây bút tên tuổi cộng tác. Tất cả đã nhận lời. Những vị này sẽ cố gắng soi rọi vấn đề - một cách khách quan - dưới mọi góc cạnh. Từ xã hội học, triết học, văn học, nhân chủng học, đạo đức học, y học, phân tâm học đến tôn giáo, tín ngưỡng... để truy lùng căn nguyên, cội rễ, hầu tìm ra câu trả lời thỏa đáng, rằng căn bệnh này là do bẩm sinh hay do ảnh hưởng môi trường xã hội.

Hợp Lưu kêu gọi độc giả và văn hữu cùng tiếp tay với *Hợp Lưu* bằng cách cung cấp tài liệu, đóng góp bài vở (gửi về tòa soạn trước ngày 30 tháng 3/1997), để số báo xứng đáng là một công trình nghiên cứu giá trị và cần thiết sau này.

Về nội dung số này. Để giúp độc giả tìm thấy những giờ phút thoải mái sau một năm dài đối đầu với bao lo toan, *Hợp Lưu* giảm bớt phần biên khảo, lý luận nặng nề, giới thiệu nhiều hơn các sáng tác văn học của các cây bút quen thuộc trong, ngoài nước.

Cuối cùng, xin lưu ý độc giả, văn hữu: Từ ngày 15 tháng 10 năm 1996, số điện thoại mới và địa chỉ Internet của *Hợp Lưu* là: **714-537-5229** và **http://kicon.com/hopluu.**

HỢP LƯU



TRẦN LONG HỒ

WISLAWA SZYMBORSKA: GIẢI NOBEL VĂN CHƯƠNG 1996


Szymborska (AP Photo)

Nhà thơ và phê bình Ba Lan, Wislawa Szymborska, 73 tuổi, cư ngụ tại Cracow, đã được trao giải thưởng Nobel văn chương 1996. Szymborska là người Ba Lan thứ tư, và là người đàn bà thứ chín trúng giải Nobel văn chương. Số hiện kim của giải trị giá 7.4 triệu kronor, khoảng US $1,120,000.00. Đây là giải thưởng đáng giá và cao quí nhất trong lịch sử giải thưởng hiện đại.

Viện Hàn Lâm Thụy Điển đã giữ kín bí mật, không tiết lộ ai đã được đề cử vào giải thưởng. Các nhà phê bình và các nhà xuất bản đã thăm dò và biết được một số người được đề cử và có nhiều khả năng trúng giải. Nhà thơ Trung Hoa lưu vong, Bei Dao, có hi vọng rất cao được giải năm nay. Nhiều người hi vọng ông trúng cử vì nhà thơ Irish, Seamus Heany, đã trúng giải năm vừa qua.

Viện Hàn Lâm đã quyết định chọn Wislawa Szymborska. Họ ca ngợi thơ Wislawa rằng: *"sự châm biếm đúng đắn của thi ca đã góp phần cho bối cảnh lịch sử và sinh học soi sáng thực tế con người"*. Và Wislawa được đề cập như: *"Một nhà thơ khó ai sánh được trong thế kỷ của chúng ta, đã được yêu mến và vinh dự quốc gia, thơ bà đã được đọc với ngôn ngữ chính gốc"*. Tác phẩm của Szmborska đã thể hiện trong cả hai phương diện cảm xúc và trí tuệ, dịu dàng, sáng suốt, nữ tính, và nhân tính. Tính sáng tạo trong thơ Szymborska là mẫu mực của sự súc tích. Để nhấn mạnh nghệ thuật của Szymborska, Viện Hàn

Lâm đã trích dẫn đoạn thơ chót trong bài "Nothing Twice" (1980) như sau: *"Với nụ cười và nụ hôn, chúng ta mong mỏi sự hòa hợp dưới những vì sao, dù chúng ta khác nhau như hai giọt nước".*

Viện Hàn Lâm cũng nhấn mạnh rằng, quyết định vinh dự cho người nghệ sĩ vì chất lượng chứ không phải số lượng. Tác phẩm Szymborska đã mang lại niềm tin căn bản, phán đoán siêu hình, trong sự liên hệ đơn giản giữa tác phẩm và sự đền bù, công lao, và phần thưởng. Szymborska là một tài năng thật sự, vĩ đại trước giải Nobel văn chương và mãi mãi như thế dù không có giải thưởng. Vòng vương miện danh dự dành cho Szymborska làm nổi bật sự cố gắng trong đời sống của bà. Không phải giải Nobel văn chương làm cao quí cho Szymborska mà chính Szymborska đã làm cao quí cho giải thưởng, cũng như tạo nên uy tín cho quyết định của Viện Hàn Lâm Thụy Điển.

Thân thế và sự nghiệp Wislawa Szymborska:

Wislawa Szymborska sinh ngày 02 tháng 07 năm 1923 tại một thành phố nhỏ, Bnin (bây giờ trở thành một phần của thành phố Kornik), gần Poznan, miền tây Ba Lan. Từ năm 1931, bà sống tại Cracow, nơi bà học văn chương và xã hội Ba Lan tại trường đại học Jagellonian khoảng năm 1945 đến 1948. Vào tháng 03 năm 1945 bà bắt đầu làm thơ với bài "*Szukam Slowa*" (*Looking for a Word*) đăng trong phần phụ lục thơ hàng tuần của nhật báo Dziennik Polski. Bà đã xuất bản tập thơ đầu tiên "*Dlatego Zyjemy*" (*That Why We Are Alive*) tại Czytelnik vào năm 1952, tái bản lần 2 vào năm 1985.

Ngay sau thế chiến thứ hai chấm dứt bà tiếp tục đăng thơ trong nhiều tạp chí và báo định kỳ. Từ năm 1953 đến 1981 bà giữ chân chủ bút trong ban biên tập của tuần báo Zycie Literackie (Literacy Life). Trong cột "Non-compulsory reading" bà lo phần đọc sách về nhiều đề tài như du lịch, nấu ăn, làm vườn, ma thuật, và lịch sử nghệ thuật... Szymborka còn chuyển ngữ nhiều thơ trữ tình, đặc biệt là thơ Pháp trong thời kỳ Hoa Mỹ và Agrippa d'Aubigne. Trong thập niên 1980, Szymborska cộng tác với nhà xuất bản Arka tại Ba Lan và tạp chí Kultura ở Paris, với bút hiệu Stancykowna. Bà là hội viên của Polish PEN Club. Thơ của Szymborska đã được dịch qua nhiều thứ tiếng tại Âu Châu, và Arabic, Hebrew, Japanese, và Chinese.

Từ 1957, nhiều năm sau khi chính sách kiểm duyệt bớt bóp nghẹt, Wislawa Szymborska đã xuất bản nhiều tập thơ, sách phê bình, và rất nhiều bản dịch quí giá về thơ cận đại Pháp. Bà không công nhận những tác phẩm hiện thực xã hội vào năm 1952, mặc dù đã thành công vào năm 1954.

Quan niệm của bà thể hiện cụ thể trong tác phẩm *"The Joy of Writing"*:

"The joy of writing.
Power of preserving.
the revenge of a mortal hand."

Szymboska đã mang tinh thần thơ bà vào của lời phát biểu trong buổi phát giải thưởng: *"Không có đời sống/ nào không bất tử/ nếu chỉ trong khoảnh khắc"*. Ý này trích từ bài thơ *"On Death, without Exaggeration"*.

Sự thay đổi trong thi phong của Szymborska đã làm cho sự chuyển dịch thơ bà trở nên khó khăn, tuy nhiên đã có nhiều công trình chuyển ngữ và thành công nên thơ bà đã được quãng bá rộng rải đến với đông đảo độc giả.

Trong một tập gồm 100 bài thơ được chuyển ngữ sang English mà Stanislaw Baranczak và Clare Cavanagh đã xuất bản với nhan đề *"View with a Grain of Sand"* (1955). Trong loạt thơ này từ bài *"Calling Out to Yeti"* (1957) cho đến *"The End and the Beginning"* (1993), ở bài đầu của bà, tên người tuyết tồi tệ, Yeti, đã được tiêu biểu cho Stalin là người đã làm cho Szymborsla thất vọng.

Szymborska cống hiến tất cả lòng chân thật vào thi ca một cách cẩn trọng, trong đó tính kén chọn và nghịch lý đã được phát triển không ngừng. Trong một bài thuyết trình bà đã nhấn mạnh về sự kết hợp tính dí dỏm, sự sáng tạo, và cảm thông. Điều đó được xem như tổng hợp của cả thời kỳ Phục Hưng và Hoa Mỹ.

Tính phê bình trong thi ca Szymborska về sự khai hóa thường được châm biếm một cách gay gắt trong một cung cách dè dặt. Do đó nghệ thuật trong thơ bà có tính đả phá.

Diễn tiến của giải Nobel văn chương 1996:

Szymborska đã nghe tin về giải thưởng từ đài phát thanh ở Zakopane's Astoria Creative Work Center. Bà đã chạy vào phòng để tự chủ cơn xúc động sau khi nhận được các lời chúc mừng và những vòng hoa tán thưởng đầu tiên. Vài giờ sau, trong cuộc họp báo vội vã, Szymborska thố lộ rằng, bà nghe tin được giải thưởng lúc đang viết một bài thơ và tiếc rằng, bà sẽ không thể hoàn tất nó trong vòng sáu tháng tới.

Chúng ta tạm dừng một chút để nghe lời tâm sự của Szymborska với Viện Hàn Lâm Thụy Điển vào khoảng vài giờ sau khi bà nghe tin giải thưởng được công bố: *"Ngay bây giờ, tôi choáng váng thực sự rồi. Tôi muốn được nằm xuống, nhắm mắt. Không may là tôi chẳng có cơ may đó. Tôi lo rằng, trong sáu tháng sắp tới tôi sẽ không có sự bình thản để làm việc trong sự yên bình mà tôi*

mong mỏi. Thật là tệ".

Sau đó, điện thoại reng liên tục trong cơ quan Astoria và phóng viên kéo tới ào ạt. Họ hỏi tới tấp, phỏng vấn, và yêu cầu những lời tuyên bố của Szymborska. Nhà thơ Ba Lan đoạt giải Nobel văn chương năm 1980, Czeslaw Milosz, gọi tới chúc mừng bà vào khoảng ba giờ chiều cùng ngày. Đại diện Hội Đồng Nobel Văn Chương tiếp xúc với Szymborska lúc bốn giờ chiều, chính thức thông báo về giải thưởng và yêu cầu bà đến dự buổi lễ phát giải thưởng tại Stockholm vào ngày 10 tháng 12 năm 1996.

Ngoài công chúng và thị trường xuất bản, mọi người ngạc nhiên. Các nhà bán sách lẻ và sỉ cho rằng sách của Szymborska được bày trên kệ đã quá lâu. Các học sinh đại học Ba Lan cho biết ý kiến rằng, họ chỉ biết về thơ của Szymborska trên danh sách phải đọc ở trung học. Chính Szymborska cũng nói rằng: *"Tôi nghĩ rằng các nhà sách đừng có sách của tôi hơn là để hàng ngàn quyển nằm ở đó."* Bà cũng khôi hài, nói rằng: *"Giải thưởng Nobel văn chương có thể thay đổi cuộc sống tôi nhiều nhưng hi vọng nó không làm đầu tôi phải căng lên".*

Vài ngày sau khi giải thưởng Nobel văn chương được công bố, Szymborska đã gởi một văn thư cho các cơ quan báo chí và truyền thông Ba Lan, xin được nghỉ ngơi: *"Cũng như các bậc tiền nhiệm cao quí, tôi không hề có kinh nghiệm trong việc nhận giải Nobel. Đó là lý do mà sự hứng thú nhận giải Nobel của tôi đã bị chan hòa bởi sự lo sợ và bối rối. Tôi còn nhớ, 16 năm về trước, khi tôi nghe tin, giải Nobel văn chương trao cho Czeslaw Milosz, tôi đã biết sự biến chuyển như thế nào. Tôi cảm nhận ra rằng, sự kém cỏi của tôi về phẩm chất cũng như số lượng tác phẩm nếu so sánh với sự nghiệp văn chương của Milosz. Tôi biết rằng, ít nhất đã có hai nhà thơ Ba Lan cảm thấy sợ hãi về vinh dự được giải Nobel. Đó là lý do tôi muốn dâng hiến giải thưởng văn chương Nobel này đến tất cả các nhà thơ Ba Lan đương thời mà họ đã có công trình quan trọng trao cho độc giả trên toàn thế giới. Tôi quyết định tuyên bố với lý do thật tầm thường. Vài ngày trước, từ khi Viện Hàn Lâm Hoàng Gia ở Stockholm công bố quyết định, tôi đã làm hàng trăm phúc đáp, tuyên bố, và phỏng vấn. Tôi viết những lời này với hi vọng rằng tôi được phép được nghỉ ngơi ít nhất là vài ngày. Tôi viết văn thư này xin khất mọi sự với công chúng trong thời gian hiện tại. Cám ơn."*

Giải thưởng và Tước Hiệu của Wislawa Szymborska:

— The City Of Cracow Prize for Literature (1954)
— The Polish Ministry of Culture Prize (1963)
— The Goethe Prize (1991)
— The Herder Prize (1995)

— Honorary Doctor of the Adam Mickiewicz University in Poznan (1995)
— The Polish PEN Club prize (1996)
— Nobel Prize for Literature (1996)

Tác phẩm của Wislawa Szymborska:

Thơ:

— Dlatego zyjemy (That's Why We Are Alive) (Czytelnik, 1952, wyd. 2 1985)
— Pytania zadawane sobie (Questioning Oneself) (Poezje. Wydawnictwo Literackie 1954)
— Wolanie do Yeti (Calling Out to Yeti) (Wydawnictwo Literackie 1957)
— Sol (Salt) (PIW 1962)
— Wierse wybrane (Selected Poems) (PIW 1964)
— Poezje wybrane (Selected Poems) (PIW 1967)
— Sto pociech (No End of Fun) (PIW 1967)
— Poezje (Poems) (PIW 1970)
— Wszelki wypadek (Could Have) (Czytelnik 1972)
— Wybor wierszy (Selected Poems) (PIW 1973)
— Tarsjusz i inne wiersze (Tarsius and Other Poems) (Krajowa Agencja Wydawnicza 1976)
— Wielka liczba (A Large Number) (Czytelnik 1977)
— Poezje wybrane II (Selected Poems II) (LSW 1983)
— Ludzie na moscie (The people on the Bridge) (Czytelnik 1986)
— Wieczor autorski: Wiersze (Authors' Evening: Poems) (Anagram 1992)
— Koniec i poczatek (The End and the Beginning) (Wydawnictwo 1993)

Điểm sách:

— Lektury nadobowiazkowe (Non-Compulsory Reading) (Wydawnictwo Literackie 1973, 1981, 1992)

Thơ (English):

— Sounds, Feelings, Toughts: Sevety Poems. (Chuyển ngữ và giới thiệu bởi Magnus Krynski và Robert A. Maguire. Princeton Univ. Press 1981)
— People on the Bridge (Chuyển ngữ và giới thiệu bởi Adam Czerniawski. Forest Books 1990)

— View with a Grain of Sand (Harcourt Brace & Company 1995)

Thơ chọn lọc của Szymborska từ những tập thơ sau đây:
— Polish Writing Today (Hiệu đính bởi C. Wienieska 1967)
— The Burning Forest (Modern English Poetry. Hiệu đính và chuyển ngữ bởi Adam Czerniawski. Bloodaxe Books 1988)
— Adriadne's Thread: Polish Women Poets (Hiệu đính và chuyển ngữ bởi Susan Bassnett và Piotr Kuhiwcwak 1988)

Văn:
— E. Balcerzan, Kregi wtjemniczenia (Wydawnictwo Literackie 1982)
— J. Kwiatkowski, Swiat wtajemniczenia (Wydawnictwo Literackie 1982)
— J. Kwiatkowski, Swiat wsrod nie-swiatow (Jerzy Kiatkowski, Remont pegazow. Czytelnik 1969)
— The Mature Laurel (Essays on Modern Polish Poetry. Hiệu đính bởi Adam Czerniawski. Seren Books 1991)
— R. Matuszewski, Z bliska (Szkice literackie. Wydawnictwo Literackie 1981)
— S. Melkowski, Rowiesnicy i bracia starsi (Czytelnik 1980)
— A. Sandauer, Pogodzona z historia. In: Poeci czterech pokolen (Wydawnictwo Literackie 1977).

TRẦN LONG HỒ



ĐỖ MINH TUẤN

THƠ HIỆN ĐẠI



A. THƠ HIỆN ĐẠI - ĐỨC HẠNH MỚI CỦA CON NGƯỜI VŨ TRỤ

Mỗi một cách tân văn học đều có cơ sở triết học, mỹ học riêng của nó, thể hiện rõ nhất ở quan niệm về con người và phương thức văn hóa biểu hiện con người ấy. Thơ ca nhân loại thế kỷ 20 đã có nhiều nỗ lực cách tân với nhiều trường phái tượng trưng, siêu thực, ấn tượng, đa đa... mà ảnh hưởng nhiều mặt của các trường phái đó đã dần dà thấm sâu vào đời sống và sáng tạo thơ ca Việt Nam từ thời Thơ Mới. Những năm gần đây thơ ca Việt Nam đã có nhiều khởi sắc với những dấu hiệu cách tân gây hào hứng và tranh cãi, trong đó bộc lộ nhiều giá trị tư tưởng và nghệ thuật mới mẻ của thời đại cần được xem xét, ghi nhận, giải minh từ góc độ triết học, mỹ học, văn hóa học và thi pháp học.

Con người trong thơ hiện đại và các biến thể hóa thân, phân thân của nó thực chất là ai và vì sao cần được đồng cảm, nâng niu và che chở?

Trong nỗ lực cách tân của thơ ca hiện đại, con người dường như đang được phá ra làm lại, y như sửa lại một bản thảo với gạch xóa và thêm bớt. Con người bị xóa đi cái đường viền quen thuộc của ngàn xưa, cái đường viền tạo nên ranh giới giữa nó với tự nhiên và xã hội, giữa trần gian và vũ trụ. Để biểu hiện cái sức sống mới mẻ, mãnh liệt và cái tâm thức giằng xé quằn quại của thời đại con người hóa thân thành rất nhiều sinh thể khác trong thơ. Nó cũng phân thân thành từng linh kiện: cái lưỡi, ngón tay, đôi mắt, chứng minh thư, mùi xoa, chiếc ghế... tất cả giờ đây chẳng ở yên trong trật tự của một cái Tôi,

một người tình, một công dân... mà náo loạn đổi chỗ, đổi ngôi, bứt khỏi nhau, vượt thoát khỏi sức hút của những trật tự cũ, những ý nghĩa cũ để lơ lửng trong thơ như những sinh thể trong vũ trụ. Chúng dường như đang sống trong nhịp đập của những thân phận vũ trụ vừa kỳ vĩ lớn lao, vừa thầm lặng bé nhỏ, vừa như đánh mất con người xã hội lại vừa như mở rộng đến vô cùng cuộc sống trần gian, là chứng nhân cho sự mở rộng nhân cách con người trong sự đồng cảm với những sinh vật khác.

Con người trong thơ hiện đại trở nên khoáng đạt, đôi khi ngông ngạo. Nó chẳng cần giữ cái nhìn thiêng liêng sùng kính vào vũ trụ, vào người yêu, vào lãnh chúa như xưa. Có lẽ vì thân thiết hơn với vũ trụ bao la nên nó dám lôi vũ trụ huyền ảo về làm đồ vật thường ngày của nó: đám mây làm tã lót, sông Ngân Hà là con sông đục ngầu bởi mỏ vịt mò cua, tia nắng như lạt luộc, vầng trăng như cốc thủng, cây xanh thì tự xé rách lưỡi mình vì ngứa, những con chim thì bay lên như mí mắt người chết sống lại từ từ mở ra... Cả một vũ trụ được đời thường hóa, đồ đạc hóa, không còn xa vời, lung linh, hư ảo của vũ trụ ngày xưa. Lý Bạch xưa chỉ dám coi trăng như bạn rượu, lịch sự và khát khao mời mọc. Looca dám đút túi vầng trăng, ông thấy túi tiền xu như "vầng trăng trăm đầu", khắc khoải ám ảnh bởi cái khoảnh khắc "khi vầng trăng hiện". Có một sự đảo lộn, đổi chất và mở rộng trong quan niệm và cảm thức về cái thi vị, thiêng liêng. Thi sĩ hiện đại phiêu lưu, lật đổ những ngôi vị thiêng liêng thơ mộng, những khát vọng trần thế, để chiếm lĩnh vũ trụ, giống như Tôn Ngộ Không nhảy tót lên thiên đình vỗ vai Ngọc Hoàng và ngốn ngấu đào tiên. Sự đảo loạn này có cội nguồn tâm linh, dân chủ và thực dụng, song nó không phải là dấu hiệu của sự khô đạo. Nó chỉ là sự đổi thay tôn giáo, lật đổ những Chúa Trời cũ, những thần tượng biểu tượng thơ ca cũ, để xây dựng một tôn giáo mới, một chủ nghĩa trữ tình mới, ở đó những sinh vật bé nhỏ, những đồ đạc vốn tầm thường được trân trọng, lên ngôi, được ký thác nhân tính, nhảy múa điên cuồng, thậm chí lung linh, tung tẩy trong áo mới như trong ngày hội. Nếu thơ xưa là ngày hội của quần chúng, của thánh thần trong lịch sử và trong vĩnh cửu, thì giờ đây, thơ còn là ngày hội của các sinh vật nhỏ bé trong đời thực và trong vũ trụ. Chúng vừa được các nhà thơ đưa lên ngôi vị cao cả của thi hứng, sánh ngang với anh hùng và với mỹ nhân. Chúng là bầu bạn mộng mơ của con người, có chung với con người nhiều mơ mộng, lo âu, run rẩy và khắc khoải. Chúng được chia một mảnh trăng, một mảnh lịch sử, một mảnh cô đơn, một mảnh tình yêu, một mảnh hư vô... Chúng ghém tất cả hành trang ấy trong cái tay nải thùng thình của ngôn ngữ, chất lên vai và lết đi, trườn đi, như một lực lượng mới cùng gánh vác cả những sứ mệnh vũ trụ, lịch sử, tôn giáo và thi ca của hàng ngàn năm, trườn đến cái đích vô định mà thậm chí các nhà thơ hiện đại cũng chưa hình dung rõ được. Các nhà thơ hiện đại không chỉ bàn giao cho chúng sứ mệnh và thân phận của con người, họ còn trao cho chúng tất cả tình yêu và nghi lễ, những bài hát

đưa tang, những khẩu hiệu tự do. Và thế giới hiện lên trong thơ hiện đại phong phú hơn, chi tiết hơn, ấn tượng hơn và ám ảnh hơn, nhiều lúc giống như giọt nước nhìn qua kính hiển vi tràn ngập những sinh thể bé nhỏ, lấp lánh, hân hoan, điên cuồng, sợ hãi và tội nghiệp. Chúng giống như nạn nhân, bầu bạn và cứu tinh của con người, là nơi pha trộn cái bất lực, cái thi vị thiêng liêng thảm hại đáng thương của đời sống hôm nay và hy vọng của ngày mai.

Con bọ chó trong thơ, giờ đây, đâu phải là con bọ chó tầm thường bẩn thỉu của ngày xưa, mà đã trở nên một sinh vật hùng tráng mang trong nó cái nguyên lý vũ trụ mênh mang mà con người vừa giác ngộ. Nó không còn là ký sinh trùng của một sinh vật quen thuộc trong thế giới quen thuộc của con người, mà đã trở thành một đại biểu của một thế giới mới mà con người vừa mới khám phá và đang còn say sưa thám hiểm - thế giới vi mô vô cùng vô tận, thế giới sinh học kỳ bí khôn lường, thế giới vô lượng kiếp trong cái nhìn nhà Phật, thế giới của những tiết tấu vũ trụ thầm kín mà hùng tráng, nơi con người đã giác ngộ sự bất lực hữu hạn để khao khát hòa vào trong vũ điệu kỳ ảo của thiên nhiên. Bởi thế, nhà thơ hiện đại chẳng ngại ngần ký thác những tâm sự thời đại kỳ vĩ, những ám ảnh triết học khôn nguôi vào những bầu bạn mới vốn nhỏ bé và gớm ghiết. Nhà thơ biết rằng, trong cách đo khác thường của giá trị thi ca, con bọ chó, chú ốc sên có tầm vóc chẳng thua những ông vua, những anh hùng trong thơ ca truyền thống. Anh ta có thể viết những bài thơ hùng tráng ca ngợi cuộc đấu tranh của chúng để kéo dài sự sống trong một kẽ lá khô, ca ngợi cái khát vọng muốn tận hưởng ánh trăng mà lâu nay chỉ dành riêng cho con người tận hưởng. Trong mắt nhà thơ hiện đại các sinh vật tầm thường bé nhỏ cũng đã được nhìn nhận như những vệ tinh mang nhân cách con người. Chúng là công dân mới của vương quốc thơ ca mang trong mình cả cái phi thường và cái phàm tục, cái vô tận và cái bé nhỏ của nhân loại hôm nay. Ở những bài thơ hay, chúng trở thành những ứng cử viên có hạng của sự tìm kiếm nhân vật thời đại vì chúng chính là những mảnh vụn của một vũ trụ thơ vừa bị phá nát vẫn cố mang cái sức mạnh, cái cao cả của con người và vũ trụ trong cái vóc dáng bé nhỏ tội nghiệp... Chúng nỗ lực kiên trì đạo lý, làm nơi cư trú của tinh thần vũ trụ, của chủ nghĩa nhân văn, và cái đẹp trong sự trốn chạy của một thế giới hư nát, thực dụng. Ở những bài thơ xoàng, những nhân vật này chỉ là những con giòi nhốn nháo và lơ lửng đục khoét thi thể kiều diễm của Nàng Thơ, chúng thiếu đức hạnh của tôn giáo và vũ trụ. Dù ở cực nào thì những sinh vật nhỏ bé, những đồ đạt bình thường trong thơ hiện đại cũng bộc lộ rõ xu hướng hóa thân, phân thân mãnh liệt của nhà thơ trong sự khước từ cái vĩ mô cổ điển, phổ những thi vị thiêng liêng cao cả vào những cái vi mô, cái đời thường. Đó là cách lặn sâu vào thế giới, thám hiểm những đường hầm chật chội bên dưới những nền tảng đời sống ù lì quen thuộc và nhàm chán.

Nhà thơ hiện đại đập nát vũ trụ thơ cũ và đập nát cả con người anh ta, cả

gia đình, xã hội, cái tôi để nhìn sâu hơn và tái tạo lại trong một chiều kích nhân văn mới không lừa dối và không giản đơn dễ dãi. Gia đình chẳng còn quyến rũ như tổ ấm, nó hiện lên trong thơ hiện đại như nơi cư trú của cô đơn, góa bụa, nơi gặp gỡ của những kẻ đi hoang, những kẻ ngoại tình, những chiếc mạng nhện, những con gián rung râu. Xã hội nhiều lúc trở thành cái chợ nháo nhào những sách thánh, những xa lông, những xì líp, phao bơi, ly chén và ngỗng quay - nhốn nháo, ô hợp và dung tục. Còn con người, cái tôi, cả linh hồn và thân thể đều đang bị đập ra, mỗi bộ phận quấy lộn như một con thú muốn đòi riêng quyền sống, quyền tự trị. Cái lưỡi từng kiêu hãnh là kẻ phát ngôn những lời cao siêu tinh tế, giờ đây cũng không chịu nằm yên trong miệng mà cố trườn ra như rắn. Thân thể đòi quyền là một xác chết ngay khi nhà thơ còn sống. Móng tay tầm thường đòi trở thành chiếc lông chim ngũ sắc... Nhưng những đổ vỡ đó, những nhốn nháo ô hợp đó lại phát lộ một nỗi đau sâu sắc của nhà thơ thông qua những ấn tượng ghê sợ về sự dung tục của xã hội đương đại, nơi con người có nguy cơ xuống cấp thảm hại về văn hóa. Tất cả những ấn tượng, cảm giác, những quấy lộn có màu sắc bệnh hoạn, nổi loạn đó là dấu hiệu hoang mang khắc khoải của một thời đại thi ca trong cảnh ngộ xã hội bị mất đi lực hút của những ý nghĩa nền tảng, làm nên cấu trúc tổng thể của con người xưa và vũ trụ xưa. Chính là ý nghĩa sống, ý nghĩa xã hội, những giá trị lịch sử, những biểu tượng văn hóa cũ đã mất đi lực hút để cố kết tất cả những sinh thể và đồ vật của thế giới bên trong và bên ngoài thi sĩ, nên thi sĩ hiện đại quằn quại rên siết trong sự cứa xát của hàng triệu mảnh vụn vỡ của thế giới. Ở khắp nơi trên địa cầu họ đều nhạy cảm, đớn đau, chạy trốn, khóc gào, điên dại và đôi khi vơ váo nhưng vẫn không thôi mơ mộng, khát khao cái đẹp và hướng thiện. Họ kiên trì cái Đẹp cái Thiện trong sự mở rộng và phá tung những nếp nghĩ, nếp cảm, nếp tưởng tượng quen thuộc cũ mòn và đã có khi mang màu giả dối. Những quan hệ có vẻ loạn luân của con người với đồ vật, sinh vật và chữ nghĩa chỉ là sự cưu mang rộng lượng, sự nương tựa liều lĩnh và đôi khi dễ dãi của những kẻ cùng cảnh ngộ cô đơn, vật vả, đam mê, đớn đau trong tình thương vũ trụ. Cuộc loạn luân ấy, thi pháp quần hôn mông muội ấy không đẻ ra ý nghĩa cuộc đời, mà chỉ sản sinh ra cảm giác và ấn tượng. Những điều đó không hề là dấu hiệu mất đi của chủ nghĩa nhân văn. Trái lại, đó là một chiều kích mới của chủ nghĩa nhân văn, không chỉ vì những ấn tượng và cảm giác đó vẫn thường khơi gợi những miền ký ức văn hóa thiêng liêng, những cảm hứng sáng tạo lành mạnh, mà chính vì đó là sự rên xiết của con người, cỏ cây và đồ vật trong một thế giới đã hư nát bởi sự đầu độc của văn minh vật chất, của những vụ cưỡng hiếp văn hóa, của những ảo tưởng tham lam, ti tiện, thù địch ngày ngày với ý tưởng nhân văn hằng sống trong thơ và tâm khảm các nhà thơ. Hơn thế nữa, trong thi pháp quần hôn mông muội ấy đã lấp ló một đức hạnh của cảm thức hòa đồng quán xuyến trong cái nhìn vũ trụ và xã hội con người phương Đông xưa. Cái

đức hạnh sâu sắc khôn ngoan của con người công dân vũ trụ ấy trong đời sống tinh thần của con người Tây phương là khát vọng chinh phục vũ trụ, là ý thức về môi trường, là đạo đức học sinh thái, một đạo đức mới mà sự xuất hiện của nó đã gặp nhiều sự phản đối vì sự phá vỡ cấu trúc của chủ nghĩa nhân văn truyền thống. Dù ai đó quan niệm rằng cái đức hạnh vũ trụ khoáng đạt kia đã hạ

thấp con người xuống tầm sâu bọ và sỏi đá hay đã nâng sâu bọ, rác rưởi lên ngang tầm con người, thì đó cũng là một thực tại tinh thần đang hiện diện, ám ảnh và day dứt trong tâm khảm các nhà thơ hiện đại đích thực. Và sự phập phồng của những thân phận vũ trụ khác xa với sự đập phá con người, xã hội và ngôn ngữ ở chiều sâu triết học và những năng lượng thi ca.

B. THƠ HIỆN ĐẠI - SỰ ĐÀY ĐỌA NGÔN TỪ
HAY LÀ NHỮNG ÁM ẢNH CỦA SIÊU NGÔN NGỮ

Trong thơ hiện đại, bài thơ hay giống như một làn hương ám ảnh mà khó nắm bắt, thức dậy mà khó định hình, nó như con chim sôi động vỗ cánh trên tay nhà thơ và vút bay đi. Nhà thơ không buộc nó bằng một sợi dây ý tưởng như ngày xưa mà chỉ có thể chỉ tay lên khoảng không mông lung với cái nhìn ngẩn ngơ tiếc nuối. Thơ hiện đại là cái lá tươi non run rẩy trên cây hoặc nhàu nát trên tay, giữa những ngón bối rối, xé nát nó như người ta vẫn làm trong khoảnh khắc im lặng bên người yêu. Và, chiếc lá ngôn ngữ bị xé nát tỏa ra một làn hương bí ẩn của tâm trạng và của thiên nhiên, cái hương lá thoảng qua có vẻ thử yếu ấy ngờ đâu lại chính là kẻ lưu giữ ký ức, kỷ niệm, tình yêu, mang cái mã của khoảnh khắc bí ẩn kia để rồi có thể bất chợt bùng lên trong tâm trí. Đó là siêu ngôn ngữ, đó chính là thơ... Nếu như thơ xưa cố gắng mô tả bằng cái nhìn quan sát tỉnh táo mọi lời đối thoại, mọi quẫy lộn tinh tế của tâm hồn làm hiển hiện trên trang giấy cái hình hài rõ mồn một của sự bí ẩn tâm lý và nhịp đi của cuộc sống, thì thơ ca hiện đại tìm một cách riêng, bằng sự dày vò, đọa đầy ngôn ngữ, cố làm cho tâm hồn và cuộc sống tự nó tỏa hương.

Thơ truyền thống kể về sự thiêng liêng, đó là ngôn ngữ của các thầy chùa nói về các bí tích, các vị thần đang thờ phụng, và các tấm lòng công đức ngưỡng mộ của tín đồ. Đôi khi nhà thơ cũng cảm nhận được cái run rẩy mơ hồ tinh tế đâu đây của một nguồn thơ vô hình, vô địa chỉ, nhưng sự tinh tế ấy, cái mơ hồ phiêu lãng ấy lại được kể lại, được hiện hình lên quá nét, quá tỉnh, quá rạch ròi, nó mất đi cái chiều kích của hư vô làm nên bí ẩn và thấp thoáng. Thơ hiện đại cố gắng trình bày một bài thơ mà ở đó chân dung các tượng thần có phủ một chút bóng tối thần bí, tạo nên chiều sâu của khoảng cách giữa thần thánh và trần thế khiến người đọc thơ có cơ hội đối diện với thần thánh

đích thực, một sự đối thoại run rẩy có pha im lặng, từ chối và hòa nhập, không phải là sự đối thoại giữa khách viếng thăm với người quản lý chùa như thơ xưa. Những cảm xúc lớn hay những cảm xúc tinh tế đều cố gắng hiện diện trực tiếp qua bản thân hình thức trong hình thức có thêm chiều kích, lương tri của đời sống và của hư vô, không còn là một mặt phẳng rạch ròi và đơn điệu của sơ đồ thiết kế hay bản báo cáo về linh hồn và cuộc sống. Thông qua hình thức nhà thơ đưa tới hay thức dậy cho người đọc cái tính chất, cái hồn vía của đời sống đích thực, run rẩy, tươi mới, sống động chứ không phải trình bày một đời sống đã đóng hộp trong các lô gích, sự kiện và kỷ niệm.

Nếu đọc thơ bằng đầu óc, để gắng hiểu ý nghĩa của câu thơ, bài thơ thì người đọc sẽ luôn cảm thấy khó hiểu. Phải đọc thơ, nhất là thơ hiện đại, bằng sự cảm nhận tinh tế của văn hóa, của trái tim. Lâu nay ta vẫn có ngộ nhận đồng nhất tâm hồn, cuộc sống thực với ngữ pháp, ta cứ tưởng các mệnh đề ngôn ngữ sáng tỏ rạch ròi đó chính là cuộc sống nên khi thấy ngữ pháp bị xúc phạm ta tưởng rằng cuộc sống bị xuyên tạc, lương tri bị phá tan. Thực ra cuộc sống đích thực và chân lý thơ ca không phải luôn đồng nhất với các mệnh đề ngôn ngữ phổ biến. Nhiều khi do nó mang những chiều kích lớn hơn, bí ẩn hơn ngôn ngữ nên nó phải phá tung bộ áo ngôn ngữ thô cứng chật chội để hiện ra trong sinh thể quyến rũ và vạm vỡ của sự sống và nhiều khi của chính lịch sử. Đó chính là cuộc sống đang tuôn chảy trong tiềm thức, vô thức của nhà thơ, cuốn trôi đi các bờ đê ngôn ngữ tạo nên một thác lũ, một phù sa mới. Đó chính là cái lịch sử đang hình thành và đang phát lộ, chưa thành lịch sử nhưng không thể nói là những giá trị của nó đối lập hay đứng ngoài cái lịch sử mà ta vẫn coi là chuẩn mực giá trị văn chương.

Thơ ca với tinh thần duy lý tỉnh táo đóng chốt vào đầu ta những câu thơ hay như đóng những chiếc đinh vào ván gỗ. Câu thơ đến găm vào trí não như một vật cứng, ta có thể nhổ ra để nhường chỗ cho một chiếc đinh khác, có thể lớn hơn. Nhìn chung, thơ cũ giống như những vật cứng có quảng tính dễ đo đạc và dễ cắt tỉa ra chi tiết. Hiện tượng lẩy ra một vài câu thơ hay để thưởng thức độc lập chỉ là dấu hiệu tố giác thơ ngày xưa không phải sự sống vô định mà cao nhất chỉ như những hòn ngọc trang sức ở trên thân thể của đời sống. Thơ hay đích thực giống như một người đẹp ta không thể cắt ra cái mũi để khoe nhau. Thơ hay giống như một làn hương thông qua ám ảnh và lan tỏa không dễ gì thu gọn lại, rút tỉa ra một vài câu hay để thuộc lòng, để ngâm nga, để nhớ. Thơ hiện đại tỏa ra hương vị bí ẩn từ toàn bộ tác phẩm, mặc dù ta không thể nhớ một câu một chữ. Nó tạo nên một trường ám ảnh xung quanh các câu chữ, các câu chữ chỉ là những viên sỏi ném xuống mặt hồ tâm hồn và mất tích ở đó. Cái còn lại là những vòng sống miên man lan tỏa mãi, run rẩy mãi trong ta, xung quanh ta. Chẳng có ai làm cái việc sưu tầm những viên sỏi đã ném đi theo cái lối chép những câu thơ hay vào sổ tay để thuộc như cái thời ấu trĩ của văn chương. Ngôn ngữ thi ca chỉ là cái mà

thơ ném đi, hồn nhiên và loạn xạ, không phải là thứ nhà thơ cần nâng niu, gọt giũa vì cái đích của thơ ca không phải là bản thân ngôn ngữ. Nếu như những đứa trẻ có thể đập vụn một viên gạch để lấy những mảnh vụn chơi trò ném thia lia thì nhà thơ cũng có thể và cần phải đập vỡ những khuôn mẫu ngôn ngữ thô kệch để đạt tới sự ám ảnh, chập chờn và lan tỏa. Phật đã dạy: "Khi ta trỏ cho các ngươi mặt trăng thì hãy nhìn theo hướng trỏ chứ đừng nhìn vào ngón tay ta". Ngôn ngữ mà nhà thơ sử dụng cũng chỉ là những ngón tay chỉ lên những mặt trăng thi ca xa vợi, không thể nhìn chằp chằm vào ý nghĩa của từ ngữ và câu cú mà tưởng rằng đã lĩnh hội được thơ ca đích thực.

Thơ hay thực sự bao giờ cũng mang trong nó một trường thẩm mỹ, lan tỏa mơ hồ và ám ảnh người đọc mà không dễ gì nắm bắt, không dễ gì định vị và học thuộc. Nó tỏa ra cái hương vị thân thiết và quyến rũ của cuộc sống và tâm hồn giống như mùi thơm từ da thịt con trẻ và mái tóc người yêu. Ta có thể cất một lọn tóc để kỷ niệm, để làm một nghi lễ thề nguyền hẹn ước, nhưng cái mẩu tóc ấy quyết không phải là vật mang giá trị của con người. Câu thơ hay mà ta rút tỉa ra để học thuộc lòng cũng vậy, nó chỉ có thể gợi nhớ một giá trị, bản thân nó là vật chết chẳng có giá trị riêng. Cái giá trị đích thực là cái ở ngoài ta, xa ta, ta đã tưởng đạt tới nó, nắm bắt được nó (học thuộc nó, trích dẫn nó) nhưng nó lại chợt biến đi ẩn tàng ú tim đâu đó trong ta và quanh ta. ta chỉ có thể ngơ ngác bần thần trong một khát khao kiếm tìm trở lại cái hình hài chợt hiện trong khoảnh khắc nó viếng thăm ta, chứ không thể lôi nó từ trí nhớ đặt trên trên bàn thờ, thò tay vào túi lấy ra những đồ đạc thuộc quyền sở hữu của ta. Ký ức thơ là một cái khác hoàn hoàn toàn trí nhớ khoa học và kỹ thuật, cũng khác trí nhớ của người làm chứng tỉnh táo trong một phiên tòa. Ký ức thơ ca tiềm ẩn trong ta, khiến cho một chiếc lá thu, một thoáng heo may, một giọt sương, một trận mưa rào, một tà áo thoáng qua có thể thức dậy cả một quá khứ văn hóa, cả một thế giới thơ ca. Ta đâu có thuộc lòng hết thơ của Lý Bạch, Nguyễn Du, Paul Verlen và những ai đó nữa, nhưng một chữ, một chi tiết hay một ngẫu nhiên thi thoảng trong trời đất và trong thơ có thể làm sống dậy tất cả hồn vía của các vị đó, ta thẫn thờ như một kẻ bị ma ám, bị lên đồng, bị bắt làm tù binh của một làn hương. Cái thấm thía thơ, cái ám ảnh thơ nó đâu có phải là cái thuộc lòng xác chữ. Nó là cái lãng quên - siêu nhớ, là cái ám ảnh vô hình từ phía sau ngôn ngữ. Đó là những ký ức văn hóa, ấn tượng văn hóa mà không phải cậu học trò nào thuộc lòng bài vở cũng có thể có được. Đó là những mã văn hóa của đời sống tâm linh. Thơ hay là thơ thức dậy những ký ức văn hóa đó, để rồi lại trở thành những ký ức văn hóa mới, ấn tượng mới, quên lãng mới. Nếu không đạt được điều đó - không ám ảnh ta bằng một sắc thái thẩm mỹ riêng - thì tất cả những trò đọa đày ngôn ngữ chỉ là trò ngáo ộp dọa trẻ con và trò loạn luân chữ nghĩa rẻ tiền. Trò chơi chữ vô hồn đó giống như các cậu bé tinh nghịch đi xe đạp bỏ hai tay trên đường phố để gây tai nạn. Và tai nạn ngôn ngữ, va quệt về ngữ

pháp và ngữ nghĩa ấy rất khác với sự náo loạn vừa kinh sợ vừa thú vị của những người được chứng kiến sự đổ bộ của người ngoài vũ trụ từ những đĩa bay. Trò xiếc đơn giản ấy cũng rất khác với việc ảo thuật gia Devid Coc-cpophin làm biến mất cả bức tượng Thần Tự Do, một biểu tượng có uy tín có lẽ còn lớn hơn uy tín của các mệnh đề ngữ pháp.

Ta vẫn hay dùng từ "phù thủy" ngôn từ để chỉ những nhà văn, nhà thơ, nhà hùng biện có năng lực sử dụng ngôn ngữ siêu việt, cấp cho ngôn ngữ một năng lượng đảo lộn tâm hồn và cuộc sống. Vậy cái quyền năng ấy, cái bùa phép ấy thực sự là gì? Nếu nó chỉ là cái khả năng thức dậy sức mạnh trong chính ngôn ngữ thì hẳn là nó phải tôn trọng bộ lễ phục ngữ pháp mà ngôn ngữ vẫn kiêu hãnh chưng ra. Chắc chắn rằng việc các thầy phù thủy, các thiền sư, các nhà thơ hiện đại phá vỡ các kết cấu ngữ pháp và các kết cấu lô gích thông dụng là một việc lớn lao hơn một hành vi cư xử với ngôn ngữ - nó giống như một hành động phá đập để giải phóng những năng lượng tiềm ẩn của tâm hồn và của đời sống, nó cũng giống như việc phá hủy kết cấu ổn định của nguyên tử tạo nên những phản ứng nhiệt hạch. Phá vỡ một ngữ pháp, một lô gích không đơn giản là trò đảo chữ và chơi chữ, đó là sự công phá một tâm thức bền vững, một kết cấu truyền kiếp, một đập chắn khổng lồ trong ký ức cộng đồng mà nó chỉ có thể được thực hiện bởi một nội lực văn hóa mãnh liệt trong cảm ứng sáng tạo thơ ca. Nội lực văn hóa đó, sự xâm nhập bất khả kháng của một luồng cảm hứng như năng lượng của thần linh hay của một thế giới khác ập đến sẽ biến câu thơ, bài thơ thành một tập hợp siêu ngôn ngữ mà cái hỗn loạn của nó, sự đổ vỡ ngữ pháp của nó mang một linh hồn mới, khác hẳn với những xác chữ vô hồn trong các trò chơi chữ, hình thức chủ nghĩa cầu kỳ và lý trí. Các trò chơi đảo chữ thuần túy không phải là cái lắp bắp ú ớ của người thân trong cơn xúc động hay mê sảng làm ta thắt lòng, mà chỉ là những câu đố do đầu óc tỉnh táo và lạnh lùng chế tác. Suy cho cùng, cái giá trị của thi ca đích thực nằm trọn vẹn ở cái năng lực gây ám ảnh, mà cái nguồn gốc của năng lực đó là nằm ngoài ngôn ngữ. Đó chính là tâm hồn, là cuộc sống, là những giao lưu văn hóa sâu sắc và tinh tế giữa con người và những khoảng mờ của đời sống, những vùng xoáy của tâm linh, những tầng ký ức lịch sử, văn hóa, những thấp thoáng hình hài của tương lai ẩn hiện trong tiên cảm và linh giác. Bởi vậy, những người muốn cách tân ngôn ngữ thơ ca không nên vội loay hoay xoay đảo ngôn từ mà trước hết cần trang bị một vốn văn hóa lớn và vốn những vấn tượng trong đời sống thực. Khi những vốn liếng đó đủ đầy, rồi thì những cảm hứng sáng tạo mãnh liệt tự nó sẽ xáo tung kho ngôn ngữ, sống chết trong đấu trường với những con bò tót ngữ pháp. Ngay cả khi đó, chàng hiệp sĩ đấu bò vẫn không được quên cầm trên tay trái một tấm vải đỏ kỹ thuật để làm khiên che chắn, lái chiếc sừng ngôn ngữ hung hãn về phía có lợi cho chiên thắng của thơ ca...

ĐỖ MINH TUẤN



NGU YÊN

THƠ TRÌNH DIỄN



Thơ Trình Diễn là một loại thơ dùng để trình bày trước công chúng, trên sân khấu hoặc trong một buổi họp bạn. Diễn viên là nghệ sĩ chuyên nghiệp như ca sĩ hoặc kịch sĩ. Nhưng cũng như các bộ môn nghệ thuật trình diễn khác, thơ Trình Diễn thường được trình bày bởi các người có máu văn nghệ và chính tác giả. Có thể độc diễn như đơn ca. Hợp diễn như nhạc kịch. Tuồng tích theo lối cổ điển hoặc mãnh rời như phương pháp quảng cáo. Nghệ thuật trình diễn không có giới hạn, theo cá tính và cách sáng tạo của mỗi tác giả, theo nghệ thuật hiện đại và theo nhu cầu của thưởng ngoạn. Dĩ nhiên, chọn tầng lớp thưởng ngoạn là tùy thuộc vào mỗi tác giả và diễn viên.

Nếu thưởng thức thơ Trình Diễn bằng cách đọc trên sách báo thì không thể nào trọn vẹn. Cũng như lấy một bản nhạc ra xem, nếu là một người sành nhạc, có thể xướng âm theo giai điệu, thanh độ, cường âm rồi cất tiếng hát nhưng đối với đa số thì những hàng gạch thẳng, những dấu tròn đen trắng, những ký hiệu La Tinh.... chẳng có ý nghĩa gì. Đọc lời một bài nhạc không chưa đủ để thẩm định giá trị của bài nhạc ấy. Thơ Trình Diễn cũng thế, phải thấy người-cảnh-đèn-diễn động và nghe lời-nhạc cùng một lúc.

Đã qua rồi thời các thi sĩ là những vì vua trong cung điện ngôn ngữ. Người đọc tìm đến sắp hàng nhận lảnh ân huệ: điều mà họ cho rằng thơ là món ăn

tinh thần cao quí. Đã qua rồi ngày những bài thơ được trang trọng chép tay và thi sĩ bỏ tay vào túi quần đi lên đi xuống không màng độc giả. Tôi làm thơ để thoả mãn nhu cầu tình cảm và trí tuệ, không phải làm thơ cho kẻ khác khen thưởng, đừng kể đến chê bai. Tôi không cần người đọc. Vậy mà làm được một bài thơ vừa ý là đăng báo, là in sách, là đi khoe khắp làng. Thơ và thi sĩ chết dần theo thời gian với lòng kiêu hãnh và tự ái. Một quân vương không cung son, không quân tướng, không cung tần, có khi mất luôn hoàng hậu thì tệ hơn một gã thường dân. Thơ Trình Diễn tuyên bố rằng: Chúng tôi sẽ khôi phục lại giang sơn. Bắt đầu bằng cách chia sẻ cùng thưởng ngoạn từ những nghệ thuật sân khấu, ca nhạc kịch...cho đến phim ảnh. Chúng tôi có thể vượt hơn thế nữa vì chúng tôi đến với quí vị bằng trực giác. Chúng tôi lai láng tình cảm hơn tất cả những bộ phim từ *Cuốn Theo Chiều Gió* cho đến *Đường Đời Muôn Vạn Nẻo.* Chúng tôi trí tuệ hơn những điều Zarathustra đã nói, thành thật hơn *Tạng Thư Sống Chết*, thực tế hơn Water Gate và công bằng hơn O.J. Simpson. Xin hẹn nhau vào thế kỷ 21.

Một trong những khía cạnh mà thơ Trình Diễn cần đạt đến là sự cộng hưởng của khán thính giả. Sự hợp tác để gây nên sự thông cảm, cho dù không đạt được ý nghĩa cũng đạt được không khí của toàn thể. Có lẽ điều sau quan trọng hơn. Khía cạnh này được khai thác trên sự sinh hoạt trực tiếp hoặc gián tiếp.

Trong tất cả các ngành nghệ thuật của Việt Nam, ca nhạc là ngành phát triển nhanh nhất và hiện đại nhất. Nào phải vì ca nhạc cao hơn, hay hơn, ghê gớm hơn hội họa, thi ca....Vì nó có quần chúng ủng hộ. Nó chia sẻ với nhiều tầng lớp sĩ nông công thương. Nó hiện đại theo thời gian. Nó có *Người Yêu Cô Đơn* bởi Tuấn Vũ, lại có *Thiên Thai* của Văn Cao. Có *Hương Xưa* của Cung Tiến, thì có *Thành Phố Buồn* bởi Chế Linh. Có Linh Đa Trang Đài, có Tuấn Ngọc, có Hồng Nhung, có Thanh Lan, không thể quên Thái Hiền... Có thời đại của Thái Thanh, thời của Trịnh Công Sơn, thời của nhạc trẻ... Người ta không chỉ nghe và xem nhạc, họ tự trình diễn, một mình lúc rửa chén lau nhà, nhiều mình lúc tham dự đám cưới tiệc vui, gần chuyên nghiệp với Karaoke và sự tưởng tượng. Nhìn lại, nhà thơ Nguyễn Tất Nhiên dù là một tài năng có tầm vóc trong thi ca việt Nam nhưng mấy ai biết đến ông, cho đến khi nhạc sĩ Phạm Duy mang thơ của ông phổ thành nhạc. Nguyễn Tất Nhiên, Phạm Thiên Thư, Du Tử Lê... là những trường hợp điển hình khi thơ đi vào giới thưởng ngoạn bằng trình diễn. Dĩ nhiên mỗi lãnh vực nghệ thuật đều có sự khác biệt, nét đặc thù và căn tính của nó. Thơ có chỗ khác với nhạc, khác với kịch, khác với điện ảnh nhưng không có nghĩa cổ điển cố định như được hiểu cho đến hôm nay.

Đã đến lúc người Việt chúng ta nên nới rộng ý nghĩa của thi ca vào thi trường thế giới. Đừng sợ ngoại lai, đừng ngại bắt chước, chỉ nên sợ chúng ta không chia sẻ được với thế giới, không nói cùng trình độ thi ca dù không cùng

ngôn ngữ. Nên sợ chúng ta không vượt lên những điều học hỏi để trở thành một tôn sư độc lập. Không vượt lên nổi, vẫn có thể vượt ngang để giữ gìn bản sắc dân tộc. Này, da đã vàng tắm sao cho trắng mà lo.

Bệnh ham vui

Độc diễn trong những đêm họp bạn. Bài thơ chủ về cảm súc. Dùng cho những kẻ ham chơi, đi một mình không có vợ theo. Tâm trạng nửa muốn về sớm nửa muốn ở lại, nửa ngồi vui sợ nửa đi không đành này ai cũng có thể chia sẻ. Kẻ mắc bệnh ham vui thường hay liều mạng, chơi cho đã, hết hồi tính sau. Về nhà rón rén. Nhẹ nhẹ lên giường đắp mền. Thấy vợ còn ngủ mê, chao ôi là yên tâm. Sáng mai bảo rằng, ừ anh về cũng khá sớm. Bài này trình diễn lúc quyết tâm từ giả cuộc vui. Những tên để trong ngoặc có thể thay đổi cho đúng hoàn cảnh. Dùng tên của chủ nhà, người quen hiện diện tại chỗ... Nghiên cứu những cử chỉ cho hợp lời thơ. Đọc, không ngâm. Quang trọng ở những nơi ngưng, giữ một thoáng im lặng, những lúc thì thầm, những lúc đọc lớn và dĩ nhiên đọc bằng đôi mắt và cánh tay.

giờ này sao tôi chưa về
đã hẹn em từ bữa cơm tối
giờ này em có còn chờ đợi
hay đã quen rồi thói thằng cuội hẹn hằng nga

tôi bị tật gì
sao hay thất hứa
hẹn em sớm về sao mãi trễ rong chơi
ông (anh này)
chị (bạn này)
làm ơn đuổi tôi ra khỏi bàn tiệc
đuổi tôi về sống tiếp tục tình yêu

tôi bị bệnh gì
sao ham chơi quá đỗi
có rượu có vui quên hết tháng ngày
tôi hẹn em sẽ lập công danh
sẽ dạy con lớn khôn thành tựu
đã hẹn em mấy ngàn điều chân thật
và mỗi điều là đợi chờ là mỗi sợi tóc bạc héo hon
ông (bác sĩ), bà (luật sư)...
nhà văn (..), nhà thơ (...)...
có ai chữa giùm bệnh này của tôi không?
giờ này tôi vẫn còn ở đây

uống rượu đọc thơ mua vui cho bằng hữu
chốc nữa khi về sẽ thấy em im lặng
tôi thèm nghe tiếng la tiếng hét
tiếng đập chén đập ly đập bàn đập ghế
sao em im lặng
sao em đợi chờ
im lặng
đợi chờ
em chịu khó làm người khiến tôi khó chịu làm tôi

giờ này chắc tôi phải về
nếu lần sau gặp lại
nhớ nhắc tôi về sớm hơn
xin chào tất cả các bạn

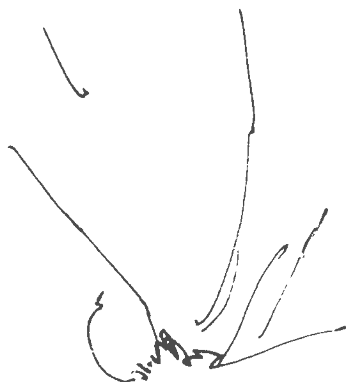
NGU YÊN
Houston, 11-09-96

(Xem tiếp *Thơ Trình Diễn* kỳ sau, *Bài Thơ Chủ Về Trí Tuệ*)



HOÀNG NGỌC HIẾN

NGỌN GIÓ THỔI NHỮNG CHIẾC LÁ BAY QUA ĐẠI DƯƠNG...



Đất nước Hoa Kỳ rộng mênh mông, trong hai tháng mà đi dọc miền bờ biển Đông, rồi dọc miền bờ biển Tây, đến thăm nhiều thành phố lớn: Washington D.C., New York, Boston, San Francisco, Los Angeles..., không nơi nào ở quá một tuần, những quan sát, cảm tưởng, suy nghĩ của tôi dưới đây xem như của một người "cưỡi ngựa xem hoa".

1. Đến thăm những trường Đại Học Mỹ

Trong chuyến đi thăm Hoa Kỳ vào hai tháng cuối năm ngoái tôi đã nhận lời mời đến thăm trường của Đại học Harvard, Đại học Yale, Đại học Berkeley và đã có dịp tiếp xúc với một số bạn đồng nghiệp ở Đại học Columbia, Đại Học San Francisco, Đại học Irvine... Trong thời gian sống ở Mỹ tôi tiếp xúc với giới Đại học nhiều hơn cả. Một phóng viên Mỹ hỏi tôi về những cảm tưởng sâu sắc nhất sau hai tháng sống ở Mỹ và tôi đã trả lời: "Nước Mỹ là một siêu cường về đại học, nền đại học Mỹ là một cống hiến to lớn cho sự phát triển của văn minh nhân loại".

Dân số Mỹ hơn 250 triệu người trong đó có khoảng 13, 5 triệu sinh viên. Nước Mỹ có hơn 3.000 trường Đại học, phần lớn là Đại học cộng đồng (*Community College*), đây là loại trường "đại trà", phổ cập, học phí không cao, chỉ dạy chương trình đại học năm thứ nhất và năm thứ hai, chất lượng không đồng đều (thượng vàng hạ cám), Đại học tổng hợp (*University*) là một loại trường đại học khác, đào tạo đại học đủ bốn năm (cử nhân) và có đào tạo

trên đại học (master, tiến sĩ). Sinh viên học đại học cộng đồng có thể chuyển học tiếp ở đại học tổng hợp. Chất lượng các trường đại học tổng hợp cũng có những chênh lệch rất lớn. Nước Mỹ có khoảng một trăm trường đại học tổng hợp lớn rất tiên tiến, hùng hậu, trong đó nổi lên những trường đầu bảng có uy tín quốc tế: Đại học Harvard, đại học Yale, đại học Cornell, đại học Comlumbia, đại học Berkeley... Đây là đầu não của nước Mỹ. Như đại học Harvard có đến mười giải thưởng Nobel. Các vấn đề quốc kế dân sinh cũng như đối nội, đối ngoại quan trọng đều được nghiên cứu ở đây. Ở những trường này cơ sở vật chất rất đầy đủ, hiện đại, đặc biệt là cơ sở và trang thiết bị thể dục thể thao. Chẳng hạn ở đại học Harvard có 8 sân quần vợt có mái che, ngoài bể bơi thông thường còn có bể bơi cho người tàn tật. Còn về thư viện đại học thì toàn bộ thư mục được đưa vào máy vi tính nên việc tra cứu tiện lợi, nhanh chóng. Biết tôi đang muốn tìm tài liệu về đề tài *"Tính hiện đại trong văn học"* một bạn đồng nghiệp ở đại học Columbia dẫn tôi đến một thiết bị trông giống như máy vi tính và ông ta bấm nút từ "modernity" (tính hiện đại), thế là màn trên màn hình lần lượt hiện lên tất cả 639 đề mục những cuốn sách liên quan đến đề tài này với sự miêu tả chính xác, phân loại rành mạch. Bấm một nút nữa thì tôi nhận được bản in đầy đủ danh sách 639 cuốn sách đó. Cái máy ấy tên gọi là *On line Catalog*, ở Mỹ khá phổ biến.

Tại các đại học lớn của Mỹ sinh viên được học với một đội ngũ giảng viên và giáo sư chất lượng cao. Ở một số trường các giảng viên trong trường chỉ đảm nhiệm 1/3 số giờ dạy, 1/3 nữa mời các giảng viên xuất sắc ở các trường trong nước, còn 1/3 còn lại mời các giáo sư nước ngoài. Tôi được biết Edgar Morin, Alain Touraine, Derrida và cố giáo sư Michel Foucault, bốn nhà bác học cự phách của Pháp thường xuyên đến giảng ở các đại học California. Một chính sách chung đối với các giảng viên đại học là giảng dạy 5 năm thì được nghỉ một năm đi tu nghiệp ở nước ngoài (có thể đến bất cứ trường hoặc viện nào hoàn toàn do mình chọn).

So sánh đại học cộng đồng và đại học tổng hợp, sự chênh lệch về học phí có thể rất cao. Đại học cộng đồng học phí khoảng 200 đô la một năm. Học phí ở một trường đại học tổng hợp lớn có thể lên đến 18.000 đô la/năm tính cả tiền nội trú và sinh hoạt thì một năm có thể tốn khoảng 30 ngàn đô la. Phải chăng những trường đại học có thanh thế (thường là chất lượng và học phí rất cao) là độc quyền của con em nhà giàu? Không hẳn như vậy. Nước Mỹ có một thể chế tuyệt vời khá phổ cập và điều kiện tương đối dễ dãi: đó là thể chế cho sinh viên vay để ăn học. Bất kỳ ai có đủ học lực, ngân hàng sẵn sàng cho vay. Bản thân mỗi sinh viên (không kể giầu hay nghèo) sẽ tự quyết định: năng lực và nghị lực của mình có đáng để vay những món tiền lớn cho phép theo học ở những trường đại học lớn. Vả chăng "tiền nào, của nấy", tốt nghiệp ở một trường đại học có thanh thế dễ tìm việc hơn, dễ chọn nơi làm việc tốt (công việc hay, lương cao), do đó việc trả nợ không phải là khó. Phần

lớn sinh viên Mỹ vay nợ để học đại học. Bob, một người Mỹ trẻ tuổi khá sõi tiếng Nga nói với tôi: "Thời gian nước Nga bắt đầu cải tổ tôi có nhu cầu biết tiếng Nga và tôi đã vay ngân hàng để sang Nga học tiếng Nga, đến nay vẫn chưa trả xong nợ". Một khi người sinh viên vay nợ để đi học thường học tập một cách nghiêm túc. Ở Mỹ không phải gia đình triệu phú nào cũng "bao cấp" hoàn toàn cho con em học đại học, có gia đình con em vẫn phải đứng tên vay ngân hàng để trả học phí.

Ở Mỹ, học đại học Y hết sức tốn kém. Muốn thi vào trường Y phải có bằng cấp tốt nghiệp đại học, ngành nào cũng được (dĩ nhiên, phải có một số học phần liên quan trực tiếp đến ngành y). Như vậy, tốt nghiệp đại học mất 4 năm, học y hết 4 năm, cộng thêm một năm thực tập, tất cả là 9 năm. Học chuyên khoa mổ tim mất thêm 4 năm, học chuyên khoa mổ óc mất 7 năm nữa (tất cả là 16 năm). Bác sĩ y khoa ở Mỹ dễ tìm việc làm, thu nhập cao. Tôi thấy nhiều gia đình Việt kiều tiếp theo đợt một lo cho con tốt nghiệp một ngành đại học nào đó là đợt hai lo chò con học bác sĩ y khoa. Có một điều tôi không sao hiểu nổi là tại sao ở Mỹ cứ nhất thiết phải tốt nghiệp đại học thì mới được thi vào trường Y. Một giáo sư đại học Mỹ giải thích cho tôi: "Học y thì ngay từ đầu người sinh viên phải có một sự chín chắn nào đó và phương pháp học tập, nghiên cứu. Tốt nghiệp đại học là một bằng chứng cho sự chín chắn và trình độ phương pháp luận..."

Đại học Berkeley ở một thành phố nhỏ, yên tĩnh, ngoài khu trường sở của đại học rộng bát ngát là những dãy phố yên ả, sạch tươm toàn là biệt thự một, hai tầng, có vườn rộng, trước nhà nào cũng có thảm cỏ và những luống hoa, cứ dăm bảy nhà lại có một cột bóng rổ cho trẻ em tập ném bóng. Ra khỏi thành phố qua một chiếc cầu lớn là địa phận của San Francisco, một thành phố sầm uất cứ phát triển, nguy nga, tráng lệ bất chấp những trận động đất. Tôi thích đại học Berkeley không chỉ vì ở đây có hai người bạn thân của tôi là N.C và P.Z đã từng quen biết ở Hà Nội, không chỉ vì ở đây người phụ trách nghiên cứu Đông Nam Á là tiến sĩ Eric - Crystal, một con người rất mực hòa nhã và hiếu khách, không chỉ vì ở đây đã từng có phong trào chống chiến tranh ở Việt Nam rất lớn... Tôi rất thích không khí "đại học" ở đây: sự trẻ trung, sự phóng khoáng, sự hồn nhiên nghiêm túc và sự nghiêm túc hồn nhiên, tinh thần dân chủ và những đam mê trong mọi lãnh vực hoạt động: thể thao, nghệ thuật, tri thức... Một lần đi thăm trường tôi thấy một đội nhạc kèn lớn rầm rộ kéo đến quảng trường trung tâm của trường. Công chúng khắp nơi ùn đến. Họ cổ vũ cho đội bóng của trường trong trận đấu ngày mai với đội bóng trường bạn là Đại học Stanford. Có những diễn giả nói như gào thét. Công chúng xung quanh reo hò. Sau một đợt cổ vũ, là những tiết mục nhảy múa tưng bừng của gần một trăm nữ sinh viên thân hình đẹp và khỏe mạnh. Ở một lối đi cây cối um tùm gần trung tâm tôi thấy có hai dãy bàn, ở mỗi bàn có người ngồi trực, xung quanh bàn chăng khẩu hiệu biểu ngữ, trên

bàn là những chồng sách báo và truyền đơn. Mỗi tổ chức của sinh viên có một chiếc bàn ở đây. Những hội đồng hương. Những tổ chức tôn giáo. Những đại diện các phong trào văn hóa-xã hội. Có hai bà đã luống tuổi trực ở một chiếc bàn xin chúng tôi chữ ký. Họ giải thích: "Chúng tôi lấy chữ ký đòi hỏi chính phủ ra luật cấm không cho ứng cử viên nhận những món tiền ủng hộ vận động bầu cử quá 100 đô la. Sự bầu cử sẽ không công bằng nếu như có những ứng cử viên được sử dụng những món tiền quá lớn để vận động bầu cử". Ở một chiếc bàn khác tôi thấy căng khẩu hiệu: "Phản đối lệnh của Hiệu trưởng bãi bỏ chính sách chiếu cố những sinh viên sắc tộc ít người". Người ngồi trực giải thích: "Bãi bỏ chính sách chiếu cố là một bước lùi về dân chủ. Chúng tôi thành lập tổ chức đấu tranh chống lại sự bãi bỏ này...".

Ở một lối đi khác cũng có một dãy bàn nhưng những người ngồi trực ở đây là những giáo sư, giảng viên. Họ là những người tư vấn giúp đỡ cho sinh viên trong việc lựa chọn những bộ môn, đề tài để chuyên sâu, những giáo trình chuyên đề cần nghe... Nếu như những giáo trình là hàng hóa thì những mặt hàng này cũng cần được rao và tìm người mua hàng. Trường có nhà Bảo tàng Mỹ thuật riêng, dịp tôi đến đương triển lãm chuyên đề những tranh phong cảnh Anh thế kỷ XVIII. Tôi mê những quán cà phê sinh viên ở đây. Có bàn cười nói huyên thuyên. Có bàn tranh cãi nhau om sòm. Có những nhóm tụm lại ca hát. Có những sinh viên đến đây để ngồi đọc sách, làm bài hoặc làm thơ. Ở một góc có người gục xuống bàn ngủ một cách ngon lành. Thỉnh thoảng lại có tiếng micro nhắc khéo: "Nhiều khách hàng đương chờ chỗ trống. Quý khách nào đã ngồi quá lâu xin vui lòng nhường chỗ cho người khác". Chẳng ai để ý đến lời nhắc khéo này. Những người ngồi đọc vẫn cứ đọc. Những người viết cặm cụi viết. Và dĩ nhiên những người đương ngủ tiếp tục những giấc mơ của mình. Đến các quán ăn sinh viên không thể không để ý đến một loại khách hàng đặc biệt. Trông họ đã luống tuổi, ngoài 50... chẳng phải là sinh viên, cũng chẳng phải là giảng viên. Họ ăn mặc lôi thôi, lếch thếch, thường mang theo một chiếc cặp sờn rách chứa đầy sách, tay cầm một cuộn báo... Họ ngồi đàm đạo với nhau hoặc tranh luận với những sinh viên trẻ. Có người ngồi trầm ngâm hút thuốc, có người mải mê đọc báo. Một người bạn Mỹ giới thiệu với tôi: "Đây là những sinh viên "vĩnh cửu". Họ bắt tay làm luận án tiến sĩ cách đây vài chục năm. Họ không hoàn thành luận án và sẽ không bao giờ hoàn thành. Cuộc đời của họ gắn với cuộc sống đại học quá lâu rồi nên họ không thể sống khác được. Họ sống quanh quẩn đây. Hàng ngày đến các giảng đường nghe những giáo trình mới và hay. Những tiệm cà phê, những quán ăn sinh viên là nhà của họ..."

Đối với nhiều gia đình người Việt ở Mỹ, nuôi dạy con cái đại học đã trở thành một mục tiêu thiêng liêng, gần như một tôn giáo. Đây là cả một quá trình vật lộn, phấn đấu rất gian khổ của các bậc phụ huynh. Tôi hết sức xúc động và cảm phục khi được biết có những bà mẹ 5 năm liền làm việc một ngày

16 tiếng để có tiền nuôi con ăn học. Ở quận Cam, có hai vợ chồng suốt 10 năm trời làm một ngày hai suất việc và đã nuôi được 5 người con thành bác sĩ y khoa. Một người bạn cho hay là khoảng 60 phần trăm con em người Việt tại Mỹ được học đại học. Tỷ lệ này một phần nhờ sự nỗ lực của các bậc phụ huynh, nhờ sự cố gắng của các em học sinh, và cũng nhờ chính sách đại học của Mỹ có tính chất dân chủ và phổ cập. Điều đáng mừng là sinh viên người Việt tại các trường đại học Mỹ nói chung học tốt. Một người bạn Mỹ bảo tôi: nhìn vào đội ngũ sinh viên đó thì thấy tương lai Việt Nam sẽ phát triển nhanh.

2. Liên tiếp bị "sốc"

Biết tôi chuẩn bị đi Mỹ, bà Marie France - một người Mỹ gốc Pháp tôi có dịp gặp ở Hà Nội - nói với tôi: "Tôi sinh trưởng ở Paris, đã sống ở Mỹ hai mươi năm, thế mà đến nay, sống trên đất nước này, thỉnh thoảng vẫn bị "sốc", có những điều tôi không sao hiểu nổi..."

Một lần, tại một ga tầu điện ngầm ở New York, tôi thấy trên tường một bức quảng cáo lớn có chữ George rất to và hình một cô gái trẻ xinh đẹp, thân hình rất đẹp, trên đầu chụp một chiếc mũ đại tướng, trên vai khoác một chiếc áo đại tướng, dải quần binh phục thì trễ xuống tận rốn, ngoài ra trên người cô gái không có quần áo gì. Một người bạn Mỹ giải thích với tôi: "Đây là tranh quảng cáo một tạp chí trẻ do con trai J. Kennedy làm chủ bút. George là George Washington. Cô gái khoác trên người bộ quân phục của vị danh tướng này." Tôi bị "sốc": trang phục của một anh hùng quốc gia sao lại đem khoác lên người một cô gái hở hang thế này? Sau đó tôi nghĩ lại: biết đâu người Mỹ họ lại cảm nhận khác - được khoác lên người một cô gái trẻ và xinh đẹp, đó là một sự tôn vinh. Dĩ nhiên, đây chỉ là một cách giải thích của tôi cho bản thân tôi. Đến New Haven - thành phố có trường đại học Yale nổi tiếng - tôi đến thăm nhà bà K., tôi có quen biết ở Hà Nội. Nhà bà K. là một biệt thự rộng mênh mông (khoảng mười buồng và có vườn). Tôi được biết bà sống với một người con gái hiện đương học phổ thông. Tôi không thấy con gái bà đâu cả và bà nói với tôi nó đi đến một thành phố cách đây 3 trăm dặm để được học ở một trường phổ thông "chuyên" mà nó thích. Một lần nữa tôi bị "sốc": Ở một thành phố "đại học", nhà rộng, một mẹ một con, thế mà rời bỏ nhà để tìm trường, tìm thầy... Bà K. nói với tôi: "Thanh niên Mỹ muốn sớm sống tự lập. Thời trẻ tôi cũng vậy. Memphis - Thành phố quê hương tôi có nhiều trường đại học tốt. Thế mà tôi đã đi đến một thành phố cách Memphis hơn 2.000 dặm để học đại học". Tôi hỏi: "Thế bà không lo ngại khi con gái bà thoát khỏi vòng tay của bà?" Bà K. trả lời: "Dù cách xa ngàn dặm, nó vẫn cảm thấy tôi ở bên nó, vì nó biết rằng tôi yêu nó."

Trong hai chuyến đi thăm khu vui chơi du ngoạn ly kỳ Disneyland và khu vui chơi giải trí Hollywood tôi bị "sốc" liên tiếp. Có hàng trăm tiết mục lý thú, lạ kỳ, kinh hoàng, rùng rợn... Ở khu Disneyland tôi nhớ đời tiết mục "lên

thác xuống ghềnh". Trên một quả núi nhân tạo, một dòng suối lớn được tạo ra, khi thì lượn trên sườn núi, khi thì chui vào trong núi, qua những hẻm và ngầm, thoát ra ngoài thì đổ xuống như thác... Những khách du ngoạn muốn nếm mùi "lên thác xuống ghềng" được sắp ngồi trong những chiếc thuyền nhỏ nối nhau trôi theo dòng suối (thực ra là trượt trên một đường ray ngầm ở dưới lòng suối). Thuyền lọt sâu vào lòng núi thì không còn biết trời đất gì nữa, có cảm giác như quay cuồng trong địa ngục, có khi nước chảy xiết và thuyền cứ dốc ngược vọt lên, đến khi thoát ra ngoài núi thì bị cuốn ngay vào một dòng thác cuồn cuộn và đổ dốc, mọi người hét ầm lên, vừa kinh hoàng vừa vui vẻ, những cảm giác rất lạ..., sau cuộc phiêu lưu "lên thác, xuống ghềnh", có cảm giác như mình được tái sinh, như nhớ lại sự hỗn mang khi mới ra đời... Ở trung tâm vui chơi giải trí Hollywood, những khách du ngoạn được sắp ngồi vào những toa xe nhỏ chạy trên đường ray. Đoàn tàu mini chui vào đường hầm. Bỗng có tiếng loan báo: "Hành khách chú ý! có động đất 8,2 độ Richter". Toa tàu chòng chành, chao đảo. Mặt đất và vách hầm nghiêng ngả. Bỗng cách đoàn tàu dăm mét phía trên hầm là đường nhựa sập xuống và nứt toác. Một chiếc xe tải tụt xuống, lăn một vòng, va phải một cột trụ và vỡ đôi. Có tiếng nước xối xả. Ở một phía khác, từ những ống nước cái bị vỡ, những thác nước đổ vào hầm. Tưởng chừng trong vài ba phút, cả hầm sẽ bị ngập nước. May quá, đoàn tàu ra khỏi hầm. Một người bạn giải thích với tôi: trò động đất này thực ra rất đơn giản; tất cả đã được thiết kế, tự động hóa, chỉ cần bấm nút là mặt đường trên hầm sẽ nứt toác, một chiếc xe tải sẽ tụt xuống, lăn đúng một vòng, chạm vào cột chiếc xe tự động vỡ đôi; đến khi xong trò, lại bấm nút thì xe tự động ghép lại, được nâng lên mặt đường và phía trên của đường hầm bị toác sẽ tự động khép lại. Người Mỹ chơi trò chơi động đất như thật.

Người Mỹ chơi ra chơi, làm ra làm. Nhịp sống và cường độ lao động ở Mỹ rất căng. Một bác Việt kiều đã từng sống ở Pháp nhiều năm nói với tôi: "Pháp là một nước công nghiệp phát triển, nhưng so với tác phong làm việc của người Mỹ, người Pháp còn lè phè lắm". Nhịp sống và lao động càng căng thì thời gian càng quý. Ở đây, bạn bè sẵn sàng sẻ nhà sẻ cửa, giúp đỡ tiền nhưng chia sẻ thời gian thì không dễ dàng chút nào. Lần tôi đến quận Cam bạn bè ai cũng nói: "Phải đưa anh Hiến đi chơi Disneyland", "Đến đây mà không đi Disneyland thì uổng quá". Tôi cứ chờ các bạn nhưng không thấy ai đả động gì. Sắp đến ngày rời quận Cam tôi mạnh dạn ngỏ lời với họ: "Đi thăm Disneyland tôi có thể đi một mình. Chỉ nhờ các bạn đánh xe chở tôi đến đấy". Được lời như cởi tấm lòng... các bạn tôi mừng rỡ ô-kê ngay. Tôi không thể không kể trường hợp bị "sốc" lần đến thăm tòa soạn tạp chí *Hợp Lưu*. Nhà văn Khánh Trường, chủ bút tạp- chí cùng đi với tôi. *Hợp Lưu* là một tạp chí dày dặn, hai tháng ra một kỳ, trình bày đẹp, bài vở chọn lọc khá kỹ lưỡng. Tôi cứ đinh ninh tòa soạn *Hợp Lưu* ít ra cũng dăm bảy người. Đến nơi Khánh

Trường nói với tôi: "Cả tòa soạn chỉ có một người là Khánh Trường. K.T chủ bút, K.T biên tập, K.T làm "mi", K.T viết bài "phông", K.T phát hành, K.T thu tiền...". Người chủ bút của *Hợp Lưu* được trang bị khá hiện đại: máy vi tính hiện đại, máy Fax, Internet, điện thoại viễn liên...

Tòa soạn chỉ chiếm dăm mét vuông trong phòng của K.T: một chiếc bàn dài, một giá sách lớn: phần còn lại là chỗ ăn, ở rất gọn, tiện nghi đầy đủ. Tôi đến thăm nhà văn Nguyễn Mộng Giác, chủ bút tạp chí *Văn Học,* cũng như Khánh Trường, ông là người độc nhất của tòa soạn. Năm nay ông 55 tuổi, sức viết khỏe, dồi dào. Không hiểu ông lấy thì giờ đâu để viết. Ngoài việc làm tạp chí và tham gia những hoạt động xã hội khác, cũng như mọi người, ông phải lo cho sinh kế của gia đình: hàng ngày ông đi làm ca đêm ở một nhà máy in (từ 5 giờ chiều đến 12 giờ đêm). Nhà văn Mai Thảo là chủ bút tạp chí *Văn.* Tuổi cao (ông đã ngoài bảy mươi) sức yếu ông vẫn cặm cụi làm để tạp chí của ông ra đều đặn. Ông sống độc thân ở một cư xá dành cho những người già về hưu. Lần tôi đến thăm ông thấy trên giường của ông sách báo bày la liệt và dưới giường rất nhiều vỏ chai cô-nhắc. Khánh Trường giúp ông làm những việc phải chạy và đến bữa mua phở hoặc cháo về cho ông. Thành ngữ có câu: "gần đất, xa trời". "Trời" của Mai Thảo là văn chương, sách báo. Dạo này, ông yếu lắm, thường xuyên phải nằm trên giường. Cầu mong sách báo vẫn la liệt trên giường của ông.

3. Văn chương tiếng Việt và nghiên cứu Việt học ở Hoa Kỳ

Khoảng dăm năm trở lại đây, trong giới học thuật và công luận tại Mỹ, sự quan tâm đến văn hóa, văn học Việt Nam ngày càng tăng thêm rõ rệt. Tại đại học Berkeley, một trường đại học lớn ở California mới thành lập bộ môn Việt Học mà chủ nhiệm là tiến sĩ Peter Zinoman, một người đã từng du học và công tác tại Việt Nam. Tại Đại học Harvard, một thư viện sách tiếng Việt đã được xây dựng và ngày càng mở rộng. Ở những nơi có nhiều người Việt sinh sống, chương trình nhân văn tại đại học dành một số giờ giảng dạy ngôn ngữ - văn hóa Việt. Tôi đã được nghe tiếng ríu rít của những sinh viên Việt đọc ca dao và Kiều trong một buổi giảng của giáo sư Cung Quang Chương tại đại học San Francisco. Tại các khoa học xã hội và nhân văn, tôi gặp nhiều nghiên cứu sinh chọn đề tài nghiên cứu về Việt Học. Tôi gặp lại Nguyễn Quốc Vinh, một nghiên cứu sinh rất trẻ ở đại học Harvard. Anh đã bảo vệ xuất sắc luận văn thạc sĩ về *Cung Oán Ngâm Khúc*. Năm 1994, Vinh đến Hà Nội lấy tư liệu làm tiếp luận án Tiến sĩ. Tôi nhận được giấy mời đi dự một buổi dạ hội văn nghệ giới thiệu cuốn sách *Once upon a dream* (Ngày xửa, ngày xưa có một giấc mơ...), một số những hình ảnh Việt Nam truyền thống và Việt Nam hiện đại. Buổi dạ hội sẽ được tổ chức ở Saratoga (một thị xã nhỏ gần San José) tại một lâu đài cổ ở một vùng ngoại ô hẻo lánh, lại làm vào tối thứ ba (không phải ngày nghỉ). Trái lại với sự lo ngại chung, hơn năm trăm

người đã tới dự buổi dạ hội, phát biểu ý kiến sôi nổi, không khí vui vẻ, tràn ngập hào hứng, người Mỹ đến rất đông. Một nhà văn Việt kiều nói với tôi: "Trước đây, giới thiệu một cuốn sách về Việt Nam khó mà thu hút được công chúng đông đảo và nhiệt tình như hôm nay". Trong tuần tháng 10-1995 tại đại học Yale đã tổ chức một cuộc hội thảo chủ đề: *"Những nhà văn và họa sĩ Hà Nội"*. Dịp này, nhóm chủ bút: Trương Vũ, Lê Minh Khuê, Wayne Karlin giới thiệu tập truyện ngắn của một số nhà văn Mỹ và Việt (trong nước và ngoài nước). Cùng thời gian này ở trung tâm nghệ thuật Ellips (Washington D.C). Khai mạc cuộc triển lãm *Nghìn trùng xa cách (A Ocean apart)* giới thiệu một số tranh của những họa sĩ trong nước và những họa sĩ Việt kiều sống "xa cách nhau một đại dương". Ở đây những tranh của Nguyễn Gia Trí, Trần Văn Cẩn... được đặt trong hộp kính trong đó có máy đo độ ẩm, đo nhiệt độ, có nghĩa là tác phẩm của những danh sĩ này được bảo đảm một sự an toàn rất cao. Những ngày ở đại học Yale, tôi có dịp gặp gỡ các giáo sư trong ban Đông Nam Á của trường, bàn bạc với họ về một số dự án hợp tác, số 1 là dự án ra một tập san quốc tế về Việt học; Trương Vũ, Huỳnh Sanh Thông và tôi đương làm đề án ra tập san này. Trương Vũ là bút danh ký dưới những bài chính luận và bình luận văn chương của ông Trương Hồng Sơn, một nhà khoa học làm việc ở N. A. S. A (Cục hàng không vũ trụ quốc gia). Ông Huỳnh Sanh Thông sang Mỹ từ năm 1948, ông có công lao to lớn đã dịch hàng ngàn trang giới thiệu văn học Việt cổ và kim với thế giới nói tiếng Anh, bản dịch truyện Kiều của ông được đánh giá rất cao.

Tại Đại học Berkeley, giáo sư Peter Zinoman mời tôi trình bày đề tài hiện tôi đang nghiên cứu: *"Tính hiện đại và hiện đại hóa trong văn hóa, văn học Việt Nam đương đại"*. Tư tưởng về tính hiện đại của Heghel - nhà triết học đầu tiên đã triển khai sáng tỏ khái niệm này - là căn cứ lý thuyết để tôi xác lập những luận điểm chính về đề tài nói trên. Theo quan niệm thông thường, tính hiện đại bị đồng nhất với tính duy lý và quá trình hiện đại hóa bị lược quy vào quá trình hợp lý hóa. Heghel đã từng chỉ ra hai phương diện cốt yếu của tính hiện đại: *tính duy lý* và *tính chủ thể*. Triển khai tư tưởng nói trên của Hegel, Alain Touraine - một học giả Pháp đã đi đến một kết luận quan trọng: *"Hợp lý hóa và chủ thể hóa là hai mặt đối lập và bổ sung của tính hiện đại"*. Quá trình chủ thể hóa có liên quan đến sự phát huy chủ thể của cá nhân sáng tạo, chủ thể của những nhóm sáng tác... và cuối cùng là chủ thể dân tộc. Như vậy sự phát huy chủ thể dân tộc - thực chất của vấn đề tính dân tộc - được đặt trong quá trình chủ thể hóa có liên quan đến sự phát huy chủ thể của từng người và chủ thể của các nhóm. Tính hiện đại - hiểu một cách đầy đủ, bao hàm quá trình chủ thể hóa và chủ thể dân tộc không ở ngoài qúa trình này. Trong hoàn cảnh dân tộc bị xâm lược, nhiệm vụ bảo vệ bản sắc dân tộc thường được nhấn mạnh. Tuy nhiên hình thức tích cực bảo vệ bản sắc dân tộc là phát huy và làm giàu bản sắc dân tộc. Sự phát huy bản sắc và chủ thể

dân tộc có liên quan mật thiết đến sự phát huy chủ thể của những cá nhân và nhóm sáng tạo. Giải quyết những vấn đề của tính dân tộc cần quan tâm đến sự kết hợp hai quá trình tạo ra tính hiện đại. Chủ thể hóa mà ngoảnh lưng với chủ nghĩa duy lý, tách rời quá trình hợp lý hóa là sa lầy vào sự tư mê (narcissisme), sự nhấm nháp căn cước dân tộc.

Sự đắm đuối mê hoặc với bản sắc dân tộc có khi bắt nguồn từ một trình độ duy lý thấp. Mặt khác, sự hợp lý hóa phát triển một cách phiến diện, tách rời quá trình chủ thể hóa có thể có hiệu quả là tước bỏ lý trí của chủ thể, từ đó lý trí và chủ thể mang lý trí bị biến thành công cụ. Hậu quả này được Alain Touraine gọi là "*chủ nghĩa duy lý công cụ*". Hợp lý hóa càng cao thì những công cụ của con người (bao gồm cả công cụ tổ chức) càng tinh xảo. Nhưng sức mạnh, sự lớn lao của con người không chỉ ở những công cụ có trong tay, nó còn ở sự chủ động xác lập lẽ sống và những mục tiêu thích đáng cho cuộc sống của mình. Chủ nghĩa duy lý công cụ tước bỏ của con người năng lực chủ động này, biến lý trí của con người và bản thân con người thành công cụ.

Ở đại học Harvard, theo lời mời của giáo sư Huệ Tâm Hồ Tài, chủ nhiệm Ban Nghiên cứu Đông Á tôi nói chuyện với các bạn đồng nghiệp và sinh viên về một số hiện tượng đáng chú ý trong văn học Việt và tiếng Việt hiện đại. Một sự bất ngờ là điều được cử tọa chú ý và thảo luận sôi nổi là chuyện vui tôi kể về sự sáng tạo từ của người Hà Nội. Tôi nhận thấy cứ vài ba năm người Hà Nội lại sáng tạo ra một từ mới hoặc một cách diễn đạt mới - bao giờ cũng độc đáo, hóm hỉnh và lan tràn rất nhanh trong lời ăn tiếng nói hàng ngày. Gần đây, nói về ưu điểm của mình, người Hà Nội nói là "hơi bị" ưu điểm. Người Hà Nội không nói: "Tôi khiêm tốn" mà lại nói"tôi *hơi bị* khiêm tốn". Người Hà Nội không nói: "Tôi giỏi tiếng Anh" mà lại nói: "Tôi *hơi bị* giỏi tiếng Anh". Người Hà Nội không nói "Đôi giầy của tôi xịn" mà nói: "Đôi giầy của tôi *hơi bị* xịn"... Đã "hơi" lại còn "bị", quả là hai lần khiêm tốn. Nói về ưu điểm của mình mà lại "hơi bị", có điều gì đó xót xa, nhưng trong cách nói hóm hỉnh, người Hà Nội riễu luôn cả sự xót xa này "Tôi *hơi bị* nhạy cảm", "tôi tiếp thu *hơi bị* nhanh", "trí nhớ tôi *hơi bị* tốt" "sức tôi *hơi bị* khỏe"... với cách diễn đạt này, cả Hà Nội đang trở nên khiêm tốn, mà cũng không hẳn là khiêm tốn. Cũng thời gian gần đây, nói như người Hà Nội, một ngày có thể nghe "một tỷ lần" từ "vô tư". Nói gì cũng "vô tư", cái gì cũng "vô tư". Mời một người bạn đi uống bia, và anh ta nhận lời: "Được tôi đi ngay!" "Vô tư!" mà không nhận lời cũng "vô tư": "Đương bận, không đi được, "vô tư"! Khen hay chê đều "vô tư" cả. Bài này tốt, đăng được "vô tư"! Bài này kém, không đăng được, "vô tư!"; Từ "vô tư" ở cửa miệng người Hà Nội mang nhiều sắc thái: hóm hỉnh, hồn nhiên, cởi mở... dù là tranh thủ hay thách thức người đối thoại, bao giờ cũng vui vẻ, thân tình. Qua lời nói thân tình của người Hà Nội, "vô tư" từ một đạo đức cao xa đã trở nên gần gũi, thoải mái, thỏa đáng... Ai cũng có thể vô tư, cả Hà Nội trở nên vô tư... một bước tiến thực sự về tinh thần do phép mầu

nhiệm của ngôn từ. Buổi hôm ấy, cử tọa bắt mấy từ của người Hà Nội rất nhanh. Lúc ra về, nói chuyện với một cháu Việt kiều, thấy cháu nói tiếng Việt không sõi, tôi hỏi: "Cháu có hiểu những điều tôi nói hôm nay không?" cháu nhoẻn miệng cười và trả lời: "Cháu 'hơi bị' hiểu. Chú nói chuyện vui lắm. Muốn nghe chú nói nữa, vô tư!".

4. Gặp những trí thức và văn nghệ sĩ việt kiều ở Mỹ.

Ở New York tôi gặp một số người Việt sang du học trước 1975, họ đã từng tham gia phong trào chống chiến tranh Việt Nam tại các trường đại học Mỹ, nay có những người đã học thành tài: Vũ Quang Việt, chuyên viên của Liên Hiệp Quốc về kinh tế, đã nhiều lần về nước và được mời làm cố vấn cho Chính phủ ta; Nguyễn Quán, nghiên cứu nhân chủng học thường tổ chức quyên góp sách giúp một số thư viện trong nước và đang vận động thành lập một Viện quan hệ quốc tế tại Việt Nam góp phần đào tạo cán bộ ngoại giao; Ngô Thanh Nhàn, chuyên viên ngôn ngữ - toán ở đại học Columbia, đã thành công trong việc đưa chữ Nôm vào ngônngữ máy tính... Đây là một thế hệ chẳng những có trình độ chuyên môn cao, mà họ lại có quan hệ với nhiều nhân vật quan trọng trong chính giới và khoa học Mỹ. Ngoài ra tôi tôi có dịp gặp Nguyễn Bá Chung ở Boston, anh sang Mỹ du học từ năm 1967 đang hoàn thành luận án tiến sĩ thì chuyển sang kinh doanh, dăm năm trước đây đương làm giám đốc một công ty máy tính anh vứt bỏ hết và làm thơ, dạy học, nghiên cứu Phật học... Tháng ba vừa qua anh Chung về nước tìm cộng tác viên nghiên cứu đề tài Phật giáo Việt Nam. Anh nói với tôi: "Trên thế giới, người ta nghiên cứu Phật giáo Ấn Độ, Phật giáo Trung quốc, Phật giáo Nhật Bản, Phật giáo Thái Lan... chẳng ai nói đến Phật giáo Việt Nam. Chúng ta đã làm gì để giới thiệu Phật giáo Việt Nam với thế giới? Người Mỹ đến giờ vẫn chưa hiểu được vì sao họ phải rút quân khỏi Việt Nam. Phải chăng vì họ "không hiểu được người Việt?" Mà để hiểu sâu sắc người Việt, có khi phải tìm hiểu Phật giáo Việt Nam..." Anh có những ý kiến khiến tôi phải suy nghĩ lại về những vấn đề rất cơ bản. Anh nói: "Ở thời đại ngày nay không thể không đặt vấn đề về mối quan hệ giữa tôn giáo và khoa học. Vì sao Albert Einstein với tư cách một nhà khoa học đánh giá cao Phật giáo đến như vậy: "Nếu như có một tôn giáo đương đầu được với những nhu cầu khoa học hiện đại thì đó là Phật giáo." So sánh "tam giáo đồng nguyên" ở Việt Nam và ở Trung quốc anh đặt vấn đề: "Ở Trung Quốc cơ sở của "Tam giáo đồng nguyên" là Nho giáo, ở Việt Nam rất có thể cơ sở đó lại là Phật giáo".

Tôi đến San José - một thành phố đông Việt kiều ở gần San Francisco - để dự buổi nhà thơ Tô Thùy Yên gặp mặt các độc giả và thân hữu nhân tập thơ đầu tiên của ông được xuất bản ở Hoa Kỳ. Dịp này, tôi gặp nhà văn Nguyễn Bá Trạc, nhà thơ Phạm Việt Cường, nhà văn Thân Trọng Mẫn, Lê Thị Thấm Vân, một cây bút văn xuôi trẻ và một số tác giả khác. Nguyễn Bá

Trạc sang du học ở Mỹ năm 1974, anh đã từng làm việc cho Liên Hiệp Quốc, đi 26 nước... Anh là một con người lịch lãm và sự từng trải là vẻ đẹp của con người cũng như văn chương của anh. Các bạn nói với tôi anh ở trong số những Việt kiều nghèo ở thành phố này. Đến thăm nhà anh, tôi không khỏi ngạc nhiên thấy anh có ba xe ô tô và một xe máy. Một bạn Việt kiều nói nhỏ với tôi: "Toàn là xe tòng tọc. bán cả 4 cái xe chưa chắc đã được một nghìn đô". Cũng ở San José tôi được đọc số đầu tiênc ủa tạp chí *Triết Học* xuất bản bằng tiếng Việt, chủ nhiệm tạp chí là luật sư Nguyễn Hữu Liêm một người năng nổ, say mê triết học, am hiểu về Phật giáo. Anh Liêm thường xuyên về thăm nước. Nhịp sống của anh và gia đình anh là làm việc cật lực và dành dụm, đến lúc đủ tiền đi lại thì về thăm nước, tiêu hết tiền thì trở về Mỹ, lại làm việc cật lực, lại dành dụm cho chuyến đi sau... Nguyễn Hữu Liêm là hình ảnh của đàn chim Việt bay đi bay về qua một đại dương.

Hoạt độngvăn học, nghệ thuật của người Việt ở Hoa Kỳ chủ yếu tập trung ở Quận Cam (California) nơi cộng đồng người Việt rất đông, trên ba trăm ngàn người. Đến quận Cam, ngoài những tòa soạn của *Hợp Lưu, Văn Học* và *Văn*, tôi còn đến thăm tòa soạn báo *Người Việt* và tạp chí *Thế Kỷ XXI*. Ông Đỗ Ngọc Yến là chủ bút tờ *Người Việt*. Tòa soạn của ông nhân viên tương đối đông vì đây là báo ra hàng ngày, mặt khác, những trí thức thất cơ lỡ vận tìm đến đây bao giờ cũng được ông Yến sắp xếp một công việc nào đó để tạm thời độ nhật. Chủ bút của tạp chí *Thế Kỷ XXI* là nhà thơ Đỗ Quí Toàn. Ông Toàn là giáo sư đại học đã giảng dạy nhiều năm ở Canada. Công việc của ông ổn định, thu nhập khá cao. Bỗng dưng ông từ bỏ tất cả, đến Quận Cam làm báo. Ông tâm sự với tôi: "Tôi tưởng rằng tôi đã thích nghi được với cuộc sống bên này. Nhưng càng ngày tôi càng cảm thấy không sao chịu đượng được tình trạng suốt ngày chỉ nói tiếng Anh, tiếng Pháp, suốt ngày chỉ nghe tiếng nước ngoài. Tôi đã bỏ chạy để đến Quận Cam làm báo. Công việc hiện nay của tôi bấp bênh nhưng làm báo tiếng Việt, tôi có dịp viết câu văn tiếng Việt, tôi có dịp tiếp xúc với người Việt, nói tiếng Việt, nghe tiếng Việt..." Cùng một lứa tuổi với Nguyễn Mộng Giác, Đỗ Ngọc Yến, Đỗ Quí Toàn... có Phan Nhật Nam sang Mỹ hai năm trước đây. Tình cờ tôi gặp tác giả *"Dấu Binh Lửa"* ở nhà một gia đình Việt kiều ở Washington D.C. Ông là một con người sôi nổi, cởi mở, khí thế mạnh mẽ lắm. Ông đọc cho chúng tôi nghe rất nhiều thơ, cả một bài trường ca ông mới làm. Ông nói với tôi "Mong sao giữa chúng ta chỉ còn lại tình thương yêu. Không nên chia rẽ, hận thù nhau vì những hệ tư tưởng..."

Đất nước Hoa Kỳ rộng mênh mông, có nhiều bang tôi không đến được, có những nhà văn tôi mến mộ nhưng chưa có dịp gặp: Võ Phiến, Thanh Tâm Tuyền, Nguyên Sa... Ở Hoa Kỳ hiện nay, chủ lực của văn học Việt hải ngoại là những người cầm bút trên dưới 45 tuổi. Tôi đã có dịp gặp Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Hoàng Khởi Phong, Cao Xuân Huy, Phan Tấn Hải... (Văn

xuôi), Du Tử Lê, Lê Bi, Khế Iêm... (Thơ), Bùi Vĩnh Phúc... (phê bình, tiểu luận). Còn có thể kể Mai Kim Ngọc, Phan Lạc Tiếp tuổi đời lớn hơn và sau này mới viết. Cũng như mọi người họ phải lo sinh kế, họ gặp những khó khăn tài chính không nhỏ để xuất bản tác phẩm, nhưng không mấy ai bỏ nghiệp văn chương. Gặp họ rồi tôi mới hiểu những điều mà Peter Zinoman - nhà sử học Mỹ trẻ tuổi - nói với tôi ở Hà Nội: "Đời sống của trí thức Hà Nội còn nhiều khó khăn. Nhưng như tôi biết, so với những trí thức Việt kiều ở Mỹ các anh sướng hơn họ nhiều, gấp trăm lần. Đời sống vật chất của họ có phần dư dật hơn, nhưng đời sống tinh thần của họ thì đầy những nỗi sầu xa xứ, mặc cảm tha hương và những lo âu, khắc khoải cho tương lai. Cũng như mọi người họ phải làm việc cật lực để nuôi sống gia đình. Trong thời gian hiếm quý còn lại có người cầm bút sáng tác, có người viết khảo cứu về lịch sử và văn hóa dân tộc, có người viết báo về những vấn đề quốc nội và quốc tế của đất nước. Họ miệt mài viết nhưng làm sao vơi được những khắc khoải đau buồn của những kẻ "ly hương biệt xứ". Họ khổ hơn các anh nhiều, hơn gấp trăm lần... Tôi rất kính trọng và thương họ".

Nhạc sĩ Phạm Duy sống ở thành phố Midway City (Quận Cam). Hôm tôi đến thành phố này, may mắn sao nhạc sĩ Phạm Duy có nhà (ông thường hay đi nước ngoài). Ông ghé thăm tôi và đưa tôi về nhà ông. Ông cho tôi nghe những bài hát tiêu biểu cho thời kỳ sáng tác của ông từ bài *Cô Hái Mơ* (1942) đến những bài Thiền Ca Làm những năm gần đây. Phòng làm việc của ông giống như một phòng thí nghiệm vật lý, có nhiều máy móc. Nghe những đĩa nhạc tự ông làm tôi nghe thấy tiếng sáo Mèo, tiếng đàn T'.rưng... ông nói với tôi: "Con trai tôi và tôi, sử dụng máy vi tính và công nghệ âm học cao, chúng tôi có thể tạo được âm thanh và âm sắc của hầu hết mọi nhạc cụ dân tộc". Lúc ra về, ông biếu tôi hai băng nhạc ghi lại những bài hát ông làm thời kháng chiến chống Pháp. Năm nay ông đã 75 tuổi, nỗi dằn vặt nhức nhối của ông là không biết bao giờ mới có dịp về thăm nước. Cũng thời gian này tôi nhận được thiếp mời tới dự buổi biểu diễn ca nhạc kỷ niệm 50 năm hoạt động nghệ thuật của nhạc sĩ Hoàng Thi Thơ. Lần cuối tôi gặp anh Hoàng Thi Thơ là vào khoảng năm 1948 ở trường trung học chuyên khoa Huỳnh Thúc Kháng. Đến nay thấm thoát gần trọn nửa thế kỷ. Chương trình ca nhạc của buổi hôm ấy khá phong phú, làm nổi bật những đặc sắc của nhạc Hoàng Thi Thơ: đậm đà những giai điệu và tâm hồn dân tộc, thấm đượm những tình cảm nhân bản hồn hậu, chứa chan những nỗi niềm và cảm xúc với quê hương, đất nước. Buổi diễn kết thúc, nhạc sĩ Hoàng Thi Thơ được hoan nghênh nhiệt liệt, tôi thấy ở những khán giả xungq uanh tôi những nụ cười mến mộ và cả những cặp mắt ngấn lệ: mọi người đều biết nhạc sĩ vừa bị mổ tim lần thứ hai. Sau buổi biểu diễn ca nhạc là tiệc chiêu đãi. Ngồi vào bàn tiệc, tôi mở một chai Seven-up, không hiểu sao cái chai phun rất nhiều bọt, bắn tung tóe vào bộ lễ phục của tôi. Tôi hết sức bối rối thì một người phụ nữ ngồi phía bên

nói: ông lấy giấy lau ngay, lau áo trước... Về sau tôi được giới thiệu người phụ nữ ấy là nghệ sĩ điện ảnh Kiều Chinh.

Trong cộng đồng người Việt ở Hoa Kỳ, thế hệ dưới 30 tuổi phần lớn nói tiếng Việt không sõi. Dĩ nhiên, đối với họ, đọc sách báo tiếng Anh khỏe hơn đọc sách báo tiếng Việt. Các tác giả văn học tiếng Việt ở đây không khỏi lo ngại thấy trong lớp trẻ công chúng đọc tác phẩm của họ ngày càng cô lại như "miếng da lừa". Mặt khác, do từ nhỏ đã được học ở trường Mỹ, được đào tạo có hệ thống, trong thế hệ này có nhiều người học rất giỏi. Tôi có dự một party (cuộc liên hoan) của một nhóm cựu sinh viên đại học Columbia. Trong số họ có những người đi làm sau khi tốt nghiệp, một số khá lớn tiếp tục học sau đại học, làm luận văn tiến sĩ. Hoàng - ba mươi mốt tuổi, được phong giáo sư từ hai năm trước - nói với tôi: "Ở đây điều kiện học rất thuận lợi nhưng sự cạnh tranh trong nghiên cứu khoa học cũng gay go lắm. Ở Mỹ, đạt tới trình độ như chú Phan Đình Diệu, chú Nguyễn Văn Hiệu vẫn phải liên tục tấn công vào khoa học thì mới tồn tại". Trong buổi liên hoan họ chỉ nói tiếng Anh, ăn uống, cười nói hết sức hồn nhiên. Có một cháu gái từ đầu đến cuối buổi chỉ nằm trên ghế xích đu. Khi tôi ra về cháu đứng nhỏm dậy rồi lại nằm xuống ngay. Thấy tôi sửa soạn ra về, một cháu nói "chú chúc bọn cháu một câu đi". Tôi nói: "chúc các cháu trở thành những người Mỹ tốt" Một số người tỏ vẻ ngỡ ngàng, tôi nói tiếp: "Chú thấy những người Mỹ tốt đến Việt Nam, việc nào họ nhận lời làm bao giờ cũng làm chu đáo, có hiệu quả. Với tinh thần quê hương sẵn có trong huyết thống các cháu chắc chắn các cháu sẽ làm được những việc rất hay đóng góp vào sự phát triển của quê hương". Trong thế hệ nói tiếng Việt không sõi, Quỳnh Trang là một trường hợp ngoại lệ. Năm nay 24 tuổi, Quỳnh Trang là biên tập viên tờ *Horizon* (Chân Trời), cùng với Nguyễn Qúy Đức, Andrew Lâm... sáng lập tổ chức *Ink and Blood* (Mực và Máu). Quỳnh Trang chuyên viết văn xuôi tiếng Anh, có xu hướng viết tiểu thuyết, gần đây dịch văn xuôi tiếng Việt và bản dịch của Trang làm nhiều người sửng sốt: sang Mỹ năm 3 tuổi thế mà dịch văn tiếng Việt khá tốt. Ở New York tôi có một cuộc tiếp xúc lý thú với linh mục Chương và nhóm *Lửa Việt* của ông. Ông Chương còn rất trẻ, dạy học ở một trường phổ thông, tính tình cởi mở, hòa nhã. Ông không bao giờ nhận mình là người lãnh đạo của nhóm nhưng xem ra ông là linh hồn của Nhóm. Buổi đầu chỉ có 4 người, nay Nhóm Lửa Việt đã phát triển ở nhiều thành phố, nhiều tiểu bang, kể cả ngàn người. Công tác xã hội trung tâm hiện nay của nhóm là quyên tiền giúp đỡ những người tàn tật, trẻ em mồ côi và học sinh nghèo ở Việt Nam. Nhóm có nhiều hoạt động thích hợp với tâm lý tuổi trẻ: ra tạp chí văn hóa-xã hội, tổ chức gặp mặt vui chơi ngày Tết, những chuyến du lịch, những cuộc pic-nic... (nhiều cặp nên vợ nên chồng qua những cuộc sinh hoạt này). Tổ chức của Nhóm Lửa Việt đơn giản, lỏng lẻo nhờ vậy mà uyển chuyển, linh hoạt. Ông Chương nói với chúng tôi: "Ở hải ngoại tất cả những tổ chức quá chặt chẽ,

cứng nhắc đều vỡ".

Một thế hệ đáng chú ý trong giới văn học tiếng Việt tại Mỹ, là những cây bút trẻ trên dưới tuổi 35. Họ không trực tiếp tham gia chiến tranh, không bị những mặc cảm nặng nề ám ảnh, vừa thấm nhuần văn hóa Việt, tiếng Việt, vừa am hiểu văn hóa Mỹ, thông thạo tiếng Anh, có khả năng sáng tác bằng tiếng Anh. Một người tiêu biểu cho thế hệ này là Nguyễn Quý Đức (San Francisco) - một cây bút tài hoa, đồng thời làm truyền hình, sân khấu, hội họa, phê bình: Anh viết truyện ngắn bằng cả hai thứ tiếng Việt và Anh, anh rất lo ngại với thời gian, tiếng Việt của anh sẽ hao mòn, nên có nguyện vọng muốn được học tại trường Viết văn Nguyễn Du để được sống trong môi trường tiếng Việt. Cùng một lứa tuổi với Nguyễn Quý Đức có Đinh Linh những năm trước đây chỉ làm thơ bằng tiếng Anh, sau một chuyến thăm Hà Nội thử làm dịch thuật, bản dịch ca dao, tục ngữ Việt của anh được đánh giá cao, Thái Tuyết Quân cũng là một dịch giả có triển vọng; Kim Ninh vừa bảo vệ xong luận văn tiến sĩ thiên về tiểu luận và khảo cứu; Lưu Hy Lạc sống ở San Francisco chỉ làm thơ tiếng Việt, anh chấp nhận một cuộc sống lầm lũi và hết sức bấp bênh ở thành phố này để có thể tự do làm thơ... Để lại ở tôi một trong những ấn tượng sâu sắc, đẹp đẽ nhất trong thời gian lưu lại ở Mỹ là mối quan hệ đẹp của thế hệ Nguyễn Quý Đức với thế hệ văn nghệ sĩ Việt kiều cao tuổi, lớp đàn anh cha chú. Rõ ràng là lớp trẻ tâm lý và xu hướng tư tưởng rất khác, cách cảm nghĩ cũng như cách nhìn nhận những vấn đề chính trị rất khác. Nhưng thái độ của họ đối với các bậc đàn anh, cha chú bao giờ cũng rất mực lễ độ, biểu lộ một sự quý trọng chân thành. Ngược lại ở lớp văn nghệ sĩ lớn tuổi, cao tuổi tấm lòng ưu ái của họ đối với những người trẻ tuổi, những người bạn vong niên biểu lộ khá rõ. Nhà văn Nguyễn Mộng Giác quan tâm đến từng bước đi của Nguyễn Quý Đức, tôi được biết chính ông đã phát hiện ra Nguyễn Bá Trạc, ông đã bỏ tiền túi ra hơn một ngàn đô la để xuất bản tập bản thảo đầu tay của Nguyễn Bá Trạc tình cờ đến tay ông, mặc dù hoàn cảnh của ông bấy giờ hết sức neo bấn (ông đã tiêu số tiền dành dụm để mua hòm đồ gửi về cho gia đình). Trương Vũ là bạn vong niên của nhiều tác giả trẻ. Ông hiểu khá rõ ưu điểm, nhược điểm, cả hoàn cảnh khó khăn của từng người, ông nói với tôi về tài năng và triển vọng của những người bạn trẻ của ông với một niềm vui sướng hồn nhiên, chứng tỏ ông yêu quý họ biết dường nào. Trong sự quan tâm và thiết tha của Trương Vũ đối với những người "tài tử" trẻ tuổi vừa có tấm lòng của một người thầy, vừa có đam mê củ amột nghệ sĩ. Thời còn ở trong nước anh đã từng dạy học nhiều năm. Sang Mỹ, đã có thời anh học Mỹ Thuật. Anh tâm sự với tôi: "Có hai lĩnh vực có khả năng giữ gìn và làm đẹp con người, đó là giáo dục và văn học nghệ thuật. Công việc tôi đương làm ở N.A.S.A là công việc rất hay nhưng không đáp ứng những ước vọng sâu xa của tôi"

Đến Garden Grove (quận Cam), tôi ở nhà Nghĩa và Hương. Nghĩa làm

kỹ sư, ở gần anh tôi thấy thơ là niềm say mê lớn ở anh (bút danh của anh là Lê Bi), Hương làm trợ lý ở đại học, đương hoàn thành luận án tiến sĩ. Hai vợ chồng thường dậy rất sớm, đưa con đến trường rồi đi làm, có khi chiều tối mới về. Họ đi và không khóa cửa. Nghĩa nói với tôi: "Chúng tôi chẳng có gì để mất". Ở nhà họ, tôi có dịp tiếp xúc với nhiều trí thức Việt kiều trẻ làm những ngành chuyên môn rất khác nhau. Đó là những người bạn thường trao đổi thư với Hương qua E mail (thư được phát và nhận qua máy vi tính, hết sức tiện lợi)... có những người Hương chưa từng gặp mặt. Nhân dịp có khách Hà Nội, Hương mời họ đến chơi. Những người bạn trẻ nói chuyện với tôi nói tiếng Việt không sõi, chắc là nghe tiếng Việt cũng không rành. Nhưng chúng tôi đã nói chuyện với nhau suốt buổi và hết sức thoải mái. Tôi nghiệm ra rằng nói chuyện với nhau thì sự quan tâm đến người đối thoại, sự thành tâm muốn hiểu biết lẫn nhau quan trọng hơn sự rành rọt về ngôn ngữ nhiều.

*

Hoa Kỳ nổi tiếng thế giới nhất thế giới về nhiều mặt. Cả thế giới phục giao thông đường bộ của Hoa Kỳ. Sang Mỹ tôi mới hình dung được thế nào là xa lộ và những con đường nước Mỹ. Ở cửa ô những thành phố lớn song song 12 làn đường, sáu làn vào và sáu làn ra. Có những "con đường thông suốt" (Free way). Đi từ San José đến Quận Cam (gần một ngàn ki lô mét) trên đường thông suốt, xe của tôi không một lần nào gặp đèn đỏ, chỗ nào có đường cắt ngang thì có cầu bắc trên cao. Hoa Kỳ nổi tiếng văn minh cơ khí và công nghệ cao rất phát triển. Phục vụ cho sinh hoạt hàng ngày có nhiều loại dụng cụ máy móc tiện lợi. Tôi là một người rất ngại đụng chạm đến máy móc thế mà lần này tôi sắm 5 cái máy đưa về Hà Nội. Tôi đã mua một cái hộp nướng bánh điện tử. Ở Mỹ nhà nào cũng có cái hộp nướng bánh này. Người Mỹ hiếm và quí thời gian nên họ hầu như không ăn sáng (một chị Việt kiều đến thăm Hà Nội nói với tôi: "Người Hà Nội sướng thật! ngày nào cũng như ngày nào, ba bữa đàng hoàng"). Buổi sáng, người nào cũng cập rập, mặc quần áo xong là chạy ra xe, nhấc vội cốc cà phê bự vừa mới pha (thao tác pha cà phê rất nhanh nhờ có máy). Xe ô tô Mỹ thường có chỗ đặt cốc cà phê không bị đổ và thời gian ăn sáng của người Mỹ là lúc xe dừng trước đèn đỏ. Người nào thời gian dư dật hơn thì lấy một lát bánh mì cho vào hộp nướng bánh (ở cửa hàng thường có bán những ổ bánh mì đã được thái sẵn thành từng lát mỏng). Khoảng một phút là có bánh nóng dòn ăn sáng. Từ ngày có hộp nướng bánh bữa sáng của tôi trở nên gọn nhẹ, ăn gọn miệng và đỡ tốn thì giờ. Có lần tôi ở một gia đình Việt kiều, trong nhà có một cỗ máy tập thể dục gọi là "Cardio-glad" (điều hòa nhịp tim). Tập thể dục với thiết bịnày tất cả các cơ bắp đều vận động, hơn nữa, với sự điều chỉnh bằng điện tử mọi lứa tuổi đều có thể sử dụng nó. Cỗ máy quá tiện lợi, giá 2 trăm đô không phải là đắt. Người

Hà Nội hiện nay sẵn sàng bỏ ra 30 "vé" sắm một chiếc Dream lùn, chưa mấy ai nghĩ đến việc bỏ ra 2 vé để có một "sân vận động" cho cả nhà và ngay trong nhà mình. Cái máy lý thú nhất tôi đem về Hà Nội là một chiếc máy vi tính 486, có C.D. ROM. Tôi vốn là người ghét máy vi tính mặc dù chẳng hiểu vi tính là gì (tôi rất thỏa mãn với chiếc máy chữ Olympia của mình). Sang Mỹ tôi mới cảm nhận được sâu sắc (trước đây mới chỉ là biết vậy) thế nào là văn minh tin học, thế nào là cuộc cánh mạng do máy vi tính cá nhân tạo ra. Tôi mới sử dụng được 1/10 tính năng của máy đã thấy nó tuyệt vời. Có thể nghe đĩa Compact và ghi lại những bản nhạc mình thích. Tôi có một ông thầy dạy tiếng Anh phục vụ mình 24/24. Chỉ cần mua một đĩa quang từ điển Mỹ Heritage. Bấm nút thế là nội dung lời giải củ a từ mình muốn tra hiện lên màn mình, chữ to đọc rất khỏe, có phân tích từ nguyên, kèm theo danh sách những từ đồng nghĩa, có sự phân biệt những sắc thái ý nghĩa khác nhau và thú nhất là có thể nghe phát âm, lặp đi lặp lại bao nhiêu lần cũng được. Với chiếc máy vi tính này tôi khỏi phải mua những bộ Bách Khoa toàn thư giá rất đắt và chiếm quá nhiều chỗ trên giá sách của tôi. Nội dung của hàng vạn trang được dồn nén trong một chiếc đĩa quang, sử dụng tiện lợi hơn sách rất nhiều, cần lưu giữ đoạn nào có thể cho in lại ngay...

Hoa Kỳ nổi tiếng thế giới nhất thế giới về nhiều mặt. Và cả thế giới biết rằng ở Hoa Kỳ không phải mọi mặt đều ổn thỏa. Trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, giáo dục đại học là mặt rất mạnh của Hoa Kỳ nhưng giáo dục phổ thông đương bị khủng hoảng. Từ khi hệ thống trường phổ thông tự phát triển thì trong hệ thống trường công, nhiều trường bị xuống cấp nghiêm trọng. Một vị phụ huynh Việt kiều than phiền với tôi: "Trẻ em tốt nhất thì cho học gần nhà. Mà trường công ở gần nhà tôi thì bê bết lắm: bạo lực, ma túy, băng đảng hoành hành, gửi con vào đấy có khi bị "tiêu" luôn. Mà cho các cháu học trường tư thì chúng làm gì có đủ tiền...". Hoa Kỳ có chế độ phổ cập giáo dục rất tiến bộ: thanh thiếu niên phải đi học cho tới 18 tuổi. Thực hiện chế độ này, một vấn đề được đặt ra: những nữ sinh dưới 18 tuổi mà có con và phải nuôi con làm sao họ có thể đi học được. Thế là một chính sách được ban bố: những nữ sinh dưới 18 tuổi mà có con được nhận trợ cấp để nuôi con và tiếp tục đi học. Đây là một chính sách nhân đạo nhưng nó sinh ra những hậu quả mà những người làm chính sách không lường được: có những nữ sinh mới 14, 15 tuổi đã cố tình có con để nhận trợ cấp, xem như một thứ sinh kế. Đặc biệt, trong các nữ sinh da đen từ 14 đến 18 tuổi, những người bụng mang, dạ chửa, tay bồng, tay bế để nhận trợ cấp chiếm một tỷ lệ khá lớn.

HOÀNG NGỌC HIẾN

Số điện thoại và địa chỉ Internet mới của Hợp Lưu
(714) 537-5229 • Internet: http://kicon.com/hopluu



TRIỀU HOA ĐẠI

xa nhà

xa nhà, trót đã bao năm
chiều mưa lất phất rơi lầm tóc ai
đất, trời rằng: cũng như tôi
sáng đi, chiều vội. Cột đời quẩn quanh
chim về tha nắng đầy sân
rớt hột tần ngần, tiếc ngẩn tiếc ngơ

xa nhà, đã thực xa chưa
chắc mùa xuân cũng mới vừa ghé ngang

qua chùa

đi qua chùa ghé vào thăm
thấy chuông, thấy mõ cùng kinh chuyện trò
vườn sau chú điệu ngủ khò
xuân về rón rén hẹn hò lá rơi

bạn cũ

làm thơ, câu thơ dang dở
chợt vừa thấy lá hoa phai
rượu khàn nhấp đôi ba chén
đâu đây một nỗi ngậm ngùi

câu thơ tưởng người bạn cũ
bao năm ngươi có bình yên
đời nhau thế mà tan tác
thôi thì sống kể như quên

làm thơ xót thương bạn cũ
phương trời xa. Đã xa, quên
đầy vơi chuốc thêm chén nữa
vườn nhà rụng lá đầy hiên

TRIỀU HOA ĐẠI



LÊ THỊ THẤM VÂN

NHỮNG CHIẾC BÓNG CỦA ĐỜI SỐNG



I

Một đêm ở Hà Nội khó ngủ. Tôi dậy thả bộ loanh quanh vài con đường ở giữa lòng phố. Những dãy nhà, hàng quán hầu hết đã đóng cửa im lìm. Hơn mười một giờ, xe cộ thưa thớt. Khuôn mặt Hà Nội ban đêm im lắng, trầm mặc. Trời vẫn còn hâm hấp nóng. Tôi đi chầm chậm, thú vị với những cơn gió mát bất thần phà tới, lướt trọn trên mặt và hai cánh tay trần. Trên đầu là những nhánh cây giăng ngang. Ngước nhìn, tôi tưởng như trăm ngàn cánh tay nắm, nối liền nhau, chìa ra trong trời đêm.

Đang đi bỗng dưng điện cúp. Trời đất, nhà cửa, cảnh vật tối om một màu. Những ngọn đèn đường biến mất. Vài chiếc xe chạy băng qua hắt cho chút ánh sáng tạm bợ yếu ớt. Thấp thoáng đó đây là đóm đèn leo lắt, chập chờn trong màn đen, thăm thẳm. Tôi bỗng hình dung ra những bà cụ già sống cuộc đời thách thức với thời gian, với tạo hóa. Ban ngày họ ngồi ở vỉa hè thành phố. Khuôn mặt, thân thể còn lại chỉ là da bọc xương. Ngày tháng sống sót của họ ở trần gian này có thể đoán, đếm được trên mấy đầu ngón tay.

Những bà cụ già tôi gặp trong ngày, bất cứ chỗ nào và lúc nào cũng làm tôi chạnh lòng, không thể không ngồi xuống hỏi han trò chuyện, để rồi băn khoăn xót xa mãi trong những ngày lê la ở đất Hà Nội ngàn năm văn vật ấy.

*

Hình như lịch sử văn minh nhân loại dù diễn ra bất cứ nơi nào, ở đâu cũng

có những điểm tương tự. Nghĩa là phải trải qua từng ấy chặng đường, từng ấy giai đoạn, từng ấy khổ đau mới thấu hiểu được người đàn bà cần gì, muốn gì, nghĩ gì, và làm gì. Lịch sử văn minh nhân loại có cái hay cái dở. Một trong những cái dở là loài người chỉ được tạo thành bởi sự suy nghĩ của đàn ông. Nhân loại chỉ mới nghe được *"male voice"* chứ chưa nghe được *"fermale voice"*. Có *History* phủ nhận *Herstory*. Đàn bà bị đối xử như vật sở hữu, tài nguyên, hoặc công cụ đẻ con, sản xuất của cải. Thử nghĩ, nếu đàn bà cùng đàn ông "lãnh đạo" lịch sử loài người thì thế giới ngày nay sẽ ra sao? Có cần phải trải qua những cuộc thánh chiến, thế chiến, nội chiến... hay không?

Đã một thời bên Âu châu tin rằng người đàn bà được tạo dựng bởi cái xương sườn của người đàn ông. Bên Phi châu và Trung Đông, bé gái phải cắt hoặc khâu một phần bộ phận sinh dục để gìn giữ trinh tiết cho đàn ông, và cũng để đàn ông dễ dàng kiểm soát sự khoái lạc của họ. Ở Ấn Độ, chồng chết vợ phải hỏa táng theo chồng. Ở Trung Hoa, quan niệm: *"Mười đứa con gái không bằng một đứa con trai"*. Qua tới Việt Nam, trở thành bi hài gấp bội: *Một trăm đứa con gái không bằng hòn dái đứa con trai."*

Người đàn bà Việt Nam vừa thoát ra khỏi đạo đức Khổng Mạnh ngự trị hàng ngàn năm. *"Trọng nam khinh nữ". "Nữ tử vô tài tiên thị đức"*. Con gái không có tài, nghĩa là có đức. Đàn bà càng ngu dốt càng dễ bị đàn ông sai khiến. Đàn bà dưới thời phong kiến Nho gia, được chỉ dạy lề lối sống, *"tam tòng tứ đức"* không ngoài mục đích phục vụ đàn ông.

Thân phận người đàn bà Việt Nam nổi trôi theo vận nước điêu linh. Hy vọng rồi thất vọng. Nỗ lực rồi tuyệt vọng. Bao nhiêu oan nghiệt, trớ trêu, đau đớn cứ dổ dè, chồng chất lên vai các bà. Các bà chỉ biết nén tiếng thở dài, cắn răng nuốt ngược dòng nước mắt. Tuyệt đối không được kêu ca, oán trách. Một mình âm thầm chịu đựng, dốc hết sức bình sinh để vượt qua, tồn tại với cuộc đời.

Năm 1917, cách mạng Cộng Sản Nga ra đời, hứa hẹn một nhà nước vô sản, lý tưởng như sống trên thiên đường. *"Làm theo khả năng và hưởng theo nhu cầu"*. Phụ nữ có toàn quyền chính trị, quyền công dân, quyền bình đẳng về tất cả mọi phương diện. Nhưng thực tế, *"Thiên đường Cộng Sản"* là một cách chuyển tiếp vai trò người đàn bà từ trách nhiệm trong gia đình ra ngoài xã hội. Đàn bà được dùng như là sách lược đấu tranh hơn là cứu cánh. Đàn bà vẫn là *"công dân hạng nhì"*. Hai đòn gánh trĩu nặng trên vai người đàn bà Bắc Việt. Từ những gánh rau, gánh củi, gánh hàng rong phụ chồng nuôi con. Nay gánh thêm đất đá, bom đạn, lương thực để *"chiến đấu chống Mỹ"* và xây dựng *"Xã hội chủ nghĩa"*.

Bổn phận người đàn bà Việt Nam là làm vẻ vang gia tộc. Trách nhiệm là làm rạng danh tổ quốc, trong khi phải luôn đối đầu với nhiều bất hạnh cùng một lúc. Kinh tế nghèo nàn, chính trị bất ổn, xã hội phong kiến, văn hóa lạc hậu, gia đình bất công... Đàn bà Việt Nam hứng chịu đủ mọi thiệt thòi trong

nhà ngoài cửa. Margaret Walker, nhà văn nữ da đen Mỹ, trong bài tiểu luận "Là Đàn Bà, Da Đen, Và Tự Do Sáng Tạo": "Nhà văn không thể sáng tác được nếu cứ phải đương đầu với sự đói rách, bệnh hoan, mệt mỏi, lo âu, phiền muộn... Nhà văn có thể xoay sở một trong những điều này, nhưng không thể tất cả cùng một lúc."

Người đàn bà để được sống còn trong xã hội Việt Nam phải biết chịu đựng, nhẫn nhục, trung thành, và hy sinh. Đàn bà được chỉ dạy phải luôn sống cho người khác. Người đàn bà không được nói, sống thật với điều mình suy nghĩ, ước muốn. Trong thời chiến tranh, đàn bà miền Bắc khi nghe tin con tử trận, phải giấu dòng nước mắt, kẻo người khác thấy, cho là đã nhụt chí, yếu đuối, không yêu nước thương nòi. Đồng thời phải có tinh thần phục vụ, đối tượng là đàn ông. Hy sinh là đức tính tốt, nhưng sao chỉ đàn bà mới phải hy sinh. Hy sinh cho đàn ông được quyền tự do làm người. Rồi đưa đạo lý ra ca tụng, đánh bóng vai trò đàn bà, cho đàn bà "cưỡi cọp", không ngoài mục đích làm nô lệ cho đàn ông. Khổ không dám than. Chó bị đánh đau còn biết sủa huống chi là người. Đàn bà bị tước đoạt mọi quyền sống, quyền làm người. Quyền lợi là xa xỉ phẩm.

Đàn bà sinh ra để làm con, làm vợ, làm mẹ, làm dâu, làm em, làm chị, làm dì, làm cô, làm thím, làm bà nội, bà ngoại... Khi còn con gái, bổn phận là phải lo toan cho mọi người trong gia đình. Khi lấy chồng, gánh vác luôn giang san nhà chồng. Bao nhiêu đạo lý, luật lệ chằng chịt quấn quanh bà. Lấy chồng, sinh con năm một. Trung bình mỗi bà có đến tám hoặc mười đứa con. Vừa đẻ vừa nuôi, rồi có thai, lại đẻ, lại nuôi... cứ thế kéo suốt tuổi thanh xuân. Về già, thân xác yếu ớt, suy nhược, bất lực, tuyệt vọng, côi cút một mình. Tôi chạnh lòng nghĩ tới những người đàn bà như những chiếc lá mùa thu cuối mùa. Cả ngày ngồi lặng lẽ trên vỉa hè phố cổ Hà Nội. Thân thể nhỏ nhắn thảm thương, vừa nép vừa dán sát, thậm chí như dựa cả người vào tường. Mảnh tường là vật duy nhất có thể che chở được bà. Trước mặt là cái bàn con cùng mấy cái ghế gỗ thấp, xỉn màu thời gian. Hũ kẹo lạc, bánh sữa. cái đĩa đựng vài chung trà nhỏ như lòng bàn tay hàng chục năm không bao giờ rửa. Ống thuốc lào bằng tre kê dưới đất, sát chân bà ngồi. Cái đèn dầu con, lửa quanh năm leo lét. Khách hàng là phu xích lô, ba gác, dọn dẹp đường phố... toàn giới lao động tay chân. Họ dừng lại hàng bà, tiếp sức bằng cách rít sâu điếu thuốc lào, uống ực chung trà nóng , bỏ vào miệng viên kẹo lạc, rồi phóng lên xe đạp tiếp. Những động tác kể trên được trả bằng vài trăm bạc. Tiền thối lấy ra từ túi áo, mà thời gian cũng dài như những chung trà không bao giờ rửa. Túi áo luôn luôn được gài kim cẩn thận. Bà nhận tiền bằng hai bàn tay gầy đen như hai que củi, run rẩy, yếu ớt. Hai con mắt hết nhìn rõ số tiền. Cố đoán bằng hình vẽ, màu sắc, và mấy ngón tay sờ mó quen thuộc lâu ngày. Hai con mắt đó giờ đây là cái giếng sâu, cạn khô nước.

Những bức tượng dựng lên, được đặt bằng những cái tên hoa mỹ: "*Mẹ Liệt*

Sĩ, Hòn Vọng Phu, Nữ Đồng Chí - để ca tụng tấm lòng quả cảm, hy sinh, nhẫn nhục, chịu đựng, trung thành - trải dọc miền Bắc. Mỗi lần nhìn những bức tượng trắng toát giữa trời như thế, tôi liên tưởng tới hình ảnh những bà già lụ khụ nép mình dưới những hàng hiên dọc thành phố Hà Nội. "Tại sao phải đợi họ chết, nhà nước mới phong thánh cho họ, rồi bắt cả nước tôn thờ. Trong khi các bà còn sống ngồi đầy ngoài kia thì lại cố tình quên lãng?" Những bà cụ trải qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

Hai cuộc chiến tàn bạo nhất thế kỷ hai mươi.

"Ông nhà đâu rồi hả bà?"
"Ông nhà mất mấy chục năm nay."
"Sao cụ không ở nhà trông cháu?"
"Cháu chúng nó lớn cả rồi."
"Con cái cụ đâu? Sao lại để cụ phải ngồi bán như thế này?"
"Con cái chết trận hết cả rồi."
...
"Con cái chưa tự nuôi nổi chúng, làm sao nuôi được tôi?"

Phong tục cổ truyền người Việt Nam là kính trọng người lớn tuổi. Con cái phụng dưỡng cha mẹ già không còn áp dụng trong xã hội Việt Nam thời hậu chiến. Cảnh mẹ già, mái tóc bạc phơ, chiếc miệng móm cười cười không răng ngồi bao quanh đám con cháu, nay chỉ còn tìm thấy trong môn giáo khoa thư ở các lớp học miền quê.

Những người đàn bà đêm về ngủ biết sáng mai còn dậy được chăng? nói chi qua mùa đông mưa gió lạnh thấu xương đất Bắc. "*Tháng mười hai bà già chết cóng*". Những người đàn bà suốt đời chỉ biết gồng gánh rau cải, muối gạo nuôi nấng bầy con. Cùng chồng, đánh đuổi thực dân Pháp, cùng con, xẻ dọc Trường Sơn chống Mỹ. Biết bao thây người hy sinh chôn vùi, rã mục ở trận Điện Biên Phủ, dọc đường mòn Hồ Chí Minh, hay trên lộ trình Nam tiến.

*

"Con ơi nắm chặt đôi vành thúng
Mẹ gánh con qua tuyến lửa này
Mai mốt mẹ về nơi cố quận
Xây nhà con ngủ giấc mê say"

Bốn câu thơ trên tình cờ tôi đọc được trong tờ báo chợ ở thành phố Seattle đã khá lâu, không ghi rõ xuất xứ tác giả, nhưng mỗi khi nhớ lại, tim trong lồng ngực tôi vẫn còn thắt mạnh. Bốn câu thơ ngắn ngủi, nhưng với tôi,

chuyên chở biết bao tình ý, tấm lòng, sức sống của người mẹ Việt Nam trong thời khói lửa binh đao. Hy vọng, dỗ dành, can trường, đương đầu, yêu thương, không bỏ cuộc. Nhưng khắc nghiệt là, sau bao nhiêu hy sinh, thống khổ, gian nan, chịu đựng, nhẫn nhục, trung thành bà được lại những gì? Ngoài sự bạc đãi, đớn đau, vô lý, bất công, chỉ vì... bị, lỡ, làm đàn bà, mà lại đàn bà Việt Nam.

Giờ đây, sau hai mươi năm đất nước thanh bình, thống nhất, các bà vẫn còn hiện hữu nơi đây, trước ngọn đèn dầu leo lắt như nắm nhang thắp sẵn trước mộ phần. Tôi mong đây là hình ảnh khổ đau cuối cùng trên quê hương. Hình ảnh người đàn bà như được thượng đế tạo dựng nên, rồi quên mất. Các bà cũng sẽ theo chồng theo con về bên kia thế giới. Nơi đó, tôi tin chắc rằng, tấm lòng bà thanh thản, bình an hơn khi ở thế gian này. Không kháng chiến chống thực dân Pháp. Không hận thù đế quốc Mỹ. Cầu mong hồn bà sớm được siêu thoát.

II

"Về Việt Nam, ai cũng mong muốn gặp được điều tốt đẹp nhất. Nhưng cũng phải nhớ rằng, bất cứ thứ tệ hại nào cũng có thể xảy ra!" Cô bạn tôi, theo chồng về Việt Nam ở hai năm, qua lại Mỹ. Nhiều lần "cảnh cáo" bạn bè như thế.

Những người đàn bà tôi tình cờ gặp trên phần đất Nam Việt Nam. Biến cố tháng tư năm bảy lăm đổ ập tới, khi tuổi xuân vừa chớm, không trở kịp tay, một sáng một chiều bỗng biến họ thành những "*Thiếu phụ Nam Xương*" hiện đại, bất đắc dĩ.

Người chồng vừa mới quen mùi. Đứa con đầu lòng đang ngọ nguậy trong bụng. Căn nhà còn nằm trong giấc mơ, dự tính. Phấn son tô môi mới chỉ một góc, nay phải từ bỏ tất cả. Chồng bị lùa vào trại cải tạo. Người thiếu phụ "chưa xong con gái chưa hẳn đàn bà" phải nhảy xổm ra, lăn xả ăn thua với đời, tập tành kiếm sống bằng đủ mọi cách, mọi ngành nghề. Nhưng toàn nghề chụp giựt, sống qua bữa. Từ đứng bán chợ trời, đến ngồi xổm bán từng nắm xôi, đếm từng ly cà phê buổi sáng, mà vẫn không đủ ăn. Phải bán dần mọi thứ đồ đạc trong nhà. TV, quạt máy, bộ bàn ghế, chiếc áo dài, quần đen, thậm chí áo lót mòn đăng ten cũng mang ra rêu rao năn nỉ người mua. Chắt chiu kiếm từng đồng bạc để thăm chồng trong trại cải tạo, nuôi bầy con không cha như chim lạc đàn.

Chị Lộc là một trong những người đàn bà nằm trong sổ "đoạn trường" này. Số phận chị trái với cái tên tiền định ba má chị đặt cho. Chị có khuôn mặt hao hao giống cô giáo dạy toán tôi năm lớp bẩy. Khuôn mặt dài và gẫy,

lưỡng quyền cao, đôi mắt lá răm, chiếc răng khểnh phía bên trái. Chỉ khác là, cặp chân mày của chị rậm như hai con sâu róm vắt ngang, còn cô giáo toán của tôi thì cạo sạch rồi vẽ đậm lên. Mỗi sáng vào lớp, tôi cứ hồi hộp lo sợ cô vẽ không đều. Nhớ một buổi sáng, cô vẽ bên phải cong trọn vòng, bên kia ngắn nửa vòng. Cả lớp ngồi cười thầm trong bụng, nhưng chẳng đứa nào dám lên nói cho cô biết. Suốt giờ học, lòng tôi cứ áy náy. Có nên nói cho cô biết không? Chuông reo. Trước khi cô ra khỏi lớp, tôi thu hết can đảm đến gần nói cho cô biết. Tôi là đứa dở toán nhất lớp, nhưng từ sau buổi sáng hôm đó, điểm toán tôi được "nâng" cao hẳn, mặc dù "trình độ" dốt toán vẫn là nhất lớp. Lần cuối nhìn thấy cô - trước ngày chạy loạn tháng tư năm bảy lăm mấy hôm - cô lái xe Honda đèo ba đứa con nhỏ, bụng đang mang bầu. Chị tôi bảo, chồng của cô, giáo sư dạy triết lớp chị, lớp mười hai, đang cặp với cô học trò, và cô học trò cũng đang có bầu. Tôi nghe, chợt nhớ mái tóc dài của cô bỗng dưng một ngày cắt ngắn, uốn quăn, bận áo dài màu sắc rực rỡ hơn, khuôn mặt trang điểm kỹ càng hơn, nhưng buồn bã hơn. Tất cả chỉ vì cố giữ chồng, cha của những đứa con cô.

Tôi theo chị Lộc về chỗ ở của chị. Nhà nằm trong con hẻm nhỏ vừa đủ cho một người di chuyển một chiều cùng chiếc xe đạp. Nếu gặp người đi ngược, một trong hai phải dừng, hoặc nếu cần, chắc phải xô nhau mà đi. Đây là một trong muôn ngàn con hẻm hẹp, rối nhăng chằng chịt trong thành phố SàiGòn, nhưng không có tên trong bản đồ. Con hẻm vào nhà chị lầy lội, dơ bẩn, lềnh bềnh rác rưởi sau những cơn mưa nước ứ đọng như ao tù. Mùi thối xông lên ngạt mũi. Tôi xắn cao quần, dò dẫm bước theo chị từng bước một.

Căn nhà chị ở, trần lợp mái tôn, chung quanh che bằng gỗ lẫn những tấm carton loại dày, cứng, im hình TV hiệu Sony, máy hát, *karaoke*, tủ lạnh... Chiều dài, rộng chỉ khoảng hơn năm bước sải của tôi. Nơi dung thân của hai vợ chồng, ba đứa con và đứa cháu ngoại. Chỗ ở nóng nảy, chật chội, bừa bộn, hôi thối. Tôi có mặt nơi này chỉ hơn nửa tiếng, mà có cảm tưởng là đang bị tra tấn, tù ngục.

Chị kể tôi nghe đủ thứ chuyện. Đứa con trai lớn hư hỏng. Chị than lỗi tại chị sanh nó thiếu tháng, vì sau mấy lần cố tống nó ra, bằng cách ăn thật nhiều rau răm, cuối cùng không được, đành phải bó bụng thật chặt, sợ hàng xóm biết chị có thai hoang. Đứa con mỗi sáng sớm ra quán cà phê ngoài ngõ, ngồi cho đến trưa. Mệt, về nhà ngủ, tối "kiếm" tiền đi nhậu. Đứa con gái kế, sáng bán gánh chè ngoài ngõ, chiều làm thêm nghề đan nón. Lấy chồng được ba năm, có đứa con, chồng bỏ xứ đi làm ăn nơi khác, rồi biền biệt từ đó.

Đứa con gái út, bị câm từ ngày mới lọt lòng. Chị có thêm nó sau khi chồng thả về từ trại cải tạo và tù vượt biên. Chị giao đứa út cho trời đất, hàng xóm nuôi giùm. Nó đi loanh quanh trong xóm, lê la hết nhà này sang nhà khác, từ sáng tới tối. Nói về đứa con út, chị cứ chặc lưỡi mãi, bảo đó là sự lầm lẫn, ngu si của chị, vì đã không kiêng cử phòng ngừa.

Chị mới ngoài bốn mươi, mà trông như bà già sáu mươi. Mặt đen sạm vì phơi nắng. Mắt, miệng, giọng nói, dáng đi của người dù không biết hoặc để ý tướng số như tôi cũng phải nhận ra ngay là số chị chưa, hoặc sẽ không bao giờ có một ngày thanh thản, bình an trong đời.

Nhìn cái giường, đúng hơn là cái chõng tre, đầy đồ đạc trên đó. Linh tinh thập cẩm. Áo quần, mền gối, nồi niêu, bình trà, gáo múc nước, hộp tăm, quạt, nón, chổi lông gà. Bên trên, cái mùng trũng gần sát mặt gường, cũng một đống đồ ngổn ngang chứa đựng gì trong đó. Tôi không thể đoán được màu của cái mùng, vì nó quá bẩn. Nhìn chị, nhìn cái giường, bỗng dưng tôi nhớ câu ca dao vừa triều mến vừa gợi tình kín đáo mà tôi rất thích.

"Anh về để áo lại đây
Đêm khuya em đắp gió tây lạnh lùng."

Người con gái nào lại chẳng trải qua một thời ươm mơ dệt mộng. Những giấc mộng thầm kín, ấp ủ làm nẩy nở thân xác và thăng hoa tâm hồn. Chị Lộc, như những nàng thiếu nữ lớn lên trong xã hội, mà nơi đó, được chỉ dạy rằng, là thiếu nữ muốn được yêu thì phải đáng yêu. Đáng yêu đây, đồng nghĩa với sự mền yếu, nhẹ nhàng, dịu ngọt, dễ thương, chỉ biết gật đầu, làm đẹp để cho mọi người ngắm, và khen ngợi. Người con gái luôn được đàn ông, con trai dạy bảo, nhắc nhở rằng, sự quyến rũ đáng yêu nằm trong sự yếu đuối, mảnh mai, nương dựa. Nhưng trong thực tế, bước qua lằn ranh thiếu nữ để trở thành đàn bà có con, người đàn bà nhận thấy được ngay rằng, để tồn tại, họ phải có bản lĩnh, và mạnh mẽ, từ thể xác đến tinh thần. Càng mạnh càng tốt. Quên đi lời người yêu từng thủ thỉ, "hãy dựa vào vai anh, tùy thuộc vào anh. Anh hứa sẽ đùm bọc chở che em suốt đời." Càng sống, càng nhận ra rằng, tất cả chỉ là ảo tưởng, lời hứa hẹn suông. Đàn ông họ rất "yêu và cần" sự bảo bọc, che chở, từ người đàn bà. Nếu người đàn bà nào không bảo bọc, che chở, lo lắng được cho họ, họ sẽ rũ áo ra đi, hoặc còn ở lại, chỉ là "ăm bám:" vào mình, hoặc là "của nợ" phải trả. Người đàn bà yêu mình càng ít càng tốt, và phải tự hiểu rằng, trong xã hội phi nhân, phi nghĩa, phi lý này, phải biết bám lấy sự dũng mãnh để sống còn, phải biết tự lực cánh sinh, nghĩa là phải làm trái ngược những gì xã hội, văn hóa chỉ bảo, xúi bẩy mình làm.

Trái với điều tôi hình dung thời con gái đã dạt xa của chị. Tôi lo lắng nghe chị kể về người chồng vô dụng ngay sau khi trở về từ trại cải tạo và tù vượt biên. Anh hoàn toàn sống bám vào chị, đã thế, lại còn rượu chè say sưa tối ngày. Sau một ngày chị làm lụng vất vả và nhọc nhằn ngoài đường, những đồng tiền phải vội giấu mỗi mơi một ít. Trong áo lót, trong sạp gạo, dưới gối, dưới hũ nước mắm, dưới chân giường... Lòng cứ thấp thỏm lo sợ con ăn cắp đi đánh bạc, hoặc chồng lên cơn nghiện rượu. Mỗi lần con xin chị không đưa, phải bịt hai tai, để khỏi nghe tiếng chửi thề đụ má đụ mẹ. Chồng hỏi, chị

không đưa, anh dọa nạt, có khi kéo tóc, xô đẩy, hoặc đánh bầm mặt chị. Có hôm anh rủ rê chị lên giường, "Thấy ảnh tội nghiệp, bị năng nỉ quá, tui chiều. Xong xui, tui bận quần vào, bao nhiêu tiền giấu trong lưng quần không cánh mà bay. Cô nghĩ có tàn nhẫn không chớ. Tiền tui để dành dịnh tráng lại cái nền xi măng đặng mấy mẹ con, bà cháu ngủ cho mát..." Rồi cũng chính chị tự an ủi chị, "Trong xóm tui ai cũng khổ như tui, có người còn khổ hơn, mình cũng thấy đỡ tủi. Như bà hàng xóm ở xéo trước mặt, bị bệnh tiểu đường mấy năm nay, hai con mắt sắp bị mù, lâu nay có người chồng lanh lợi, tháo vác, chạy áp phe mang tiền về nuôi, giờ thằng chả trở chứng chạy theo đứa con gái tuổi mới bằng đứa con út." Tôi ngồi nghe chị nói, kể, than, tâm sự... mà lòng ngán ngẩm. Không lý cả một đất nước, lấy khổ đau của người khác làm thước đo hạnh phúc của mình. Thay vì nhìn lên, thì phải nhìn xuống, để sống.

Gần bốn thập niên trở lại đây, phong trào nữ quyền bắt đầu dấy mạnh. "*The Second Sex*" của Simone de Beauvoir xuất bản lần thứ nhất ở Pháp năm 1949. Cuốn sách đầu tiên nghiên cứu về nữ giới nghiêm túc, hệ thống, và đầy đủ. Bà đi từ huyền thoại, lịch sử đến vấn đề hiện đại. Cổ võ người đàn bà nên suy nghĩ độc lập. Phải cam đảm, dám phiêu lưu, chấp nhận mọi thử thách, phá bỏ những qui luật, công ước do xã hội vạch sẵn. Sau đó, Betty Friedan, năm 1963 xuất bản ở Mỹ cuốn "*The Feminine Mystique*" khuyến khích người đàn bà phải biết tự do lựa chọn. Niềm hạnh phúc và đóng góp có thể trong gia đình hoặc ngoài xã hội. Vấn đề là thực hiện điều mình muốn. Người đàn bà phải được đối xử công bằng và bình đẳng, như thế mới thể hiện được sự độc lập, làm chủ bản thân đời sống, và tham gia mọi vấn đề, sinh hoạt chung. Tiếp theo sau, là một đội ngũ nữ giới khắp bốn phương tiên phong tiếp tay phong trào phụ nữ. Họ xuất hiện trên mọi lãnh vực, mọi ngành nghề. Từ chính trị, tôn giáo, xã hội, luật pháp, giáo dục đến văn chương, phim ảnh, y tế, kế hoạch hóa gia đình. Nhưng họ vẫn còn ở trên những bước đầu. Mấy chục năm nữ giới góp tiếng nói chưa thể sánh với mấy chục ngàn năm nam giới có tiếng nói. Tuy nhiên, thế giới hiện đại cũng đã hé mở cánh cửa cho người đàn bà bước vào. Người đàn bà có cơ hội sống với sự chân thật và ước muốn. Được góp tay, chung sức đứng cạnh người đàn ông.

Đàn ông là cha, chồng, anh, con, bạn trai... của họ.

III

Chính quyền Việt Nam ngày nay phải có nhiệm vụ bảo vệ người dân, kể cả đàn bà. Phải bài trừ tệ nạn chà đạp nhân quyền và nhân phẩm người đàn bà "*thấp cổ bé miệng*" như trường hợp chị Lộc. Những bạo động, đánh đập, bóc lột, hà hiếp người đàn bà trong gia đình, ngoài xã hội vẫn chưa có luật

pháp, hoặc biện pháp nào ngăn chận, để bảo vệ, chở che người đàn bà một cách hiệu quả, an toàn.

Những người đàn ông ngày nay còn áp chế, hành hung đàn bà, là do sự hèn nhát, thiếu tự tin, mặc cảm thua kém, và nhất là, "*male ego*" còn đeo nặng trong lòng. Người đàn bà nào, bất cứ ở đâu, làm nghề gì, cũng phải được đối xử bình đẳng. Với đàn ông, đàn bà không có sự thua kém, mà chỉ có sự khác biệt.

Người đàn bà ở những nước văn minh tiến bộ tương đối may mắn hơn những người đàn bà ở các nước "*third wold country*". Họ được quyền tìm kiếm, lựa chọn, đòi hỏi, dù rằng trong quá khứ, vai trò người đàn bà gần như bị phủ nhận, hoặc bị bạc đãi. Nhưng không phải vì thế mà người đàn bà ngày nay phải quay ra thù hằn, chán ghét, oán trách người đàn ông, hoặc phải làm tất cả những gì người đàn ông làm. Đàn bà ý thức điều mình muốn làm, và làm một cách trọn vẹn, vì lợi ích chung. Không nhất thiết phải dùng đàn ông như là cái thước đo hoặc như là chủ đích để mình đạt tới.

*

Tôi đứng dậy xin phép chị Lộc về, sau khi đưa chị số tiền tương đương chị đầu tắt mặt tối ngoài đường vài tháng. Còn tôi, đó chỉ là một bữa ăn tối ở một tiệm trung bình cùng vài người bạn. "Tiền cô thương cho, tui đội ơn. Tui để dành mua thuốc siếng uống. Mấy hôm nay, nó cứ hành từng cơn, cả đêm tui có ngủ được đâu."

IV

Hàm Tân, cái làng nhỏ nằm trên đường ra miền Trung tôi có dịp ngang qua, và đã dừng lại nơi đó một ngày, một đêm.

Làng với vài ngàn nóc nhà, mỗi nóc nhà trung bình cũng phải trên dưới bốn người. Hai vợ chồng và một bầy con, sống lúc nhúc như bầy lợn chẳng khác nào "*Nhà Mẹ Lê*" của Khái Hưng.

Bên cạnh "đặc điểm" của đất Hàm Tân là đông con, còn những đặc điểm khác nữa là không điện, thất học, siêng năng đi nhà thờ, trung bình ngày hai buổi, sáng và tối. Hầu hết dân trong làng làm nghề "đập đá".

Bé Lan tôi gặp trong căn chòi nhỏ bên vệ đường dẫn tôi vào xóm. Em trông chừng mười tuổi. Nhìn em, tôi nghĩ tới cọng cỏ dại mọc tràn quanh căn chòi. Những cọng cỏ liu điu, hiu hắt, buồn buồn. Khuôn mặt em cũng thế, không chút hồn nhiên của tuổi thơ. Việt Nam hiện nay, với dân số là 74 triệu dân, trong đó 54 phần trăm là phái nữ, và em là một.

Lan "*tay xách nách mang*" hai đứa em nhỏ. Em nói còn ba đứa nữa ở nhà.

Hai đứa em như hai con khỉ đeo cứng lấy mẹ. Một đứa có áo thì không có quần, đứa kia có quần lại không có áo. Cả hai đứa mũi dãi chảy lòng thòng.

Tôi dừng lại, ngồi xuống hỏi thăm trò chuyện cùng em và bà bán quán. Những trái ổi xanh mơn mởn vừa hái, cuống và lá xanh vẫn còn bám chặt, bày trên đĩa nhựa. Tôi nhìn trái ổi, rồi nhìn em, nghĩ tới tuổi thơ của mình. Trời nóng như lò lửa, em bận bộ đồ ngắn tay, hoa màu xanh nhạt. Mặt và trên hai cánh tay trần lấm tấm những vết thâm nhỏ, như bị đậu mùa, nhìn kỹ có cái đã thành sẹo, có cái vừa kéo da non, và có cái còn đang mọng nước và mủ. Tôi nhìn, không thể không tò mò.

"Da em bị sao vậy?"
"Bị đá văng vào."
"Sao lại bị đá văng vào?"
"Tại đập đá."
"Sao lại đập đá?"

Em lúng túng. Bà quán chen vào cắt nghĩa.

Mấy năm nay vì nhu cầu xây thêm nhà cửa trên tỉnh, nhờ đó cả làng có công ăn việc làm. Sáng ra, cả đoàn người đi vào núi, cách làng khoảng mười cây số. Người đi xe đạp, người xe bò, người đi bộ. Cùng nhau đào từng tảng đá khuân về bán. Nếu may mắn được tảng đá vuông vức, độ hai lóng tay bề ngang bề dọc, thì bán được bảy trăm đồng - tương đương bảy cents tiền Mỹ , còn không may thì khuân về chất ngoài sân để vợ con ở nhà đập nát bán ký. Một ký khoảng vài trăm bạc.

Bà kể thêm cảnh đập đá bằng búa. Đá đập nát vụn văng tứ phía. Không thể tránh đá văng vào người, ghim vào da, có người bị đá đâm vào mắt. Tôi tưởng tượng ra ngay cảnh đá văng tung tóe vào mặt, mũi, tóc, tay, chân. Đá ghim vào da, lấy tay gỡ ra, chảy máu, lở lói, rồi lành, rồi lở. Những thân thể còm cỏi thiếu ăn nhưng thừa sức sống, và ý chí sống còn.

Nhìn em, rồi nhìn vạt cỏ dại khô ngoài căn chòi sao mà hắt hiu, thê lương quá đỗi. Tuổi em vừa lên mười sao đã lắm đeo mang trách nhiệm. Cơm nước, coi em, đập đá. Một ngày em ăn được mấy chén cơm nguội với cá kho khô?

Từng này tuổi, em đã phải làm mẹ, làm con, làm chị. Nhiều trách nhiệm đeo trên vai làm sao em lớn. Trí óc và thân thê làm sao phát triển, hả em?

Thằng em nhỏ thức dậy sau một giấc ngủ say, vội vã kiếm chị, nhưng mắt lại mải nhìn tôi, vấp phải chân bàn, ngã chúi, những viên bi trong túi rớt ra, lăn dài trên nền nhà. Những viên bi tròn, trong xanh như mắt em.

Bao thế hệ đi trước em đã hy sinh, chỉ mong cho con, cho cháu như em được sự bình an trong một xã hội nhân hòa, bác ái. Đúng ra giờ đây em đã phải được đối xử công bằng và được hưởng đầy đủ mọi quyền lợi. Bất hạnh cho em sinh ra và lớn trong một đất nước nghèo nàn, lạc hậu. Chiến tranh

tàn phá hàng ngàn năm. Nhà nước quản lý sai lầm. Em được hưởng những gì trong một nước Việt Nam độc lập, dân chủ, đổi mới? “Diễn tiến hòa bình, hòa hợp hòa giải, dân chủ tự do, kinh tế thị trường”. Tất cả chỉ là mỹ từ, sáo ngữ. Ở vào tuổi em, thay vì ôm sách tới trường mỗi sáng, chiều về học đàn, học vẽ, chơi thể thao, nghe nhạc và mộng mơ. Em lại "*tay xách nách mang*" những đứa em, một bên xương chậu phải bành ra, để đỡ lấy chúng. Cánh tay với những vết mưng mũ, thân hình còm cõi thiếu ăn, đầu óc trống rỗng. Nơi mà giáo dục và y tế lại đứng cuối cùng trên danh sách canh tân đất nước. Bài toán của em, cả nước phải cùng nhau ngồi lại giải, không chỉ riêng em.

Tôi nhìn em rồi ngước nhìn trời, chợt nhớ tới anh bạn thi sĩ tôi mới quen ở Hà Nội. Anh lớn hơn tôi đúng hai con giáp. Thời chiến anh là bộ đội. Thời bình anh là nhà thơ. “Thế hệ anh là... vật bị thiêu đốt, là lửa, là cuộc chiến, là món thí nghiệm. Thế hệ em là sự thiêu rụi, là hậu quả, là hậu chiến, là đống tro tàn. Thế hệ con cháu chúng ta là những cọng cỏ non mọc lên từ đống tro tàn, từ đống gạch vụn. Có thể chúng èo uột, mong manh, nhưng chúng chứa đựng mầm mống của sự sống, tương lai và hy vọng.” Tôi ngồi im lặng nghe anh nói, mà thầm nghĩ anh quả là người lạc quan. Điều may mắn cần thiết trời ban cho anh để tồn tại trong xã hội đầy dẫy những tang thương này.

Nhưng dù sao, ngay lúc này, tôi ước ao có anh ở cạnh tôi quá đổi.

LÊ THỊ THẤM VÂN



TÔ THÙY YÊN

vẫn là

Vẫn là tiếng thinh lặng kinh hoàng
Đâu đó quanh đây
Do một vật đã rơi buông từ chỗ rất cao
Còn để lại.

Vẫn là nỗi khuya khoắt đuối tuyệt
Đâu đó quanh đây
Của những bước chân hồ nghi thất lạc
Về tự lãng quên xa.

Vẫn là cơn tức tưởi cầm nén
Đâu đó quanh đây
Bục ra từ xương thịt tủi phận
Khốn quẫn tồn sinh.

Vẫn là niềm nhớ nhung oan khuất
Đâu đó quanh đây
Về những khôn thiêng chưa hề hiển dạng
Ngày đêm chứng giám ta.

Vẫn là sự đeo đẳng rợn người
Đâu đó quanh đây
Của những điệu ru hời vướng vất thiên cổ
Từ cây cỏ hôn mê.

dừng bước

Mặt trời mọc đã quá lâu,
Bức bối nỗi trần thân đơn độc...
Giữa một thoáng trống giao phiên của gió cát,
Ta lau phẳng vầng trán nhọc nhằn,
Lau phẳng ký ức xếp nếp.

thanh minh

Trọn ngày, hồn mộng rong chơi
Miền cỏ non xanh rợn.
Lúc chiêng thu không,
Còn chưa muốn trở về mồ.

viễn tây

Mỗi năm, bờ mỗi lở xa thêm.
Bên này sông,
Chẳng còn nghe thấy nữa tiếng gà gáy diệu vợi
Bên kia sông.

Có thể nào một sớm mai kia,
Hoang mang bốn bề sương trắng mịt.
Chợt đến khi trời sáng rỡ ngỡ ngàng,
Thấy thôi chẳng còn gì, thôi chẳng còn ai.

Trùng trùng vách núi rát âm vang
Lời khóc kể tối trời tận diệt
Của những bộ tộc bị tru di
Vận theo gió có tro tàn của những tráng sĩ cổ.

Ai đã từng ngồi đây giữa đường hồ hải,
Giữa đống lửa qua đêm,
Gửi trước ra xa bao tình mộng thăm dò
Những ngày mai vô định liệu.

Những bánh xe nặng rời rã lăn qua
Những mênh mông bất biến chưa có mặt đường.
Mùa hè trống thênh.
Mùa đông tịnh không.

Bứt ruột gửi gắm cho thời gian
Thi thể những người thân bất hạnh
Đã chẳng tròn được lời ước hẹn buổi đăng trình
Trở về chết nơi sinh.

Thôi, trách chi người đi chẳng hết đường.
Em bứt ngang lời thề độc, ở lại thị trấn nấm
Có quán rượu hực lửa đèn, đàn hát, bạc bài...
Trước khi già, lấy chồng sinh con.

Mai có ai về ngang quãng sông này,
Xin ném cho hòn đất hỏi thăm.
Xưa có người đi chẳng đến đích,
Để con tuấn mã lại đời hoang...

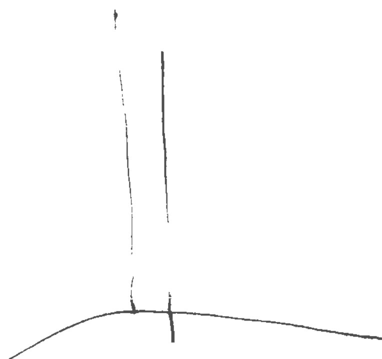
Những nấm mộ đá chồng như giếng mỏ rỗng kiệt,
Hình hài người chết đã tiêu tan.
Nhưng chắc đâu hồn mộng chẳng còn chạy giỡn bạt ngàn
Đến tàn hả cuộc mê man cùng Vô Biên độc nghiệt.

TÔ THÙY YÊN



NGUYỄN HƯƠNG

BIÊN GIỚI



Hôm tôi vừa đến nơi này, trời vẫn mưa. Bong bóng vỡ giữa lòng đường. Đường biến mất vào lạch. Lạch vào kinh, kinh Vĩnh Tế.

Kinh Vĩnh Tế chảy ra Vịnh Xiêm La với tốc độ kịp thời bảo vệ Hà Tiên.

BA

Chuyến đi hôm đó Đại hỏi Phiên ơi, tại sao cùng một ngôi sao đó mà người ta có hai tên gọi? Trời chạng vạng tối. Đường xuyên sa mạc như ngày tận thế. Tôi nói tại một ngôi sao để nhắc mình đi ngủ, còn ngôi kia đánh thức mình dậy. Đại lại hỏi vậy lúc mình ngủ thì nó là sao hôm hay sao mai?

Tôi tên Nguyễn thị Phiên, làm tham vấn đầu tư/kinh tế. Trong chỗ làm, mọi người gọi tôi là Phi, lâu ngày thành Fifi. Người Mỹ hay đặt tên chó là Fifi. Đại có tên Mỹ là Rey. Chẳng hiểu nghĩa gì. Chúng tôi làm việc vùng LA. Có khi cuối tuần rủ nhau lái xe vài trăm dặm chỉ để nhìn xa lộ xứ Mỹ nối nhau mãi như những chéo khăn nối vào nhau bất tận trong trò ảo thuật. Chúng tôi sẽ ghé vào đâu đó. Lake Tahoe. Las Vegas. Ngủ motel một đêm. Mua đồ lỉnh kỉnh ở nhiều nơi dọc đường, rồi quay đầu lái về. Chuyến này chúng tôi đi Phoenix.

-Ừ thì để ngủ xem. Không khí khô nhẹ, lạnh xông lên óc. Tôi đổ trong

phích ra tách cà phê nóng đưa cho Đại.

Lúc tôi thức dậy trời ửng sáng. Mặt Đại tối im trước tay lái. Cảm giác giấc mơ bỏ dở hãy còn gờn gợn, tôi vẫn nghe hơi Đại thở trên da. Tôi luồn tay vào tóc Đại hỏi anh đọc xong chuyện em đưa tuần trước chưa, em viết lâu lắm rồi, dấu mãi trong xó. Đại nói:

-À đọc rồi. Lại nữ quyền chứ gì. Nhưng còn bản năng như một giới hạn, một thứ định mệnh thì sao hả Phiên?

Đường sắp vào thị tứ. Tôi nhìn thẳng trước mặt. Diễn giải nào cũng đầy quyền uy và hiểm họa. Sự nghiệp văn chương của tôi (mà theo Đại đó là sự nghiệp chính trị: Ở nhà làm nô lệ cho anh, anh nuôi cả đời) chấm hết ở đấy.

Chúng tôi ghé vào khu bảo tồn sắc tộc Navajo. Tôi mua mấy vòng thắt chỉ màu - rọ bắt mộng - cô bán hàng trịnh trọng giải thích. Tôi nheo mắt cười. Lúc trở ra Đại hỏi sao cười, "các bộ tộc bản xứ sống cả ngàn năm không để lại dấu vết gì. Vẫn sa mạc. May ra còn mấy thứ này." Tôi bảo:

-Đó là kinh tế thị trường. Còn dân gì đó thì đã biến mất. Như ngôi sao biến mất giữa hai tên gọi.

-Biến mất là sao? Bộ những ai đã là quá khứ đều biến mất cả sao? Cô là đàn bà không chung không thủy. Đại cười, nói thêm gì đó tôi không nhớ. Sau lần đó tôi không gặp lại Đại. Hắn cũng chẳng tìm tôi.

Trưa thứ Bảy sau tôi thả bộ đến nhà Cristin. Căn phòng thảm cũ ướp mùi tàn thuốc. Nhà nó đầy ảnh. Có lần tôi nằm mơ thấy chúng là ảnh chụp từ Việt Nam, hóa thành những cánh bướm đen trắng, bám hờ trên nền tường. Lúc ăn mì Ý sốt cà, Cristin bảo chuyện mày vừa điệu vừa nhạt thết, chẳng có khởi đầu, kết cục gì ráo. Tôi là đàn bà không có thủy chung.

Sáng thứ Hai tôi tình nguyện đi Việt Nam tham khảo về khả năng khai thác tơ lụa đặc sản xứ nghèo, đúng đắn chính trị, giúp kinh tế nhỏ phụ nữ. Dân nhà giàu thời hiện đại thích tiêu thụ hàng lương tâm.

HAI

Đến Thành Phố Hồ Chí Minh tôi làm việc với Đoàn, từ Ban Kế Hoạch Trung Ương, bây giờ vừa đổi tên gọi là gì đó. Đoàn nói:

-Gia đình chị đi ngay lúc giải phóng vào phải không nào? Đừng lo, nhà nước bây giờ có chính sách khoan hồng, khép lại quá khứ mở rộng tương lai.

Đêm đầu tôi như người đi dưới nước. Không ngủ được, tôi đọc báo cáo của các nhóm tham khảo tơ lụa. Nửa khuya tôi thấy Vú đứng dưới chân giường bồng tôi trên tay. Vú nói lúng búng. Tôi khóc ré. Vú dỗ nín đi con vú mua cho con hột é một ly. Hột é từng hạt phình trương như trứng chửa, tuần tự nở bung trên đầu lưỡi tôi.

Sáng tôi nói với Đoàn muốn đi Châu Đốc thăm sinh hoạt dệt nhuộm lụa mỹ-a. Đoàn ngần ngừ bảo cần thì giờ bố trí. Tôi mường tượng bức thư mười mấy năm trước mỏng te, chữ nguệch ngoạc cho địa chỉ ở chợ Vĩnh Tế, nhờ Tứ chuyển lại cho bà Thạch Thị Đen ở Xóm Cầu.

Anh tài xế vừa hút thuốc vừa bấm còi, mãi mới ra tới bìa thành phố. Các cô chạy Dream, váy ngắn, áo hở rốn. Một ban tam ca nào đó hát Whitney Houston, I will love you forever. Đoàn ngồi trên, mang kính râm. Tôi ngồi băng sau cạnh Dung và Hồng, hai cô bên Công Nghiệp Nhẹ đi thu tư liệu. Dung hỏi chuyện Việt Kiều. Hồng rất trẻ, không bắt chuyện, mắt ngó lung ra cửa kiếng, nho nhỏ hát theo nhạc băng. Đoàn xoay hẳn người xuống phía chúng tôi: Các cô thành phố trông mát mẻ nhỉ? Dung nói phải chi Bác sống mà xem thành phố mang tên mình, cho mát ruột. Đoàn gật gù. Dung nhìn tôi:

-Hồi đó Dung vượt biên mấy lần không được. Chứ hông thôi bây giờ cũng như Phiên rồi.

Đoàn hỏi mất bao nhiêu cây.

Tỉnh lỵ màu đất sét. Trời bắt đầu mưa. Lúc đầu thưa. Càng lúc càng nặng hột. Chúng tôi đến làm việc với ban kế hoạch tỉnh. Lát được ông Đình và ông Tám Thức dắt đi ăn chiều. Quán có sàn trên mé nước. Ông Đình quê Hải Hưng, mảnh người, ăn nói nhỏ nhẹ, hay pha trò:

-Thế quí vị có ai biết sự thật đằng sau vụ án vườn vải quê tôi không nào?

Tôi giơ tay:

-Biết. Biết. Rắn trả thù con. Vua mưu hại Trãi. Trãi ra tay trước. Vua chưa bao giờ được ngủ với trăng trong vườn vải. Thị Lộ là đàn bà đẹp.

Hồng không nhìn tôi:

-Sao lắm căn cơ thế? Sự thật chỉ nên có một. Đừng tham.

Đoàn gắp lươn xào bỏ vào chén tôi hai lần. Ăn dai mà nhớt. Ông Tám Thức hứa sẽ cho tôi đọc chuyện khai hoang vùng Châu Đốc.

Sau bữa ăn, tôi dành thanh toán tiền. Xong bước ra ngoài hiên bấm ảnh cho Dung và Đoàn đang đứng tựa lan can. Nắng tan nhanh. Hồng không chịu đứng chụp ảnh cùng. Lúc tôi quay lại Hồng nói:

-Việt kiều thừa tiền nhỉ. Chúng tôi nhận ra mình bằng những biên giới. Sắc tộc, đẳng cấp, chính trị, trong ngoài, chủ khách. Không nên chơi trò quàng xiên, cho dù bằng những đồng đô tốt bụng.

Nước gợn ra xa mãi. Nước đổ vào lạch, lạch vào kinh, kinh Vĩnh Tế.

Năm 1818, Gia Long cho xúc tiến việc đào kinh Vĩnh Tế. Quốc Triều Chánh Biên chép lời vua: "Công trình đào sông ấy rất khó. Việc nhà nước và cách phòng giữ bờ cõi quan hệ rất lớn. Bọn người tuy là khó nhọc một lần mà ích lợi cho muôn đời về sau, phải bảo nhau biết, chớ nên sợ nhọc." Trước khi đào kinh, vua trấn an sứ Chân Lạp. Minh Mạng lên ngôi tiếp tục công trình:

"Đức Hoàng Khải Thế Tổ Cao Hoàng Đế ta mưu sâu, nghĩ xa, chú ý việc ngoại biên. Việc ấy không lợi gì cho Chân Lạp." Khởi sự, Lê Văn Duyệt huy động 55.000 dân công. Dân Việt từ Vĩnh Thanh. Dân Miên từ đồn Uy Viễn.

Buổi tối cả bọn đi ngủ sớm. Tôi mướn phòng riêng giá ngoại để khỏi phải ngủ chung với Hồng và Dung. Căn phòng tôi ngộp thở. Mền mùng ẩm mốc. Tôi nằm đọc chuyện Châu Đốc khai hoang của ông Tám. Đoàn gõ nhẹ: Phiên chưa ngủ chứ? Đoàn ngồi xuống mép giường:

-Phiên này, anh nghe được nhiều chuyện hay lắm có muốn nghe không? Ông Đình đi lại với chị Thắng chủ nhiệm hợp tác xã, chồng tử sĩ, lao động gương mẫu hồi còn con gái ngoài Bắc. Mở cây mặc nưa quanh nhà, bà ấy đốn đào ao nuôi ba-ba, nuôi sấu bán da làm giầy cho Phiên mang chân này. Sống khá lắm.

-Tôi không mang giày da sấu.

-Thật không, đưa chân anh xem nào.

Tôi gài chặt cửa. Tiếng chân Đoàn ngoài hành lang xa dần. Bóng tối luồn qua khe hở.

Buổi tối chúng tôi đốt lửa xua chân bóng tối, hơi ẩm, và mõm sấu. Đêm nào cũng có thằng lên cơn rét. Mười thằng trong đội tôi bỏ trốn mất hai. Chết một. Thằng chết vì sấu táp bắp đùi. Máu xối từ háng, lê trở về trại. Mắt sấu đỏ đỏ. Chúng tôi đập chiêng cả đêm sợ sấu say máu tìm theo. Thằng xấu số gần sáng thì chết, mắt trừng trừng mở. Tên cai người Duồn bảo tối ngủ lấy dây lạc buộc chân bảy thằng chúng tôi lại với nhau. Nghĩ cho cùng, mùi tanh mõm sấu giữ chân chúng tôi giỏi hơn dây lạc. Ban ngày lội bùn lên tới háng. Phác bần, xắn đất. Xắn vào chân là thường. Lương không no. Tên cai không thích nhìn vào mắt chúng tôi. Hắn quất roi vào lưng chúng tôi. Mỗi khi chúng tôi quay lại nhìn hắn là hắn quất roi vào khỏang không, gằn giọng: Vợ con chúng mày ở nhà lãnh thóc, lại còn ích nước lợi vua, khỏi bị bọn Xiêm hiếp đáp. Không biết chúng tôi còn có ngày gặp lại vợ con?

Mỗi dặm mở rộng, vét sâu là Thoại Ngọc Hầu thấy phơi phới như vừa viết xong từng đoạn sử xanh. Nước nhà đang rõ nét sơn hà, minh bạch biên cương, vững yên bờ cõi, ngẩng mặt với trời, lân bang kính nể. Hầu không nề hà dẫm nát bao nhiêu cuộc đời. Dân đen nào biết gì về tương lai. Bọn Miên còn đen hơn cả dân đen. Hầu không nề hà dẫm nát lòng mình. Chả bù lão Lê lập công bằng gai mạt Hầu. Lão uy tín lẫy lừng vùng biên giới cũng chỉ để củng cố giang san bên thành Gia Định. Còn Khôi, mắt Khôi đặc quánh như hổ phách. Hầu nhiều lần nằm mộng thấy mình chết đuối giữa mênh mông màu hổ phách. Mà Khôi chỉ là thằng Mán ngấp nghé ở bìa rừng thì sao hiểu được đạo dựng nước: mán mọi miên kinh, công thần giặc cướp đều phải qui về một mối triều đình. Họ Nguyễn là họ của tương lai. Hầu có biết đâu chỉ mấy mươi năm sau, họ

Nguyễn đã là họ của quá khứ.

Năm 1823, nước kinh Vĩnh Tế đổ ra Vịnh Xiêm La. Hầu được phong chức Khâm sai thống chế, án thủ Châu Đốc đồn, lãnh bảo hộ Cao Miên quốc ấn, kiêm quản Hà Tiên trấn biên vụ. Hầu trọn quyền vùng biên giới, việc gì chỉ phê rồi đóng ấn "Bảo hộ Cao Miên Quốc chi chương." Hầu qui tụ dân về khai khẩn thôn làng từ Châu Đốc đến Hà Tiên. Mặc nưa trùng trùng từ ngọn Cô-tô vùng bảy núi như muốn nối sang vùng đất cao bên kia kinh, dài lên tới đồn An Man (Phnom Penh). Hầu lập Vĩnh Tế Sơn Thôn vùng núi Sam (Phnom Svam), đắp đường nối liền với chợ Châu Đốc. Đêm đêm, nằm bên lưng ong Châu thị Vĩnh Tế chắc nịch như công danh. Vậy mà Hầu vẫn nằm mộng. Lần Hầu mơ thấy mình chết đuối rồi tắt thở. Đó là năm 1829. Bốn năm sau Khôi nổi loạn, chiếu theo nóc nhà dân, đem tiền trong kho ra tán cấp đến hơn một ngàn quan, lại còn lũng đoạn biên thùy cầu viện quân Xiêm. Khôi còn trẻ dạ, thằng mán bìa rừng mắt màu hổ phách.

Tôi thoát ra ngoài trời đêm, đi cho hết chiều dài đường tỉnh lẻ. Trăng đỏ mọc sau lưng. Miễu Bà sáng bập bùng theo dàn ngũ âm. Nườm nượp người đi lễ hội.

-Dì ơi dì.

Tôi nhìn xuống đứa bé tóc bết bùn, ngồi vạ giữa vũng nước mưa níu lấy gấu quần tôi:

-Lạnh ướt như vầy, má cháu đâu?

Người đàn bà trẻ nhìn tôi cười:

-Phải có người khổ thì mới có người sướng. Chị trả công nuôi sống nó đau khổ thay chị. Có gì đâu.

Tôi ngờ ngợ nhận ra người này. Những tờ tiền nhàu tuột khỏi tay tôi. Cô ta biến mất. Chỉ còn đứa bé nhìn tôi. Tôi nắm chặt tay đứa nhỏ ở chỗ giáp giới bóng đêm, ngập ngừng đi tới. Không biết bao lâu, bao xa mà mặt trời ửng ửng sau lưng. Trước mặt tôi rải rác bóng nền nhà bỏ hoang, phất phơ vài đoạn phên dậu trong gió. Mẹ nói nhà ngoại con hồi xưa ở đây, con bé chỉ về phía bóng nền nhà cháy nám chỏng chơ.

Nó kéo phăng tôi xuống mé nước bước lên cầu. *Gập ghềnh cầu ván đóng đinh. Chúng tôi bước xuống lòng thuyền. Mặt trời từ sau rọi tới, gẫy vụn trên nước.*

Đứa bé vuột khỏi tay tôi, rón rén chui vào mu thuyền. Tôi đang do dự không biết nên về hay ở thì một người đàn ông lầm lì lướt qua tôi lên bờ. Mẹ con bé vén màn bước ra. Cô ta nhìn tôi mà như không thấy, lom khom nhúm lửa trong góc mạn thuyền. Tôi ngồi xuống:

-Gọi cô bằng gì cho tiện? Tôi tên Phiên. Tôi phụ cô lo cho cháu một chút được không?

-Em tên Hoa. Trước người ta gọi em là Hoa Sắc. Tụi nhỏ ghẹo Hoa Sắc

Hóa mãi thành tên. Bây giờ em là Hóa. Chị muốn ở chơi thì ở. Còn con Huyền em lo được. Bắc nồi cháo cho nó đây. Không dám phiền chị. Hóa đều tay khuấy cháo. Chốc bảo:

-Huyền ra ăn.

Con bé tái xanh mệt mỏi chui ra ngồi xuống cạnh mẹ. Nó bé không ngờ. Hóa múc cho nó chén cháo tỏa khói, nhúng nước lược nhẹ nhẹ chải tóc Huyền, thắt thành hai bím ngắn chưa chấm vai. Gió gợn trên nước. Con bé tì vào lòng mẹ, vừa húp cháo vừa cười với tôi. Răng sún. Hóa thong thả bỏ từng quả vàng nhạt vào cối giã nát.

-Trái gì vậy?

-Mặc-nưa. Nghề phụ. Hóa chỉ tay sang bờ bên kia nơi có mấy cụm mặc-nưa dong dỏng cao.

-Còn nghề chánh?

Hóa nhoài người múc nước kinh lên đổ vào thau mặc-nưa. Nước đen, lênh láng lạnh như mặt lụa mỹ-a quần Vú mặc mấy ngày Tết.

-Cho chị hỏi thăm. Ở đây em có biết bà nào tên Thạch thị Đen không?

-Không.

Tôi về nhà khách. Nắng lấp lánh mái nhà. Tôi đòi Đoàn chở đi việc riêng. Hồng cau mày nói chúng tôi xuống đây công tác với tỉnh, cần anh Đoàn hướng dẫn. Dung nháy mắt nhìn tôi cười. Tôi ôm ngang lưng Đoàn. Xe máy mượn tại chỗ chồm lên phóng về phía chợ Vĩnh Tế. Tôi hỏi quanh không ai biết Vú. Lúc chạy ngang khu nền nhà bỏ hoang, tôi bảo Đoàn dừng xuống ăn xâu bánh lá khi nãy mua dọc đường. Đoàn đứng sau lưng tôi nói trông giống cảnh người đi. Tôi bỏ Đoàn ở giữ xe, đi loanh quanh. Ông lão khom lưng lượm lặt gì đó trên nền nhà cháy.

-Ông cho cháu hỏi thăm nhà bà Thạch thị Đen.

-Thì nhà bả đây nè.

Tôi nhớ lời bé Huyền đêm qua, lòng như se lại. Tôi quay về chỗ Đoàn:

-Anh về tỉnh công tác. Không Hồng phiền.

Tôi lững thững đi xuống mé nước, gọi Hóa đang trên mạn thuyền. Hóa chờ bóng xe Đoàn khuất, chậm chạp quay vào mui thuyền. Tôi theo sau.

Huyền nằm trong góc thiêm thiếp. Tôi ngồi xuống cạnh con nhỏ. Nó nóng bỏng, thở đứt quãng, khò khè. Tôi lục túi đưa cho Hóa mấy viên kháng sinh. Hóa lắc đầu:

-Nó sốt cử sáng cử chiều đã hơn tuần nay. Hôm nay không nghe nó ho nữa.

-Sao không nói sớm? Em tán nhỏ thuốc, đổ với nước vào cho nó, may ra.

Hóa làm theo. Huyền sặc nước, nấc lên mấy lần. Tay chân nó thõng thượt, nóng mịn một màu nâu non trẻ. Hóa nhúng tay vào thau nước, nhè nhẹ vuốt khắp thân thể đứa bé. Bàn tay nó ngón dài thậm thượt tuột khỏi tay Hóa, nhỏ xuống từng giọt nước tí tách. Tôi nhìn những manh nhật trình tả tơi che

không kín khe vách trông như xác bướm đen trắng khô đét rớt xuống trong giấc mơ cũ, hóa thành mấy bức hình Cristin chụp ở thế giới nào đó mờ nhạt ngả màu. Tôi trông thấy ảnh bé Huyền nhìn tôi cười, tóc lơ thơ trong gió sớm.

MỘT

Hóa đắp lên mình con manh vải, quay bước ra ngoài. Tôi theo sau. Nắng xế chênh chếch rọi. Nước kinh chảy tận mãi hôm nay từ thế kỷ trước. Hóa ngồi xuống chậm rãi kể. Giọng Hóa già quá trăm năm.

Ngày sanh em mẹ còn khóc lóc nhớ chị. Mẹ bồng bế chị đến tháng chót, bụng chửa chang bang mới dám xin nghỉ việc về quê sinh em. Mẹ tứ cố vô thân. Cha em người Hoa, họ Hứa, mồ côi từ nhỏ, trước bán xe bò viên, không biết chữ. Có lần xay thịt vò viên, xay cả ngón trỏ bên trái. Người ta nói phải chi xay phứt đi ngón bóp cò súng thì còn xin miễn dịch. Cha bị bắt lính không được về phép ngày nào. Tin mẹ mang bầu cha nhận được trước khi tử trận mấy ngày. Cha đã nhờ bạn lính viết thơ về mẹ, dặn con trai thì đặt tên Hứa văn Hòa, con gái Hứa thị Hoa.

Em không rõ bà ngoại em chết bao giờ. Mẹ kể gia đình xưa sống nghề nhuộm vùng Thất Sơn, ngược dòng kinh đến Xóm Cầu này. Lớp giặc, lớp đói, lớp đi, lớp chết chẳng còn ai. Mẹ dùng tiền dành dụm từ suốt bao năm đi ở cho gia đình chị để dựng căn nhà lá trên thềm nhà cũ. Mẹ lại xoay sở nuôi em ăn học trường tỉnh bằng nghề nhuộm. Em lớn lên bên mẹ, bên những gốc mặc-nưa mẹ rung cành em nhặt, bên những thau nước thăm thẳm như đêm không sao, bên những giải lụa em giúp mẹ phơi trưa nắng.

Thỉnh thoảng mẹ gọi yêu em bằng tên của chị. Thỉnh thoảng em hỏi ai đặt cho mẹ tên Thạch thị Đen. Mẹ bảo mình có ăn là nhờ màu đen. Nhưng màu đen làm em liên tưởng đến ngàn năm cơ cực, cứ bám vào đá mà ăn. Bọn trẻ trường tỉnh chọc sao mày trắng bóc trắng bông mà mẹ mày đen thủi đen thui.

Em muốn mẹ mặc quần trắng, áo bông, họ Nguyễn như người ta ngoài chợ tỉnh. Em muốn xé nát tấm quần vải cọc đen mốc meo. Em muốn xô hết bao nhiêu xấp lụa mỹ-a xuống nước con kinh này bao nhiêu năm vẫn đục.

Tại sao thủy chung người ta ví như son sắc? Màu đen mới là màu vĩnh cửu, mặc kệ triều đại, chiến tranh, cách mạng; người như mẹ chạy hai trăm năm không thoát.

Em muốn thoát. Em bỏ màu đen mà chạy. Em van mẹ bỏ nhà, bỏ Xóm Cầu, bỏ Vĩnh Tế, bỏ núi Sam. Mẹ sợ thế giới ngoài kia. Mẹ sợ trở về cuộc đời con ở tối dạ tối hình, mù chữ, nói tiếng Việt sai điệu sai vần. Ở chỗ biên giới, mẹ còn băng được qua kinh sang vùng đất bên kia hái trái mặc-nưa. Ở với thau nước

mặc-nưa mẹ không thấy mình đen đủi. Nhưng em, em có thể là chị, họ Nguyễn, ở một nơi nào đó của tương lai. Em đốm chà quanh nhà châm lửa. Mẹ không đi. Mẹ ngồi yên. Căn nhà tăm tối bao năm cháy sáng. Em tê dại nhìn bóng mẹ trong căn nhà lửa rực. Suốt đời chưa bao giờ em thấy đêm sáng thế.

Em bỏ đi đêm đó, xuôi dòng kinh ngang vùng bảy núi. Nỗi hạnh phúc nhen nhúm, hoảng hốt nhưng chắc nịch. Đom đóm túa xuống từ núi Sam, bay ngợp trong đêm.

Em trôi đi mãi. Em không nhớ gì hết. Không nhớ cả tương lai. Chỉ có con kinh vẫn chảy giữa một thế giới trống không. Không có gì đã qua và sẽ tới. Đêm im phăng phắc. Không có cả tiếng gió lao xao trên những ngọn mặc-nưa dong dỏng cao mà em tưởng sẽ nghe suốt đời.

Vậy mà em vẫn tới. Hà Tiên ồn ào phủ chụp lấy em bằng thứ nắng vàng óng như mật ong. Em tìm thẳng đến một nhà hàng xin vào làm gái. Em làm quen ngay với cảm giác gờn gợn như điện chạy ngoài da, rút vào người như đêm, như sống, như chết. Chỉ vài tuần, mặt nệm em bắt đầu phủ lên lớp ánh sáng vàng óng như mật ong. Những đồng tiền vàng óng như mật ong. Em nghe tiếng cười của chính mình, trong đến vô tận. Tình yêu đến với em giữa thế giới đó. Hắn sống bằng nghề đánh mật ong rừng tràm. Thật ra, không nhất thiết phải là hắn. Không nhất thiết phải là gã đàn ông nào cả. Em đã sẵn say thứ ánh sáng kỳ diệu đó, một mình giữa một thế giới.

Rừng tràm ngày càng tóp teo. Hắn cứ phải vào sâu hơn để tìm mật. Hắn hoảng hốt trước tương lai tóp teo của hắn. Hắn mượn đâu được vố nợ đứng, bảo đang chuyển nghề làm ăn. Hắn đòi em bỏ nghề hắn cưới làm vợ. Đàn ông thời kinh tế thị trường mà có khi còn phù phiếm vậy. Cùng lúc đó em ngưng chảy máu. Bụng em phồng phồng mầm sống. Thân thể đã bắt đầu xa lạ, không còn thuộc về mình. Em chưa kịp chối từ sự phù phiếm của hắn thì hắn không đủ sức góp lãi, bị chủ nợ cho bọn giang hồ đánh, ói máu suốt đêm trên giường em. Hắn chết như thế em khỏi phải thắc mắc có phải hắn là cha đứa bé hay không.

Bụng em bình rình. Mặt nệm em từ đêm hắn chết đã ngả sang màu đỏ bầm. Tiền phải hết. Thế là em lại ngược dòng kinh, nước đục lờ bao nhiêu năm vẫn chảy. Em trở về dùng những đồng tiền của thế giới mật ong rơi sót lại để mua manh thuyền này. Người ta bỏ mặc em cùng đình bụng mang dạ chửa, không buồn tra hỏi chuyện nhà cháy. Em chuyển bụng, sanh con Huyền một mình ngay đây, giữa những cơn đau đủ sức nghiến nát đời người. Nó trôi tuột ra như mạch nước nóng phún lên từ lòng đất, đỏ nhợt. Em cắt cuống nhau quăng xuống nước kinh, bao nhiêu năm vẫn đục.

Tôi ngồi im. Lâu sau Hóa nói: "Không biết bao lâu rồi em sống bằng những động tác bôi xóa. Bỗng dưng chị có mặt. Quá khứ hiện tại tương lai có mặt. Em xin trả tương lai lại cho con Huyền. Chị hãy nhận nó."

ZERO

Lúc tôi vào đổ cho Huyền mấy muỗng cháo tán thuốc kháng sinh trời đã nhá nhem tối. Tôi nằm xuống cạnh Huyền. Cơn sốt nó đã hạ. Huyền ơi mẹ kể chuyện đời xưa, con nghe, con ngủ cho dậy sức. Tiếng nước đập nhẹ vào mạn thuyền nghe như đêm xuôi dòng kinh, kinh Vĩnh Tế.

Ngày xửa ngày xưa, một hóa thân của thần Indra giáng trần ở vùng bảy núi, ăn sống vị vua nhu nhược, chiếm nước, đóng đô cạnh dòng sông chảy từ tây sang đông. Diện mạo ngài đen đúa dữ tợn, kẻ thù đều khiếp vía. Ngài nới rộng mãi đế quốc, cho xây đền đài, cưới nàng Sita về làm vợ, hết mực nuông chiều. Nàng Sita mắt sóng, da nâu, vú nở, mông căng, mặc áo bó tay, váy xoắn lên rốn. Quanh cổ và mỗi bên cổ chân, cổ tay nàng mang bảy vòng vàng, cả thảy ba mươi lăm chiếc. Tóc nàng xoắn dày, bới cao, quanh cuộn vòng hoa trắng ngào ngạt không bao giờ héo.

Ngày nọ, có gã thợ đàn người nước lân bang ngược dòng sông đến xin được vào khảy vua nghe. Tiếng đàn đục ngầu ai oán của hắn ngân nga từ độc một sợi dây căng giữa chuôi bầu và mốc gỗ làm mọi người trầm trồ. Hắn được vua cho ở lại làm nhạc sĩ cung đình.

Riêng nàng Sita cứ ra vào tựa cửa ngó ra sông. Tiếng đàn rời rạc đục lờ dội lại trong đầu làm nàng xây xẩm. Nàng bỗng thấy ra bao cuộc đời khác nàng, đau đớn, cùng đinh. Có lần đang đứng trên lầu thưởng trăng, nàng tì vào bờ tường, gập người nôn thốc xuống dòng sông nước chảy.

Tin nàng thụ thai cả nước ăn mừng. Trước cung, quân lính chất cao gỗ trầm nổi lửa rát mặt suốt chín tháng mười ngày. Ngày lâm bồn, nàng nghe như ai cầm giáo trổ từ cửa mình xuyên suốt đỉnh đầu. Bên dưới nàng là lớp than ấp nóng. Vua đến nhận hoàng tử từ tay bà đỡ, ngọ nguậy bóng nhẫy còn lấm tấm máu. Vua nhúng hoàng tử vào bể nước lát đá, trên mặt thả hoa năm cánh, trắng lơi lả như bàn tay Shiva cong ngửa.

Mỗi lần cho hoàng tử bú, nàng Sita mặt càng rạng rỡ. Mỗi lần nhìn hoàng tử, vua mặt càng sạm lại, lòng dạ cứ tái đi. Đến ngày hoàng tử bảy tháng, vua mang gã thợ đàn ra chém. Xong chỉ mũi gươm xuống đất. Đến đâu đất sụp vỡ ra đến đấy. Mồ hôi ngài vả xuống thái dương. Thanh gươm bỗng chốc ngả màu hung sét. Nhật thực tối sầm. Nước từ dòng sông cuồn cuộn ùa thoát theo đường gươm vạch, thành con kinh chảy từ bắc xuống nam, phân định biên giới với nước lân bang. Vua cho đọc tội hoàng hậu bội phản. Bỏ hai mẹ con lên bè. Tự tay vua châm bốn mươi chín ngọn nến xung quanh. Ngài lội nước đẩy bè ra giữa dòng kinh. Mưa quất vào mặt. Mắt nàng Sita sóng sánh. Con vượn Humana của nàng phóng theo chỉ. Vua thảy cho nàng thanh gươm rỉ, bảo bao giờ gươm sáng lại nàng chống bè ngược dòng mà về.

Lần đầu tiên, những cuộc đời đau đớn cùng đinh mọc theo tiếng đàn ai oán của gã thợ đàn. Họ làm loạn. Giặc giã khắp nơi. Loạn quân cầu viện nước lân

bang bao giờ cũng sẵn lòng can thiệp. Lần đầu tiên, giữa hai nước xảy ra một cuộc chiến tranh biên giới.

Bè nàng Sita trôi trong đêm như cộ nước đèn. Đom đóm lượn quanh. Từng bầy sấu thấy động trườn xuống nước quật đuôi ầm ĩ. Một con sấu há mõm chồm lên. Tai nàng ù ù gió. Tiếng con nàng khóc thét. Nàng lôi phăng con vượn thủy chung quăng vào mõm sấu. Tiếng con nàng kêu nghe như vượn hú. Mùi tanh tưởi theo nàng đến hai mươi năm sau, ba thế giới, đứa con còn ngửi thấy.

Trời hừng sáng, bè nàng tấp vào bãi mắm sát cửa bể. Nàng bế con lên bờ định cư, đốt rừng làm rẫy. Hai mẹ con nàng đã thuộc về thế giới khác.

Vậy mà xế xế, nàng vẫn ra bờ kinh mài gươm. Nàng mài đến đâu, gươm rỉ đến đó. Có khi nàng thấy trôi ngang dàn hỏa thiêu cháy đen. Có lần nàng thấy dật dờ mấy mảnh xiêm y của nàng từ kiếp trước.

Đứa con lớn lên môi đỏ đẹp như con gái. Chiều chiều lúc nàng ra ngóng ngược dòng kinh nước đục là nó ngóng ra biển khơi. Có lần nàng theo kể nó nghe về thân thế. Nó không nói gì, chỉ lơ đãng ngó vệt nước đục ngầu chỗ con kinh đổ ra biển. Xa kia là nước xanh cùng thẳm.

Một hôm nàng ra bờ kinh như thường lệ. Trôi ngang nàng là những tử thi cụt đầu, phình trương, trông không biết được người quê nàng hay dân nước lân bang. Hôm đó là hôm đứa con nàng vượt biên dong buồm ra biển. Nó bỏ lại sau lưng dòng kinh, biên giới của thời nàng. Con nàng đã thuộc về thế giới khác.

Bội phản, tội danh nguyên thủy của nàng Sita, từ đó được lập lại đến vô tận. Bằng những cuộc ra đi.

Huyền đã thở đều. Ngày mai, tôi sẽ mang con gái tôi bỏ nơi này mà đi.

NGUYỄN HƯƠNG



PHẠM VIỆT CƯỜNG

tháng mười

mưa ngùi ngùi trong giấc mơ khuya
mưa nhòa góc rừng chói vì sao rụng
nơi thế giới xa tràn mộng ngây thơ
những nụ hôn dài hụt hơi thương nhớ
bóng tối giả dụ khoảng cách tuyệt cùng
trong đêm im cõi sầu thơm ngát
mấy cành hoa tím nhạt cô đơn
niềm khắc khoải của trái tim lặng lẽ

gió đi loanh quanh trong thành phố mưa
những con đường lá dạt lùa tan tác
chính vì ai dịu dàng đi qua mùa thu
nên bâng khuâng nhớ trời xanh biếc cũ
gió sẽ xóa đi lụa nắng trong ngần
chấp chới trên cành khô run rẩy
mong manh sợi dây nối mệt với đời
sự bình yên của trái tim lặng lẽ

giọng nói còn xao xuyến đêm dài
như tuôn trào ra ngoài giấc mộng
như âm nhạc riêng của sự im lặng
lời hẹn hò tha thiết ngoài mơ xa
để sẵn lòng đi bên đời như thế
khuất tối con đường thơm hoa đêm
góc phố lạnh nụ hôn vĩnh viễn
nỗi cô đơn của trái tim lặng lẽ

PHẠM VIỆT CƯỜNG



NGUYỄN THỊ THANH BÌNH

chỗ đến

Tôi là bóng và bóng cũng là tôi
Hình đợi bóng hay bóng chờ hình lại
Tôi đi mãi sao con đường dài mãi
Ở nơi nào hình nhập bóng tinh khôi.

trở về

Chợt thức giấc giữa trần gian im ngủ
Thấy yêu thương chim bướm với chuồn chuồn
Tôi đã lại từ địa cầu rất cũ
Trả loài người mặc nắng gió mưa tuôn.

nỗi không

Giữa cõi thinh không giữa cõi lòng
Nửa ngày mộng mị nửa ngày không
Tuyết rơi qua những bàn tay trống
Xác thân không còn khoảng vắng trông.

không tiếng

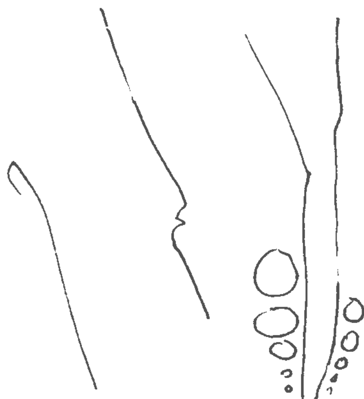
Đêm chảy xuống như tóc mây vần vũ
Một dòng trôi trôi tuột tới hoang vu
Lắng nghe đi cả toàn thân vũ trụ
Vẫn rì rào lời im lặng thiên thu.

NGUYỄN THỊ THANH BÌNH



NGUYỄN THỊ MINH NGỌC

ĐI THĂM



1. Trên xe gồm có bốn người: anh Huê, chủ xe kiêm tài xế, kiêm người tổ chức chuyến đi, ông Sâm, một soạn giả cải lương đã từ lâu không viết được, cô Vân Mộng và Thà. Bốn người này không thân nhau lắm. Ba người, ông Sâm, cô Mộng và Thà lần đầu tiên mới gặp được nhau. Họ ngồi cùng xe vì có mục đích chung: lên vùng đất tên L. để thăm chị Kiêu.

Qua khỏi Bình Triệu, anh Huê kiếm một quán Ba Bê : Bánh Bèo Bì, để cho cả xe ăn sáng. Trước 1975, thỉnh thoảng anh có sáng tác nhạc. Sau 1975, do một sự hiểu lầm, anh bị ở tù, chung phòng với những người bạn của chị Kiêu. Khi đã định cư ở nước ngoài, họ có nhờ anh khi nào thu xếp được, nhớ lên L. thăm chị Kiêu coi sống ra sao rồi viết thư cho họ rõ.

Cũng chính mấy người đó, khi gặp được cô Mộng ở một ngày hội về sách ở nước ngoài đã nhờ cô cầm một số tiền về đưa cho anh Huê gởi tặng chị Kiêu. Nghe nói anh Huê đích thân lái xe lên thăm chị Kiêu, cô Mộng dời chuyến về Hà Nội để được đi theo. Là một người viết văn, cô tò mò muốn ngó tận mặt một phụ nữ viết văn lừng lẫy trước đây, mà cuộc đời đã gắn ít nhiều với một số huyền thoại.

2. Thà đi vì không phải tò mò. Cô đang có một số việc làm ăn chung với vợ anh Huê. Xe trống một chỗ, anh Huê rủ Thà đi. Hơn nữa, cô là bạn thân

của Tuyến, em trai của chị Kiêu. Nghe nói bây giờ ở Mỹ, Tuyến đã đi giải phẫu để chuyển làm phụ nữ.

Ông Sâm có mặt trong chuyến đi với một nỗi hào hứng riêng. Thời vàng son của ông cũng là thời vàng son của mẹ chị Kiêu. Bà không thích để cho khán giả thấy giai đoạn suy tàn của mình nên khi không còn lãnh những vai chánh trẻ đẹp bà chuyển nghề bán thức ăn chay rảnh rang thì viết sáu câu cho bạn bè nghe chơi. Khi tên tuổi chị Kiêu tạo được tiếng vang trên văn đàn, ai cũng cho là người mẹ sân khấu này có phần nào ảnh hưởng tới chị. Suốt dọc đường đi, ông Sâm ca ngợi chị Kiêu không tiếc lời:

"Nhờ dạy tiếng Anh cho các cô *me Mỹ* nên nó rành chuyện đổi máu lấy cơm. Đọc truyện nó nhiều người tưởng nó là gái bán ba. Những lớp tả cảnh trên giường của nó làm cho người ta khóc hơn là gợi dục. Thằng Minh Xờm, chủ bút tờ "Phụ Nữ Thời Đàm" thấy nó đang ăn khách, mời đến, đặt viết một feuilleton trong đó có một cặp làm tình từ phòng khách lăn vô phòng ngủ, lết tới phòng ăn, rồi lôi tuột ra vườn. Kiêu không thèm trả lời, về thẳng. Chả tung chuyện nói xấu nó. Chờ Văn Bút nhóm họp có mặt đầy đủ văn giới, nó ngoắc Minh Xồm lại, tát cho một cái như trời giáng. Tụi tao *đã* gì đâu!"

3. Từ chuyện chị Kiêu, ông Sâm phác họa thêm vài nét về những nhân vật viết văn cùng thời với chị. Ông Hải Hà thích thắt cravate chống batone đi tới đi lui đọc cho một cô gái xinh đẹp đánh máy trong phòng có vách kín trong suốt để bên ngoài chiêm ngưỡng. Cô Y Minh thì thích dấu đôi mắt đẹp của mình đằng sau cặp kính to đen bản. Họa hoằn lắm cô mới mở mắt kính ra thì bên trong cô luôn tô màu nước đen đậm kịt quanh mắt như một cặp kính thứ hai. Bà Sơn Nhã lại có cách chứng tỏ gia đình mình là một gia đình đạo đức bằng cách kéo các cô gái ra mắng la trước mặt các nam văn sĩ đến chơi nhà. Đặc biệt ông Linh Vỹ nổi tiếng chẻ sợi tóc ra làm tám, ngó mặt mày nhăn nheo như khỉ già vậy mà bà vợ thứ tư ghen can không nổi.

Cách kể chuyện của ông Sâm dí dỏm, sôi động. Cùng ngồi ở phía trên kể vọng xuống nhưng cái giọng rầm rì, chậm rãi, tiếng được tiếng mất của anh Huê làm Thà chỉ muốn thiếp ngủ mỗi khi anh xen vào. Anh đang kể về những năm tháng khó khăn của chị Kiêu:

"Mặt chị Kiêu lúc đó choắt lại chỉ bằng hai ngón tay gác chéo. Bạn bè chị bỏ đi gần hết. Ai rũ đi chị cũng lắc đầu. Nói ở lại chưa viết được mà đi rồi chắc gì sẽ viết được đâu. Khó mà tưởng nổi chị Kiêu buông bút. Không phải chỉ vì mưu sinh mà ai cũng thấy chị cần viết như cần thở. Chị nói với tôi dù có thế nào chị cũng sẽ tìm cách viết, cho dù sẽ rất khó in, cho dù sẽ có rất ít người chịu đọc nếu may ra người ta cho phổ biến...

Gia đình chị lúc đó đã hiến nhà, bỏ quê kéo rốc lên L. lập nghiệp, trừ Tuyến đã xuống tàu. Chị vẫn gắng bám lấy vùng ngoại ô Saigon cho các con

đi học, hằng tháng phải đi ký giấy tạm trú trên ngôi nhà của chính mình. Cho đến ngày người ta không chịu ký nữa chị đành phải bán rẻ căn nhà cho anh Trưởng Công an Xã rồi đi.

Sau này anh ta treo cổ tự tử chết trong ngày cưới của con gái chính trong ngôi nhà đó. Bạn bè chị Kiêu bên kia nghe được chuyện này có lời bình phẩm: "văn phong Kiêu độc quá nên ngôi nhà cũ của nó cũng độc khí tràn đầy".

4. Nhắc tới một số tên tuổi ở nước ngoài là khơi trúng mạch nói của Vân Mộng. Cô kể cà kê về những người bạn của chị Kiêu mà cô vừa được gặp bên kia. Cuối cùng rồi cũng quẹo về chị Kiêu:

"Họ năn nỉ lắm tôi mới cầm tiền chuyển cho chị Kiêu. Mấy vụ tiền bạc này làm ơn dễ mắc oán lắm. Tôi chưa đọc sách chị Kiêu nhưng thấy bên kia quý chị lắm. Có lẽ người ta ưa dồn tình thương cho những người bất hạnh hơn mình? Về nước tôi cố ý tìm sách chị Kiêu đọc nhưng không kiếm ra. Anh Cân, một đầu nậu sách cho hay mấy năm trước Thông tin Văn hóa ở quê chị có cho in lại một số sách của chị. Và chính điều này gây rắc rối cho chị Kiêu. Một bài báo, rồi tiếp theo rất nhiều bài báo nổi lên phê bình khuynh hướng văn chương khiêu dâm của Ngân Kiêu. Sách chị bán chợ đen đắt như tôm tươi nhưng kể như chị *tiêu*, anh Cân nói vậy".

Ông Sâm ra vẻ hiểu biết, sôi sục quay xuống kể:

"Cha châm lửa đầu tiên là thằng Bốn Hải đó mà. Hồi xưa ba con Kiêu nuôi cho nó ăn học thành tài. Bỏ đi thời gian, khi giải phóng về người ta giao toàn bộ rạp hát trong tỉnh cho nó coi. Nó cho phá đền thờ ông Định Quốc Công để làm Nhà Văn hóa chiếu phim. Chính nó xúi ba con Kiêu đem nhà tự hiến cho Nhà nước làm Hợp Tác Xã đan chiếu cói. Chưa hết, lấy tư cách em nuôi, nó lên Saigon, xin con Kiêu ủy quyền cho nó in lại toàn bộ sách của Trần Thị Ngân Kiêu. Kiên nói đã hứa giao cho bên Sở Văn Hóa in rồi. Nó tức, viết bài phá đám chơi. Đám a dua nghe lời chửi có lý bèn chửi hùa. Trong đám đó có nhiều đứa chưa đọc con Kiêu một chữ..."

Bởi hồi đó má con Kiêu cứ than với tao hoài. Bả nói vì quá thương nhớ bạn bè nên viết đôi ba câu vọng cổ ca chơi. Ai dè nẩy nòi ra con Kiêu này viết lách ngang tàng, không khéo cả nhà bị lụy như thằng Tiết Cương làm cả nhà họ Tiết lãnh án tru di trong truyện Tiết Đường, Tàn Đường gì đó".

Chuyện cái gia tự của gia tộc chị Kiêu bị hiến, Thà có biết. Cô quen Hồng, một người bà con xa với chị Kiêu. Mẹ Hồng than cha chị Kiêu nổi hứng bất tử làm liều chớ nhà gì của riêng ổng mà ổng hiến. Để bây giờ cả nhà họ muốn bán chia nhau cứu đói thì không có cách chi đòi lại được. Có lần trong họ phái chị Hồng lên L., kéo chị Kiêu về quê làm đơn xin lại nhà. Người ta vẫn nhận đơn nhưng biểu chờ, lại không cho Hồng và chị Kiêu vào thăm nhà xưa, viện cớ Hợp Tác Xã đang nghỉ chờ hàng, không dám cho người lạ vô cơ quan,

sợ thất thoát tài sản chung của tập thể.

5. Xe đi ngang những phố chợ đông đúc. Núi chập chùng trước mặt. Anh Huê nói điệu này mình lên kéo chị Kiêu ra quán ăn bữa trưa rồi về ngay. Đường không còn tốt nữa, cô Vân Mộng bị dằn xốc, đòi ói luôn miệng. Ông Sâm galant đòi đổi chổ cho cô. Cửa xe mở ra, bụi mù mịt đỏ lòm. Cho xe lăn bánh tiếp, anh Huê chuyển câu chuyện sang đời sống hiện tại của chị Kiêu:

"Ngó bộ sống nghèo. Vậy mà bữa hôm công an, thuế vụ, kiểm lâm ghé thăm bà già, trầm trồ khen mấy câu đối sơn son thếp vàng của ông già chị tha từ dưới quê lên, có người nài nỉ mua, "nàng" cương quyết không bán. Ở trên đây ngoài bà già, chị còn phải lo cho đứa con bị bại. Cũng may mà hai đứa ở dưới Saigon học giỏi. Đứa đầu đã vào đại học, đứa thứ hai sắp thi vô."

Có bữa Thà đi với Hồng gặp đứa con thứ hai của chị Kiêu, hỏi chuyện về ba nó. Nó nói: "Cut him! Cắt ông ta đi cho rồi!..."

Xe bị lộn lên lạc xuống mấy lần mới tìm ra nhà chị Kiêu. Hồi giỗ đầu của cha chị, Hồng có kéo Thà lên đây. Nhưng ở phố núi này, chỗ thì xây cất nhiều, chỗ lại hoang sơ thêm, nhìn không ra chốn cũ. Hỏi tên chị không ai biết, nhưng nói tên bà già, mấy người ở Hạt Kiểm Lâm kêu a biết rồi, nhà bà Hai bán giấm có con gái dạy Anh Văn.

6. Khoảng sân rộng nhà chị trước đây nay đã lau sậy um tùm. Cây cổ thụ đốn ngang. Đóng trên thân cây là miếng carton ghi chữ "TẠI ĐÂY CÓ BÁN GIẤM NUÔI". Bước vào trong thấy có che một cái chái. Lèo tèo một hai dãy bàn ghế với tấm bảng đen và mấy dòng phấn trắng "Is he a teacher? I'm a student. You're a farmer".

Chị Kiêu đang làm cỏ ngoài vườn. Đòi rửa tay vô nấu cơm đãi khách nhưng anh Huê gạt ngang, mời cả nhà ra quán dùng cơm. Chị Kiêu ra dấu nhờ mẹ ở nhà ngó chừng đứa con út. Bà cụ ngồi trên chiếc tràng kỹ nâu chạm trổ công phu, trên đầu là hoành phi thiếp vàng lốm đốm khờn mẻ, trước mặt là những hủ giấm nuôi... Mỗi người tới chào được bà phát cho ít cục kẹo dừa dù tai đã hết nghe, miệng luôn mỉm cười trên một khuôn mặt chữ điền, mắt nhìn sâu hút bao dong như mắt Phật.

Thà ra sau vườn xin mấy trái ớt chỉ thiên mang quán ăn. Chị Kiêu ngồi chơi ngó mọi người, thỉnh thoảng hơ đũa nhấm nha, dường như vui quá không muốn ăn. Ông Sâm nói hay sẵn xe mày về Saigon chơi. Chị Kiêu lắc đầu, đất đai nhà cửa còn có thể nhờ người trông ngó, nhưng má mình, con mình ai săn sóc thay được mà bỏ đi chơi.

Người nói nhiều nhất bây giờ là cô Vân Mộng. Mộng nói tình hình văn đàn thế giới bên ngoài đang cần những người như Mộng, như Kiêu. Chị Kiêu

ghé vào tai Thà hỏi nhỏ:

"Con nhỏ đó là ai?"

Ớt cay xé lưỡi khiến Thà nghe lùng bùng. Mà cũng chẳng biết nói về cô Vân Mộng thế nào cho chị Kiêu rõ. Gần đây ai từ nước ngoài về cũng kiếm sách Vân Mộng mua, cùng với lời trách móc, sao mọi người ở đây hèn thế, không ai binh Vân Mộng lấy một lời. Chị Kiêu kể lâu lâu có một tờ báo tình cờ lọt vào tay chị đọc cho chí những dòng quảng cáo, chỉ tiếc những bài báo có nhắc tới Vân Mộng không lên được tới đây. Ông Sâm ngồi nghe cô Mộng nói huyên thuyên, bổng, trầm, đôi khi đanh thép... với một vẻ ngoài thán phục. Anh Huê vẫn cười cười, chậm rãi, ba lơn đế vào những khi cô Mộng nghỉ, thở:

"Này, cô có vẻ là một dũng sĩ hơn là một văn sĩ".

7. Bữa ăn tàn, cô Mộng ngó đồng hồ, tô lại cánh môi, rồi hỏi xin chị Kiêu một cái truyện để gửi ra nước ngoài. Chị Kiêu ngẩn người, như vừa xong một cơn mộng nhỏ, rồi hỏi nhẹ, hệt một thiền sư bất chợt cảm được một công án lướt qua:

"Truyện là gì?"

NGUYỄN THỊ MINH NGỌC



VIRGINIA HAMILTON ADAIR
NINH NGỌC BẢO KIM *chuyển ngữ*

trở lại madison

Đó là mùa thu 1936,
chuyến xe đò rầm rì đưa tôi từ miền Đông
đến nơi mà Willian Ellery gọi là
"Thành phố huy hoàng của nỗi sầu khổ ngày tôi khôn lớn."
Tôi đeo chiếc nhẫn đính bảy hột xoàn nhỏ
và hai hột khác, to hơn một tí.
Tôi đang yêu ít nhất hai người đàn ông, yêu
tiếng kèn Louis Armstrong, thi ca,
học vấn, nghi lễ, yêu trượt băng
lúc 10 độ dưới không, uống Manhattans,
yêu nhảy đầm, hồ và rừng Wisconsin,
yêu hầu như tất cả.
Một nỗi lo âu thấp thoáng phía trước: đám cưới tháng sáu;
nhưng 10 tháng quá lâu để thành thực tế.
Người đàn ông kia đang chờ nghe điện thoại.
Chúng tôi sẽ đi dạo trong công viên Vilas
trước hoàng hôn, và cái cảm giác đồ sộ
bao la hơn cả lục địa sẽ dâng lên
trong mình, không mời gọi, không đoán trước, và tôi -
khác với những người đàn ông tôi yêu - không bao giờ hỏi
để biết chuyện gì xảy ra kế đấy.
Tôi sống lại năm mươi năm sau lần trở lại rực rỡ đó
về cái thành phố có sông hồ bao quanh,
ngược lên từ quyển tiểu thuyết của Stegner mới bắt đầu đọc,
nhìn mãi vào hoàng hôn một thời gian nào khác.
"Tôi biết trường Đại Học nằm ở cuối
con đường State và tòa nhà quốc hội đầu kia,"
và sự hân hoan của hiểu biết, nỗi vui buồn
của cái năm kỳ diệu ấy đâm suốt qua tôi:
cơn bão thâu đêm, và những dấu chân
rời cửa nhà tôi lúc sáng sớm, tuyết mới lấp vùi đi.

câu báo trước thành thật

Đậu chiếc xe Mustang nát bét của anh
ngoài mé rừng,
chúng ta ngồi nhìn mưa long lanh trên kính.
Em hỏi anh đã viết cho Leonard chưa.
Anh bảo "Chưa, khi bạn bè dọn đi
họ ra khỏi đời anh."

Lúc trước, khi còn trong đam mê của mình,
em nghĩ: Ngay cả chết cũng là hạnh phúc
nếu anh nghiêng người qua em
trong giây phút cuối ấy,
ngón tay mát lạnh, bùa phép của anh
vuốt mắt em khép lại.

Bây giờ, nghìn trùng xa lộ không dứt,
cửa thu lộ phí, những cây cầu,
đảo lộn trước mắt em.
Cần sang số và phanh
ngăn cách hai đứa mình.
Em nói "cám ơn câu báo trước."

Nhưng em còn yêu anh thật lâu sau khi
gia đình chúng ta cách nhau một lục địa,
cảm thấy bàn tay và lời nói anh
đến giữa em và tay lái,
khi lái xe một mình buổi tối
vào khu đồi không cây.

bóc vỏ cam

Giữa anh và bát cam em nằm trần
Đọc Ảo Tưởng Của Thế Giới *qua nước mắt.*
Anh với qua em thèm quả tròn,
Tay anh trần rắn chắc, rậm lông và ấm trên bụng em.
Ngón tay anh bóc vỏ một quả cam

Thả những cái nổ li ti đầy chất dầu cay.
Anh đặt những khoanh vàng đã bóc
thành một mẫu hình ngộ nghĩnh
Trên người em trắng. Sắp xếp lại, anh cúi và cắn
Vào để thả thêm mùi thơm háo hức.
Em nói "Đừng anh, em nhột," mắt vẫn không rời trang sách.
Mùi hương vườn cây nồng lên. Qua lá xanh
Tuyết cao xa lấp lánh. Qua môi đỏ
Răng anh trắng cắn một khoanh trong.
Mặt anh trên mặt em che khuất Ảo Tưởng Của Thế Giới.
Cam và nước từ miệnh anh qua miệng em. Em cầm sách
Phía sau đầu anh, vẫn đọc, vẫn thút thít khóc.
Anh bảo "Đọc đi, anh chỉ là ảo tưởng thôi", trườn
Lên người em êm ái. Và chẳng mấy chốc
Em nói "Đừng ngừng lại. Đừng làm em vỡ mộng."
Tuyết tan. Ngọn núi bạc ra thành nhiều dòng.
Những quả cam là những thế giới vàng trong cơn mộng tối đen.

một buổi chiều bình thường

Nằm cuộn trong anh
trên ghế sofa dài

máy hát đang giúp cho
Isolde đạt tới đỉnh cao

Em đang tỉa
những sợi lông thô

từ tai anh
và lỗ mũi đỏ

khi anh nói, "Nhạc
để cắt dây thép mũi"

và ta cười rung mình đến nỗi
kéo khía vào

cổ anh mềm mại
máu máu của anh

em lau chỗ đứt
bằng lưỡi em

và ta ôm chặt nhau
những tiếng hát ném vào người mình

cho đến khi máy
nhấc đầu kim lên

từ đĩa nhạc
một bài hát chấm dứt

bỏ chúng ta lại
trong hơi buồn của Wagner

trong năm đó
anh chết

bởi chính tay mình
máu máu của anh

em chưa bao giờ hiểu
em sẽ không bao giờ hiểu

VIRGINIA HAMILTON ADAIR

Những bài thơ được giới thiệu trên đây được trích từ tập thơ *Kiến Trên Quả Dưa (Ants On The Melon)* của nhà thơ Virginia Hamilton Adair, in năm 1996 lúc bà đã 83 tuổi và mù lòa hẳn. Tác phẩm này là tập thơ đầu của bà.

Sinh năm 1913 tại New York City, bà lớn lên trong một gia đình yêu chuộng thi ca. Thân phụ bà là Robert Browning Hamilton, cũng là một nhà thơ có tiếng lúc bấy giờ. Bà bắt đầu làm thơ từ lúc 6 tuổi, và đã đoạt nhiều giải thưởng về thơ từ khi còn là sinh viên tại trường đại học Mount Holyoke. Bà tốt nghiệp Master tại đại học Harvard, nơi bà gặp người chồng tương lai, Douglass Adair.

Bà có bắt đầu chương trình Tiến sĩ tại đại học Madison ở Wisconsin, nhưng bỏ dở sau hai năm theo học để lập gia đình. Suốt một khoảng thời gian dài sau đó, bà chỉ theo chồng, lúc bấy giờ là một giáo sư sử học, đi dạy ở nhiều nơi. Bà vẫn tiếp tục làm thơ, và những sáng tác của bà đã được đăng tải trên các tạp chí văn học tiếng tăm như *The New Republic, The Atlantic,* và *The Saturday Review of Literature.* bận bịu với chồng và ba con, bà quyết định không thúc đẩy sự nghiệp thi ca của mình qua việc in thơ thành sách. Thêm nữa, đối với bà, thơ là một ngôn ngữ tất yếu của tinh thần và bà chỉ làm thơ đăng báo theo ý thích chứ không muốn bị gò bó hay tùy thuộc vào người đọc và nhà xuất bản.

Năm 1955, bà dọn về Claremont, California, theo chồng chuyển về giảng dạy ở Claremont Graduate School. Bà cũng bắt đầu dạy học ở California Polytechnic University ở Ponoma, nơi bà sẽ giảng dạy suốt 22 năm sau đó.

Năm 1968, chồng bà tự tử chết mà chính bà và mọi người thân quen không ai biết được nguyên nhân. Mất mát to lớn này ảnh hưởng đến bà sâu sắc, và bà đã tìm đến thi ca để giải tỏa những sầu muộn, phân vân và khắc khoải trong bà. Chỉ mãi đến gần đây, với sự giúp đỡ của người bạn thân, nhà thơ Robert Mezey, bà mới ưng thuận cho in tập thơ đầu tay này. Hiện nay bà vẫn sống ở Claremont, California.

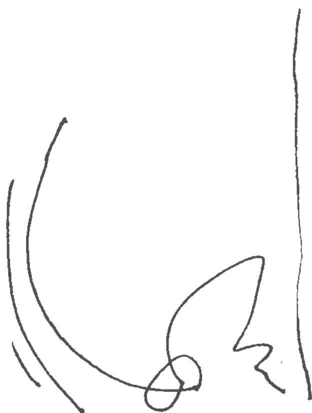
Thường thường những chi tiết trong các bài thơ của Adair là những kinh nghiệm của đời bà: những kỷ niệm thời trẻ, những chuyến đi, cái chết của chồng, nỗi cô đơn, tính khắc nghiệt của thời gian... Với một ngôn ngữ thơ trực tiếp, giản dị và mạnh mẽ, tập thơ của bà đã làm nhiều nhà thơ, nhà văn và nhà phê bình sửng sốt. Như nhà thơ Galway Kinnell đã phát biểu trong một bài viết gần đây về Virginia Hamilton Adair trên tờ The New Yorker, "bà đến trong thế giới chúng ta như một vì sao chổi" - đột ngột và mãnh liệt.

Những bài thơ dưới đây được chuyển dịch từ các bài *Return to Madison* (trang 131), *Fair Warning* (trang 125), *Peeling an Orange* (trang 107) và *One Ordinary Evening* (trang 113), tất cả đều được trích từ tập *Ants On The Melon* của Virginia Hamilton Adair, nhà xuất bản Random House, New York, 1996.



DONALD BARTHELME

NGƯỜI NÉM CÁT RU TRẺ EM



Dưới đây là bản dịch truyện ngắn "The Sandman" của Donald Barthelme. Chữ "sandman" trên tựa truyện chỉ tới một nhân vật huyền thoại, người đem cát ném vào mắt trẻ em để ru ngủ. Nhân vật trong người dùng hình ảnh huyền thoại này để gọi một bác sĩ tâm phân học đang chữa bệnh cho cô bạn gái. Truyện viết trong hình thức một lá thư, dùng nhiều tiếng lóng và một vài chữ thô tục, cùng với một số lỗi đặt câu cố ý—gọi là cố ý vì ngôn ngữ và lý luận của nhân vật viết thư thuộc loại uyên bác, khó vướng sơ hở. Một điều nữa, nhân vật viết thư cho thấy đang viết vào lúc nửa khuya và buồn ngủ (anh ta ngáp bất ngờ và phải xin lỗi người nhận thư), cho nên càng về sau thì câu càng ngắt khoảng (choppy). Truyện ngắn này viết trong một bút pháp phi truyền thống, có thể gọi là thử nghiệm (experimental) hoặc siêu truyện (metafiction). Tất cả các chú thích dưới trang đều thuộc vào truyện, nghĩa là của nhân vật chứ không phải của tác giả hoặc dịch giả. Bản Việt dịch dưới đây của Phan Tấn Hải.

Bác sĩ Hodder thân, tôi biết rằng viết thư cho người bác sỡi tâm lý của cô bạn gái có thể là không ngay ngắn, nhưng có nhiều chuyện đang xảy ra nơi đây mà tôi nghĩ nên nói ra với ông. Tôi đã nghĩ đến việc trực tiếp gặp ông

nhưng hoàn cảnh lúc đó, như tôi tin chắc là ông hiểu, sẽ hoàn toàn không biện hộ nổi—đó là chuyện tôi *đến thăm một bác sĩ tâm lý.* Tôi cũng hiểu rằng khi viết thư cho ông, ở một nghĩa nào đó tôi đang can thiệp vào công việc của ông nhưng ông không cần bàn thảo với Susan về những gì tôi trình bày. Xin xem đây như một lá thư "chỉ để ngó." Xin xét thư này như là riêng tư và bí mật.

Trước tiên, ông phải biết rằng Susan là bạn gái của tôi và khá nhiều mọi chuyện nàng nói với ông thì nàng cũng nói với tôi. Nàng kể cho tôi những gì nàng đã nói và những gì ông đã nói. Chúng tôi vẫn thường gặp nhau khoảng sáu tháng qua và tôi khá quen thuộc với chuyện, hoặc những chuyện, của nàng. Cũng tương tự như vậy với các lời đáp của ông, hay ít nhất là cung cách tổng quát của ông. Tôi biết, thí dụ, rằng thói quen của tôi trong việc gọi ông như "người ném cát ru ngủ trẻ em" sẽ làm phiền ông, nhưng hãy để tôi bảo đảm với ông rằng tôi không có ý gì khó chịu trong cách gọi này. Đây chỉ đơn giản là một tên gọi. Đó là dựa theo bài hát cổ xưa: "Cát biển làm, người cát đem tới/Giấc ngủ để hết ngày/Hắn ném cát vào mắt các trẻ em/Và trộm đi giấc mơ của chúng." (Đây là một bản; có những bản khác, nhưng đây là bản tôi thích hơn.) Tôi cũng hiểu rằng ông hơi một chút hơi dao động bởi vì uy tín của việc tâm phân giờ thì, như tôi chắc chắn là ông biết rõ hơn tôi nhiều, đang ở điểm thấp nhất. Điều này hẳn là phải làm ông bối rối, và ai có thể trách ông? Người ta luôn luôn rúng động một chút khi phương pháp luận của họ bị đặt vấn đề. Dĩ nhiên! (Thêm nữa, hãy để tôi nói rằng tôi rất vui vì ông là một trong những người nói, thay vì chỉ ngồi im. Tôi nghĩ đó là điều tốt, một điều xuất sắc, tôi chúc mừng ông.)

Vào thẳng vấn đề. Tôi hiểu rõ ràng rằng ý định của Susan về việc ngưng gặp ông và thay vào đó sẽ mua một đàn dương cầm đã làm ông phiền nhiễu. Ông có quyền phiền nhiễu và có quyền nói rằng nàng không có một lựa chọn đúng đắn, rằng những gì nàng nói đã che giấu những gì khác hơn, rằng nàng đang trốn chạy thực tại, vân vân, vân vân. Vâng, xin cứ tiếp nữa. Nhưng có một khả năng nơi đây là ông có thể, chỉ có thể thôi, bỏ quên. Đó chính là điều nàng thực sự muốn vậy.

Susan nói: "Tôi muốn mua một đàn dương cầm."

Ông nghĩ: Nàng muốn chấm dứt việc phân tích tâm lý và trốn chạy vào đàn dương cầm.

Hoặc: Vâng, đúng là bố nàng muốn nàng làm một dương cầm thủ và rằng nàng đã học đàn mười hai năm với Goetzmann. Nhưng nàng không thực sự muốn mở lại cái hũ sâu bọ. Nàng muốn mình phải phủ nhận.

Hoặc: Thất bại trong sự nghiệp dương cầm thủ, nàng muốn thất bại lần nữa. Nàng bây giờ đã quá già để thành đạt cái mục tiêu ban đầu. Cái cơ cấu tự nhiên của thua cuộc!

Hoặc: Nàng lại đang lãng mạn.

Hoặc:
Hoặc:
Hoặc:
Hoặc:

Một điều ông không thể xét tới, bởi vì bản chất của chính môn học của ông, là nàng thật sự có thể muốn ngưng việc phân tích tâm lý và mua một dương cầm. Rằng chiếc dương cầm có thể cần thiết hơn và giá trị hơn đối với nàng hơn là việc đi phân tích tâm lý. (1)

Điều chúng ta phải xét tới nơi đây là trọng tâm của hy vọng. Hy vọng có đang cư trú trong việc phân tích tâm lý hay là trong chiếc đàn dương cầm? Với cương vị một ông bác sĩ tâm phân chứ không phải người bán dương cầm, một cách tự nhiên ông sẽ nghiêng về việc tâm phân. Nhưng có những dị biệt. Người bán dương cầm có thể bênh cho sản phẩm của ông ta; một cách bất hạnh, ông không thể như vậy. Một chiếc đàn Steinway là một số lượng đo được, trong khi một tiến trình tâm phân có thể thành công hay thất bại. Tôi không xem thường ông về điều này, tôi chỉ đơn giản ghi nhận nó. (Một câu hỏi hứng thú: Tại sao những người thường lại cảm được một thèm muốn, nói thẳng là, đấm bùi vào bọn bác sĩ tâm lý? Như tôi đang làm đây, trong một nghĩa nào đó? Tôi không có ý khó chịu trong các đối diện phân giải tâm lý, tôi chỉ nói tổng quát thôi. Đây là một hiện tượng hứng thú và nên được nghiên cứu.)

Có thể sẽ hữu ích nếu tôi kể cho ông một chút các kinh nghiệm riêng của tôi về tâm phân. Tôi chỉ đi có năm hoặc sáu lần. Bác sĩ Behring là một người cao gầy, người không bao giờ nói gì nhiều. Nếu ông nghe được câu ông ta thốt ra "Có gì bận tâm?" thì cũng là nhiều rồi. Có một chuyện nhỏ, có lẽ, minh họa được. Một hôm tôi đến trong giờ hẹn và kể cho ông ta nghe về điều tôi lo lắng. (Tôi lúc đó đang làm cho một tờ báo ở Texas.) Có một chuyện là bốn cậu vị thành niên da đen gặp một cậu bé da trắng, khoảng mười tuổi, trong một khu đất trống, đã đè sấp cậu này thay nhau hiếp và rồi nhét cậu này vào một tủ lạnh và đóng cửa (chuyện này xảy ra trước khi người ta ra yêu cầu là phải tháo bỏ cửa trước khi bỏ phế các tủ lạnh) và cậu bé ngạt thở chết. Tôi không biết những gì thực sự xảy ra, nhưng cảnh sát đã tóm *một vài* cậu da đen và đánh bầm dập để buộc chúng thú tội. Tôi lúc đó không làm việc với cảnh sát nhưng một trong các phóng viên về cảnh sát kể lại điều này và tôi kể cho bác sĩ Behring. Như một người cấp tiến tốt bụng, ông ta mặt trắng ra giận

1. Để có một cuộc thảo luận đáng ngưỡng mộ của loại thất bại truyền thông này và nhiều vấn đề hứng thú, xin đọc Percy, "Về Một Lý Thuyết Tam Hợp của Ý Nghĩa," tập san Psychiatry, Số 35 (tháng hai 1972), các trang 6-14 và các trang sau. [Lời dịch giả: Ghi chú này và tiếp sau đều thuộc về truyện.]

dữ và hỏi tôi đang làm gì với chuyện này? Đó là lần đầu tiên ông ta mở miệng. Do vậy tôi run rẩy—điều đó không xảy ra cho tôi mà tôi bị yêu cầu làm điều gì về chuyện đó, ông ta có lý—và sau khi rời phòng mạch, tôi gọi bà chị vợ tôi lúc đó, người giữ việc thư ký cho một ông nghị viên thành phố. Như ông có thể hình dung, chức vụ này có rất nhiều quyền—các nghị viên hầu hết lo chuyện thương thuyết và các thư ký thì điều hành văn phòng—và bà tống cho ông cảnh sát trưởng một bản chất vấn xem chuyện gì đã xảy ra và xem có bất kỳ một thô bạo cảnh sát nào liên hệ không và nếu có, thì mức độ bao nhiêu. Đây là một trường hợp rất xúc động, ông biết đó; Có một nhà báo ở Ebony đang điều tra vụ này nhưng anh ta không thể gặp được các cậu bé và các ông cảnh sát hung bạo kia, người ta lúc đó không thể hiểu rằng có thể có một việc như vậy cho một phóng viên da đen. Người ta hiểu rằng họ phải dè dặt một chút đối với các phóng viên da trắng, nhưng một phóng viên da đen thì ngoài tầm của họ. Nhưng bà chị vợ tôi áp lực vào (với áp lực của ông nghị viên của bà) một chút và khuyến cáo ông cảnh sát trưởng rằng nếu có hung bạo nghiêm trọng xảy ra thì cảnh sát phải ngưng lại, bởi vì quá nhiều dư luận bên ngoài khoái trá theo dõi vụ này, và sẽ cực kỳ tệ hại cho uy tín nếu chuyện hung bạo bị lộ ra cho quần chúng. Tôi cũng quen một tay khá cao cấp trong Ty Cảnh Sát Quận, và đề nghị rằng *anh ta* khuyến cáo các bạn đồng nghiệp là hãy lắng dịu lại. Tôi ám chỉ những khẩn cấp chính trị không nói được và anh ta hiểu ngay. Cảnh sát quận thì tách biệt với cảnh sát thành phố, nhưng họ cùng có văn phòng điều hành đặt trong Cao Ốc Tòa Án. Do vậy cảnh sát quyết định trình diện bốn cậu da đen trước một buổi họp báo để cho thấy là họ không đánh các cậu bầm dập, và việc này định vào bốn giờ chiều. Tôi có đi và thấy mấy cậu nhóc trông cũng O.K., chỉ trừ một cậu nhóc bị gãy hết răng và là cậu mà cảnh sát bảo là bị té lăn cầu thang. Vâng, chúng ta đều biết chuyện té-lăn-cầu-thang nhưng vấn đề là *mức độ* của việc cư xử sai lầm và rõ ràng là mấy cậu nhóc đã không bị cảnh sát khện cho dở chết như lời đồn. Mấy cậu nhóc đi lại và nói chuyện tự nhiên, mặc dù sợ muốn chết, nhưng ai mà không vậy? Không có bất kỳ một hình ảnh nào trên TV bởi vì phe nhà báo luôn luôn giấu tin phe TV vào những thời điểm quan trọng của những ngày đó—đó là một nguyên tắc tiêu chuẩn. Bây giờ trong khi tôi thú nhận là nó có vẻ vô cảm để nói về mức độ hung bạo được làm giảm trừ đi, hãy để tôi kể cho ông rằng nó không phải là chuyện nhỏ, vào thời đó và nơi đó, để buộc cảnh sát trình diện bọn nhóc ra trước báo chí. Đó là một

thành công, một kiểu nào đó. Vị vậy khoảng tám giờ, tôi gọi tới nhà bác sĩ Behring, tôi hy vọng gián đoạn bữa ăn tối của ông ta và kể rằng bọn nhóc thì O.K., một cách tương đối, và ông ta nói vậy là tốt, ông vui khi nghe tin đó. Những chuyện này sau đó không bị tính tiền và tôi ngưng gặp ông ta. Đó là kinh nghiệm của tôi về tâm phân và nó có thể để lại trong tôi một chút cay đắng, tôi thú nhận thoải mái như vậy. Hãy cho phép cái thiên lệch này.

Để tiếp tục. Tôi xem là ngoại lệ đối với nhận xét của ông rằng "cái cởi mở" của Susan là một hình thức thị dâm. Nhận xét này làm tôi hứng thú một chút, cho tới khi tôi nghĩ về nó. Cái thị dâm mà tôi xem như một biểu hiện tính dục của tò mò, mà cái đặc tính hiện tượng luận chính của nó là cái khoảng cách duy trì giữa người thị dâm và đối tượng được nhìn. Cái căng thẳng giữa thèm muốn kéo tới gần đối tượng và sự cần thiết duy trì khoảng cách trở thành một kềm hãm năng lực tính dục, điều mà người thị dâm tìm kiếm. (2)

Cái căng thẳng. Nhưng nhận xét của ông chỉ ra, theo ý tôi, một phán đoán sai lạc về vấn đề. "Cái cởi mở" của Susan—một sẵn lòng của trái tim, nếu ông cho phép dùng chữ như vậy—không tương hợp chút nào với các sinh hoạt của người thị dâm. Susan bị thu hút tới gần. Khoảng cách không phải là chuyện của này—không phải do một viên phấn dài. Thường xuyên, như ông biết, nàng nóng nảy, nhưng nàng luộn luôn cố gắng bình lại. Tôi đề nghị, điều đang xảy ra nơi đây là một nỗ lực trong phần của ông để "làm ổn định" cách xử thế của Susan đối chiếu với một trạng-thái-chuyện-tình-lăng-nhăng mà ông cảm thấy là nên gìn giữ. Susan đã kết hôn và sống hạnh phúc từ đó về sau. Hoặc: Có trong Susan một chút nào sáng tạo, điều nên được khai phóng ra và biến thành hiện thực. Susan trở thành một nghệ sĩ và sống hạnh phúc từ đó về sau.

Tôi cho là, chính các tiêu chuẩn của ông đang bóp méo cách ông nhìn vấn đề, và rất là tệ hại.

Chúng ta hãy xét về trường hợp đầu tiên. Ông lý luận: Nếu Susan hạnh phúc hay ít nhất đang sinh hoạt trong tình trạng lăng nhăng hiện tại (đó là, đi từ người đàn ông này tới tên đàn ông khác như đồng bạc chuyền tay), thì tại sao nàng tìm đến một bác sĩ tâm lý? Có điều gì sai nơi đây. Phản ứng mới hiện ra nơi đây. Susan sắp kết hôn và sống hạnh phúc từ đây về sau. Tôi có nên đưa một cách nhìn khác? Đó là, việc "tìm gặp một bác sĩ tâm lý" có thể chính xác là một chiến thuật trong hoàn cảnh mà Susan *không muốn* kết hôn và sống hạnh phúc từ đó về sau? Rằng chuyện kết hôn và sống hạnh phúc từ đó về sau có thể là, đối với Susan, cái tệ hại nhất của định mệnh, và với mục đích tạo giá trị cho việc nàng không ưng thuận tiêu chuẩn này, nàng tự định nghĩa mình như là đang cần bác sĩ tâm lý? Rằng ông đang thực sự xác nhận giá trị cái thái độ mà ông muốn thay đổi? (Khi nàng nói với ông rằng nàng không có thể co rút lại, ông nên lắng nghe.)

Có lẽ, thưa bác sĩ Hodder, lý luận của tôi không đúng, có lẽ trực giác của tôi sai. Trời ạ, đây là một câu hỏi khó và phức tạp. Cái nhận thức của ông rằng Susan là một nghệ sĩ loại nào đó, tôi nghĩ, là một phán đoán sắc bén.

2. Thí dụ, xem Strauss, "Xấu Hổ Như Là Một Sử Luận," trong cuốn Phenomenological Psychology. (New York: Basic Books, 1966), trang 219.

Nhưng cái giả thiết "Susan trở thành một nghệ sĩ và sống hạnh phúc từ đó về sau" thì kỳ cục. (Tôi nhận ra rằng tôi đang đặt cái giả thiết đó trong các chữ như—"hạnh phúc từ đó về sau"—thì có bề mặt kỳ cục, nhưng có những kỳ cục chồng chất lên các kỳ cục.) Hãy để tôi chỉ ra, nếu điều này không được ông ghi nhận, rằng điều một nghệ sĩ làm chính là thất bại. Bất kỳ hành động đọc văn chương nào (3) (Tôi muốn nói lý thuyết về sáng tạo nghệ thuật), cho dù đọc phần tóm tắt, sẽ thuyết phục ông ngay tức khắc rằng kinh nghiệm nghệ sĩ điển hình chính là kinh nghiệm thất bại. Tương tự, việc hiện thực hóa không đạt đúng với trực giác. Có cái gì "ngoài kia" mà không có thể được đưa vào "đây." Đấy là tiêu chuẩn. Tôi không có ý nói tới các nghệ sĩ tồi, tôi nói tới các nghệ sĩ giỏi. Không có chuyện gì như là một "nghệ sĩ thành công" (ngoại trừ, dĩ nhiên, trong ngôn ngữ trần gian). Cái giả thiết đúng nên viết là, "Susan trở thành một nghệ sĩ và sống không hạnh phúc từ đó về sau." Đó đúng là trường hợp này. Đừng để sai lạc.

Điều tôi đang nói là, rằng cái trị liệu về lựa chọn không minh bạch. Tôi cảm động thâm sâu. Ông gặp một nan đề.

Thêm nữa, tôi xin ông ghi nhận rằng nan đề của Susan không phải là tìm kiếm cái niềm vui tức khắc như bọn người cảm tính hay cái gọi là đối phó, các buổi chạy trường lực khỏa thân, hay ma túy. Không có chuyện nào như vậy với nàng. "Niềm vui" không phải là chuyện của Susan. Tôi đã ngợi khen nàng vì tìm tới ông hơn là dính vào bất cứ thứ ngu ngốc nào khác. Tôi có thể gợi ra rằng năng lực của nàng chính là tư tưởng, và nếu có bất kỳ trò nào đang được chơi thì chúng đang được thực hiện với hương vị, thái độ đúng đắn, và một chút nỗ lực trí thức. Các trò chơi không dở. Khi tôi đưa nàng đi ăn tối, nàng không gọi món kiến bọc sô-cô-la, ngay cả nếu có món này trong thực đơn. (Tiện đây, ông có từng ăn thử ở tiệm Alfredo's, nơi góc đường Bank và Hudson? Chỗ đó tuyệt diệu.) (Mở ngoặc, vấn đề các ông phân tâm học ngủ với bệnh nhân thì ai cũng biết và tôi hiểu rằng Susan thường xuyên quyến rũ ông—một phản xạ tự nhiên, nàng không thể khác—trong suốt các buổi phân tích tâm lý. Tôi hiểu rằng có một nhóm nhỏ mấy ông trị liệu gia, mấy ông thái độ học, thuộc loại nào đó, lấy chuyện này như một loại đạo đức? Có đúng không? Có phải điều này nghĩa là họ làm như vậy chỉ những khi nào họ muốn, hay là họ có muốn làm như vậy hay là không muốn làm như vậy? Trong một bữa tiệc cơm tối, một đêm kia, một nữ tâm phân gia nói rằng ba trường hợp kiểu đó mới đây đã làm bà chú ý, và bà hình như nghĩ rằng như vậy đã là nhiều. Như chúng ta biết, vấn đề duy trì việc trị liệu thì không dễ dàng. Tôi nghĩ rằng, ông đã làm rất khá về mặt này, và có Trời biết đó hẳn

3. Đặc biệt là, có lẽ, Ehrenzweig, Trật Tự Ẩn Giấu của Nghệ Thuật (University of California Press, 1966), các trang 234-9.

là rất khó khăn, khi nh...g chiếc váy Susan mặc được mở nút cao lên tận hặng và rằng nàng thường xuyên để hở cho tới chiếc nút thứ ba.)

Tôi có đang linh tinh quá nhiều đối với ông? Hãy chịu đựng tôi một chút. Thế giới đang chờ giờ bình minh.

Tôi nhận rằng, chúng ta còn lại vấn đề khủng hoảng của nàng. Tôi đồng ý, chúng thật kinh khủng. Ý nghĩ của ông rằng tôi không "giúp đỡ" đủ, theo tôi nghĩ, thì là sai. Như một vấn đề thực dụng, tôi đã thấy rằng việc tốt nhất phải làm là chỉ làm chuyện bình thường thôi, thí dụ như đọc báo, hoặc xem dã cầu, hoặc rửa chén. Điều đó như dường cho nàng ra khỏi khủng hoảng tốt hơn là bất cứ chút gì của cái gọi là "giúp đỡ." (Về cái gọi là *hả họng ngáp không kềm chế*, tôi không còn lo lắng chi nữa. Đó chỉ là thái độ mặt ngoài, dĩ nhiên, nhưng sau hết, ông phải cho chúng tôi giãn bớt da mặt. Thế giới đang chờ bình minh.) Ông làm điều gì đối với một bệnh nhân người thấy thế giới này không thỏa ý? Thế giới *thì* không được thỏa ý; chỉ có thằng ngốc mới phủ nhận điều này. Tôi biết rằng cái cơ cấu tâm lý của riêng ông vẫn đang không ngừng—ông ba mươi bảy tuổi và tôi bốn mươi mốt—nhưng ông bây giờ đã đủ già để nhận thức rằng cục cứt là cục cứt. Cái quan niệm của Susan rằng nước Mỹ một cách nào đó đã sống với cái đạo đức ích kỷ và rằng đạo đức ích kỷ đã biến nước Mỹ thành một địa ngục nhỏ thì là sai, tôi nghĩ vậy. Ông làm gì với các quan niệm như vậy? Hãy xài Band-Aids, tôi đoán vậy. Về những khủng hoảng của nàng, tôi sẽ không làm bất cứ điều gì. Tôi cứ để mặc chúng. Hãy thu vào băng ghi âm. (4)

Để tôi kể cho ông một chuyện.

Một đêm, chúng tôi ở nhà nàng, khoảng ba giờ sáng, và một tên đàn ông gọi vào, một tình nhân khác, một nhạc sĩ nổi tiếng người rất tốt bụng, rất nhanh nhẹn—một kẻ thiện tâm. Hắn hỏi Susan "Có hắn ở đó hả?" ám chỉ tôi, và nàng đáp "Vâng," và hắn nói "Em đang làm gì?" và nàng nói, "Anh đang nghĩ gì?" và hắn nói, "Khi nào em làm xong?" và nàng nói, "Không bao giờ." Bác sĩ thân mến, ông có ở trong một vị trí để thâm cảm cái vẻ đẹp của câu trả lời này, trong mạch văn này?

Điều tôi đang nói là Susan rất tuyệt diệu. *Như là vậy*. Không có bao nhiêu điều mà chữ đó có thể sử dụng chính xác. Do vậy tôi phải nhìn các nỗ lực của ông trong việc cải thiện nàng với, chúng ta hãy nói là, một số lượng nào đó của quan hệ hỗ tương. Nếu điều này làm tôi trở thành một yếu tố tiêu cực trong tiến trình phân tâm trị liệu, thì cứ mặc vậy đi. Tôi sẽ là một yếu tố tiêu cực cho tới khi đàn bò về nhà, và đầy vui vẻ. Không cách nào khác, thưa bác sĩ, tôi đang bỏ phiếu cho chiếc đàn dương cầm.

Với lời chúc tốt nhất,

Bản dịch PHAN TẤN HẢI

---

4. Thí dụ, Harrison, "Wah Wah," Apple Records, STCH 639, Mặt Một, Bài 3.



HỒ MINH DŨNG

thi sĩ

Tráng men, đắp đổi một đời
Khi buồn, bút hóa xẻng ngồi cạy chơi
Chắp tay vái đấng thiên lôi
Quay lui xin vái thằng tôi, dại khờ
Đuối rồi, được mấy câu thơ
Ngàn trang giấy trắng xin chờ, mối xông.

mai thảo

Ngồi cúi xuống, nằm ngó lên
Đứng đi lưng thẳng công kênh nổi nhà
Chờ xe buýt, chờ qua loa
Chờ như sao rụng trăng tà, cho vui
Nhà, trần chỉ có nhện thôi
Sàn, bày gạch-rượu-vữa-vôi. Cười xòa.

thù tạc

tặng: Tôi và HKPhong. TTmẫn, NMTrinh, NTV, KhếIêm, LêBi, THThư, HHỦy, LChương, PXĐài, ĐCường, ĐHiền, Đan Thanh TNC, TTHạp, CXHuy...

Ngồi trong xó, ngỡ giữa đình
Chiếu trên, cá thịt cũng rình rang. Thôi
Chun bụi hái trái mâm xôi
Tưởng người quân tử hết thời, kiếm ăn
Người! Gọi như thể ngàn năm
Gọi như vượn hú qua ghềnh... đá trơn
Xin người, hỉ xả, làm ơn
Tát từ suối, tát nguồn cơn, tát về.

giải sầu

Người buồn, cũng như cơm khê
Cúi nhìn bếp lửa buốt tê xương sườn
Đeo, như nhái, đeo tường
Tường loang một lỗ, coi chừng, lung lay.

đi ngủ

Làm thơ, làm... cũng chán thôi
Không bằng đi ngủ một hơi thả dàn
Ngủ, trên nệm ấm đàng hoàng
Ngủ đâu phải ngủ, dưới sàng đãi vôi.

kể lại với cây thù du

Nửa đêm, lượm rác, kiếm tiền
Một ngày dài, sướng như tiên non bồng
Thơ làm có, cũng như không
Có như không có, giữa mênh mông, đời
Vịnh Huntington Beach ơi,
Mụ già tóm lấy tay tôi, la làng!

gửi tr. món quà xuân 1997

Đam mê. Rồi cũng giơ xương
Văn thơ chỉ có giọt sương, ghé tìm
Quên, quên. Chỉ nhớ trái tim
Nhịp nhàng đập, giữa phố phường lố lăng
Thôi thì lưỡi ở trong răng
Răng lay, lưỡi cũng nhọc nhằn, để tang!

trang giấy

Nhớ Phan Tấn Hải và Cu con.

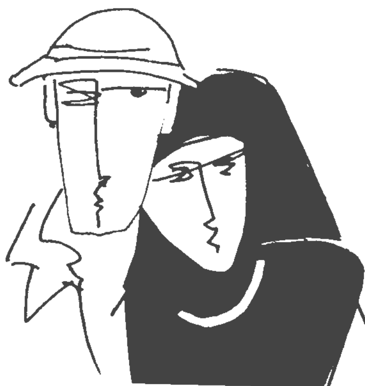
Bụng người cũng trắng như ta
Cũng vôi sống rảy tà ma, chạy dài
Ruột, ta-người, có cả hai
Loăn xoăn trung bụng, ra ngoài, thẳng ro.

HỒ MINH DŨNG
Alanta, cuối năm 1996



VŨ CAO PHAN

NGÀY CUỐI CÙNG CỦA CHIẾN TRANH



Không hiểu vì sao cho đến tận bây giờ tôi vẫn chưa kể ra câu chuyện này, mặc dù còn như in đôi tay gầy guộc của *ma xơ* (1) run rẩy lần tìm chiếc chìa khóa, vạt sân hoang, những khuôn mặt trẻ con và tiếng kêu thảng thốt của chính tôi lúc đó, hai mươi năm trước...

Lúc đó, sớm của một ngày trước Ba mươi tháng Tư, năm người lính đứng bên chiếc cổng sắt xiêu vẹo, phía trong nhô cao một tháp xi măng lênh khênh. Vậy là đây rồi. Chúng tôi gọi cửa. Người *gác dan* chạy ra rồi thụt vô luôn. Có cái gì đó lao xao, rồi im, rồi lao xao. Mãi sau, vài cái đầu thập thò và một người đàn bà bận đồ đen từ sâu hút trong sân đi ra:

- Dạ thưa, các ông là Giải phóng?

- Vâng, chúng tôi có thể vào?

- Dạ được.

Cửa mở. Tôi ngó lại người đàn bà:

- Đây là nhà thờ sao?

- Dạ không, trường học, đây là trường học, thưa trung úy. (Bà kêu đại vậy chứ tôi có mang thứ phù hiệu nào trên người đâu). Nhưng trường học đóng cửa rồi, chắc đã cả tháng nay. Còn chúng tôi ở Cô nhi viện G. từ miền Trung chạy giặc, *Giê su ma*, xin lỗi (bà lấm lét nhìn tôi), chạy bom đạn mới tấp vô. Nơi này bữa trước lính có ở, sau họ nhường cho Cô nhi viện.

Bất giác tôi nắm chặt báng súng, nghi ngại:

- Còn lính ở trong không, thưa bà?

Bà già cũng hoảng hồn:

- Dạ không, không có, họ đi hết trơn từ mấy bữa rồi. Hồi hôm có tốp chạy qua đây trút bỏ đồ lính rồi cũng "dông" luôn.

Những thứ "trút bỏ" được nhìn thấy ngay ở chỗ quẹo. Cả xứ sở đang lên cơn sốt di tản, khó mà xác định đây là vùng mới giải phóng hay vẫn còn nằm trong tay quân đội Sài Gòn. Chúng tôi dừng lại bên chiếc tháp. Không giống một tháp canh. Mà một trường học có nó để làm gì cũng không rõ. Có vẻ như tháp được dùng cho mục đích quan trắc thường xuyên nào đấy. Sơ sài nhưng khá vững. Tôi yêu cầu đồng đội cảnh giới rồi leo lên.

Cuộc tổng tiến công trực tiếp vào nội đô Sài Gòn đã nổ ra từ ngày hôm qua. Các đơn vị phòng không được lệnh bám sát bộ binh đánh địch trong hành tiến. Nhưng trung đoàn chúng tôi thì dừng lại ở hướng này, cách Sài Gòn khá xa về phía bắc, sẵn sàng đón lõng những đường bay địch mà rất có thể xuất phát từ các căn cứ ngoài Việt Nam bất ngờ lao đến một lúc nào đấy. Tôi, Chủ nhiệm trinh sát trung đoàn được chỉ thị thiết lập gấp một đài quan sát cho nhiệm vụ trên. Chúng tôi đã phát hiện ra chiếc tháp từ chiều hôm qua trên bản đồ UTM tỷ lệ 1/25000 mới lấy được của địch và phải mất gần sáu giờ đồng hồ cho việc tìm đến nơi.

- Lý tưởng! Không thể nói khác được.

Tôi gật đầu với các chiến sĩ khi đã ở dưới mặt đất. Quả vậy, đài quan sát được đặt ở đây chẳng những nằm thẳng hướng xác định mà xạ giới quan sát lại rất rộng, không bị che khuất. Tôi mở máy liên lạc với trung đoàn trưởng, báo cáo tình hình rồi khẳng định bắt đầu nhận nhiệm vụ. Từ giờ phút này, mạng *hai oát* trên tất cả các trận địa pháo cao xạ đã sẵn sàng nhận chỉ thị mục tiêu của chúng tôi. Hơn thế nữa, trung đoàn trưởng trao quyền trực tiếp hạ khẩu lệnh xạ kích cho tôi trong trường hợp khẩn cấp.

Tôi nói với *ma xơ* Giám đốc Cô nhi viện, người đàn bà bận đồ đen, rằng do nhiệm vụ quân sự, chúng tôi sẽ ở lại đây. Rằng cũng do tính chất của nhiệm vụ quân sự, tôi muốn được xem xét qua nơi đóng quân. Bà già khẽ khàng đáp : "Dạ" nhưng đôi mắt của bà lại không có vẻ như vậy. Nắm chắc địa bàn công tác là tác phong của người lính trinh sát nhưng tôi còn có ý muốn tìm kiếm một vị trí tập kết cho cái đơn vị nhỏ bé của mình. Gần như hành quân suốt đêm, tất cả đều đã thấm mệt. Tôi để Vinh, một tiểu đội trưởng trinh sát già dặn ở lại đài quan sát rồi cùng các chiến sĩ bước theo *ma xơ*.

Ngôi trường tọa lạc trong một khuôn viên khá rộng song hầu như chỉ có một dãy nhà ngang với dăm bảy phòng học mà giờ đây Cô nhi viện vừa dùng làm nơi ăn ở lẫn nơi học tập, vui chơi cho các cháu. Mới di tản đến nhưng có vẻ các *ma xơ* vẫn cố gắng duy trì nền nếp cũ. Chúng tôi lướt qua các phòng, gắng không gây xáo động nhưng các cháu vẫn ngỡ ngàng ngó ra. Những khuôn mặt trẻ thơ hồn nhiên, đủ các lứa tuổi. Một bé trai làm bộ chĩa súng lên trời bóp cò trước sự kinh hãi của *ma xơ* phụ trách lớp. Tôi mỉm cười. Trẻ em là trẻ em, dù chúng ở đâu. Trong một phòng khác, các bé gái đang học

khâu vá. Gian cuối cùng, cửa khóa. Tôi hỏi *ma xơ* liệu đây có phải là phòng thừa bỏ trống không thì bà đáp nhanh như tên bắn:

- Dạ không. Đây là nơi tôn nghiêm nhất, thưa trung úy, nhà nguyện của Cô nhi viện. Nó cũng là nơi chứa các đồ thánh lễ.

Hẳn thế, đây là một Cô nhi viện Công giáo mà. Như vậy chúng tôi chỉ còn cách dựng lều trú quân ở một góc nào đó. Không sao. Có vẻ như đọc được ý nghĩ của tôi, *ma xơ* chỉ xuống một căn nhà nhỏ gần như tách biệt:

- Các ông coi thử căn nhà này. Một gia đình của Cô nhi viện đang ở đó, nhưng chúng tôi có thể thu xếp được.

Gia đình có ba người, một thiếu phụ trẻ với đứa con nhỏ và một thiếu nữ, cỡ 16, 17 tuổi. Vẻ mặt hơi rầu của thiếu phụ là điều mà chúng tôi có thể giải thích, vì *ma xơ* đã cho biết chồng của chị đang chốt ở một phòng tuyến nào đó. Tuy thế khi thấy chúng tôi vào nhà, sau lời chào, thiếu phục đã mau mắn kêu thiếu nữ:

- Lấy nước mời mấy chú đi em, Dịu Thơm.

Ôi cái tên nghe bình yên quá. Chiến tranh dường như đâu có ngụ ở nơi này.

Trong khi cô gái còn chưa kịp tìm thấy bình nước thì *ma xơ* đã nhanh chóng quyết định:

- Cô Hồng thu xếp để chuyển gia đình lên ở chỗ tôi cho mấy ông giải phóng mượn tạm chỗ này ít bữa - Và quay lại phía tôi - Trung úy định ở lại đây bao lâu?

- Hết chiến tranh, thưa *ma xơ*. - Tôi cười - Nhưng chiến tranh cũng chỉ còn một trận đánh này và tôi không nghĩ rằng nó lại kéo dài.

Thêm một lần nữa *ma xơ* nhìn tôi như có chút phân vân.

Ngày hôm ấy chúng tôi thay nhau trực trên đài quan sát với biết bao nôn nóng khi nghe tiếng pháo từ hướng đông, hướng tây và xa hơn nữa, hướng nam. Đôi lúc mơ hồ vọng đến cả tiếng súng nhỏ. Sẽ đến rất gần một ngày Sài Gòn: ngày mai, ngày kia, hay...?

Nhưng đã xảy ra một chuyện làm đảo lộn công việc của chúng tôi. Bắt đầu là binh nhất Ruân, con chiên xứ đạo gốc Hải Hậu băn khoăn tìm đến vào lúc cuối chiều:

- Anh ạ, có chuyện này khó hiểu. Em hỏi *ma xơ* khi nào thì hành lễ, lúc đầu *ma xơ* làm bộ như không nghe, rồi sau đó bà hỏi: "Mấy ông giải phóng cũng quan tâm đến chuyện đó sao? Chúng tôi làm lễ rồi, cảm ơn." Em phải nói rằng em là con Chúa, bấy lâu ở rừng chỉ đến thầm với Chúa được thôi, nay có nhà nguyện thì sướng nhất rồi, em muốn đi lễ. Em nói thế, *ma xơ* nhìn em rất lạ rồi bỏ đi mà không nói gì thêm. Anh thấy không, chúng mình đến đây từ sớm, đã có buổi lễ nào đâu? Không có lễ sáng mà cũng chưa thấy lễ chiều. Em để ý kỹ lắm mà. *Ma xơ* nói thế thì lạ thật!

Tôi chưa kịp chia xẻ mối nghi hoặc thì tiểu đội trưởng Vinh xuất hiện:

- Báo cáo Chủ nhiệm, không ổn đâu! - Vinh hạ giọng - Có địch!

Vinh cho biết anh đi kiếm rau dền, rau rệu quanh trường, vừa lúc qua phía sau nhà nguyện thì đột ngột cửa sổ hé mở rồi đóng vội lại ngay. Anh áp sát chân tường và nghe thấy bên trong có tiếng động.

- Anh xem - Vinh chỉ - Đứng đây mình vẫn nhìn thấy ổ khóa trái đen đen kia. Rõ ràng là...

Ruân đưa thêm ý kiến:

- Có một lúc *ma xơ* đi ngang chỗ khóa cửa, em để ý thấy bà bước chậm, miệng lẩm bẩm điều gì đó và đôi mắt thì không yên ngó vào một chỗ.

Các chiến sĩ trinh sát của tôi khá đấy. Tôi cũng đã thấy đôi điều ngờ ngợ và giờ đây thì rất nhanh, như một phản ứng nghề nghiệp, tất cả các dữ kiện được xâu lại để bật lên thông tin chủ yếu nầy: *ma xơ* đã giấu ai đó - những ai đó - trong nhà nguyện kia vào lúc chúng tôi vừa hành quân đến đây. Ai?

Tôi không có lý do gì để không đồng ý với tiểu đội trưởng Vinh rằng có là địch. Và chúng thậm chí không chỉ có một tên. Rất có thể địch đã để lại đây một tốp nhỏ - vì lý do nào đó - sau khi "nhường khu trường cho Cô nhi viện" như lời *ma xơ*. Và cũng có thể đó là những tên chối bỏ cuộc chiến đấu từ đầu đó chạy về, vẫn như lời *ma xơ*. Tôi quyết định phong tỏa nhà nguyện mà không cần cật vấn thêm ai nữa. Phương án tác chiến được vạch ngay với hai kịch bản cho những tình huống, hoặc địch lợi dụng trời tối để lén rút chạy, hoặc chúng mưu đồ tập kích lại chúng tôi. Chỉ biết rằng từ giờ phút này với năm người, gánh nặng của nhiệm vụ chiến đấu đã tăng lên gấp đôi.

Để có thể khống chế được mặt sau ngôi trường, tôi không có cách nào khác là phân công Ruân đem tăng võng ra mắc ở mấy gốc cây xế phía hồi nhà. Động tác này không thể không đập vào mắt *ma xơ* và mặc dù lúc đó đã tối trời, tôi vẫn thấy cái nhìn của bà hướng đến như muốn hỏi: Vậy thì cần làm gì, căn nhà mà các ông yêu cầu?

Vậy là cuối cùng, đã đến với chúng tôi một đêm bức bối và hồi hộp lạ thường. Pháo cứ rền lên từng đợt, chớp cứ rung bần bật phía đường chân trời và thân xác chúng tôi thì căng lên hết nổi. Chúng tôi lắng theo bước chân chiến thắng của đồng đội, chúng tôi lo làm tròn nhiệm vụ được giao, và chúng tôi... Thôi, khỏi cần kể thêm. Khuya, mọi thứ có dịu đi nhưng tuyệt nhiên không một ai muốn chợp mắt. Lúc đó quãng quá nửa đêm, trăng hạ tuần chưa qua khỏi ngọn cây. Tôi làm hiệu bí mật theo dõi khi đồng đội phát hiện một bóng đen. Bóng đen từ đầu bên kia dãy nhà men theo chân tường, lợi dụng sự che khuất của các bóng cây, chầm chậm, rất chậm, di chuyển về hướng này. Cuối cùng thì bóng đen cũng đến được gốc cây cách nhà nguyện lối chừng mươi bước. Mục đích có thể đã rõ: tên này, hoặc làm nhiệm vụ đưa tin, hoặc tìm cách mở cửa cho đồng bọn. Nhưng điều ác hại là cả khoảng trước cửa nhà nguyện lại hết sức trống trải, và kẻ phiêu lưu kia đành hầu như án binh bất động nơi gốc cây. Tôi dự kiến bắt sống nhưng chưa kịp hành động

thì ngay lúc đó đã đẩy tới một tình huống bất ngờ. Bóng đen bỗng tách khỏi gốc cây, nghe ngóng rồi nhảy lên bậc thềm chỗ cửa nhà nguyện và chắc là bước hụt, y ngã sấp với một tiếng "xoảng". Rất nhanh, bóng đen đứng vụt dậy biến mất về hướng ngược lại. Tôi quyết định không đuổi theo.

Buổi sáng, các chiến sĩ thu được từ hiện trường một cặp lồng với cơm canh tung tóe, mấy ổ bánh mì và một chiếc dép. Vậy là mục đích của cuộc phiêu lưu ban đêm đơn giản hơn điều chúng tôi tưởng. Tôi cho xếp gọn các thứ, để ngay ngắn trên thềm nhà nguyện.

Ngày làm việc đã trở lại mà không một ai trong Cô nhi viện đi qua hướng này, trong khi các *ma xơ* thì có vẻ lóng ngóng đứng ngồi chẳng yên. Cũng chẳng có lễ sáng trong nhà nguyện nữa, đương nhiên. Và cũng không một ai trong chúng tôi nhìn thấy *ma xơ* Giám đốc đâu, bà như giấu mặt vậy. Tất cả giống như một sự đồng lõa tự tố cáo.

Vào phiên liên lạc sớm với trung đoàn, tôi được nhắc tăng cường cảnh giác và được biết thêm rằng ngày hôm nay - rất có thể là ngày hôm nay - các quân đoàn bộ binh sẽ tiến vào nội đô. Trong báo cáo của mình tôi cũng đề cập đến tình hình mặt đất nơi tác nghiệp và xin được toàn quyền hành động. Trung đoàn trưởng đồng ý: "Gắng hết sức bắt sống hay gọi hàng. Đừng phung phí cái chết, chiến tranh sắp qua rồi. Vả lại ở đó đang có nhiều trẻ em phải không?"

Tôi quyết định đi tìm *ma xơ* Giám đốc, phải nói chuyện với bà trước đã. Tất nhiên, sẽ không có thuyết giảng về chính tà, về chỗ đứng, dù ở thời điểm này. Càng không cần vòng vo Tam quốc. Tôi nghĩ là mình hiểu bà. Các *ma xơ* luôn hành động hướng thiện như bằng chứng đây về trại mồ côi. Tình huống mà chúng tôi gặp phải cũng vậy, hẳn vì bà muốn tránh đổ máu. Tôi sẽ nói với *ma xơ* rằng chúng tôi cũng muốn thế, do đó xin *ma xơ* vận động những kẻ đang ẩn náu trong nhà nguyện kia buông súng đầu hàng. Cách mạng sẽ khoan dung.

Nhưng tôi được trả lời là *ma xơ* Giám đốc đang ốm? Không thể chần chừ, tôi nói với một *ma xơ* khác có vẻ đứng tuổi:

- Xin *ma xơ* lấy chìa khóa mở căn nhà nguyện kia. Chúng tôi cần kiểm soát trong đó.

- Lạy Chúa! - Bà thốt lên - Nhưng tôi không có chìa khóa. Thứ đó xơ bề trên giữ.

- Thì *ma xơ* trình lại với bà ấy yêu cầu của chúng tôi. Từ giờ phút này nhà nguyện bị phong tỏa, xin các xơ thu xếp để tất cả mọi người, nhất là trẻ em chuyển hết về đằng kia - Tôi tuyên bố.

Ma xơ làm dấu thánh giá rồi tất bật đi luôn. Nhưng hơn nửa tiếng trôi qua, không thấy bà quay lại. Tuy nhiên các trẻ em đã được đưa ra khỏi khu vực phụ cận.

Phải hành động ngay. Tôi triệu tập bộ đội, chỉ để một chiến sĩ ở lại đài

quan sát. Vinh tới, anh nói mà không biểu lộ một trạng thái nào rõ rệt trên nét mặt:

- Quân địch đã đầu hàng. Anh nghe đây...

Vinh tăng chiết áp của chiếc đài bán dẫn *Sô ny* cũ nát lúc nào cũng cặp kè bên sườn anh. Đập ngay vào tai tôi lệnh hạ vũ khí cho quân đội Sài Gòn của Tổng thống Dương Văn Minh. Tôi cảm nhận cả mình cũng không có cảm xúc rõ rệt nữa khi hướng về phía đồng đội:

- Chúng ta sẽ đánh trận cuối cùng của chiến tranh.

"Điều gì cũng có thể xảy ra", ý nghĩ đó lướt nhanh trong khi tôi phân công vị trí chiến đấu cho các chiến sĩ. Mọi sự chấp hành đều lập tức và tuyệt đối.

- Phá khóa gọi hàng! - Tôi ra lệnh.

- Kìa Chủ nhiệm, xơ bề trên...

Tôi quay lại. *Ma xơ, ma xơ* Giám đốc bỗng như từ đâu đó hiện ra đang đi về phía chúng tôi, bước chân lẩy bẩy như khựng lại, như trờ tới. Bà gắng giơ cao một chùm chìa khóa, hào hển điều chi mà khi đến gần mới nghe rành:

- Xin đừng bắn vô trỏng, trung úy...

Mới chỉ qua đêm, *ma xơ* đã gầy rộc hẳn đi. Bà cúi xuống, đôi ta gầy guộc run rẩy lần tìm chiếc chìa khóa nhà nguyện. Có lẽ bà đã đếm qua nó cả chục lần nhưng vẫn tìm, tìm hoài. Cuối cùng thì bà cũng giữ lấy một chiếc, nhìn lên:

- Trung úy để tôi.

Thoắt một cái, động tác của *ma xơ* bỗng trở nên nhanh hoạt lạ lùng. Bà như khẳng định lại tư thế Giám đốc. Khoá nẩy, cửa mở, sau dấu Chúa tuẫn nạn, bà kêu rành rọt:

- Má đây, ra đi các con... - Và bất đồ đổ ụp dưới chân tôi, bà nấc lên: - Lạy Chúa, xin các ông đừng giết. Chúng đâu có tội, chúng không có tội...

Thôi rồi! Tôi chợt hiểu tất cả khi từ trong góc tối của nhà nguyện, thất thểu, sợ sệt và hốc hác vì đói bước ra ba đứa trẻ lai: hai Mỹ đen, một Mỹ trắng. "Trời! Lại có thể như thế sao Chúa ơi".

- Lấy sữa trong *ba lô* pha cho các cháu mau đi! Tôi nói với đồng đội trong khi cúi xuống đỡ *ma xơ* dậy.

Và cũng chỉ nói được đến thế, tôi đã phải xoay người bước nhanh để lẩn trốn những giọt nước mắt của chính mình. "Lại có thể như thế được sao, lại có thể..."

VŨ CAO PHAN

---

(1) Ma xơ, gốc tiếng Pháp: ma soeur (chị của tôi, xơ của tôi) nhưng được Việt hóa trong khẩu ngữ từ miền Trung trở vào như một danh từ để chỉ người phụ nữ tu hành trong nhà thờ Thiên Chúa giáo, thường làm những việc thiện trong nhà thờ (tương tự như từ xơ, nhưng được hiểu với nghĩa tôn quý hơn).



LÊ VĂN TÀI

hoa lá nào tôi sẽ nở sinh

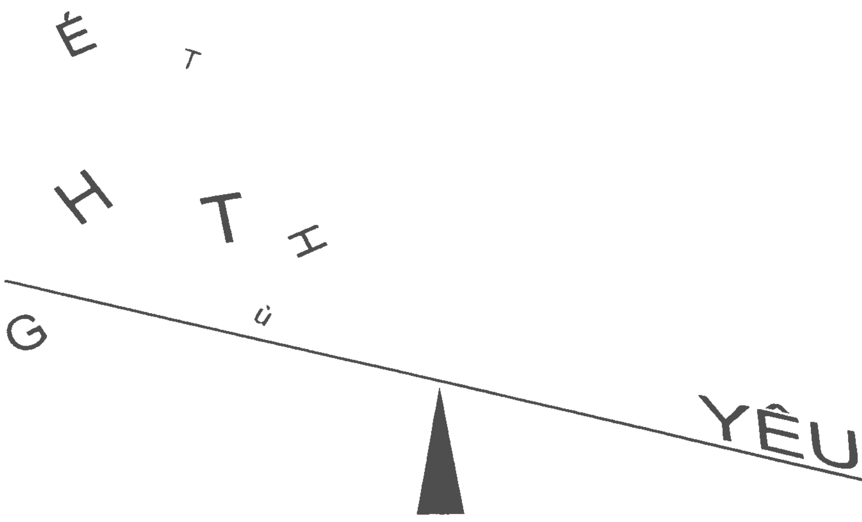
CÀNH

KHÔ

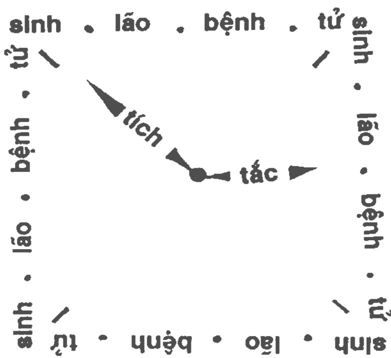
LỬA

TẮT

cái cập kênh



sinh, lão, bệnh, tử



đóa trần gian



khói thuốc

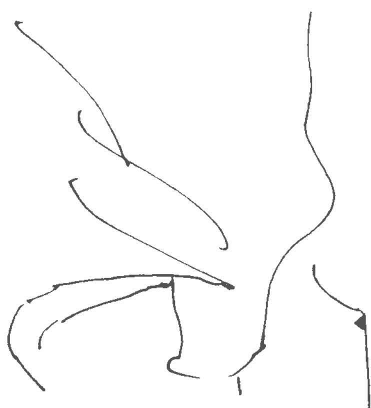
TIẾP NỐI MỘT BÀI CA

MÂY, KHÓI, SÔNG, HỒ KHÔNG NGỪNG



ĐINH LINH

LOVEY*



Ả gọi hắn là "Lovey", lấy tên chú chó cưng lông nâu của ả bị bố lùi xe từ ga-ra cán chết hồi ả mười sáu tuổi. "Mày là chó cưng của tao". Ả bảo. Khi khác ả lại nói "Tao coi mày như một người bạn gái để tâm sự. Với tao mày là đàn bà."

"Tao không muốn thế." Hắn gằn giọng, người trần truồng dưới chăn.

"Ý tao khen mày mà. Mày dễ mến."

Hắn nghe mình ngáp dài.

"Mày mệt hả, Lovey?"

"Chưa."

"Mày có biết con Barbara bạn tao nó có thai?"

Hắn lên tiếng ngáp nữa.

"Thôi tao để mày ngủ." Ả cúp máy.

Ả mới mua: một áo đầm vải, một nịt vú hiệu Miracle Bra. Phòng ngủ chắc phải sơn lớp màu mới, màu tươi hơn. Thằng nhóc thợ sơn dòm đẹp trai. Tuổi 33, chuôi mắt ả đã kéo dài vết nhăn. Phía trong bắp đùi dưới mông trái ả đã hiện ra những đường gân xanh. "Tao phải làm sao đây?" Ả hỏi hắn.

"Thì lấy sơn che đi."

"Oh Lovey."

"Barbara mạnh giỏi chớ?"

"Nó sắp đám cưới."

Hắn chỉ mới gặp Barbara một lần: người đàn bà tuổi độ 32, da tái mét, đôi mắt to như ươn ướt nước mắt, môi màu son tái sậm và chiếc Mũ hình vành khăn bằng vải lấp lánh kim tuyến.

Ả gặp một trự Thụy Sĩ ở quán Mako(1) thích nói chuyện đạo Hồi. "Đạo

Hời là gì?" Ả hỏi. "Đạo Hồi Zen." Hắn đáp. Hắn quê ở Montreux, đầu quấn khăn. Ả định hỏi "Zen là gì?" Nhưng thôi, im. Ả biết Zen. Trên tường quán treo hình hí họa con cá mập, miệng tròn vo móc ngược thành miệng cười. Cá đứng thẳng, cặp nách dưới vi một tấm ván lướt sóng. "Ăn trọn con gà đi, nhai luôn xương." Hắn bảo. Ả gọi hết ly Margarita này đến ly khác, liếm sạch những hạt muối đọng trên vành ly bóng, và cười rũ rượi nghe hắn kể chuyện nhà hiền triết Gurdgieff. Ả đang mặc cặp nịt vú Miracle Bra và chiếc áo đầm mới mua. Hắn có mùi mồ hôi. "Hai con chim cùng đậu một cành. Một con ăn quả. Con kia nhìn."

"Tao rũ thằng Thụy Sĩ về nhà, Lovey à."

"Thiệt hở."

"Tao say."

"Mày làm gì nó?"

"Mày đoán thử."

Nó tấn công ả liền khi hai đứa vừa vô nhà.

"Mày thấy sao?"

"Là lạ."

Thay vì vô ra, thằng Thụy Sĩ lại xuống lên, xuống lên, quay vòng vòng như thể quay xe nổ máy.

"Bên Thụy Sĩ người ta mần tình như vậy."

"Oh Lovey."

Còn hai tuần nữa đám cưới Barbara, nó mang thai được năm tháng, thì chú rể tương lai rút lui. Chưa đủ sức lấy vợ, hắn nói. Kẹt tiền. Hắn đã nói dối với con nhỏ về lương tiền, bằng cấp đại học Drexel. Tuổi hắn 26, dáng dấp ngon lành. Thiệp cưới đã gửi đi tứ tung.

"Lovey à, con nhỏ phải gọi từng người báo hủy đám cưới."

"Kể tao nghe thêm vụ thằng Thụy Sĩ."

"Mày khoái chuyện đó hả?" Ả cười, nghe như một tràng tiếng nước chảy, "Còn chuyện ái tình của mày thế nào?"

"Có tình đếch gì đâu."

"Em sến mày thường kể với tao đó?"

"Em nào?"

"Ớ, mày cứ giả bộ, thì con vú xẹp ấy."

Hai vú bé tí xíu, cứng, mỗi lần em cởi áo trước mặt một thằng bồ mới, em la lên "Hổng có vú", như thể báo động một sự thực gì quá phủ phàng.

"Tao đang trần truồng, Lovey à."

"Tao cũng vậy."

"Mày vọc thằng nhỏ?"
"Chỉ nhìn thôi."
"Oh Lovey."

Thằng thợ mộc đang quì mọp, tay loay hoay vặn ốc trong bồn cầu. Ả đứng đằng sau hắn, nghiêng người tựa vào chốt cánh cửa. Hắn mặc quần Lee, xì líp Hanes và giày bốt DocMarten's. Hắn trẻ, không mập. Hồi sáng nay, ả cũng quì gối, chùi gạch phía sau bồn cầu bằng nước rửa Lysol.
"Cái của nó quá xá xá xá là vĩ đại!" Ả thốt lên.
"Rồi sao nữa?"
"Chẳng sao hết."
"Mày giỡn à?"
"Tao thề có trời! Tao ớn quá!"
"Vậy thì sao?"
"Chỉ... bằng mồm thôi!"
Ả nhìn xuống, điều khiển thằng thợ, ả ngẫm nghĩ, "Sẽ kể cho bạn Lovey của ta nghe." Ả dùng chữ "vĩ đại" thay vì "bự" (quá thô, sổ sàng), "to" (quá hiện thực) và "mập" (quá chừng mực, có vẻ làm bộ). Trong đầu ả, ả nghe giọng mình "Cái của hắn quá xá xá xá vĩ đại!" Ả như nghe giọng cười bạn Lovey đáp lại. Ả biết hắn khoái chữ "vĩ đại", "quá xá xá xá" và "cái của hắn". Thằng thợ bấu mạnh tóc nàng, rồi buông ra.
"Đến đứng sát cửa sổ đi."
"Nhưng người ngoài đường nhìn thấy tao, Lovey à."
Ả đứng trong bóng tối. Dưới hai tầng nhà, bên kia đường, một người cuộn mình ngủ trên hè phố, rúc trong tấm lều che bằng cát-tông. Gió đan tóc nàng vào nhau. Một con muỗi chỉa vòi đâm vô mông trần của nàng. Đồng hồ báo 2:30 sáng.
"Mày còn đó không?"
"Ờ còn."
"Có ai nơi lề đường không?"
"Không."

"Tháng tư, không sex! Tháng năm, không sex, tháng sáu, không sex! Tao bị chê rồi Lovey ơi!"
Hắn cho là thằng thợ mộc đến hồi tháng tư. "Tao mới chọi tuần rồi." Hắn nói.
"Với em sến hả?"
"Không, em khác."
"Oh. Tao ganh với mày đó!"

"Chớ thằng thợ mộc đâu?"

"Nó không kêu lại." Nó giống Ái Nhĩ Lan. Cái của nó bự nhất, xưa nay. Nó dễ thương, không phàn nàn. "Mày còn làm ăn với em đó không?"

"Chắc không."

"Nó đẹp?"

"Tàm tạm."

"Khôn?"

"Thiệt... rất ngu."

Ả nằm nghiêng một bên, co chân, dưới tấm chăn Amish thêu tay, kề một đàn thú nhồi bông ngựa vằn, cá voi, sóc, và không tắt đèn. Đêm trước đã xảy ra một chuyện. Ả nốc hết cả chai rượu đỏ Chianti(2) trước khi lên giường. Nửa đêm ả chợt thức giấc vì tiếng muỗi vo ve bên tai. nàng mở mắt chợt thấy bóng người đứng ngay nơi chân giường. Một người đàn bà, trần truồng, đang bế con. Khuôm mặt hai mẹ con giống như cục đá nhẫn thín, trụi lũi mất môi.

ĐINH LINH

---

* nguyên tác tiếng Anh: LOVEY (Cưng). Bản việt ngữ của Hợp Lưu.

(1)Mako: một loại cá mập.

(2)"Chianti: một loại rượu đỏ Ý.



NGUYỄN VĨNH LONG

cuối năm

Từng ngày rơi chậm rãi
Nằm dài theo tháng năm
Như những con sâu nhỏ
Cong mình đo thói quen

Chút hạnh phúc rồi quên
Son môi đời thay sắc
Điểm trang từng khuôn mặt
Vẫn cùng mang cái tên

Thử nhớ chút về em
Ở một phương nào khác
Chiều cuối năm nắng nhạt
Còn môi cười cúc hoa

Thử nghĩ chút về ta
Con ốc bên bờ đá
Quang quẩn ao nước lã
Nhớ gì biển bao la

Nếu không phải đi xa
Nói chi buồn viễn xứ
Nếu chẳng sống thiết tha
Đời có gì hệ lụy

Cuối năm chiều thế kỷ
Mừng tuổi trái đất này
Mừng tuổi em lần nữa
Với trái tim buồn tôi!

NGUYỄN VĨNH LONG



Ý NHI

quê hương

Rồi ta về ngày thơ ngây
trái mận, trái mơ
con giống đêm rằm
đèn trung thu sáng nến
phượng nở êm đềm trên mái rêu

Rồi ta về
nghe gió
tắt lặng giữa vòm cây
như tiếng gọi trong chiều

Rồi ta về
trông sóng
trên mặt nước hồ xanh
còn chuyến đi bền bỉ tới bờ

Rồi ta về mưa phùn lộc biếc

Rồi ta về phố dài cô vắng
sóng lớn âm thầm thấm đỏ

Rồi ta về
tìm qua ô cửa
một chút gì bóng dáng đời ta
một chút gì như nắng trên tường vôi cũ
một chút gì như tiếng chim khuyên
nơi vườn hoang

Rồi ta về cuộn trốn giữa yêu thương
như đứa trẻ cựa mình trong chăn ấm chiều đông

Ôi quê hương
quê hương
mắt trũng sâu chờ đợi
ta khóc ngập lòng trên lối về
(1994)

chưa bao giờ gặp xuân quỳnh

Cơn mưa ta chờ đợi
còn ở tận chân trời
đường dài, ngày nắng xối
bước chân trần Quỳnh ơi

Nào thấy đâu bến bờ
sau gió Lào, cát trắng
thấy đâu mảnh vườn êm
thấy đâu miền biển lặng

Ánh mắt nhìn đăm đắm
lệ trôi qua nụ cười
suốt một đời vội vã
suốt đời không tới nơi

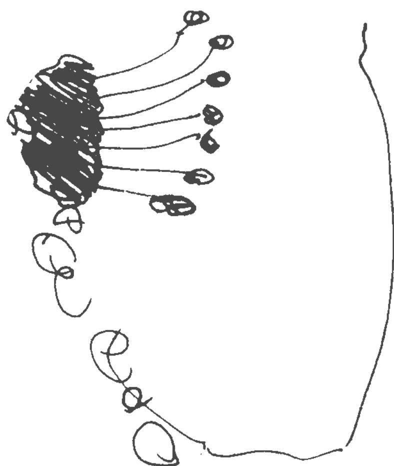
Kìa mây mùa thu trôi
cúc đã vàng thắm lại
thơ buồn trên mặt giấy
bóng người về đơn côi

Ý NHI



PHẠM TIẾN NGỌC

KẺ NỢ



Tôi rời phòng với tâm trạng bất an khi chuông nhà thờ gióng lên.

Dứt hồi chuông, là lúc tôi có mặt trên phố, Mới sáu giờ chiều mặt đất đã sầm sì. Hệt như một ông già khó tính vừa bị mất tiền. Trời mưa dầm dã tuần lễ. Thời tiết ẩm khiến cho ta có cảm giác quần áo dính chặt vào cơ thể. Mặt đường bốc lên mùi rác rưởi quện mùi hoa sữa rụng gây nên một không gian nhưng nhức. Với thời tiết như thế này thì chẳng một ai muốn xuống phố. Mọi người ẩn mình trong những căn nhà tập thể lỗ chỗ như tổ ong, để thưởng thức vị ấm cúng của gia đình. Mỗi lần trở về nhà họ kéo theo mùi vị đường phố, nước bẩn vào cái gia đình thơm tho của mình. Đồ vật sờ vào gì cũng muốn dính với tay. Tóm lại, đối với người bình thường, ra phố chỉ có kẻ điên.

Rõ ràng tôi là người bình thường, thậm chí còn đơn giản và ít khi xúc động mạnh. Tôi cũng như mọi người, hiếu kỳ chen vào giữa một đám đông để chứng kiến một sự kiện giật gân. Đến cơ quan thì thêu dệt thêm một câu chuyện mà tới một nửa là bốc phét. Tuy vậy tôi vẫn hãnh diện trước những cái mồm há ra háo hức, làm như chính mình là một vị anh hùng đánh cướp cầm dao chống lại luật pháp nhằm bảo vệ căn nhà thân thương của mình... Nhưng hiện thời, rõ ràng tôi đang dạo chơi trên mặt bùn, dưới làn mưa. Một vài anh công nhân vội vã bước ngược chiều. Tôi gật đầu chào họ, nhưng chẳng một ai chú ý tới tôi. Dù chỉ một ánh mắt thoáng qua. Lúc đó tôi cảm thấy hổ thẹn nhiều hơn là tự ái.

Là kế toán cho một văn phòng buôn bán đồ gỗ xuất khẩu, tôi luôn tự hào về công việc của mình, tự hào về mối thiện cảm của đồng nghiệp. Với lối sống phóng khoáng cộng với đồng lương ít ỏi, cuộc sống của tôi túng bấn thậm tệ. Chẳng có lấy một chút hy vọng để cải thiện cuộc sống.

Tài sản giá trị nhất của tôi là căn phòng nhỏ, nhô ra trơ trẽn trên tầng năm. Nó như cái bướu thừa xấu xí của khu tập thể, nhất là về khuya. Chủ nhân trước tôi là một anh họa sĩ nghèo, chuyên vẽ tranh theo trường phái ấn tượng. Anh ta cũng tương đối nổi tiếng. Cũng như tôi bây giờ, anh ta là người độc thân. Vào một đêm cuối xuân (tức là cách đây một năm) những người đi làm về muộn phát hiện ra xác anh treo lơ lửng trên một sợi dây thừng buộc vào lan can. Tôi mua lại căn phòng với giá rẻ như xin, cùng với một ít đồ đạc của anh họa sĩ bị cảnh sát dỡ đi dỡ lại nhiều lần. Tôi cũng chẳng thèm quan tâm tới cái chết bí hiểm kia, mọi giấy tờ, tranh ảnh còn sót tôi đem đốt sạch. Tuy nhiên, mỗi khi đi đâu về muộn, tôi hay nhìn lên bức lan can nghi hoặc. Để ý kỹ, cũng nhận ra mọi người giống như tôi, tức là nhìn lên bức lan can dưới ánh điện hắt ra từ phòng. Rì rầm, họ đồn căn phòng tôi có ma. Một trong những tình tiết ly kỳ là "Có người đã nhìn thấy một người đàn ông khẳng khiu nhảy múa trên lan can. Tay con ma ấy cầm một bát hương nhỏ".

Những câu chuyện không phải là không làm tôi ngờ vực. Chính điều đó gây cho tôi sự mất thiện cảm đối với cả khu phố, nhất là với căn phòng của tôi. Dần dà những câu chuyện cũng lắng đi. Nhưng không phải vì thế mà mối quan hệ tốt đẹp lên. Tôi muốn bán căn phòng đó đi nhưng chẳng dễ chút nào. Cho thì tôi không thể. Hai cái u: căn phòng và tôi thừa nhận nhau miễn cưỡng.

Tất cả những tình tiết trên chính là lý do tại sao hiện thời tôi đang có mặt trên đường, với tư cách một thằng gàn, thằng dở. Trời sắp tối. Mưa mỗi lúc một dày. Bùn trên mặt đường đã loãng ra thành nước. Lều phều nổi lên vài cái vỏ chai lọ và một xác con chuột cống. Thỉnh thoảng một chiếc xe chở rác phóng vụt qua, vương thêm lên mặt đường một ít dư thừa của mình. Nước bẩn bắn tung lên dãy cây ven đường, tạo nên những dòng máu đen nâu trên thân.

"Ai bánh mì nóng nào!". Tiếng lọc cọc của xe đạp mỗi lúc một gần. Anh bán bánh phanh xịch xe trước mặt tôi, hỏi: "Hôm nay mấy cái?". Chẳng biết anh ta từ đâu đến, thậm chí chưa nhìn rõ mặt anh, nhưng tôi cảm thấy mến con người này. Ít ra từ tối đến giờ, tôi mới gặp được người chú ý tới mình. Rộng rãi, tôi mua hẳn ba cái với giá một ngàn rưỡi. Anh gật đầu chào tôi rồi dong xe đi. Tiếng rao, tiếng lọc cọc theo nhau hút dần vào một cái ngõ tối tăm nào đó.

Loanh quanh một hồi, tôi lại có mặt ở cửa quán lão Mập. Đây là tên giả, tên đùa. Tên thật là Báo. Lão có thân hình đẫy đà như một hòn bi ẩn hiện dưới những lớp mỡ đùn lên. Thứ gì trong quán lão cũng đắt, nhưng ngon. Lom

khom, tôi chui qua những nhành hoa giấy bước vào trong quán. Đảo mắt, tôi phát hiện ra một cái bàn kê sát màn hình ti-vi còn trống và có vẻ khô hơn cả. Ở một góc quán, có hai kẻ đang dính vào nhau, hai tách cà phê còn nguyên trên bàn.

Tôi kéo ghế rồi uể oải ngồi xuống. Trên màn hình, cô ca sĩ gân cổ nhét vào loa một bài hát phương Tây. Bộ quần áo cô mặc dường như dính vào làn da nõn nà tựa cánh sen.

"Sắp hết tháng rồi đấy...", tiếng nói rin rít bên tai tôi. Lão Mập đặt mạnh tách cà phê lên bàn. Một thứ nước nâu đen loang tràn ra cái chén trắng muốt.

Có tiếng ho. Tôi quay lại. Một ông già mà từ lúc bước vào quán tôi không nhìn thấy. Chỗ của ông tối nhất và kín đáo hơn cả. Không gian đó rất thích hợp với những người già cô độc, hay lo nghĩ tới cái chết. "Có lẽ...". Tôi gạt phắt ý nghĩ cho rằng ông ta là một người có quá khứ vĩ đại. Rõ ràng đó là chủ quan tôi. Mà, thực ra, chẳng nên kết luận gì, tốt hơn là theo dõi xem ông ta uống rượu như thế nào. Thỉnh thoảng, đôi bàn tay khô đét lại đặt vào thân chai. Cổ chai biến mất sau bộ râu. Thứ nước trong suốt kia vơi dần. Sau khi dốc nốt phần còn lại, lão ngoác miệng ca một điệu ca cổ.

- Lão Mạn, im đi! Uống thế thôi. Vẫn cái giọng rin rít.

- Hết mẹ rồi! Bõ bèn gì!. Lão Mạn lảo đảo bước về phía cửa quán. - Ghi sổ nhé!. Tiếng nói của ông nghe quen quen.

"Bốp". Cô gái nức nở ôm mặt chạy ra cửa. Anh chàng cuống cuồng. "Anh xin lỗi!". Lão Mập nhổm lên: "Này! Quên trả tiền hả?".

Tôi rời quán lúc mười một giờ. Ra đến cửa còn nghe thấy giọng lão Mập:

- "Cà phê hai ngàn rưỡi rồi đấy!".

Rút trong túi ra quyển sổ con, tôi nắn nót "+3.600 đ".

Trời đã ngớt mưa. Có tiếng chim lợn ré lên sau tán xà cừ. Tôi co người lại, rùng mình. Men theo dãy bờ tường phủ rêu, tôi lạc vào một ngõ nhỏ tối tăm. Trên đường lổn nhổn gạch.

Ngõ mỗi lúc mỗi chật và tối hơn. Bàn tay tôi rờ theo từng hàng gạch tìm lối. Hút phía xa, có ánh đèn le lói. Tôi cho tay vào túi và phát hiện tận đáy còn sót vài tờ tiền mềm oặt. Dấn bước, tôi hy vọng đó là ánh đèn của một quán nước.

Một túp lều ọp ẹp. Tôi dừng lại và đưa mắt nhìn vào trong. Một người phụ nữ ngồi trên cái giường đôi cho con bú. Chị ta xoay lưng ra cửa nên không nhận ra tôi. Thất vọng định quanh gót thì chị thấy tôi. Đặt vội đứa trẻ xuống chiếu, chị ra cửa. Vừa bước, chị vừa cài lại cúc áo. "Anh vào đây" giọng chị thì thào. Tôi không hiểu người đàn bà này muốn gì nhưng vẫn bước vào trong lều. Phải nói lúc đó trí tò mò cuốn hút tôi cao độ. Túp lều không hẹp như tôi ước đoán. Dù sao thì vẫn chỉ là một túp lều, không hơn không kém. Đồ đạc bên trong lổn nhổn, cũ kỹ. Tuyệt nhiên không một cái gì có vẻ sang trọng, bóng bẩy. Người đàn bà có lẽ là một nhân vật chẳng có gì là gọn gàng. Tôi

mải mê suy xét, quan sát, ước lượng, so sánh. Người đàn bà vẫn tựa lưng vào cửa và thao láo nhìn tôi. Đôi mắt chị ta thỉnh thoảng đảo qua đứa trẻ vùi mình vào đống chăn màn, đôi chân nhỏ bé đạp đạp.

Người đàn bà bước đến bên tôi. Bàn tay chị ta cầm lấy bàn tay tôi. Rùng mình, tay tôi như đang chạm phải điện. Cửa được đóng kín và buông rèm.

- Anh lại đây!... Anh ngồi xuống! - Giọng chị như ra lệnh lại như van xin.

Tôi ngoan ngoãn như đứa trẻ. Người đàn bà kéo ri đô và ôm choàng lấy tôi. Đôi môi chị ta lướt trên đầu, trên cổ tôi mãnh liệt. Đây là điều mà tôi không ngờ tới từ khi bước vào lều. Tuy nhiên, tấm thân âm ấm mỗi lúc một lộ khiến tôi chẳng suy xét gì thêm...

Người đàn bà buông tôi ra, mắt nhắm nghiền. Tôi nằm vật xuống cạnh chị ta trong trạng thái vừa thỏa mãn, vừa ê chề. Lúc đó trông chị già và xấu xí một cách khó tin. Hai đầu vú chảy xuống, dính chặt vào cơ thể. Từ đó vài hạt sữa rớt xuống đùi. Mái tóc xơ và xô xuống chiếu, xổ lên mặt chị, xổ lên cả mặt tôi. Bất giác người đàn bà gục mặt xuống đầu gối, vai rung lên từng chập.

Có tiếng gà gáy nhầm, xa vọng lại. Tiếng ầm ì của sấm đầu hạ. Đứa bé tỉnh giấc và khóc ré. Vội vàng, người đàn bà bế nó lên, ấn mặt nó vào một bên vú. Nước mắt chị ta tràn xuống, đục như sữa.

Tôi mặc quần áo và đứng dậy. Các khớp xương đồng loạt lên tiếng. Người đàn bà chìa một tay ra, mắt chẳng ngước lên. Tôi lục tìm.

- Anh hết tiền hả? Tôi cho nợ. Chị ta nói giọng tỉnh queo.

Tôi choàng tấm áo khoác lên người chị rồi lao ra khỏi lều. Đôi chân tôi đạp lên mặt bùn và những viên gạch vỡ. Trời bắt đầu đợt mưa mới. Đâu đó, tiếng người dậy chuẩn bị hàng quán húng hắng.

Trước mặt tôi, căn phòng trên tầng năm vẫn để điện như nhìn xuống chế giễu. Tôi bắt đầu tưởng tượng tới một sợi dây thừng. Có tiếng lọc cọc. Tôi gật đầu chào...

PHẠM TIẾN NGỌC



PHẠM MẠNH HIÊN

bóng chiều

Mai này thức dậy, nghe ra
Chén say dẫu cạn, hồn xa khuất chiều
Lạnh tê thiên cổ, nhẹ hều
Phải mây trắng ngõ, gió rêu bóng về?

Một lần qua phà rạch miễu
Lạ gì mưa bụi mái tranh
Bãi sông lấm tấm rộng thênh đất trời
Cho tôi câm nín một đời
Theo em đâu biết bóng khơi kiếp người

ở bên này cồn tiên

Về ngồi cồn lá, đất chia
Ngang vườn chim dậy ô kìa, tiếng không
Thôi em nắng liếp ngút bồng
Ngàn xưa sau trước nặng hồn tịch liêu

rêu xanh

Hỏi thăm một tiếng chim gù
Đâu nghe chuông đổ sương thu bờ chiều
Ngày mai quên hết quạnh hiu
Gối lên một cõi bóng rêu xanh đời

khuya mơ

Biết đêm lạnh cóng, tiếng gà
Trăng cong thoắt đã vỡ òa thinh không
Hỏi người về đó, bên sông
Nhánh chim đã rướm máu hồng ngày xanh

gửi mộng

Nhìm nhịp mùa lên nắng cũ
Lẽ nào tóc gió rối mù, tiễn nhau
Mắt mòn kịp ngoảnh cơn đau
Ghì ôm mây trắng ướt nhàu chiêm bao

ngược xuôi

Ngược xuôi cho vỡ phương trời
Bên mây thiên cổ còn lời nữa không
Nhấp nhô dâu bể mòn trông
Sá chi một đóa vô thường gửi theo

ngôi nhà của h. ở bình hòa

Vào ra vườn trắng mây trời
Giàn hoa mướp đã nở rồi đêm qua
Thong dong một cõi ta bà
Mai kia rồi cũng nắng tà sau lưng

ngoại ô

Chiều đi hoang lạnh bến quê
Cỏ xao động gió như chờ chân ai
Bóng ngày sụp xuống sương rây
Bên em chừng đã hồn đầy cô liêu

trăng

Ai ngồi thấm giọt trăng đơn
Bóng rêu nhạt lạnh xanh rờn cành không
Khuất trong tang hải phập phồng
Lượng trời kia vẫn đèo bồng hư vô

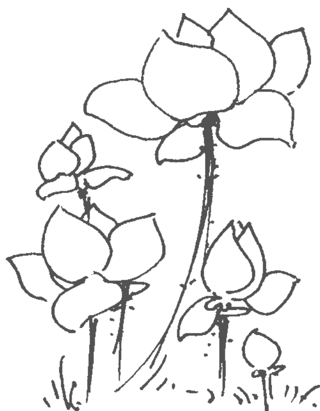
PHẠM MẠNH HIÊN



TƯỜNG VŨ ANH THY

CHUYỆN NGƯỜI ĐÀN BÀ LẬP RA SÀIGÒN

● *tặng người SàiGon*



LTS: *"Chuyện Người Đàn Bà..." là một truyện vừa. Vì số trang có hạn, tòa soạn mạn phép tác giả cắt bớt vài đoạn.*

Tuy nhiên không vì thế truyện sẽ mất đi tính nhất quán cũng như cấu trúc, văn mạch... Tương lai, khi truyện được in thành sách, độc giả sẽ có cơ hội tiếp cận với nguyên bản.

Thành thật xin lỗi tác giả.

Hợp Lưu

Như chim sổ lồng, Chey Cheeth II hối hả đi tìm bạn, tìm người xây lại tổ ấm. Xứ Chân Lạp ở về cực Nam, nóng nực và ẩm thấp. Chey bùi ngùi nhìn những vùng đầm lầy hoang vu, lác đác mái nhà khiêm tốn. Dân chúng khốn khó chịu đựng sự bóc lột của của Xiêm La đến độ thành thói quen cúi mặt. Chey muốn nâng cằm họ lên, muốn ánh mắt họ ấm áp khi nhìn vào nhà. Tổ ấm, dù bên cây bông gòn hay bên cây bần cây đước, bên bụi ô rô, bụi dừa nước hay trên những dòng sông kinh lạch quanh co, vẫn là một chốn đi về. Và Chey muốn từ đây các cái tổ đơn sơ ấy không bị rỡ đi, nó phải được yên lành.

Hồi tưởng những ngày tháng làm con tin ở Xiêm, Chey còn rùng mình. Nước Xiêm và người Xiêm trở thành nỗi ám ảnh vô hình trong tâm khảm

Chey Chettha. Thủ đô Lovek mới đây bị quân Xiêm dày xéo, càn quét. Chey nói với Outey, người em trai:

- Ta phải xây kinh đô mới cho Chân Lạp, lập một triều đại mới không lệ thuộc Xiêm La. Em thích mình bắt đầu ở đâu?

Outey không suy nghĩ, đáp ngay:

- Oudong.

Chey vui vẻ phán:

- Phải đấy, tổ tiên ta dời đô không biết bao nhiêu lần. Nay sẽ là lần cuối cùng. Oudong. Được lắm!

Thế là một kinh đô mới được xây dựng trên vùng đất tương đối màu mỡ và thuận tiện.

Tháng 3 năm 1618, Prea Chey Chettha II lên ngôi vua, tước hiệu là Somdach-Prea-Chey-Chettha-Thiréach-Réaméa-Thupphdey-Barommopit. Người em trai được làm phó vương. Theo tục lệ Chân Lạp thì phó vương dưới quyền vua và Hoàng hậu, nhưng lại được thừa kế khi vua băng hà. Bấy giờ Chey Chettha chưa lập hoàng hậu. Kinh đô đang thiếu người chăn dắt. Prea Outey bàn rằng:

- Phải có một vị hoàng hậu vẹn toàn nhan sắc và đức hạnh để xứng đáng làm chủ kinh đô mới mẻ và huy hoàng này.

Vua lắc đầu:

- Sắc hạnh vẹn toàn chưa đủ đâu.

Outey sửng sốt hỏi:

- Anh còn muốn thế nào mới xứng ngôi hoàng hậu?

- Người quên rằng chúng ta phải đối phó với Xiêm La ư? Ta không thể nào làm một ông vua bù nhìn. Nay họ yêu sách cái này, mai họ ràng buộc cái nọ. Hiện ta chưa đủ sức mạnh đối phó! Tốt nhất ta phải có sự giúp đỡ quân lực của lân bang. Outey, ngươi cho ta rõ, nước nào mạnh nhất quanh nước ta?

Outey ngẫm nghĩ một lúc rồi tâu:

- Dạ, chắc là nước Đại Việt Đàng Trong. Họ cũng như ta, sống quen với đầm lầy sông nước. Thủy lực của họ rất mạnh, từng chiến thắng mọi cuộc hải chiến. Họ cũng như ta, đang mở rộng bang giao với những nước muốn thông thương, không phân biệt xuất xứ. Vả lại, dân họ cũng có mặt trên nước ta từ lâu. Gần đây giữa ta với họ có những quan hệ rất tốt.

Chey Chettha gật đầu:

- Hay lắm. Ta sẽ nhờ họ để đối phó với Xiêm La. Outey, vua Đại Việt Đàng Trong là người thế nào?

- Dạ. đó là một vị Phật sống! Dạ, thưa anh, nghe nói các vị công chúa của họ đều vẹn toàn. Hay là...

Chey Chettha cười khanh khách:

- Ngươi đoán đúng ý ta rồi. Hoàng hậu của kinh đô Oudong mới này sẽ là

vị công chúa Đại Việt Đàng Trong đó.

*

Tôi viết truyện này giữa mùa hè năm 1996. Đã 21 năm tôi sống ở Hoa Kỳ, nghĩ về 21 năm tôi lớn lên ở Sàigòn. Vùng đất ấy đã vào ở hẳn trong lòng tôi. Như một nỗi ngẩn ngơ, Sàigòn không làm lịch sử. Câu chuyện đây đã từng xảy ra, không có gì ly kỳ. Tôi chỉ mượn nó để dàn trải tấm lòng người Sàigòn đã đem lại cho tôi 21 năm kia. Lời lẽ của tôi sẽ ngập ngọng nửa Bắc nửa Trung mà phần lớn là miền Nam, cho đến nay vẫn còn đầm lấy. Đầm lầy chính là định mạng.

Thuở ấy, nước Việt đang xóa nước Chiêm, tiến đến Tuy Hòa (1611) nơi có con sông Ba, nước gợn sóng như mái tóc rất dài của công chúa Ngọc Vạn, Ngọc Khoa. Kia rồi, hai nàng đang ríu rít trong vườn, nơi gốc cây Ngọc Lan. Hoa và người làm thơm cả không gian đang sắp hoàng hôn. Ngọc Khoa chúm môi thổi rất nhẹ vào cánh ngọc lan trắng run rẩy trong lòng tay trong trắng:

- Em đố chị chữ bông đang nói gì nào?

Công chúa Ngọc Vạn khẽ đưa tay chặn ngực, và nói với Ngọc Khoa:

- Bông biểu: đừng... đừng yêu em...

Đôi mắt Ngọc Khoa vừa mở lớn chợt thẹn thùng bỏ đi về phía hồ sen. Những tàu lá sen xanh thẫm rười rượi, bụ bẫm đầy đà xúm xít như ngàn chiếc lọng che nắng mùa hè cho sen môi đua nở. Che bớt vẻ lõa lồ của những cặp cá đang yêu nhau trong nước. Gió của trời mang theo hơi thở của sen vẫn ngày đêm đưa nàng vào nỗi-rạo-rực-lạ-lùng-kỳ-thú trong tấm thân đang lớn. Công chúa Ngọc Khoa vừa qua tuổi mười sáu. Những ngày rấm rức đau vú nàng từng bắt Ngọc vạn nắm bóp. Mặc kệ chị giải thích về kinh nghiệm của chị, về thời kỳ dậy thì của đời con gái, nàng vẫn thấy bàn tay ấm áp mềm mại của chị làm vú nàng rung cảm đê mê. Những vết rạn trắng lờ mờ quanh bầu vú nhỏ đang muốn nở bùng. Toàn thân nàng như vừa bị gói lại, chợt được mở tung gờn gợn gió. Lấp ló trên đầu vú đỏ như có khói sương. Nàng muốn kêu lên: "Em thích quá chị ơi." nhưng lại sợ bàn tay nóng ấm run rẩy của chị rụt về. Đó là những ngày hai chị em hiểu ra, họ thương yêu nhau đã đành, họ còn hiểu nhau như từng ở dưới lớp da cảm xúc của nhau.

Họ chành nhau một tuổi, nhưng giống nhau như hai chị em sinh đôi. Ý nghĩ của họ cũng chung đôi khi một lần họ cùng đặt câu hỏi: "Nếu mình là công chúa Tiên Dung trước mặt nam nhân Chử Đồng Tử thì mình làm thế nào?" Đó là những lúc họ đang trần truồng tắm một mình. Câu hỏi như thật có một người nam thình lình xuất hiện, cũng trần truồng, ở nơi, chỉ có hai người. Và hình ảnh ấy, từ trong tâm tưởng bỗng tràn xuống thân thể, làm bừng lên những cảm giác vừa thẹn thùng vừa bạo dạn. Những dòng nước mát

dội trên người không làm dịu được sức nóng âm ỉ như vô tận đang mỗi lúc mỗi tiết ra trên vú, trên da bụng nõn nà. Cho đến khi vùi mình trong chăn nệm, câu trả lời mới hiện ra trong tâm trí: "Chắc sẽ như công chúa Tiên Dung, cứ lấy Chử Đồng Tử làm chồng". Chữ "cứ" đã buộc Tiên Dung vào tội phản nghịch vua cha, nay lại buộc công chúa Ngọc Vạn, công chúa Ngọc Khoa? Họ vội đặt một câu hỏi khác: "Nếu mình là công chúa Huyền Trân phải lấy vua Chiêm, mình sẽ thế nào?" Chị em nhìn nhau cười khúc khích: "Cứ theo lời vua cha trước. Còn ông chồng ta sẽ tính kế về sau." Nói thế nhưng họ chẳng có một "kế" nào trong tâm hồn còn ngây thơ trong trắng. Đức-công-chúa Huyền-Trân chắc chịu nhiều đắng cay của thân phận, và của búa rìu dư luận? Họ hình dung ra Đức-công-chúa tiều tụy, u sầu trong cung vua Chiêm. Chung quanh là nước non người. Bên cạnh là một người nam lạ lùng đen đúa, và rờ rợ hung tàn. Hắn đâu có nằm yên lặng trong cát như chàng trai Chử Đồng Tử hiền lành. Hắn chồm lên như con gấu bám lấy xiêm y công chúa. Những mảng da nõn trắng của công chúa bị phơi ra dưới răng và móng sắc của hắn. Những ngón chân hồng cao sang của công chúa bị ngực gấu đè lên tan nát. Công chúa là vầng trăng đang bị gấu ăn. "Gấu ăn trăng". Họ cùng kêu lên hãi hùng. Hỡi ơi, mảnh trăng nõn nường đã bị cả thân hình to lớn của gấu chiếm trọn tiết trinh! Nàng đâu còn một nửa vầng trăng để giữ cho ai kia chứ? Mỗi lần tưởng tượng đến đây, cả Ngọc Vạn, Ngọc Khoa đều bị khích động cực điểm. Những rạo rực của xác thân như cùng với vầng trăng chìm khuất tăm tiêu, chỉ để lại trên họ một nỗi bâng khuâng hiu hắt. Và khi nghe Ngọc Vạn nói: "Bông biểu đừng... đừng yêu em", thì Ngọc Khoa cả thẹn. Nàng từng rên rỉ câu ấy trong lúc ngủ mơ bị gả sang Chiêm như công chúa Huyền Trân.

Ngọc Khoa vươn tay bẻ một đài sen già bên cạnh búp sen non. Công chúa Ngọc Vạn khoan thai bước tới hỏi:

- Bây giờ đố em bông sen khác với bông lan ở chỗ nào?

Ngọc Khoa nhìn chị, nhìn hoa, cười nói:

- Bông sen là chị, bông Lan là em. Sen to, lan nhỏ, nhưng cùng thơm lạ. Ồ, khi tàn thì bông ngọc lan cánh úa đổi màu, còn cánh sen thì rụng hết trơn hết trọi à!

Ngọc Vạn chỉ đài sen già trên tay Ngọc Khoa bảo:

- Khác nhau chính là cái đài này. Ngọc lan không có đài lan. Sen già để lại đài sen. Lan già không để lại gì cả, họa chăng chỉ là cái xác phai tàn.

Ngọc Khoa giơ một tay có búp ngọc lan, một tay có đài sen, nàng nhìn ra xa xa:

- Chị nói nghe buồn quá à.

- Buồn thì có buồn thiệt. Ai biểu em chọn làm bông ngọc lan mần chi!

- Em đâu có chọn.

Ngọc Vạn kéo Ngọc Khoa ngồi xuống bệ đá. Trời đã hoàng hôn, gió đã

rời rợi. Hoa lá rung rung xào xạc thì thầm.

- Thôi em à. Nói cho cùng thì bông cũng như người. Kinh Phật bảo có sanh, có già, có bệnh, có chết. Nếu em cũng chọn bông sen với chị thì cũng rứa. Bữa trước chị gặp cha, cha có nhắc lời của Đức-công-chúa: "Làm con dân Đại Việt phải biết vượt chính mình." Cha biểu cho em hay, rồi gặp lại cha đưa ý kiến suy nghĩ của mình.

- Ủa, sao bây giờ chị mới nói.

- Ừ, chị mải nghĩ.

- Chị không cần phải nghĩ. Cha muốn biểu mình hy sinh đi lấy vua Chân Lạp. Bộ chị không biết sao? Người ta cho hay vua Chân Lạp đã dâng lễ cầu hôn. Cả mấy người Nhựt Bổn cũng dân lễ cầu hôn nữa. Cha thì chắc đã hứa ráo trọi. Mà cha chỉ còn hai chị em mình, chứ còn Ngọc Dĩnh cứ bệnh hoài, đâu có gã được. Hu hu! Chết em cũng không chịu đâu chị ơi.

Ngọc Khoa òa khóc nức nở. Nàng muốn khóc từ hôm qua, khi nghe được sự tình. Nhưng hình như nước mắt chỉ tích tụ lại đến lúc này mới dồn dập tràn ra. Tiếng khóc của Ngọc Khoa làm Ngọc Vạn bủn rủn. Nàng nghe mơ hồ một nỗi cô đơn, hơn nữa, một niềm tuyệt vọng, đọng đâu đó trong tim, xanh ngắt, và đắng ngắt, như tim sen. Mắt nàng mở lớn nhìn em khóc mà như thấy cả thế gian đầy đau khổ đang sụt sùi khóc theo. Cái tim sen xanh ngắt vá đắng ngắt ở trong nàng bị kéo dài, tràn ra mắt mũi. Nàng cũng đã khóc và đang khóc tự bao giờ. Những cơn cuộc khóc lóc bất ngờ làm hai cô gái đẹp ra kỳ lạ. Cái đẹp sầu mọng, như đọng ở chân mi, cuối mũi, cuối môi, chỉ chực rơi xuống. Ngọc Khoa gục vào lòng Ngọc Vạn. Hình như họ cố gắng không để tiếng khóc vang xa. Đây là hoa viên trong dinh công chúa. Các thị nữ có thể hoảng hốt ùa lại. Mà Ngọc Vạn, Ngọc Khoa chỉ muốn khóc với nhau, tâm sự cùng nhau.

- Em à. Thôi từng khổ quá! Mình từng hứa là nghe lời cha như Đức-công-chúa vâng lời đức-vua-Trần đi lấy chúa Chiêm.

- Nhưng em đâu phải là đức-công-chúa thiệt.

- Đừng lo quá. Cha chưa chính thức nói với mình mà.

- Chừng chị đợi cha nói gì... ván đã đóng thuyền rồi.

- Bề gì mơi mình cũng gặp cha. Mình sẽ hỏi thẳng cha mà.

Một con chuồn chuồn lướt qua mặt hai chị em và chập chờn đậu trên một búp sen. Giọng công chúa Ngọc Khoa thật hồn nhiên:

- Chị kìa, chuồn chuồn năm nay ra sớm chưa?

Ngọc Vạn mỉm cười:

- Không sớm đâu. Sắp hết mùa hè rồi.

*

Chúa Sãi là người đàn ông to lớn nhưng rất uy nghi và thông thái. Đối với

người nhà và con cái, ông tỏ ra từ ái xuề xòa mà vẫn không mất vẻ nghiêm. Vầng trán rộng và cặp mắt sâu của ông lúc nào cũng như thông suốt mọi sự. Là con trai thứ sáu, nhưng ông đã được tiên chúa đặc biệt chú ý do trận thủy chiến với người nước ngoài ở Cửa Việt năm 1585. Tháng năm năm Canh Tý 1600, tiên chúa vào Thuận Hóa, đóng dinh ở Ái Tử để tính việc lâu dài. Một hôm chúa đi chơi núi Hải Vân, có đem ông theo. Cha con chợt nhìn thấy một rặng tre trúc ngoằn ngoèo rất dài như hình con long, khắp mình đều nở hoa. Ông thưa với chúa: "Con nghe nói tre trúc hàng trăm năm mới nở hoa một lần. Mỗi lần hoa nở là một lần tàn lụi để cho một lứa tre trúc khác mọc lên." Tiên chúa hớn hở bảo: "Đó là ý trời. Đây là đất yết hầu của miền Thuận, Quảng, con phải cẩn thận trấn giữ." Rồi chúa cho lập Dinh ở xã Cần Húc, nơi có rặng tre trúc nở hoa. Tiên chúa tâm sự với ông: "Làm trai phải như tre trúc, là phên dậu của xóm làng, lại còn dùng được việc dựng nhà, đan rổ. Đến lúc trổ hoa, đó là lúc tre trúc hóa rồng." Chúa còn bảo: "Làm gái thì phải như sen. Bông sen phẩm cách cao sang, dù sống ở đâu cũng không mất chất cao sang ấy. Sen già cho hạt, mà ngó sen đến chết vẫn còn vương tơ. Cha gã Ngọc Tú cho Trịnh Tráng không phải là vụng tính. Sau này, khi hữu sự, Ngọc Tú sẽ giúp con." Xem thế, tiên chúa có cái nhìn rất xa, và đã chọn ông làm người kế vị, đặc biệt thi hành gia kế họ Nguyễn. Khi sắp hết tuổi trời, tháng sáu năm Quí Sửu, 1613, tiên chúa gọi ông đến trước giường, cầm tay bảo: "Làm việc nước phải biết trong thuận ngoài hòa, làm trai họ Nguyễn phải là tre trúc, làm gái họ Nguyễn phải là bông sen. Cha con, anh em trước hết phải hòa hữu thân ái nhau. Giữ được lời dặn này thì cha chết cũng không ân hận gì." Một lát, buông tay ông, chúa lại nói: "Đất Thuận, Quảng phía Bắc có sông Linh Giang, núi Hoành Sơn hiểm trở, phía Nam có núi Hải Vân, Thạch Bi vững bền. Núi sinh vàng sắt, sông biển có cá, muối, thực là đất dụng võ của người anh hùng. Nếu con biết dạy dân, luyện binh thì cũng chống chọi được với họ Trịnh, làm nên sự nghiệp muôn đời. Bằng không chống được thì cố giữ đất đai, mở mang bờ cõi chờ thời cơ, chớ đừng bỏ hỏng lời dặn của ta." Ông tràn nước mắt quỳ vâng lời cha. Đã sáu năm qua, mà lời dặn như vẫn còn mới đây.

Ngồi yên lặng hồi tưởng dĩ vãng, chúa Sãi thấy lòng vừa bùi ngùi vừa hăng hái. Lát nữa đây gặp con gái, chúa phải nói thế nào để chúng hiểu lời dặn của ông nội. Ngọc Vạn, tuy đã hiểu biết, nhưng thân thể yếu đuối, biết có chịu đựng nổi suối sâu sông hiểm hay chăng. Ngọc Khoa tuy còn ngờ nghệch, nhưng tính khí cứng cỏi, thể chất rất bền. Chúa Sãi cân nhắc rồi bỗng nhận ra đã lâu ông không gần các con. Công việc bề bộn, bồn chồn lo nghĩ xa xôi khiến ông không một phút giây rảnh rỗi. Tuy vẫn nghe biết và phỏng đoán chuyện nhà, nhưng bây giờ ông mới thấy mình lơ là lỏng lẻo trong mối dây liên hệ máu mũ. Ngọc Đĩnh bệnh hoạn triền miên khiến ai cũng sốt ruột. Ông đã cố ý tìm danh y và dược phẩm chữa cho con mà vẫn chưa kết quả. Ông hy

vọng những tàu buôn Trung Hoa, Nhật Bản - nhất là Nhật Bản - đang ở Hoài phố sẽ giúp được việc này. Ông chỉ có bốn người con gái. Đứa lớn là công chúa Ngọc Liên đã gả về họ Mạc. Ông hiểu lời dặn của cha già: trong nên hòa với họ Mạc, ngoài phải kết với lân bang. Các em trai và các con trai của ông sẽ cùng với ông làm tre trúc phên dậu. Còn bốn đứa con gái sẽ là bốn bông sen xây dựng ngoại tộc, kiến tạo đài sen.

Đang đắm hồn miên man suy nghĩ, chúa Sãi vẫn nhìn thấy người nội thị quì tâu:

- Dạ bẩm, có nhị vị công chúa...

Lời tâu chưa dứt, chúa Sãi đã vẩy tay đứng dậy:

- Cho vô, cho vô!

Chúa bước ra đón các con.

- Chà, hai đứa bay tới sớm dữ a!

Công chúc Ngọc Vạn, Ngọc Khoa quỳ xuống một lượt:

- Kính chào cha.

Chúa Sãi vui vẻ:

- Ừ thôi, vô đây, vô đây. Tụi bay tới sớm cũng hay. Mình sẽ đi chơi và đi thăm Ngọc Đĩnh luôn thể.

Ngọc Khoa đến sát bên cha:

- Hồi hôm chắc cha ngủ ngon nên bữa nay coi cha tươi trẻ quá. Tụi con có gặp mẹ và hỏi thăm mẹ về cha. Mẹ nói cha bỏ nguyên một ngày chơi với tụi con phải không cha?

- Ừ. Cha cần bàn với các con một việc.

*

Chúa Sãi hỏi:

- Gần đây các con đã nghe biết gì về chuyện cầu hôn của những người nước ngoài?

Ngọc Khoa đưa mắt nhìn Ngọc Vạn, rồi kính cẩn thưa với cha:

- Dạ thưa, chúng con chỉ biết sơ sơ. Thưa cha, cha cứ nói rõ, chúng con xin nghe.

- Ừ, một vị là quốc vương nước Chân Lạp, một vị là đại thương gia nước Nhật Bổn, cùng xin làm giai tế của cha. Mục đích cầu thân và nương tựa với ta về thương mãi và chính trị. Cha chưa hức hẹn gì cả, cũng chưa bàn với ai ngoài mẹ con.

Chúa Sãi tự rót thêm trà vào chén rồi tiếp tục nói:

- Hồi ông nội còn sống, cha vẫn mơ màng coi đây là đất tạm cư. Nhưng khi ông nội con qua đời, cha dứt khoát, một mặt nối kết hy vọng ngày kia phục hồi đất Bắc, một mặt tích cực gầy dựng sự nghiệp khắp miền Nam, để tất cả sẽ là quê hương một nước Đại Việt. Nhưng nỗi khổ của cha là lòng

người chưa định. Họ chưa hạ quyết tâm nhận đất này làm ruột thịt. Họ chưa hiểu được câu nói của Đức-công-chúa. Các con cần biết rõ là mảnh đất ta đang ở đây, mặc dù do bao nhiêu công khó của người trước, nhưng lại rất bấp bênh trong hiện tại. Họ Trịnh vẫn điên dại với quyền thế, đã làm việc thí nghịch, và gia tâm tiêu diệt họ Nguyễn chúng ta. Chung quanh ta gồm nhiều bộ lạc như Lục Hoan, Mọi Đá luôn luôn muốn quấy rối và chiếm đoạt đất đai tài sản của ta. Bên trong chắc chắn có kẻ nhị tâm và kẻ nằm vùng, tìm cách chia rẽ hàng ngũ, hoặc vô hiệu hóa các kế hoạch của ta. Cha không trách ai cả. lòng người chưa định vì chính mình chưa tạo được thế lực và hoàn cảnh để định lòng người. Muốn có thế lực mạnh thì ngoài việc luyện binh, dạy dân, còn phải kết thân giao hảo với lân bang láng giềng. Muốn có hoàn cảnh tốt thì ngoài việc canh tân xã hội còn phải mở rộng được bờ cõi, tạo cơ hội thông thương trao đổi khắp nơi. Cha nói chuyện quốc sự với các con là để các con dễ nhìn thấy điều trọng, điều khinh, biết rõ được thiên chức của người điều khiển guồng máy nhà nước. Quyết định của các con sẽ đem lại lợi ích cho đồng bào, tổ quốc.

Công chúa Ngọc Vạn sa nước mắt, thưa:

- Những lời cha nói đã vén cho con một khung cảnh rộng lớn của quốc gia. So với cá nhân con, thiệt nhỏ mọn vô cùng. Con thiệt lòng vâng theo sự sắp đặt của cha. Cho dù đi đâu ở đâu, cho dù bất cứ hoàn cảnh nào, con cũng vẫn là con của cha, là người của Đại Việt. Thưa cha, bây giờ không phải là con hiểu, mà hình như con đang cảm nhận lời của Đại-công-chúa. Mình từ Đại Việt ra, rồi trở về Đại Việt. Một vòng tròn nhân duyên của cát bụi. Phải không thưa cha?

Chúa Sãi cảm động nói:

- Thiệt là những lời vàng đá. Cha cũng có một sợi tim như sen. Chính con là người đã thông tim cho cha.

Ba cha con chúa Sãi trong hkoảnh khắc biến thành ba pho tượng yên lặng giữa bình minh. Mặc dù sử triều Nguyễn không ghi chép gì về chuyện Ngọc Vạn, Ngọc Khoa đưa gã cho Chey Chettha và Mộc Thôn Tông Thái Lang, nhưng người ta đã nhờ tài liệu của các giáo sĩ thời đó như Christopho Borri, hoặc các tác giả dịch giả Pháp như Maspéro, Moura, Henri Russier, André Migot, hoặc các tài liệu lịch sử Trung Hoa, Nhật Bản, Cao Miên để ta có thể tin rằng câu chuyện trên có thật. Người chồng của công chúa Ngọc Khoa có tên Việt là Nguyễn Đại Lượng, vì chính sự Nhật Bản, sau này đã đưa nàng về Trường Kỳ, vĩnh viễn ra đi ngoài sông nước đìu hiu. Chỉ còn lại ở Hoài phố (bây giờ là Hội An) bên con sông Hoài (bây giờ là sông Thu Bồn) cây cầu Nhật Bản với một hồ sen đầy thương nhớ.

Tôi không kể chuyện nàng ở đây, mà theo đoàn rước dâu công chúa Ngọc Vạn đi vào vùng đầm lầy kinh rạch miền Nam.

*

Vua Chân Lạp Chey Chettha chính thức phong công chúa Ngọc Vạn làm chánh cung hoàng hậu ngay giữa mùa thu năm ấy, năm 1620. Chàng cầm tay công chúa và nói:

- Từ nay, suốt đời ta sẽ gọi nàng là công chúa Hoàng hậu.

Công chúa Ngọc Vạm mỉm cười hỏi:

- Tại sao không chỉ là hoàng hậu thôi chứ?

Chàng đáp thật thà:

- Công chúa Hoàng hậu, danh vị ấy mới tôn vinh được phẩm cách cao sang, và nhan sắc tuyệt vời của công chúa. Ta, ta không còn chữ nào để diễn tả được ý lòng ta.

Hoàng hậu Chey Chettha là một người đẹp chưa từng có ở thủ đô Oudong và khắp cùng đầm lầy miền Nam. Sắc đẹp của nàng như không thuộc về thế giới này, nhưng tâm hồn nàng đầy ắp thương yêu và dung thứ. Để nàng nguôi nỗi buồn xa xứ, vua Chey Chettha cho công chúa Ngọc Vạn tự do đưa người Đại Việt vào thủ đô Oudong. Nàng thiết lập hẳn tại đây một khu phố, gồm nhiều xưởng thợ và hiệu buôn. Chey Chettha không những rất mực say đắm mà còn rất vì nể phẩm cách và kiến thức của công chúa Ngọc Vạn. Ông cũng đã phong một số chức tước cho người của công chúa vào làm việc trong triều đình Chân Lạp. Đặc biệt, biết công chúa thích bông sen, ông khuyến khích thần dân trồng sen. Và dân chúng gọi nàng là Hoàng Hậu Hoa Sen. Ngọc vạn thực sự được cả triều đình và nhân dân Chân Lạp quí mến.

Tuy nước Đại Việt giúp đẩy lui hai cuộc xâm lăng của Xiêm La, nhưng nước Chân Lạp vẫn giữ quyền độc lập. Mùa thu năm 1623, chúa Sãi gửi phái đoàn ngoại giao tới Oudong đòi lập một tô giới Đại Việt ở Prey-Kôr, nơi đang có những phát triển kinh tế đáng kể. Bấy giờ Prey-Kôr còn là một vùng nhiều đàm lầy và những rừng bông gòn hoang vu người Việt ở lẫn với người Miên bản xứ làm việc buôn bán giao thương cùng dân bản xứ. Prey-Kôr lại không được người Chân Lạp xem trọng, và gần như một vùng vô chủ. Người Việt gọi là Bến Nghé, vì ở đó có bến cho thuyền bè khắp nơi ghé lại. Những chiếc ghe như những con nghé bơi đến rồi bơi đi mất tích. Trùng với truyền thuyết về một con nghé đi tìm mẹ, hay con trâu mẹ đi tìm nghé, đến đây thì mất dấu nên điên cuồng đau đớn húc đất lồng lộn thành hố sâu. Tuy Prey-Kôr không được lưu ý nhưng triều đình Chân Lạp vẫn khước từ yêu sách của phái đoàn Đại Việt, có lẽ vì tự ái quốc gia. Phái đoàn đành đến nhờ công chúa Ngọc Vạn.

Công chúa Hoàng Hậu Bông Sen Ngọc Vạn, tước hiệu Somdach Prea Peaccac Vodey Prea Voreac Khsattey, đã dùng uy quyền và tình thương can thiệp. Cuối cùng, không những Prey-Kor Bến Nghé dành riêng một tô giớ cho người Đại Việt, mà triều đình Đàng Trong còn được đặt quan chức, võ tướng để bảo vệ và thu thuế tại đây. Đó là sở thuế đầu tiên của chính quyền

và là một địa điểm đầu tiên được chính thức công nhận trên đất Chân Lạp.

Tôi đồ chừng, sau đó Bến Nghé Prey-Kôr có hai đặc điểm dễ nhận ra là trên bờ thì bông gòn nở như rừng, còn dưới đầm thì bông sen tươi thắm khắp nơi. Rừng gòn mọc từ lâu, riêng bông sen mới được trồng để nhí ơn sự can thiệp của công chúc Ngọc Vạn. Lâu dần gọi nôm na là Bến Sen Gòn cho dễ nhớ.

Năm 1626, chiến cuộc Trịnh Nguyễn bùng nổ, hai bờ Đại Việt lầm than. Trong Nam, vua Chey Chettha II băng hà (1628) để lại bà công chúa Hoàng hậu còn son trẻ, với bao nhiêu dang dở của một triều đình chưa kịp vững mạnh. Công chúa Ngọc Vạn trở thành Hoàng Thái hậu. bà vẫn dùng quyền uy, kiến thức và tình thương săn sóc miền Nam. Nhưng miền Nam bấy giờ bất ngờ nội loạn tang thương. Ngọc Vạn khi ở nơi này khi ở nơi khác. hàng năm cứ đến mùa bông gòn nở, nàng lại đến bến Sen Gòn chơi với dân Việt. Gió như có tay, cứ moi rút ruột bông gòn, tung bay ra trong không gian những sợi tơ gòn non nõn, thỉnh thoảng bám nhẹ vào những cánh bông sen rung rinh trong đầm nước.

Bông sen nở
Bông gòn bay
Bến năm xưa hững hờ mây trắng
Bông sen nở
Bông gòn bay
Có ai hay nỗi lòng công chúa.

Đã lâu lắm tôi không còn thấy lại bông gòn bay. Nghe nói hồi thời ông Ngô Đình Diệm có ra luật cấm bông gòn bay trong thành phố Sài Gòn. Nhà nào có cây gòn để bông bay đều bị chặt. Tội nghiệp. bây giờ thì thành phố không còn tên cũ, hình như từ sau năm 1975. Tôi bỗng thấy thương tác giả "Sàigòn Năm Xưa". Thương tôi, và thương cả ai kia kia nữa.

THƯỜNG VŨ ANH THY
San Jose đầu thu 1996.



DEREK WALCOTT

oddjob, chó già

Bạn chuẩn bị cho một nỗi buồn
Không hay một nỗi buồn khác tới
Không phải như thời tiết,
bạn không thể tự lo liệu chống đỡ,
sự thiếu sẵn sàng là tất cả.
Kẻ đi cùng bạn, người đàn bà,
người bạn ngồi kế bên,
đứa con nhỏ bên cạnh
và con chó già,
chúng ta run rẩy cho họ,
chúng ta nhìn ra biển ngậm ngợi
trời sẽ mưa.
Chúng ta chuẩn bị cho trận mưa;
bạn không thể nối kết
ánh trời đang thay đổi
những cách hoa trúc đào đang tối sẫm dần trong vườn biển,
màu cháy vàng đang đi ra khỏi những tán cói.
Bạn không thể nào nối kết
vẩy nước mưa
trên thân thể bạn
với tiếng rên con chó già,
tiếng sấm không gây hoảng sợ
sự sẵn sàng là tất cả
con vật theo sát chân bạn
đang cố nói cùng bạn
sự im lặng là tất cả:

nó sâu thẳm hơn sự sẵn sàng
nó sâu thẳm biển
sâu thẳm đất
sâu thẳm tình yêu.

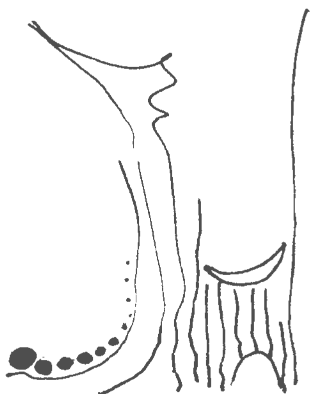
Sự im lặng
mạnh hơn tiếng sấm,
chúng ta bị đánh câm và sâu thẳm
như loài thú không bao giờ thốt lời yêu
như chúng ta, ngoại trừ rằng
nó trở nên điều chẳng thể thốt lên
và phải được nói,
trong một tiếng rên nhỏ
trong nước mắt
trong cơn mưa bụi đi vào mắt chúng ta,
chẳng thốt lên tên của vật ta yêu mến,
sự im lặng của kẻ chết,
sự im lặng của tình yêu đã chôn cất sâu thẳm nhất
là cùng
một sự im lặng,
và tình yêu ta đeo mang cho một con thú,
một đứa trẻ, một người đàn bà, hay một người bạn
ấy cùng là một tình yêu, nó cùng là một,
và nó được chúc phép
sâu thẳm nhất bởi sự mất
nó được chúc phép, nó được chúc phép.

DEREK WALCOTT
(Thường Quán *chuyển ngữ*)



AN PHÚ VANG

HAI TRONG MƯỜI HAI THÁNG



1. Tháng Chín Ngậm Ngùi

Tôi chưa một lần nói chuyện với ông ngoài những cái vẫy tay chào. Người đàn ông ở một mình trong căn phòng nhỏ một chung cư dành cho người già. Không hiểu sao tôi sợ? Kính nể thì đúng hơn khi nhớ lời bạn bè nói về ông. Một nhà văn nổi tiếng...

Thầy dạy Việt văn tôi ngày xưa cũng lừng lẫy một thời. Chỉ ngoài Trung thôi, với những bài thơ đăng ở *Đối Diện*, truyện ngắn in ở *Khởi Hành*. Ngày đó chúng tôi nhìn ông như sao Bắc Đẩu huống gì những người vang danh từ Sài Gòn, tiếng tăm nổi như cồn dọc chiều dài đất nước.

Chúng tôi ngưỡng mộ thầy. Số *Khởi Hành* nào có bài viết của thầy là ngấu nghiến đọc. Đám học trò chuyên xuống đường biểu tình, đi học còn mang theo tập san *Đối Diện*, nghiền ngẫm thơ phản chiến. Cũng thơ của thầy! Có lẽ nhờ có người thầy tài hoa như thế, chúng tôi tập tành viết lách, làm thơ, sáng tác truyện đăng báo trường. Khá hơn chút thì gởi *Tuổi Hoa, Tuổi Ngọc*. Tuổi nhỏ thuở trung học của một thành phố miền Trung thế đó...

Mấy mươi năm qua rồi, từ ngày thầy ra mắt tập thơ *Rừng Dậy Men Mùa* bạn bè đứa du học, đứa lính tráng. Sống chết còn đếm trên đầu ngón tay. Giờ đứa di tản, đứa vượt biển, vượt biên. Quanh quẩn rồi cũng gặp lại nơi xứ người đôi lần. Sau năm 75 thầy làm hiệu trưởng trường. Bạn bè đi sau nói vậy. Rồi chẳng biết chuyện gì xảy ra...

Nhà văn thầy ngưỡng mộ là tác giả *Người Thầy Học Cũ*. Có thể đó là lý do làm tôi đọc truyện này. Để hơn hai mươi năm sau, tình cờ gặp được ông, tác

giả của tác phẩm mình thích, trong căn phòng nhỏ xứ người.

*

Ông ta nằm. Ông ta ngồi. Thui thủi một mình trong căn phòng dành cho người độc thân. Cửa lúc nào cũng hé mở. Bước lên cầu thang, liếc bên phải, người ta có thể thấy ông nằm nếu cửa phòng mở rộng một chút.

Hoặc có thể thấy ông ngồi trên thảm... Làm gì không ai biết. Có tiếng tivi vọng ra hay sự im lặng cùng cực.

Cả ngày của ông thế đó. Căn phòng nhỏ ở Bolsa với sách vở, tranh ảnh.

Cửa sổ ngó xuống bãi đậu xe. Tiếng chân lên cầu thang. Tiếng nhạc đủ loại vọng ra từ những căn phòng bên cạnh. Từ nhạc ngoại quốc lời Việt của Karaoke đến "anh là lính đa tình..." Đời sống bận rộn, đổi nhanh như máy vi tính trong phòng nghiên cứu trên thị trường. Người quen may lắm mới để ý đến sinh hoạt của nhau.

Tôi biết chung cư này vì nhờ chữ nghĩa, nổi máu giang hồ tìm đến toà soạn một tạp chí, nhân tiện ghé thăm anh bạn quen biết nhau qua những bài thơ in chung, trong một tuyển tập, thuở chập chững tị nạn xứ người.

Anh bạn lúc này lừng lắm rồi. Chữ nghĩa bay vút lên trời xanh. Anh chủ biên tờ tạp chí vẫn thường làm bạn bè ở sở tôi nhức đầu vì những bức tranh...

Hôm được đọc cái truyện ngắn anh bạn mới viết bốn mạng đã xỉn. Cũng gần hết tháng tám rồi. Quây quần quanh mấy cái ly, chai rượu vơi quá nửa, Cuộc nhậu tiếp tục. Người viết truyện gật gù. Lúc này anh bận nên đã mấy năm rồi "Những Ngày Cuối Cùng Ở Cửa Việt" vẫn chưa ra khỏi Quảng Trị trong đầu. Anh bạn đến từ miền Đông trẻ như ngoài bốn mươi, ấm giọng phê bình: "Đọc bài này như đọc văn Lỗ Tấn."

Tám con mắt nhìn nhau đục ngầu, khen chê hư ảo. Ở xứ người, thương nhau *ít* cứ xúi bạn bè đi làm văn nghệ; đẩy nhau ra đặc san văn học nghệ thuật. Sống với thơ với văn vài năm chỉ còn nước nhảy xuống con sông bốn mùa trơ lòng ở Santa Ana...

Chúng tôi vừa rời căn phòng dưới lầu của ông. Phải để cho ông nghỉ ngơi sau khi tiếp khách. Sau khi bực dọc *dũa* những mầm non thơ văn vài cú như trời giáng. Tôi viết lách lạng quạng như lái xe ở Bolsa. Viết cho vui sau những giờ cắm cúi với công việc. Viết trong những chuyến công vụ nhớ nhà. Thơ thẩn làm được lai rai để đó. Vui, đem in tặng bạn bè. Buồn, mang cất vào máy điện toán. Đôi khi đọc lại thơ mình thấy sao sao. Không buồn cũng chẳng vui. Chỉ đau lòng nhiều khi thấy bài thơ được phổ nhạc chữ chạy lung tung như cách làm thơ ghép nối năm đệ thất.

Vừa bước chân vào phòng định kiếm người bạn, tôi gặp ngay cú "tao ngộ chiến" về thơ chơi với. Ngồi trên thảm nghe ông phê bình đám viết lách mới, nói chung, tôi "cương" lại được đúng hai câu. Anh bạn nhà văn ngồi cạnh

khều khều vào tay. Tôi ngồi yên nghe những lời nặng như chì. Ức lắm!

Tác giả *"Bài Hai Mươi"* nhìn thằng bạn học cùng trường thông cảm. "Tao không nói cho mày biết trước để chuẩn bị. Ai vào đây cũng dính hết. Không phải riêng đứa nào. Bị như vậy là nhẹ...". Giải thích sao thì giải thích. Đang bốc với lượng bia trộn rượu trong người, tôi còn bực trên đường lái xe về. "Quái! đời sống này làm gì có sự hoàn mỹ. Software có viết rồi cũng phải debug. Phi thuyền mà còn bị trục trặc huống gì..."

Tháng tám rồi cũng trôi qua. Tôi yên với đời sống. Rảnh rỗi đôi chút mở máy điện toán đọc lại bản thảo hai tập thơ dự định in. Thích là làm đầu thế nào! Mắt ngó màn ảnh máy vi tính, đánh máy bằng hai ngón để cắt bỏ, sửa đổi cho hoàn chỉnh câu sáu câu tám, câu năm câu bốn, câu dài hơi... lòng thòng. Dỡ cũng được nhưng tôi biết có tấm lòng trong đó. Tôi biết có thêm một người nâng niu những đứa con thơ dại chưa được in như mình.

Trời sắp vào thu rồi. Mùa của trống vắng trong nhà khi học trò tựu trường. Những lúc nhìn lại hàng khuynh diệp dọc đường tôi thấy thương ông hơn. Mấy mươi năm vươn cao giữa trời rộng, thênh thang trên những ngọn cỏ gió đùa, làm sao không bực mình khi cầm cuốn sách, đọc tờ tạp chí trong mùa trăm hoa đua nở đại xứ người. Ông thương thì ông rầy. Thế thôi. Cây khuynh diệp tơi tả sau mùa gió Santa Ana sẽ được chăm sóc. Ông, chìm sâu trong gác trọ, chỉ còn ánh mắt người hờ hững trông theo.

Căn phòng ở Bolsa, đầu tháng chín, vẫn còn những ngày dài của một người. Mười hai tháng ngắn dài, rượu không cạn ly, ngấm vào thân thể. Có người ở căn gác bên trên ông, cây cọ tay phải, cây viết tay trái, vai và má kẹp điện thoại, nói như thở hoặc nói như hét, tùy khí hậu từng mùa. Chân người sưng to vẫn muốn nhúc nhích, đi đi về về cho đủ vòng xích đạo. Có người cho tôi quí đời sống này hơn. Còn sống còn viết, với sự cẩn trọng và quí mến chữ nghĩa.

2. Tháng Mười Thức Dậy

Buổi sáng người mẹ lục đục pha cà phê, lo phần cơm trưa cho con đi làm. Nhà còn ngủ ngon trong hơi chớm lạnh. Tháng mười sương sớm. Tháng mười sương muối. Cây lá mờ mờ chụm đầu vào nhau. Mẹ nhớ hàng cau vườn xưa mùa lạnh.

Tháng mười chung cư anh mồi điếu thuốc. Lập lòe sau hè trong bóng tối đất trời. Kiếng lão lạc rồi mẹ nhìn không rõ. Sớm tháng mười mờ sương trên nóc nhà con chim co ro. Sao tháng mười không là tháng cười khi tháng mười hai, tháng Tết, khi tháng sáu, tháng hè. Con gọi tháng mười, gọi đại tháng cười, cho mẹ được vui. Bài thơ của người thầy ngày xưa, anh còn nhớ như

hôm qua. "Thưa me, thưa me, con đã trở về. Ngồi trên xe lăn từng vòng xót xa..." nghe như tiếng khóc. Người mẹ có mấy thằng con trai; đứa vài năm trước đi lính Quốc Gia, hai đứa mấy năm sau mặc đồ bộ đội. Cả hai nơi tụi nó đều mang tội làm dân nước nghèo! Mẹ nhận quà thằng con thua chạy đến bên này, nuôi đứa con bên kia. Thằng Quốc Gia nuôi thằng bộ đội. Thằng bộ đội đổ tội thiên đường... Cầm đô la xanh gởi về từ Mỹ, nhậu! Những nỗi sầu dài, chân đo hoài không hết.

Ngày xưa từ Bến Hải buồn hai hướng Bắc Nam. Ngày nay buồn chạy dài từ Nam Quan đến Cà Mau.

Tháng mười chưa lâu mẹ đừng rầu nhớ Tết. Nhớ ngày đi đoàn tụ "đời mình thôi hết, mang tụi nhỏ sang cho nó nên người". Các em ngủ không sợ, các em nói không lo! Nhưng mà sao mẹ buồn so. Có phải nỗi sầu sâu đo len lén cuộn tròn khi nhớ trầu quê cũ; nhớ đêm nằm ngủ nghe gió đùa tàu lá chuối rủ, ướt sương. Có phải vì vậy tháng mười không phải là tháng cười; ngày ngày mẹ ngồi trong căn gác côi cút, bạn bè với đào kép cải lương.

Tháng mười con đêm nay thở hơi sương. Mẹ không phải lo, trở mình muốn la, khi con mở nhỏ bài thơ phổ nhạc thê thiết; nghe Diễm Chi hát luống đoạn trường: "... Thưa me, thưa me, con đã trở về. Dầu chẳng còn đôi chân."

Cám ơn đời cho tôi còn được mẹ trong những ngày lưu lạc. Mẹ không phải sợ cho thằng con lớn, đi lính Quốc Gia ngày trước; lo cho hai thằng con nhỏ, nón cối bộ đội ngày sau. Anh em đều quần jean áo T-shirt. (Tôi bắt chước ai gọi diễu quần bò!) Buổi sáng nhìn mặt đều da vàng đất. Tháng mười ở Mỹ đừng hấp tấp xe. Nổ nhẹ nóng máy đưa con đi học. Mẹ ở mẹ đi chắc mẹ đều mừng. Ba thằng con chiều đi làm về ăn cơm cùng mâm. Không đứa nào còn chĩa mũi súng vào nhau. Bên này bên kia cũng là người Việt.

Tháng mười buổi sáng con gái con trai trong lòng xe ấm. Hai đứa sáu, tám đen sâu mắt tròn. Đi học! Chiều tôi nấu cơm: thịt bằmMcDonald. Mẹ bận công vụ, cha hamburger làm chuẩn!

Tháng mười bạn đưa bài thơ sương muối. Bài hát ngậm ngùi tôi thuở giang hồ. Đi đâu rồi cũng về với mẹ. Đi đâu rồi cũng cần mẹ phải không em. Tháng mười, tôi gọi tháng cười, có gì lạ đâu.

AN PHÚ VANG
9/96 - 10/96



VIÊM TỊNH

góc hiên tình

tặng cao huy khanh - trần doãn nho

1.

Bất chợt em xõa tóc bên ánh tà dương
Chiếu soi ta trăn ngõ hẹp
Ấp ủ chút dư hương ngày đó
Chùng trũng nhịp đập trái tim cô quạnh
ta thắt đời mình bằng một sợi tóc
Chia hai mảnh trăng khuyết

2.
Bờ biển phía Tây mênh mông
Nổi trôi cánh chim côi cút
Ta biết bên kia em nhìn mặt trời hoàng hôn
Chìm xuống dòng sinh đạo
Chìm xuống đợt sóng cuối cùng đưa về bên ta
Nỗi muộn phiền năm tháng
Phôi pha hay đớn đau một dấu hỏi vô cùng

3.
Em đã gõ vào nỗi quạnh hiu
như gieo vào vùng đất ngập nắng quái
Ngọn cỏ quá khứ đã cố chết đi lòng trắc ẩn
Tưởng như tiếng gió hú bên đồi
Đường đi dài một Thủ Đức xa lắc
Vi vu tiếng tiêu hồn đãng tử

4.
Ta tạ từ tiếng gõ nhịp ba
Tỉnh thức một cõi đời bỏ ngõ
Nỗi buồn bã không che dấu
Nụ hôn vội vàng

5.
Chạy đuổi theo cơn nắng đợt mưa
Nhặt ngọn lá tưởng người nhắn nhủ
Ngọn lá không vàng không xanh
Đem nửa đời người ngủ bên dòng sông không tỉnh
Thì thầm cùng giọt sương đêm

6.
Chìm mãi trong cơn mộng tưởng
Em biết rung lên tiếng nguyệt cầm
Đánh thức mặt sông phiền muộn
Giấc ngủ không nghe âm vang tiếng thở dài
Đưa mãi con đò xa bến
Ta còn đời mình
Em còn đời mình
Đã chia hai mảnh trăng khuyết.

huế
Từ xưa tiếng đã âm trầm
Nửa thân áo vá - ngậm tăm trái sầu
Chứ thôi tay trắng thay màu
Lời cay đắng nữa - trước sau chẳng từ

tháng tám

tặng H.

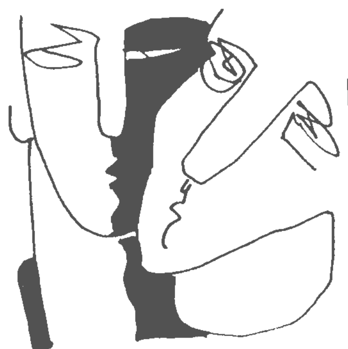
Em về phố huyện trần ai
Một đời ngày tháng nối dài trầm ngâm
Bóng xưa hình mới nẩy mầm
Như cành lộc nhỏ cũng tâm tình người

VIÊM TỊNH



LÊ MINH HÀ

CÓ CHỒNG



Vậy là ả có chồng. Chồng - ấy là cái từ thuở hai mươi ả không bao giờ mong có. Một đôi giày cao gót kiểu mới đua chị đua em; một thỏi son có thể kín đáo quẹt lên môi cho môi hồng lên mà mọi người không biết... Ả có thể mong có những thứ ấy, thiết tha mong trong một ngày xa xôi nghèo khó nào đấy. Nhưng chồng, muốn có chồng, tuyệt nhiên không! Ấy là vì ả biết mình. Gái ngoại thành, từ bé đã phải cấy phải gặt phải gánh phải gồng, người cứ bè bè. Nhởn nhao một chút, thoát ly đi làm ở xí nghiệp dệt khăn mặt khăn tay, cũng suốt ngày đi. Có ai đó đã tính rằng một công nhân đứng máy dệt như ả mỗi ngày đi hết một đoạn đường ba mươi hai ki-lo-met. Đi thế, bắp chân to ra, bàn chân cũng to ra. Tướng người ấy giá đi với một gương mặt tròn tròn, ưng ửng hồng từng lúc thì có khi còn được coi là có dáng phúc hậu. Đằng này... Những ai ai mỏng mày hay hạt, chứ còn ả, mặt đã mỏng, lại choắt như hai ngón tay úp chéo. Cái vệt duy nhất đầy đặn trên mặt ả là cái mũi. Sao mà nó to!

Khi còn trẻ, mười tám đôi mươi, ả cũng có lúc mong thầm cho mình có duyên có phận. Ừ! Biết đâu! Biết đâu! Nồi méo vung méo xoay quanh cũng vừa. Nhưng chẳng thấy ai là đàn ông trêu ả, trừ mấy ông làm công đoàn ở xưởng. Mà họ đùa thế nào chứ! "Cô Hoài bao giờ báo cáo với tổ chức để công đoàn đứng ra đấy? Ấy, đám cưới của cô thì chắc là đông lắm!" Một thằng thợ đi qua ngứa mồm: "Chứ lại chả đông! Con em lúc đó khéo cũng có con rồi. Thế nào em cũng bảo nó đưa con đến mừng bà trẻ". Ả tủi lắm. Nhưng vẫn cười: "Ừ! Khi nào chị có phúc có phận, chị mời hết cả ngũ đại đồng đường

nhà em".

Vào xí nghiệp từ hồi mười tám, nhoáng cái nhìn quanh đã chẳng còn mấy người để ả gọi anh xưng em. Ả biến thành "chị ấy", "bà ấy" nơi cửa miệng thiên hạ lúc nào không biết. "Bà ấy tính cũng quái như người". "Người đâu xấu người, xấu nết, xấu đến cả cứt". Người ta cứ nửa đùa nửa thật nửa thương nửa ghét ả như thế. Nào ả có làm gì ai! Một thân một mình ở giữa một khu tập thể quanh năm suốt tháng ồn ào tiếng mẹ trẻ réo con tiếng chồng đay vợ ban ngày, tiếng rúc rích ban đêm sát liếp, ả đâm thù ghét cái hạnh phúc thực ra rất lem nhem mà thiên hạ bày trước mắt. Ả thành người đi sớm về muộn; thành chiến sĩ thi đua năm này qua năm khác. Người ta đâm ngại ả. Cái sự chăm chỉ quá đáng của ả, cả cái mác chiến sĩ thi đua kia nữa làm cho người ta mất thoải mái lúc tranh thủ uống ấm chè hay hóng hớt nhau trong giờ làm việc.

Nói vậy chứ cái mác chiến sĩ thi đua đã giúp ả một cú quyết định. Ấy là vào lúc xí nghiệp lấy danh sách đi hợp tác lao động quốc tế. Đi Đức hẳn hoi. Ả lên gặp giám đốc, nài: "Anh ưu tiên em vào danh sách đợt này". Ông giám đốc - người đã có thâm niên hai mươi năm ngồi ở nhà máy trên cái ghế này, người vẫn bị phó giám đốc dè bỉu một cách có vẻ đầy thiện ý: "Hơ. Ông ấy trông đúng là trẻ thật, chứ tuổi thì... chỉ hơn sáu mươi chứ sáu mươi thì làm gì đến" - cười: "Cô là nòng cốt ở xí nghiệp này, phải phấn đấu trở thành cán bộ kế cận chúng tôi chứ. Để cô đi thế nào được". "Em chữ nghĩa bổ túc ban đêm chẳng có là bao. Mà em tính đã làm cán bộ kế cận thì chỉ kế cận anh thôi. Nhưng làm sao thay được người như anh". Thêm đôi lần quà cáp nhỏ to với bà vợ ông giám đốc lúc đó đang là phụ trách nhà ăn, thế rồi ả lên đường.

Thánh nhân đãi kẻ khù khờ. Ả nghiệm ra các cụ thật chí lý. Người ta mất hết của cải, liều thân chôn mình hàm cá trên đường vượt biển. Ả chỉ một bước là đã thoát sang bên kia, sang hẳn Tây Đức. Cũng là dòng đời đẩy đưa. Bức tường Berlin sụp đổ, đầu tiên là bọn ả đi xem, nhân thể mua về bên Đông những là gạo là nước mắm là bánh phở - những thứ người Việt đi hợp tác lao động quốc tế phải chịu thèm chịu nhạt. Rồi thì sang tị nạn, "xem nó ra sao", "ngồi không trong trại lĩnh tiền tiêu vặt còn hơn lương cu-li ở Đông Đức trước chả hơn à". Và khi có chế độ mới cho tỵ nạn vốn xuất thân thợ khách thì ả xin nhận lại Pass, ra khỏi trại đi làm.

Những ngày làm thợ ở Đông Đức, những ngày tỵ nạn bên Tây, ả đã dự bao nhiêu là đám cưới của anh chị em người Việt. Có những đôi đúng là đũa lệch, chồng trai tơ vợ nạ dòng, chồng thành phố vợ nhà quê một cục ăn cơm mắm môi cầm đũa và suỵt soạt. Ả chẳng mong ước gì, nhưng có lúc cũng lạ lùng thấy mình chờ một câu đùa nhạt của chị em: "Đến bao giờ bọn em được giúp chị Hoài đây" rồi "ông ấy... ông ấy cứ hỏi thăm chị mãi"...

Rồi thì vẫn thế. Ả vẫn một mình trong cái Wohnung hai phòng sau mỗi buổi từ hãng trở về. Một thân một mình, phải tự lực tất tần tật. Phải có ô tô.

Thì ả đã có ô tô. Thỉnh thoảng đến nhà mấy đứa cùng chạy từ Đông Đức sang, nhìn chúng nó hú hí với chồng con và nghe những câu đùa nhạt như sữa dành cho người ăn kiêng, lại muốn về nhà bật ti vi cho có tiếng người... Ả vẫn như xưa, chẳng ai để ý, chẳng ai muốn giúp đỡ dù ả đúng là đàn bà. ...

Nhưng bây giờ ả đã trở thành cần thiết cho một người. Chồng ả. Một tấm chồng ra chồng. Có bằng bác sĩ ở nhà. Cái ấy là đồ trang sức tuyệt vời cho mấy anh đàn ông tỵ nạn đang phải rửa bát trong quán Tàu. Chàng trước đã vợ con và chẳng thể nào lo nổi cho vợ con bằng đồng lương bác sĩ bệnh viện huyện. Chàng quyết làm kinh tế. Nước Đức thống nhất là vùng kinn tế mới tuyệt vời. Đời phải có lúc hèn. Thì đã hèn rồi. Không sợ. Đời phải có lúc liều. Thì đã liều rồi. Vợ chồng chàng bàn nhau, vợ chàng đem con về bên ông bà ngoại, cái nhà cấp 4 của hai vợ chồng thì bán lấy tiền chạy cho chàng. Chàng dặn vợ: "Về ông bà có thể lâu lâu rồi các cậu các dì xì xèo, hai mẹ con gắng chịu. Vài ba năm anh về rồi đổi đời. Đổi đời. Mình sẽ xây nhà ba tầng. Để hẳn tầng một anh mở phòng khám. Phục vụ tận tình, trang thiết bị đàng hoàng, giá rẻ, chẳng hút hết bệnh nhân từ bệnh viện huyện ấy à. Vào đó nào có ít tiền đâu mà bị hạch cho lên bờ xuống ruộng. Mình có làm thế thì mới để được tiền được đức cho con..."

Cái sự toan tính của người đang hy vọng thật dễ nghe. Nhưng cả người ở lẫn người đi đều không biết rằng sự làm giàu ăn vào cái số. Tốt số hơn bố giàu. Chàng sang Đức, về định cư ở một làng heo hút, ra ga phải mất nửa tiếng chạy bộ, còn đi Bus thì một chuyến một ngày. Hai năm trời, chàng chưa hòa vốn vé máy bay cộng dịch vụ đưa người. Chàng không thể ngồi tính toán lẩn thẩn như anh bạn cùng phòng: "Thế này còn hơn chán vạn ở nhà. Ăn uống tiết kiệm, mỗi tháng cũng để dư ra được trăm rưỡi mác. Hòm hèm cũng là một triệu ở nhà. Bằng vợ tớ nuôi lợn thành công cả năm giời". Trong trí chàng, còn nguyên vẹn hình ảnh căn nhà ba tầng chưa xây mà tầng dưới sẽ là phòng khám.

Ả gặp chàng vào dịp ấy. Sau đó thì ả biết là chàng đã phải dùng Duldung, lên máy bay hồi hương lúc nào không biết. Sau đó thì một cô em họ của chàng thầm thì: "Hay là chị giúp anh ấy. Khổ! Hồi đi, thật anh ấy cũng chỉ nghĩ đi cứu vợ cứu con. Nay tiền vào không thấy mới chỉ thấy tiền ra. Mà về thì sợ. Gì thì gì cũng là thằng trí thức vượt biên, khéo về đã chẳng lo gì được cho vợ cho con mà vợ con còn bị lụy".

Cái sự "giúp" ấy ả nghe hiểu ngay. Nghĩa là làm đăng ký kết hôn với nhau và chàng sẽ được ở lại. Ấy là một dịch vụ đang sôi nổi trong cộng đồng người Việt, giá dao động từ mười bảy đến hai mươi ngàn mác. Cô em họ của chàng lại thầm thì: "Anh ấy ở ngần ấy năm không có việc làm, cũng chẳng móc đâu ra tiền. Nếu chị có lòng, bọn em sẽ dồn giúp anh ấy theo giá chị định. Rồi khi có Pass anh ấy được chuyển vùng, được đi làm thì cũng chả mấy nổi... Mười bảy ngàn được không chị?"

Ả không nhận đồng nào của chàng. Thành thử cuộc hôn nhân giữa ả và chàng đâm ra làm cho cả hai bối rối. Nó chẳng ra thật chẳng ra giả. Nó thiếu cái sòng phẳng cần có trong mọi dịch vụ, nó thừa cái lương tâm thời buổi này chẳng ai tin. Mà ả thì thật lòng. Ả nghĩ tới cái tương lai gần của một gia đình sắp sum họp: Chồng bác sĩ mất việc; vợ giáo viên cấp hai kiêm bán xôi sáng; Thỉnh thoảng công an tới gọi chồng lên đồn hỏi về những việc đã làm khi ở lại nước ngoài trái phép; người vợ và đứa con sẽ nhớn nhác; người chồng thì buông xuôi...

Ả nhận lời kết hôn với chàng. Biết là một trò chơi. Vậy mà lúc đứng trước nhân viên của Standesamt (1) ả bất chợt bồi hồi...

Rồi ả mơ màng. Dù thế thì cũng rất ít khi ả dám nghĩ về đêm đó. Chàng xách vali về Wohnung của ả. Ả đã tính với chàng như thế. "Anh cứ ở tạm nhà em. Vùng này dễ kiếm việc, có Pass rồi thì xông đi làm ngay. Rồi anh kiếm chỗ ở khác sau. Làm sao cuối năm có một khoản gửi về cho chị ấy nuôi cháu. Rồi cũng phải có một khoản khác để chị ấy mua lấy một căn nhà, bằng cái nhà cũ đã bán đi cũng được. Chứ lấy chồng rồi mà lại mang con về nhà cha mẹ đẻ khi các em đã nhớn thì cũng rách việc lắm". Chàng nhìn thị biết ơn. Hôm đó đi làm về, ả không đi loăng quăng cửa hàng cửa họ mà về làm cơm ngay. Cơm cá kho, rau muống luộc qua rồi xào tỏi, nước vắt chanh. Ả ăn ngon như chưa bao giờ ngon thế.

Đêm đó, ả trở thành đàn bà. Ả ba bảy tuổi...

Chàng không dám nhìn thẳng ả từ đêm đó. Đôi lúc ả có cảm giác ánh mắt chàng lướt qua mình. Ả không hiểu nổi chàng nhờm tởm ả vì ả qúa xấu? Hay chàng nhờm tởm chính bản thân chàng? Chàng ân hận?

Nhưng chuyện đó thỉnh thoảng vẫn tái diễn. Và không hiểu sao, lòng ả muốn thế mà ả không thấy diệu kì như lần đầu. Lần đầu tiên, ả muốn rống lên như một con bò cái. Lần sau, những lần sau nữa, ả như một bó rạ. Chàng vần ả như một bó rạ, ghì siết ả như một gã nhà quê ghì buộc một bó rạ, chỉ thiếu điều muốn đái thẳng vào đó.

Một hôm, ả đi làm về đã thấy chàng cơm nước xong xuôi. Chàng ngồi bên bàn chờ ả. Dọn xong bát đũa, chàng nói ngay, bứt dứt, bình tĩnh, về sự chàng sẽ ra đi. "Tôi biết ơn Hoài vô cùng. Hoài đã cứu cả tôi lẫn vợ con tôi. Xin Hoài đừng hận tôi. Tôi đã xin làm tả chạp, ăn ở luôn tại quán. Nếu kiếm ra, tôi xin gửi dần Hoài số tiền lo giấy tờ mà trước Hoài đã có lòng..." Ả há mồm. Muốn nói. Rằng chàng tính thế là tính vội. Rằng chàng có thể ở rốn thêm mấy ngày. Rằng có Pass chàng có thể kiếm việc ở hãng, chẳng nhàn gì nhưng cũng không đến nỗi đầu tắt mặt tối như làm quán. Nhưng ả không nói được. Ả cứ há mồm ra. Chắc lúc đó trông ả đã xấu càng thêm xấu. Và chắc là nhìn đần độn lắm.

Chồng ả không về nữa. Đôi lúc ả nghĩ tới vợ con chàng. Không ân hận. Chỉ thấy thương người đàn bà kia và thương thân hơn. Chị ta và ả đều đã từng

được cưới. Tính ra ả cũng được tới hơn mười lần gần gũi. Nhưng từ hôm kia, ả hốt hoảng vì cảm giác mình sắp có kinh. Thiên hạ sao vô tâm. Gặp ả, có người hỏi: "Thế nào, tiền cưới chồng đã đủ mở Imbiß (2) chưa?"

LÊ MINH HÀ

---

1. Standesamt: Phòng đăng ký kết hôn
2. Imbiß: Quầy ăn nhanh



THẬN NHIÊN

cuội

lẽ ra nguyệt ngủ trên trời
tội tôi mỏi cổ nguyệt rơi xuống trần
để đêm đẩy cửa ngó trăng
mới hay rêu phủ âm thầm gốc tôi

láng giềng

bậu ơi nhớ đứng nhớ ngồi
cái tâm lẩn thẩn nửa trong nửa ngoài
mưa chiều - mái lá - ngọn khoai
thì ca vọng cổ cho - mùi - giấc - nhau

dạ vũ

nhớ xưa bậu tóc bánh bèo
bồi hồi hội ngộ bậu đeo tóc xù
gió khuya xiêu dáng hát ô
một dòng sương đổ mịt mờ trước, sau

xàng xê

tít xa thấp thoáng cội đào
nghỉ tay dựa gốc phong cao mà ngồi
ngó mông cỏ bạt ngàn đồi
xé bì thuốc viết mấy lời xàng xê

THẬN NHIÊN



ĐỖ QUYÊN

đầu cầu thang

(Tặng Mỹ Trinh và các bạn Montréal)

Đầu cầu thang
những khỏa thân lụa
lướt lên trời
bỏ lại màu
bỏ lại hình thể
rất nhẹ

Đầu cầu thang
đứng lặng
không nói các điều như những người đàn bà nói
khi đứng vậy cạnh nhau
gió lách qua khe
bảo vậy...

Đầu cầu thang
những chai rượu biểu tình ngồi
chú chó Giôn đếm được đến mười
cũng không thể lôi những người đàn ông trở về
như lôi những khúc xương.

Đầu cầu thang
có một kẻ ngồi cùng với rượu,
đứng cùng với đàn bà và bay lướt cùng bức họa khỏa thân
- một kẻ đang tìm người đàn ông ở đầu cầu thang đời mình

ĐỖ QUYÊN
Courtenay, 5.9.96



NGUYÊN HỮU LIÊM

LÁ THƯ TỪ QUẢNG TRỊ

Ngày 10/9/1996

Tôi muốn gởi lá thư này ngược lại cho tôi, từ làng Bích La Thượng, Triệu Long, Triệu Phong, Quảng Trị đến thành phố San Jose, California. Lá thư chưa viết mà người nhận đã đọc nó rồi. Người gửi còn mang cái tâm tư chưa biến thành lời văn; người nhận thì đã có nội dung lá thư mà chưa có lá thư trên tay. Tôi viết thư như là tự chính mình mở trang giấy của tâm tình trên mảnh đất quê hương này - cái tôi tự đi tìm bản thân bằng cách lật ngược lại chính mình từ trong khoảng không gian và thời thể đã đi qua và đang hiện thân ra trước mặt. Cái tôi muốn được đọc từ tôi đã trở nên bản chất của số phận, cái hố sâu của ý chí, và cũng là thước đo cho mức độ thành thật của mình đối với chính mình.

Tôi sẽ cố gắng khách quan để diễn tả cái tôi thấy và kinh qua bằng giác quan, và tôi sẽ cố gắng giảm thiểu tối đa những phán xét. Và lá thư này chỉ là một câu chuyện kể đơn sơ nhưng đầy ắp tâm sự của một kẻ tha hương về thăm lại quê mình.

*

Từ Sài Gòn, tôi đáp phi cơ đi Đà Nẵng ngày mồng 6 tháng 9, 1996 vì chuyến bay đi Huế không còn một chỗ ngồi. Cuối cùng thì nhờ vậy mà tôi được đi xe đò qua đèo Hải Vân thật là kỳ thú. Trên chuyến xe tốc hành qua

đèo, tôi ép thân vào đằng sau xe, ngửi mùi khói thuốc nồng nặc và liên miên của một anh sinh viên trên đường ra Huế. Xe lên dốc đèo cao độ bị chết máy. Tài xế để cho xe trượt dốc ngược lại để cố gắng đề máy xe. Tôi thấy mọi người tỉnh bơ - còn riêng tôi thì sợ chết. Trong cảnh hoàng hôn giữa núi đồi, mây trắng và biển xanh hùng vĩ và đẹp huy hoàng, tôi ngửi thấy cái nỗi sợ chết giữa cái đẹp - kinh khủng và hãi hùng - của non sông.

Thế là tôi khác với những người cùng đi chung chuyến xe: tôi khó chịu vì khói thuốc và tôi bị kinh hãi với hiểm nguy. Có lẽ lúc đó tôi cũng nhìn thấy cảnh vật bên ngoài đẹp như là một bức tranh lớn - và tất cả là một tổng thể khách quan cho cái tôi khác biệt nầy. Cái tôi đang đi với con người của quê hương và non sông luôn bị chia cách làm hai: cái tôi của ý thức cứ chăm chăm nhìn cái tôi của tấm lòng với non nước và dân tộc.

Khi xe qua hết đèo và đến Lăng Cô, tôi ngồi xoay mặt lại đằng sau để nhìn lại cảnh vật. Đèo và biển ở đây đẹp và hùng vĩ hơn bao giờ. Tôi cảm thấy lại cái hồn nhiên của cặp mắt ngây thơ của chính mình từ hai mươi lăm năm trước khi lần đầu tôi chạy loạn qua đèo Hải Vân. Một phần tư thế kỷ như một chớp mắt - và cái đẹp của nước non trong nỗi hãi hùng về thân xác lại trở về như cũ. Ở dốc đèo bên bờ biển Lăng Cô nầy là nơi bạn bè tôi, người thân tôi đã chết trong cuộc chiến trước. Tôi thấy mơ màng như có một bãi trống của các linh hồn đang vươn tay lên cao để níu tôi về với một câu chuyện của một thời oan thương, cay nghiệt đã qua. Nhưng tôi lắc đầu từ chối lắng nghe. Câu chuyện sẽ được xẩy ra chắc còn nhiều bi đát hơn là cái đã là trong quá khứ. Tương lai của kẻ còn đang sống thì sâu đậm và đầy bi kịch hơn là của những người đã chết. Quá khứ bi đát nhưng nó có hồi chung cuộc từ cái tử vong; còn cái hiện tại đang kéo dài nầy không thể hình dung ra được một điểm cao cho con đường đi đến. Đời sống không thể được tiếp nhập bằng thi ca vì một tâm hồn bi đát chỉ muốn uốn cong tương lai về nhúng lại với vũng lầy quá khứ. Thế nhưng tôi lại về với xứ Huế: cái xứ của tương lai luôn luôn tự chấm ngọn rau của sự sống về lại cái nguồn sông của cái đã qua.

Và tôi lại thấy an lành trong cái xứ Huế đầy quá khứ nầy. Kẻ đi tìm lại chính mình thấy yên tâm trong một cõi đất và khối người định nghĩa chính mình bằng cái không còn là. Tôi đứng bên bờ gác với vợ chồng Hoàng Phủ Ngọc Tường, Lâm Thị Mỹ Dạ nhìn ra nhánh sông nhỏ và hàng cây cổ thụ lớn - nơi Trịnh Công Sơn cũng đã từng đứng ở đó để "buổi chiều ngồi ngắm những bước chân qua." Tối đến tôi đi ra sân trường Quốc Học để tham dự văn nghệ kỷ niệm 100 năm của trường. Nhìn lên sân khấu thấy Huy Cận đang ngâm thơ, thấy các người quen thân hữu khắp nơi về tham dự. Hình như cái gì ở Huế cũng vẫn rất là đang còn - cái quyến rũ của Huế là lời mời dừng lại. Tôi nghĩ đó là nội dung văn hóa của Huế, xứ rất Phật giáo trong cái chậm rãi từ tốn nhưng đầy ngõ sâu kín của tâm hồn.

Sáng hôm sau, tôi cùng với một nhóm bạn hữu ra ngồi uống nước bên bờ

sông Hương. Tôi đăm nhìn giòng nước xanh ngắt với bầy cá mương quanh quẩn tìm ăn. Ngoài giòng thì một chiếc thuyền nhỏ với một bà cụ âm thầm thả chiếc lưới nhỏ từng nhịp, từng nhịp khoan thai, kiên nhẫn. Nhìn bà cụ thả lưới rồi lại kéo lưới lên một cách nhẹ nhàng, tôi nghĩ đến cái mất mát của sự sống - phẩm chất cuộc đời bị đánh mất trong nhịp kiếm sống vật vã của con người ngày nay và nơi khác. Tôi nhìn bác thả lưới suốt hơn cả tiếng đồng hồ mà chỉ thấy bác chỉ bắt được một con cá nhỏ. Nếu tính ra bằng con số kinh tế khách quan thì khó mà vui; nhưng tôi biết nhìn sự thể sinh hoạt của bác chài như thế nào? Tôi vui vì giòng sông vẫn đầy ắp nước trong xanh và vẫn còn các bầy cá để cho bác chài còn kiên nhẫn thả lưới. Cái còn lại đó chưa được ai đặt vào phương trình kinh tế. Sự sống ở Huế chính là cái huy hoàng của những gì còn lại trong cái hỗn độn vô bờ của xứ Sài Gòn mà tôi mới đi qua.

Hôm sau tôi lại lên xe đò để ra làng tôi ở Quảng Trị. Những lần trước, lần nào tôi đi xe cũng hư máy cả, tôi hỏi anh tài xế, "Xe chạy ra tới Quảng Trị nổi không?" Vợ ông ta ngồi bên la lên, "Chứ eng nói rứa là xui xẻo lắm đó. Chắc là vía eng nặng lắm nên đi xe mô cũng bị hư." Nhưng lần nầy thì xe đi êm ả. Đường quốc lộ I ra Quảng Trị tương đối khá tốt. Hai bên đường lúa vàng đầy đồng, cây cối xanh tươi. Lạ rứa, sao mùa hè mà cây xanh như ri, khác với những năm trước? Eng biết không, năm ni mưa nhiều hơn. Còn các giòng sông: sao mà trong vắt và xanh tươi như rứa được. Tôi chỉ muốn tắm và uống no nê những giòng sông Quảng Trị. Tôi đã đi nhiều nơi trên thế giới nhưng thấy rằng chỉ có những sông ngòi ở xứ Bình Trị Thiên mới đẹp như thế kia. Thiệt tình như thế chứ không phải tôi có máu địa phương cực đoan đâu.

"Cho tui xuống chợ Hôm nghe" - và tôi bước xuống xe đi vào con đường mòn dẫn vào chợ Hôm, Ái Tử để đi đò qua làng tôi. Xách túi hành lý vào quán bên đường ăn một tô bún bò và uống luôn hai chai lớn bia HuĐa (Huế Đanmạch) với đá. Lại vác hành lý lên vai, người hơi "xỉn xỉn" nhưng thấy mình đi dưới cái nắng mùa hè giữa trưa của xứ Ái Tử nầy như là một thằng điên. Và tôi tự hỏi chắc là ta đã điên nên mới đi lang thang say sưa như thế ni giữa núi đồi cát trắng. Cái túi quá nặng, cái nắng quá gắt, con đường đi giữa cát lún từng bước chân. Nhưng tôi biết rằng tôi đang tiêu thụ cái nỗi nhớ nhà và những cơn depression trong những ngày ở Mỹ. Tôi cố hành hạ thân xác để chữa một cơn bệnh tâm thần - cái bệnh nhớ nhà triền miên, day dứt, đứng ngồi không yên. Đó, quê nhà mi đó, có chi mà nhớ, mà thương!

Tôi bước tới chợ Hôm. "Cây khô xuống nước cũng khô, Bạn nghèo đi tới nơi mô cũng nghèo." Tôi thấy ai giống như mạ tôi, em gái tôi ngồi chòm hỏm chờ bán hai bó cải hái sáng nay sau góc vườn, chỉ mong đủ để mua ít ruốc về nấu keng rau cho có hơi teng để cho bầy con được lớn. Bước xuống bến đò, à chào Thạch Hãn: mi theo tau ngày đêm như món nợ muôn kiếp, tau phải trả

nợ mới được. Vất hành lý xuống cỏ, cởi giày ra, vén quần lên trốc cúi, tôi lội ra sông, vục nước lên uống. Nước trong, xanh, mát và hương vị ngọt ngon hơn là các bình nước khoáng bán khắp thế giới. Tôi uống một hồi như là con lạc đà qua sa mạc, cứ uống cho đã thèm, đã nhớ. Tôi hục mặt xuống ngâm dưới nước cho mát. Tôi ngửng đầu lên nhìn qua bên kia sông là làng tôi. A ha, ta lại trở về.

Nay chiếc đò qua sông không còn được chèo - mà là đò máy. Tôi vừa mừng vừa tiếc. Bác lái đò nhe răng đen cười chào vui vẻ. Bác nói rằng đò máy thì nhanh hơn nhưng đầu đò chóng bị vỡ vì tốc độ của đò chạm vào bến quá nhanh. Tôi tiếc cái chầm chậm, cái quần quại của tay chèo cũ, cái im lìm thanh thản của chiếc đò qua sông năm cũ. Nhưng, mày ơi năm cũ, cái Thời nó đã qua. Còn nữa kia. Hãy nhìn lên ngược giòng, nơi bờ làng An Mô, chiếc cầu đang được xây, sang năm sẽ hoàn tất. Đó, khi nớ thì mi sẽ vượt xe Dream qua sông vù vù. Ôi Thạch Hãn, mi sẽ không là Thạch Hãn khi không còn là nỗi gian truân, là cuồng lũ, là nỗi ám ảnh của cái đói khát, của kiệt sức, và của cái chết. Thạch Hãn là một giòng sông trong vắt và ngọt ngào khi nào con người Quảng Trị còn khổ đau. Đây là một giòng sông không chuyên chở nổi một cái gì cả, dù chỉ là một ít bùn lầy cho ruộng nương. Nhưng thế mà bao nhiêu máu xương đã đổ trên giòng sông trong vắt ngây thơ nầy. Biết bao nhiêu con người Quảng Trị ra đi chỉ để nhận diện chính mình qua bút hiệu Thạch Hãn. Cái mà giòng sông không chuyên chở nổi trở nên một gánh nặng tâm tư cho người xa xứ: một giòng sông trống trong chưa hết cả cội nguồn.

Bước lên bờ đi vào nhà người bác. "Ui chao ai mà hệt như thằng Liêm rứa tê." Cả làng đang trong mùa gặt. Năm nay lúa rất được mùa. Nhưng tại sao lại gặt lúa tháng Mười vào tháng Tám? Mi không biết chứ bữa nay lúa Thần Nông chỉ có hai tháng là chín. Lúc ni không cần gieo mạ và cấy lúa nữa. Chỉ gieo hạt lúa thẳng xuống ruộng nước và làm cỏ thôi. Gặt xong cũng khỏi cần gánh lúa về vì có máy trảy hột tại chỗ, chỉ chở bao lúa về bằng xe tải thôi. Tôi nhớ và thương mạ tôi đã sinh ra và lớn lên làm ruộng ở quê hương nầy sớm đi ba mươi năm. Có ai biết cái nỗi nhọc nhằn thân xác của phụ nữ miền quê trong công việc cấy lúa mỗi năm hai mùa? Nay nỗi nhọc nhằn kia đã được cởi vất.

Cây cối trong làng xanh tươi, những bụi hóp, bụi tre vươn cao tàu lá. Khu vườn cũ nhà tôi đầy ắp cây cỏ, tràn ngập màu xanh. Tôi nhớ năm 1972, trước khi chạy loạn cho đến bây giờ, tôi có lần nhìn vào vườn tôi và thấy cây xanh đầy ắp như thế. Bây giờ cây cũng xanh mượt. Tôi thấy vườn cây tươi tốt như lòng mình mới được ăn no với thức ăn ngon lành. Ôi cái nỗi hạnh phúc khi nhìn lại khu vườn ấu thơ và còn thấy được "cây trong vườn cứ mỗi ngày mỗi xanh."

Tối đến, bạn bè ngồi uống bia quanh cái Ti Vi màu. Nhà nào cũng có điện, phần lớn đều có TV. Chương trình kịch hò địa phương đang được chiếu trên

đài Quảng Trị với người bạn đang đóng vai là một thương gia. Nhìn hắn trên TV rồi quay qua ôm vai hắn trong bữa tiệc mà thấy như là giấc mơ. Hắn có giọng hát thật mùi như Chế Linh, và nhất là cái bộ râu mép rất là điệu và đểu. Nhưng hắn nói chuyện thật là tiếu lâm. Ngồi bên cạnh là ông xã trưởng, người bạn từ ấu thơ, từng là lính "nguỵ." Về khuya, cả bọn hát đồng ca những bài xưa cũ. Tôi ngỡ như là những tiếng hát nầy lồng vào gió Nồm bay cao qua sông ra tới tận Đông Hà.

Suốt ba ngày ở làng, tôi tắm và uống nước sông Thạch Hãn. Mỗi lần tắm là một lần rửa hồn với quê hương. Mỗi bụng nước sông uống vào là mỗi lần minh xác chính mình vào đất nước. Tôi chắc chắn là tôi qua mỗi lần nhào xuống sông và hả miệng uống được giòng nước nầy.

Nhưng rồi tôi cũng phải lên đường lần nữa. Khi tôi vừa lên chuyến xe lửa rời Đông Hà thì cơn bão nghe đâu cũng trên đường kéo đến. Nhưng trên chuyến tàu đi qua Quảng Bình, qua những cánh đồng lúa vàng tận chân trời, tôi và mọi người ở đó không ai biết đến cơn bão đang ở chân trời. Chúng tôi hạnh phúc trong cái không biết đó. Khi tàu đi qua Hà Tĩnh, vượt đèo Ngang hùng vĩ để vào một bến đậu lúc hai giờ sáng, tôi nhìn ra cửa sổ xe. Hai ba em bé khoảng năm, sáu tuổi, với giọng lơ lớ nửa Trung, nửa Bắc, la lên từng hồi bi đát, "Bác ơi, cô ơi, có gì cho con ăn không, con đói lắm." Tôi rùng mình như ai xé ruột mình. Hạnh phúc bao giờ cũng là của miếng cơm. Một đằng thì tôi thương xót những đứa trẻ xin ăn; một đằng tôi ngại ngùng vì lời xin ăn được các em diễn ra như một vở kịch nhỏ giữa màn đêm khuya khoắt. Vừa xót và vừa đau. Ôi những trẻ thơ Việt Nam!

*

Đó là một ít của những gì đáng kể và đáng ghi cho chuyến về thăm quê Quảng Trị vừa qua của tôi. Dĩ nhiên, tôi đã đi nhiều nơi khác, gặp gỡ rất nhiều người. Nhưng cái tôi muốn viết và gởi cho tôi vẫn là về cái khoảng đất nước từ đèo Hải Vân đến đèo Ngang. Đó là khoảng không gian tôi ấp ủ. Đó là thế giới của tôi. Tôi đang đứng ở ngoài cái thế giới đó nhưng tôi mang đầy chính nó trong ký ức và tâm tưởng. Mong tôi đọc lá thư này như là một thứ ký ức thứ hai: của ngôn ngữ chồng chất lên một đống cao ngất của tâm tình.

NGUYỄN HỮU LIÊM



HOÀNG XUÂN SƠN

nguyên đại

Đêm.
người du thủ hiến vai xanh
biển chóng ngoan
từ mọi dỗ dành
nàng
thôi gầm rú
buồn đương đại
cấm ngọ chàng và hương
tái sinh

rừng đuối

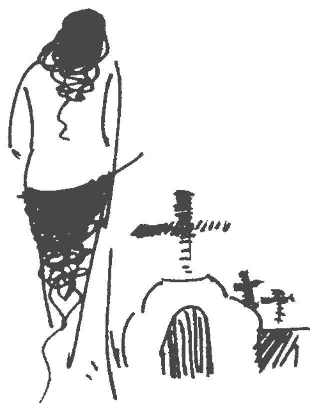
Trăng trên lưng thú
cười
nắc nẻ
nàng cọ sương ướt đẫm
hoa mai
rừng đuổi cây chạy
vào bãi cháy
hoang liêu ôi
từ thuở ruộng cày.

HOÀNG XUÂN SƠN



KINH DƯƠNG VƯƠNG

NGƯỜI ĐÀN BÀ ĐIÊN TRONG NGHĨA TRANG



NHÃ

– Thế nào tôi cũng tìm cách giết nhạc sĩ Ban. Nhã nói với tôi như vậy. Lần đầu tiên, trong cơn say cần sa tôi nghĩ Nhã nói chơi. Nhưng sau đó, những khi tỉnh táo, Nhã vẫn lập lại, nhiều lần. Nhạc sĩ Ban đến nay vẫn còn sống. Nhã vẫn nuôi ý định giết ông ta để rửa nhục. Câu chuyện đã trôi qua hơn mười lăm năm. Nhã sống ở Đàlạt thỉnh thoảng về Sàigòn gặp tôi... Tôi xa quê hương đã lâu; không liên lạc với Nhã, không biết bây giờ Nhã còn nuôi ý định giết nhạc sĩ Ban nữa không.

– Tôi lên Đàlạt lần đầu tiên năm 1969.

– Tôi biết anh từ dạo đó, Nhã nói. Có vài lần định đến thăm anh nhưng chưa đến được.

Rồi hơn mười năm trôi qua tôi mới gặp lại Nhã. Trong khoảng thời gian đó cả hai đều bị du vào cơn mộng dữ của lịch sử đất nước. Chính do lần gặp gỡ này; có một thời gian sống với Nhã, mới xảy ra mối thù của Nhã đối với nhạc sĩ Ban. Nhã đẹp trai, phong nhã. Với mái tóc bồng bềnh và điệu nhảy lã lướt làm cho nhiều cô gái chết mê chết mệt.

– Anh biết tôi biết đàn bà lần đầu tiên lúc bao nhiêu tuổi không? Mười sáu. Cũng là do những party đêm. Lần đó, sau khi tan cuộc, tôi say. Một thiếu

phụ khoảng ba mươi tuổi cho tôi quá giang về nhà. Đó là vợ của một quan chức lớn trong tỉnh. Tôi bằng lòng. Bà ta dìu tôi ra xe hơi, để nằm băng sau. Xe dừng lại. Bà ta dìu tôi vào. Tôi ngồi lên một sô fa, thấy không phải nhà mình. Tôi định lên tiếng hỏi thì bà ta đã nói.

– Đây là nhà tôi. Em say quá, hãy nằm nghỉ một lát. Tôi làm nước chanh em uống, khoẻ hẳn về.

Vậy đó, Nhã kể. Rồi tôi bị nhốt suốt một tháng trong gian phòng sang trọng ấy, chỉ thấy ánh mặt trời qua cửa kính và da thịt mịn màng của bà ta. Tôi được bà ta nuôi như vỗ heo ú. Suốt ngày đêm hầu như chúng tôi trần truồng. Bất cứ lúc nào tôi muốn hay bà ta muốn là chúng tôi xáp lại. Tôi không còn biết thời gian, không gian nữa. Cho đến một hôm tôi cảm thấy thân thể rã rời, đầu óc choáng váng, mất đổ ghèn, nhìn một vật thành hai. Nhân lúc bà ta đi chợ tôi đập cửa kính, trốn. Về nhà tôi nằm liệt cả tháng mới dậy nổi. Người yêu tôi đến thăm, thấy thân thể tôi tiều tụy, nàng khóc. Lòng tôi dửng dưng. Trước tôi yêu nàng biết chừng nào. Sau vụ đó tôi thất vọng về đàn bà. Tôi chán tất cả. Cả nàng.

Tôi xin đăng lính Biệt kích Mỹ, không được nhận vì nhỏ tuổi.Tôi làm khai sanh giả đi Biệt Động Quân. Cuộc đời từ đó kể như tàn. Chán. Xin qua Nhảy Dù. 30/4. Tám năm cải tạo.

Nhã trốn trại hai lần đều bị bắt lại. Trong ánh mắt Nhã tất cả mọi người đều giống nhau. Không ai hơn, kém. Cái nhìn trong veo như của trẻ thơ. Nhã rất khéo tay. Nếu được đào tạo Nhã sẽ trở thành một nhà điêu khắc. Trong tay Nhã, với một cái đinh, phút chốc viên phấn đã trở thành một hình người, một con thú. Cán bộ trại hay nhờ Nhã làm búp bê bằng gỗ cho con chơi. Hết người này đến người khác nhờ. Nhã làm liên miên, say mê. Sau, có dụng cụ tốt Nhã đục hình người bằng đá,chỉ cần nhìn tấm hình Nhã đục giống hệt. Nhã làm đàn ghi ta cổ điển, âm thanh rất chính xác. Tất nhiên Nhã được cán bộ trại thương.

Nhã chỉ là sĩ quan thường, nhưng đi cải tạo lâu năm vì cái tính bất nhất của mình. Nhã không để ý gì cả. Phần đông tù cải tạo khi khai lý lịch có để sẵn một bản gốc. Những lần khai sau cứ lấy ra chép lại. Nhã mỗi lần khai mỗi khác nên bị coi là khai báo không thành thật. Nhưng lâu quá cũng phải cho về.

Tôi gặp lại Nhã khoảng 2 năm sau ngày ra trại, đã lập gia đình. -

– Tôi đâu biết hồi trước cô ta thầm yêu tôi. Tình cờ gặp nhau, cô ta đến nhà chơi vài lần. Vậy đó, mọi sự tuần tự nhi tiến.

Nhưng cho đến khi tôi rời khỏi Việtnam, Nhã không còn ở với vợ con nữa. Nhã cất một cái chòi cạnh nghĩa trang làm nghề đục mộ bia. Nhã đục một bia mộ, ở chỗ tên người chết là giòng chữ nơi đây yên nghỉ một mối tình. Nhã đem dựng trong nghĩa trang.

– Em còn thương yêu anh ấy, vợ Nhã nói. Nhưng đã mấy năm rồi em bảo

ảnh về lại làm ăn với em, sẵn có vốn liếng , nhà cửa, ảnh không chịu. Còn em, mấy đứa con, làm sao ở với ảnh trong cái chòi gần nghĩa địa được. Vả lại... cái bà gì hồi trước và cả cô người yêu cũ của ảnh cũng đi tìm ảnh. Thỉnh thoảng họ còn gặp nhau. Em phải nuôi con em chứ anh.

THANH

Năm 1980. Tôi về. Không nhà cửa. Lông bông tá túc hết nhà này đến nhà khác. Tôi gặp Thanh, bạn cũ. Thanh làm ăn được, có vốn liếng. Thanh buôn bán giỏi nhưng mê làm tượng. Con nhà giàu, lúc đi học có bao nhiêu tiền Thanh bỏ ra mua sắt vụn về làm tượng. Hàn gió đá đến nổi hư cả mắt. Thanh sưu tầm sắt ở những nơi xảy ra cuộc chiến. Đem những thanh sắt cong queo của rào kẽm gai, bánh xích xe tăng, nòng súng vỡ... cưa, đục, cắt, hàn xì... Có lần Thanh điều đình mua một chiếc xe tăng bị mìn cháy và một chiếc cầu bị giật sập nhưng không thành.

– Thật tuyệt vời, Thanh say sưa nói. Cái matiere sắt chảy và những hình thù kỳ dị tự nhiên không thể nào tạo ra nổi. Chỉ cần cắt, ráp lại là thành tượng đài. Những thanh sắc cầu Trường Tiền sập... đẹp tuyệt. Và còn biết bao nhiêu cầu sập nữa , tôi sẽ mua hết.

Thanh có óc sáng tạo. Anh đưa ra nhiều sáng kiến cải tiến đời sống con người trong thế kỷ 21. Để giải quyết nạn nhân mãn, ngoài việc cho con người chui xuống lòng đất người ta đã làm, Thanh nghĩ ra những căn nhà trên không, có thể di chuyển được, ráp nối lại với nhau thì thành thành phố treo. Không thích thì tách ra, đi du lịch lơ lửng trên biển, trên rừng. Anh sẽ tìm ra một loại khí siêu nhẹ để đẩy những ngôi nhà đó. Ruộng rẩy cũng vậy, để tránh những thiên tai anh nghĩ ra kỹ thuật ruộng treo, rẩy treo. Xây bệ chứa đất trồng cây lương thực. Anh còn đề nghị với tôi làm một công trình nghệ thuật vĩ đại để chào đón thế kỷ 21. Chúng tôi sẽ xây một ngôi tháp cao hai ngàn thước gọi là “Tháp Hoà Bình”. Thân tháp là một bức khắc nổi, mô tả những sinh hoạt của tất cả các giống người trên hành tinh bằng đá quí (tiêu chuẩn thấp nhất là agát, có độ cứng chỉ thua kim cương). Trên nóc tháp là một quả địa cầu chạm hình bản đồ năm châu, nạm kim cương. Trong ruột có một cái chuông, khi ngân cả vùng Đông Nam Á nghe được. Những châu khác sẽ nghe qua hệ thống truyền sóng siêu xa lộ thông tin. Chúng tôi định đặt tháp ở Vũng Tàu. Phác thảo tôi phụ trách, mô hình cao hai mươi thước tôi và Thanh hợp tác làm. Một anh thi sĩ sẽ làm một bài thơ như một thông điệp hoà bình gởi đến tất cả nhân loại. Đúng giây thứ nhất đầu thiên niên kỷ ba ngàn, tiếng chuông hoà bình sẽ ngân lên, bài thơ được phát đi bằng tiếng Việt Nam đồng thời được dịch ra ngôn ngữ quốc tế và 280 thứ tiếng khác cũng phát trên siêu xa lộ thông tin đến toàn thể nhân loại, kêu gọi một nền hoà bình vĩnh cửu, cho con người...

Để làm công trình này cần chi phí rất lớn. Thanh sẽ viết thư cho Tổng thư ký Liên Hiệp Quốc và các nhà lãnh đạo thế giới, nêu rõ mục đích, kêu gọi đóng góp.

Tôi được phân công đi tìm đá quí để làm mô hình thử nghiệm.Tôi đọc một số sách về địa chất học,các loại bảo thạch. Tôi biết có một loại đá đen gọi là tectit. Đây là loại thiên thạch rơi vào địa cầu khoảng vài triệu năm trước. Ở Việt Nam thiên thạch vụn ra rơi xuống như mưa.Viên lớn nhất tôi tìm thấy lớn hơn khu chén, dẹp như hình dáng chiếc bánh dầy . Còn nhiều hình thể khác giống như củ khoai lang nhưng nhỏ hơn. Đá nằm rải rác trên cao nguyên Trung phần từ Lâm Đồng tới tận cao nguyên miền Đông Nam Việt Nam. Đá nằm trong đất thoạt trông giống như viên sỏi đen, mình lấm chấm tổ ong, thực ra đá đen tuyền nếu được cọ rửa kỹ. Đập vỡ thịt đá trong vắt. Trong nghề thợ đá gọi là hat huyền. Mài dũa thành hình, đánh bóng đen nhánh làm nữ trang rất đẹp.

Do việc đi tìm đá mà tôi gặp Nhã lại ở Đà lạt. Nhã hết sức mừng rỡ, mặc dù chúng tôi gặp nhau lần này mới lần thứ hai sau thời gian dài xa cách. Nhã đang làm đàn kiếm sống, nhưng nghe tôi trình bày dự án tháp Hòa Bình , Nhã nhảy cỡn, vươn hai tay lên trời:

– Hoan hô ! Đã quá ! Hoan hô ! Dự án tháp Hòa Bình !

Thế là Nhã bỏ luôn nghề làm đàn dù đang đắt khách

Chúng tôi lang thang cả tháng trời. Cứ sáng đi chiều tối về . Những ngày đầu chân tay rời rã. Lúc đi nhẹ nhưng lúc về đeo túi đá nặng vài chục ký. Thoạt, lên những dốc cao thở không ra hơi. Có lần Nhã hụt chân suýt rơi xuống vực mất mạng. Chúng tôi đi sâu vào rừng, mò dưới những suối sâu tìm đá quí. Chúng tôi như hai nhà địa chất chuyên nghiệp tay cầm búa, gặp hòn đá nào nghi ngờ có đá quí bên trong là đập, mỏi cả tay. Thời gian này tôi học được bài học triết lý lý thú: cái quí là cái ẩn tàng. Ngọc không bao giờ phơi lộ mình ra ngoài, trừ trường hợp bị vỡ ra. Chúng luôn luôn nằm bên trong một lớp vỡ sần sùi, xấu xí như "cục đá", "hòn cuội". Có khi rêu phong phủ kín, mốc meo không ai buồn nhặt. Nhưng với mắt chuyên môn thì đó chỉ là lớp vỏ đá vôi phủ ngoài. Các bạn thử tưởng ượng, do tình cờ đập một "hòn cuội đen đúa" rong rêu bao phủ, khi hòn cuội vỡ ra để lộ một cái ruột đỏ, trong vắt, những đường vằn tím, vàng chạy vòng tròn, sự sung sướng nào bằng. Nhưng đó chỉ là tưởng tượng, chúng tôi chưa có diễm phúc đó, chỉ được thấy trong tủ kính bày hàng. Tuy nhiên chúng tôi nhặt được nhiều mảnh vỡ, nhiều đá tectít đến vài trăm kí lô. Theo ý kiến Thanh, thuê thợ đá mài thành hột nữ trang bán lấy vốn đầu tư dồn tiền làm mô hình. Chúng tôi lựa đá đẹp cất để dành làm tranh. Có những mặt đá được chúng tôi đặt tên "Cõi trăng chìm", "Hoàng hôn đáy vực"... Thanh rất mê. Ngày nào cũng đem ra ngắm nghía.

Đây cũng là lúc xảy ra ý nghĩ Nhã muốn giết nhạc sĩ Ban.Chúng tôi chở

đá từ Đà lạt về . Thoạt trông thấy Nhã Thanh đã thích ngay. Có lẽ là đồng thanh tương ứng . Một người có tâm hồn nghệ sĩ, óc sáng kiến gặp một người có đôi mắt trong veo, ngơ ngơ ngác ngác. Thanh làm tiệc ăn mừng thành công bước đầu. Khi đã ngà ngà say, Nhã móc gói cần sa mời mọi người hút. Ai cũng sẵn sàng vấn . Chúng tôi chìm trong những trận cười không dứt. Nhã tháo chiếc vòng ngà voi chạm trổ tinh vi, một tác phẩm nghệ thuật của Nhã ra tặng Ngọc, người yêu của nhạc sĩ Ban. Anh giữ bàn tay Ngọc hơi lâu, quì xuống định hôn. Nhạc sĩ Ban nhìn Nhã cười to khiến Nhã bối rối . Anh buông tay Ngọc, đứng bật dậy, im sững như trời trồng, mặt tím ngắt . Cả người Nhã như bốc lửa . Câu chuyện qua đi . Nhưng lúc ấy ý nghĩ giết nhạc sĩ Ban để rửa nhục thành hình trong óc Nhã và còn đeo duổi Nhã lâu về sau.

– Nó ngạo mạn, coi thường tôi. Tôi sẽ giết nó . Tôi sẽ giết thằng Ban.

NGƯỜI ĐÀN BÀ ĐIÊN TRONG NGHĨA ĐỊA

Trong thời gian đi lấy đá với Nhã, thỉnh thoảng chúng tôi cũng bỏ thì giờ đi lang thang hết đồi này qua núi nọ. Nhã hay đưa tôi lên một khu đồi nghĩa trang. Một hôm chúng tôi ngồi dưới một tàng thông lớn. Nhã đã kể lại cho tôi nghe chuyện tình của Nhã với người đàn bà điên trong nghĩa địa.

– Anh có thấy cái hố kia không?

Tôi nhìn theo hướng mắt Nhã. Cái hố nông chỉ ngang thắc lưng một người bình thường, trông giống như một lỗ huyệt.

– Trước đây nó sâu hơn, giờ bị đất bồi nên mới cạn như vậy Tôi vẫn hay lên ngồi đây một mình để nhớ đến người đàn bà ấy, từ khi nàng rời khỏi đây... Sau gần tám năm cải tạo về, anh biết cái thành phố du lịch từng được gọi là "Petit Paris" này ra sao không? Cây cối xơ xác, hồ Xuân Hương cạn kiệt, đường sá ổ gà ổ voi. Xứ hoa nở mà ven đường không một bông hoa, khu Hoà Bình là một đống rác. Yersin bị coi là Tây phản động, bỏ tượng, bỏ tên đường... Không còn khách du lịch.

Nhã như người bị lạc vào một xứ sở xa lạ không quen biết. Cả ngày đi lang thang khắp thành phố với cặp mắt vô hồn. Một hôm Nhã đi lên ngọn đồi nghĩa địa, trẻ con chạy theo gọi giật lại:

– Chú đừng vô, sợ lắm, có bà điên.

– Bà điên nào?

– Bà điên ở dưới hầm.

Nhã đâu còn biết bà điên ông tỉnh gì, cứ đi bừa. Quang cảnh im lìm của những ngôi nhà người chết khiến tâm hồn Nhã lắng dịu. Anh ngồi trên một ngôi mộ xây. Cho đến chiều tối, khi Nhã đứng lên định ra về thì anh nghe có tiếng con gái cười. Nhã không tin ma quỉ, nhưng cũng cảm thấy sống lưng lạnh toát. Anh lắng tai nghe. Theo chiều gió, thỉnh thoảng tiếng cười lại đưa đến. Nhã lầntheo hướng tiếng cười phát ra. Anh đi ngang dọc cả mấy tiếng

đồng hồ nhưng tiếng cười một lúc mất hẳn. Ma chăng? Anh trở về lòng bồn chồn. Liên tiếp mấy hôm sau Nhã đều lên nghĩa địa để tìm ra nguyên do. Vô hiệu. Một lần anh đem chuyện lạ lùng ấy nói với một bà cụ ở gần nghĩa địa. Bà cụ thản nhiên nói:

– Chú không biết đó thôi. Ở đây không ai lạ. Đã mấy tháng nay con Hồng, con gái ông Hai Diêu bên Hồ Than Thở, có chồng bộ đội, đi đánh bên Campuchia chết trận, nó nhớ nó thương rồi nó phát điên. Ngày nó đem xác về chôn, lỗ huyệt đã đào sẵn mà chờ mãi chẳng thấy. Nó nhảy xuống đó ở luôn từ bữa ấy đến nay. Ai kêu cũng không lên. Đêm đêm nó khóc lóc, có khi cười. Chú nghe đó.

– Bác biết cái huyệt chỗ nào không?

– Cái đồi này quá rộng, tui đi chưa khắp, không biết chỗ mô. Nhưng sắp nhỏ nhà này rành lắm. Cu ơi! ra bà bảo. Con dắt chú chỉ chỗ cô Hồng ở giùm bà.

– Hông. Con sợ bà điên lắm.

– Cô điên nhưng cô hiền con à. Có gì mà sợ. Đi bà thương.

Nhã đến nơi. Cái huyệt đào khoảng một thước rưỡi sâu. Dấu đất còn mới. Cỏ mọc sâm sấp chung quanh. Nhìn xuống Nhã thấy mấy áo rách, một cái chén nhựa, và một chiếc đũa. Không có dấu hiệu gì có sinh hoạt ở đó.

– Cô Hồng đi đâu rồi cháu?

– Bà điên đi xin ăn ngoài chợ, tối mới về.

– Hôm sau tôi canh thật sớm. Nhã kể. Tôi chờ mặt trời lên quá sào thì Hồng xuất hiện, từ dưới chân đồi đi lên. Hồng khoảng hai mươi lăm tuổi, tóc tai bù rối, mặt mày dơ bẩn, áo quần rách nát tơi tả . Chỉ có hai con mắt trong sáng, long lanh. Nàng nhìn tôi, tôi có cảm tưởng mắt nàng là một tấm gương thần, tôi thấy hình bóng mình in trong đó thật thuần hậu. Đó chính là con người thật của tôi. Không phải một tôi khổ não, dật dờ như hiện tại. Tôi chào Hồng, nàng tránh, đi đường khác. Tôi chạy theo. Tôi gọi Hồng, cô Hồng. Cô đâu có nghe tiếng tôi. Nàng không còn nghe tiếng con người nữa. Có thể nàng nghe âm thanh, nhưng không còn hiểu. Tôi theo nàng ra chợ. Nàng đi đâu tôi theo đó. Tôi tìm cách bắt chuyện, gợi nàng nhớ lại thế giới nàng đang sống, nhưng vô ích. Hồng ngồi bên vệ đường, ai cho gì ăn nấy, đến tối trở về chui xuống huyệt, ngủ. Mấy lần tôi đem thức ăn đến nhưng nàng không hề ăn. Cả áo quần nữa cũng không thay.Tôi hết sức lo lăng cho Hồng nhưng nàng là người của thế giới khác,tôi không xâm nhập nổi. Rồi tôi khám phá ra lòng mình, tôi đã yêu Hồng, cô gái điên ấy. Tôi yêu nàng, muốn săn sóc lo lắng cho nàng, nhưng tôi bất lực. Điều ấy càng dằn vặt vò xé lòng tôi... Thời gian trôi qua, có lẽ cả tháng rồi từ ngày tôi gặp Hồng. Tôi làm cái bóng của Hồng. Nàng đi tôi đi, nàng ngừng tôi ngừng. Tôi trông chừng nàng. Chiều tối nàng về tôi theo về. Đêm nàng ngủ dưới huyệt, tôi nằm trên mé. Rồi một hôm tôi bận việc không theo nàng được , buổi chiều về tôi chạy bay lên nghĩa địa

tìm nàng. Nàng vừa mới về đang tìm đường đến lỗ huyệt . Trăng mười sáu tròn vạnh vừa nhô lên trên dãy đồi trọc.Nàng đi xiêu vẹo như người say rượu. Tôi chạy theo Hồng, đưa tay đỡ nàng,nhưng nàng phát chạy. Tôi rượt theo. Khi còn cách lỗ huyệt vài bước nàng ngã chúi và lăn xuống hố, tôi lỡ đà cũng ngã đè lên nàng .

– Trời ơi ! Hồng ơi!

Tôi kêu lên. Em có sao không? Anh giết em rồi Hồng ơi!

Nàng nằm im lìm. Tôi cúi xuống nghe nàng thở. Một mùi hôi xông lên mũi. Tôi bồng Hồng trên tay, mắt nàng nhắm nghiền,thở nhè nhẹ. Ánh trăng chiếu nghiêng, bóng tối thành hố che một nửa người nàng, mặt nàng ánh trăng soi rõ. Trăng lên cao. Những khoảng rách áo quần nàng hở lộ ra da thịt dưới ánh trăng như phát sáng. Bỗng mây đen che khuất trăng, gió nổi lên và cơn mưa giông ập đến. Tôi muốn bồng nàng chạy tránh mưa nhưng không kịp.Tôi ôm nàng. Lấy thân tôi che mưa cho nàng. Nàng vẫn nhắm mắt, thản nhiên đón nhận cơn mưa không hay biết. Mặt nàng được rửa sạch, một gương mặt thanh tú. Tay nàng được rửa sạch, đôi bàn tay ngón thon đầy đặn. Tóc nàng được rửa sạch, mái tóc dài rất đàn bà ướt đầm đìa.

– Hồng ơi! Tôi kêu lên. Anh yêu em! Anh yêu em!

Tôi hôn tới tấp lên mặt, lên cổ nàng, lên ngực nàng. Tôi xé áo quần nàng. Tôi yêu nàng như giông gió giữa cơn mưa tầm tả. Tôi gào thét theo tiếng sấm Hồng ơi! Anh yêu em! Hồng ơi! Anh yêu em! Cơn mưa ngớt . Hồng lả đi trong tay tôi. Da thịt trần truồng của nàng và tôi lấm lem như hai con cá trong hố bùn. Nước ngập nửa lỗ huyệt. Mây tan. Trăng rằm lộ ra. Bỗng nàng mở mắt . Đôi mắt trong sáng dưới ánh trăng nhìn tôi không chớp . Tôi cúi xuống hôn nàng .Tôi gọi tên nàng, nhưng đôi mắt chỉ phản chiếu ánh trăng và hình ảnh chân thực của tôi, nàng không tỏ có dấu hiệu gì biết đến thế giới con người. Sau đêm ấy, hầu như tôi luôn luôn sống bên cạnh Hồng. Tôi che cho nàng căn chòi nhỏ. Lúc đầu nàng cứ xuống ngồi dưới lỗ huyệt úng nước, sau dần nàng nghe lời tôi chịu ở trên chòi. Chúng tôi yêu nhau. Đúng hơn là tôi yêu Hồng. Nàng thụ động, không chống cự, không đồng tình, mặc tôi muốn làm gì thì làm. Bây giờ thì nàng không còn dơ dáy nữa. Ăn mặc đàng hoàng, nàng là một cô gái đẹp. Chỉ duy một điều nàng luôn chìm đắm trong thế giới của riêng nàng. Lâu sau này, có một lần trong ân ái tôi nghe nàng rên rỉ. Khi tôi mặc áo quần lại cho nàng, nàng nhìn tôi rồi cúi mặt xuống.

– Hồng ơi! Tôi mừng rỡ kêu lên. Tôi ôm nàng trong tay vỗ về. Em yêu! Em nhận ra anh không? Em tỉnh lại chưa? Tôi ghì đầu Hồng vào ngực, nghe như có sức nặng và nàng dấu mặt vào ngực tôi. Tôi sung sướng nâng mặt Hồng lên, nhưng ánh mắt sáng trong như một mặt gương vẫn chìm sâu trong thế giới nào làm tôi thất vọng.

Tôi mất Hồng. Sau lần ân ái cuối cùng đó, tôi trở lại không thấy nàng đâu

nữa. Tất cả mọi vật dụng, áo quần đều còn nguyên. Tôi lao ra đi tìm nàng khắp thành phố. Không có hang cùng ngõ hẻm nào tôi không xục tới. Tôi lên nhà nàng ở hồ Than Thở hỏi thăm, cha mẹ nàng không biết. Tuyệt vọng, tôi trở lại căn chòi, nơi để lại trong tôi biết bao kỷ niệm yêu thương về nàng. Tôi ăn, tôi ngủ ở đó hàng tháng liền, mong một ngày nàng trở về nhưng bặt vô âm tín.Tôi dở căn chòi, thu dọn đồ đạc vất xuống lỗ huyệt, lấp đất chôn, như chôn chặt mối tình với Hồng. Hồng ơi! Cô gái điên yêu quí của anh ơi!

*

Chuyến xe đò Sài gòn - Đà Lạt chết máy dưới chân đèo Bảo Lộc . Những người bán hàng ùa ra bán chôm chôm, sầu riêng, trứng gà luộc, các loại bánh trái. Nhã xuống xe đứng chờ. Một cô gái đến mời Nhã mua trái cây, anh từ chối. Một em bé trai khoảng năm sáu tuổi đến mời Nhã mua thuốc lá, Nhã cũng từ chối. Nhưng khi đứa bé quay đi Nhã gọi lại mua một gói thuốc "Mai".

– Con không có tiền thối chú ơi! Thằng nhỏ nói khi Nhã trả tiền bằng giấy mười đồng. Nó ngần ngừ một chốc rồi nói:

–Để con gọi má con tới thối cho chú hen.

Nó chạy đi. Người đàn bà cụt chân một tay chống nạn, một tay cặp rổ trứng gà luộc, mắt chột, mặt lấm tấm rổ đen đi tới:

– Má con đó chú, thằng bé nói.

– Anh mua trứng luộc không? Anh mua giùm khỏi thối.

– Ừ! Tôi lấy hai trứng.

– Lấy thêm đi, mới có hai đồng. Còn ba đồng nữa.

Nhã tức cười:

– Ừ! Tôi lấy thêm một trứng.

Người đàn bà vừa đếm tiền thối, vừa liếc nhìn Nhã đang hút thuốc.

– Thôi! Chị giữ hết đi. Tôi cho cháu tiền quà.

– Cám ơn ông.

Chị nhìn Nhã cười như mếu.

Xe chạy được một quảng, Nhã quay lại, thấy người đàn bà và đứa bé đang đứng nhìn theo. Chị cúi xuống nói gì với đứa nhỏ. Nó đưa tay lên vẫy theo Nhã. Theo thói quen, Nhã đưa tay lên vẫy lại. Xe chạy xa dần. Hai mẹ con còn đứng nhìn theo. Đứa bé còn vẫy tay mãi đến khi xe rẽ khuất ở một khúc quanh, hình như nó muốn chạy theo.

*

Nhã nhận được một lá thư. Thư gởi đúng tên họ, đúng địa chỉ, không có tên người gởi.

Bảo Lộc, ngày.. tháng... năm...

Anh Nhã,

Nếu em trách anh vô tình, điều ấy cũng làm em buồn, vì em biết anh đâu phải là người vô tình. Có lẽ thời gian đã làm em thay đổi nhiều và hoàn cảnh trớ trêu đã đẩy chúng ta cách xa nhau đến nỗi lúc gặp anh không nhận ra em nữa. Tất cả là do lỗi của em. Kể từ lần ân ái cuối cùng, tình yêu của anh đã làm em sống lại. Em tỉnh ra từ một cơn mê dài. Sự tuyệt vọng đối với người chồng tử trận đã đưa em vào cơn mất trí, nếu không có tình yêu của anh, có lẽ em không còn trở lại làm người. Ơn đó của anh bằng ơn cứu tử, như em đã chết đi và anh là người đã cứu em sống lại. Sau lần đó , em biết mình đã có thai. Một niềm vui lẫn xấu hổ vô lối xâm chiếm em. Một con điên sắp sửa có con với anh. Ý nghĩ đó khiến em không sao chịu nổi. Mong anh hiểu lòng em và tha thứ cho em. Em bỏ anh mà đi,đành lòng như vậy, anh ơi !

Em về ở dưới chân đèo Bảo Lộc, làm thuê , làm mướn kiếm sống. Em bỏ anh, trốn anh mà không hiểu cặn kẽ vì sao. Anh yêu em và em cũng yêu anh mà! Cái thai lớn dần, em đuối sức. Người đàn ông là chồng em hiện nay đã thương yêu, giúp đỡ em sinh nở. Em cũng không thể phụ lòng anh ấy. Ảnh cũng là sĩ quan cải tạo như anh. Theo chính sách nhà nước tụi em đi kinh tế mới làm rẫy. Em bị mìn cóc ra người tàn tật. Sau thời gian nằm nhà thương, tụi em trốn đại về quê cũ buôn bán kiếm sống qua ngày, địa phương cũng không làm khó dễ gì. Người bỏ trốn về quá đông.

Em đã nhận ra anh nhiều lần trên những chuyến xe đò Sài gòn - Đà lạt ghé lại vội vàng. Em muốn gọi anh, nhưng có cái gì đó đã ngăn em lại. Có một lần em lên Đà lạt, đi theo anh về đến cổng nhà mà anh không biết. Đi theo để làm gì,tự em cũng không trả lời được. Em ra về và em khóc. Anh đã có gia đình, em cũng vậy, lại thân tàn ma dại. Níu kéo nhau chỉ thêm đau khổ mà chắc gì anh còn thương yêu em. Lần gặp anh vừa qua như trời xui khiến . Rất may anh cũng không nhận ra em. Em giả lơ mà lòng chết điếng. Mãi khi xe anh đi rồi em mới gọi con lại nói cho nó biết anh là cha ruột của nó. Nó muốn chạy theo, nhưng chân nhỏ làm sao đuổi theo được xe hơi. Con đứng vẫy anh, em rơi nước mắt.

Đường đời mỗi người mỗi ngả. Em luôn luôn cầu trời khấn phật phò hộ anh và gia đình được mạnh khoẻ. Em sẽ nuôi con, chừng nào nó lớn khôn em sẽ cho nó trở về với anh.

Bức thư ký không tên.

Xem xong thư, Nhã tức tốc ra đón chuyến xe đi Bảo Lộc... Nhã hỏi thăm nhà Hồng suốt một ngày không ai biết.

– Cô bán trứng gà luộc, cụt chân, chột mắt, có đứa con trai nhỏ 5,6 tuổi. Nhã hỏi thăm.

– Con Ba, một chị bán trái cây nói.

– Ừ! Bà cụ ngồi gần bên tán dồng. Mà ông hỏi chi vậy Có bà con gì không? Gọi con Ba chứ không phải Hồng.

– Dạ có. Nhà chị Ba ở đâu bác?

– Nó dọn đi rồi.

– Bác biết đi đâu không?

– Nó có nói gì đâu mà tui biết.

Chị bán trái cây nhanh nhẩu:

–Nó đi Sàigòn.

Nhã đón xe Sàigòn đi ngay. Đứng ở bến xe, Nhã thấy Sàigòn mênh mông biết tìm Hồng ở nơi nào. Nhã nhớ đến Thanh. "Mình sẽ về nhà Thanh tá túc một thời gian. Nhắc Thanh việc thực hiện "Tháp Hoà Bình". Và ý nghĩ giết nhạc sĩ Ban trở lại. Nhã đứng hồi lâu trong bóng đêm giữa bến xe tấp nập. Nhã cuối cùng nhận ra rằng tất cả những việc đó đã thuộc về quá khứ: Tháp Hoà Bình, mối tình đối với Hồng, ý nghĩ giết nhạc sĩ Ban.

Trên chuyến xe trở về Đà Lạt, lúc xe ngang qua chỗ dừng, Nhã thấy hình ảnh hai mẹ con Hồng đứng nhìn theo, đứa bé vẫy tay. Bất giác Nhã đưa tay lên định vẫy lại, nhưng tay Nhã chợt rơi xuống như bị một sức kéo, không tự chế - Rồi xe lại khuất, ở một khúc quanh.

KINH DƯƠNG VƯƠNG_



PHẠM NHÃ DỰ

khúc hoan ca sóng sánh

Xanh một chút râu trên môi
là ta có thể đuổi những con ruồi buồn nản bay tứ tán

Có phải không em
những nường nà con gái nàng
đã bày ra tận cùng cái háng
đã đẻ ra những đứa con
(những danh nhân và những tên khốn nạn)
cùng những cuộc phiêu lưu đầy sầu thảm

Ta không thể dung tục như những thằng đàn ông tận mạng
nên suốt đời chỉ làm thằng nhà-thơ-thẩn-lang-bang
(để thêm chút râu và nghinh ngang dởm)

Không thể hiểu cái nào là đầu cái nào là đuôi
ta ngó ngược ngó xuôi
ta đuổi theo những chuyến tàu kỳ nữ
gỏ nhịp lên lưng ta và hát
tiếng còi thét vang

Sự sống đục ngầu tiếng động
vang cùng khắp thinh không
khàn giọng nỗi hoang mang
mệt nhoài những thất vọng

Ta trải chiếu đêm trăng đối bóng
khúc hoan ca sóng sánh
những ngày đen

Đêm tận cạn những thằng hết láng
đập nát khuôn trăng
uống sương tan ngất ngưỡng
hò hét cùng lặng im
em lõa thể trong em dưới bóng

có phải không em
những kỳ quặc con gái nàng
đã đẻ ra những trò quái đản
(những tục tằn và những ăn năn)
ta hết đường tấn thoái

Ngày để một chút râu trên môi
là đêm ta có thể đuổi ta tận cùng ảo tưởng

PHẠM NHÃ DỰ
Boston 4/96



Y CHI

TIẾU DIỆN



Làng phố im lìm. Tuyết trắng mông mênh. Vụng về trong đôi giày tuyết cồng kềnh, tôi lần từng bước một trên con đường dẫn lên phố chính. Gió rít từng hồi se sắt, tôi kéo khăn áo cao hơn, cao hơn nữa, mà vẫn nghe thịt xương mình ngóp ngoi trong khí lạnh. Trước mặt không có người. Sau lưng, con đường chìm đắm trong bóng ngày chậm đến. Tất cả còn ngủ vùi yên ả. Bầu không khí mở rộng bao la. Núi cao mây dày, rất gần mà cũng rất xa, mơ hồ tuyết sương trắng phủ mịt mờ. Tôi lần đến khúc quanh cuối con dốc. Vừa bước qua đã rơi ngay vào lòng phố. Ánh sáng hồng cam thoát ra từ mấy khe cửa, nồng nàn tô điểm lối đi, lôi tuột khách vào một vùng không gian khác. Khói ấm thoát ra từ mọi mái nhà. Dân làng chuẩn bị vào ngày mới. Tiếng lách cách chén dĩa buổi sớm, tiếng người xôn xao mơ hồ, tan loãng mù khơi giữa núi trời lồng lộng. Tôi rẽ qua con phố phía tay phải, đẩy cửa bước vào quán nước nằm khiêm nhượng ở góc đường. Hơi nước phủ mịt mấy tấm kính trong. Tôi chọn một chỗ ngồi ở phía trái cửa ra vào. Luôn luôn ở phía trái, không hiểu vì sao. Bà chủ tiệm đứng sau quầy lau mấy ly nước. Thấy tôi bước vào bà mỉm cười gật đầu chào, nhưng chưa vội bước ra tiếp khách. Nhịp sống ở đây cứ vậy, thong thả, chậm chạp. Tôi cũng không vội, đốt vu vơ điếu thuốc. Một người con gái - cũng có thể là một đứa con nít còn rất trẻ - ngồi tận góc phòng, tròn mắt nhìn tôi chăm chú. Tự nhiên tôi rùng mình, nhìn về hướng khác.

Bên ngoài cánh cửa mặt trời vẫn chưa lên. Con đường buổi sáng quanh co, hoàn toàn vắng nếp nhộn nhịp xô bồ của những thành phố lớn. Tôi nghĩ

mình có thể mãi mãi từ bỏ đô thị để về với chốn này. Đời sống thị thành luôn tạo nếp nhăn cùng lắm nỗi âu lo muộn phiền vô nghĩa lý. Cuốn theo vòng quay để rồi lạc mất bản thân mình, không gì ngu xuẩn hơn. Vậy mà rồi tôi vẫn phải tiếp tục ngu xuẩn, vẫn tiếp tục nhọc nhằn với cuộc sống tự tôi không chọn lựa.

Gạt tàn thuốc xuống dĩa thủy tinh nhỏ đặt trên mặt bàn, tôi thấy ít ra, một năm, tôi có được vài ngày về với vùng núi vắng vẻ du khách này, hít thở cuộc sống, nhâm nhi thời gian, trở về sống với chính mình. Đó có phải là hạnh phúc, tôi không đặt thành vấn đề.

Bà chủ quán bước đến bàn mở lời chào khách. Nụ cười hơi ngây ngô, cái thứ ngây ngô hoàn toàn chân thật. Tôi vừa khơi mẩu đối thoại bằng câu chuyện thời tiết, người đàn bà trước mặt liền hăng hái tiếp theo với hàng loạt chuyện kể lể không đâu.

Khi bà quay lưng bước trở về quầy, tôi vừa vặn rơi về lại với đôi mắt của người con gái cuối phòng. Đôi mắt vẫn giữ nguyên cho cùng một nỗi. Tôi ngạc nhiên. Khuôn mặt người con gái không vui, không buồn, không già, không trẻ. Một tay dấu dưới mặt bàn, có thể là đang đặt trên chân, một tay lơ đễnh cầm ly nước ngọt. Tôi nhìn ly nước. Bọt li ti xanh rì bám quanh mấy viên đá lạnh. Bất giác tôi xoa hai tay kiếm lại chút khí ấm. Nghiêng đầu nhìn người con gái, tôi cười vu vơ. Người con gái cũng ngoẹo cổ nhìn tôi. Ngộ nghĩnh.

Bà chủ quán bưng ra tách cà phê đen. Hơi nóng bốc lên nghi ngút xua đi thoáng ớn lạnh còn sót lại. Tôi đưa muỗng khuấy cho hơi nóng thoát lên nhiều hơn. Say sưa với làn khói mỏng, trong giây phút, tôi quên bẵng đi sự hiện diện của người con gái ở góc phòng. Hạ muỗng, tôi nâng tách cà phê. Bỗng giật nảy mình, cà phê sánh đổ ra tay: người con gái không còn ở góc phòng mà đang ngoẹo cổ nhìn tôi ngay trên chiếc ghế trước mặt. Tôi vừa rút một chiếc khăn giấy lau vết cà phê đổ, vừa nhìn người con gái, kinh ngạc:

- Chào cô.

Người con gái rụt rè cười. Ly nước bạc hà vẫn cầm theo tay.

- Mùa đông uống thứ này cô không thấy lạnh sao?

Người con gái rụt rè lắc đầu. Vẻ rụt rè tạo thành chút gì quá mâu thuẫn khiến tôi bối rối. Tôi nâng tách cà phê lên môi. Rồi đặt xuống im lặng. Người con gái cũng nâng ly bạc hà lên môi. Gương mặt trong veo, làn da ẩn hiện trăm màu. Tôi nhìn chăm chú, trong giây phút tưởng mình đang bị cuốn hút vào phía bên trong. Tôi vội vã kéo ánh mắt mình lại, quay về phía bà chủ quán cố bám víu chờ đợi một điều gì đó. Nhưng bà ta vẫn thản nhiên đứng lau ly tách. Bắt gặp đôi mắt tôi, bà cười ngây ngô. Tôi thất vọng cúi đầu châm điếu thuốc.

- Cô không phải người ở đây.

Người con gái lắc đầu.

- Cô là khách du lịch, tới đây nghỉ lễ mùa đông, phải không?

Người con gái lại lắc đầu. Tôi nhún vai, quyết định sẽ không hỏi gì thêm.

- Diabolo.

Người con gái đột ngột lên tiếng. Tôi nhíu mày:

- Cô nói chi?

Người con gái đưa tay trỏ ly nước của mình, nói bằng giọng gần như là reo vui:

- Diabolo.

Tôi chợt buồn cười:

- Ừ, tôi biết mà. Sirop bạc hà pha với limonade. Ngon lắm nhưng mùa này uống vào tôi sợ hơi lạnh, cô không nghĩ vậy sao?

Người con gái cầm ly nước, lắc đầu. Cô ta xoay nhẹ ly nước trong tay đùa giỡn với những chấm bọt li ti. Khuôn mặt trong sáng dị thường:

- Diabolo. Diable.

- Cô nói chi?

- Chữ Diabolo là từ chữ Diable ra mà.

- Không phải đâu. Diabolo dường như là một tên lấy từ màu sắc hóa học, tôi không rõ lắm, nhưng chắc không phải từ chữ Diable ra đâu.

Người con gái ngoầy ngoậy lắc đầu:

- Diable, quỉ. Diabolo, con quỉ nhỏ. Nước này là nước uống quỉ con.

Tôi bắt đầu thấy người con gái có duyên. Cách nói chuyện hơi ngây ngô nhưng quá dễ thương. Tôi ngã người tựa ra sau thành ghế, vui vẻ nhả khói thuốc:

- Cô ở gần đây không?

Người con gái ngước lên nhìn tôi, rồi lại cúi xuống, mỉm cười:

- Lúc trước thì gần lắm. Bây giờ hết rồi.

Tôi không muốn đi sâu vào chi tiết. Nhưng người con gái lại vẫn nói thêm:

- Bây giờ thì không ở đâu nữa hết.

Tôi nhíu mắt nghiêng đầu nhìn người con gái, tỏ vẻ không tin. Cô bé cũng nhíu mắt nghiêng đầu nhìn tôi. Biến mất nụ cười. Tôi nghĩ tôi có thể gọi cô ta là cô bé. Dưới chiếc mũ len sặc sỡ là mái tóc nâu đen cắt tỉa. Tua tủa trông ngổ ngáo, nhưng cũng thật hiền lành. Tôi có trăm ngàn cơ hội để nhìn ngắm cô bé kỹ hơn, nhưng khi vừa đưa mắt nhìn về hướng khác, tức thì khuôn mặt tưởng đậm ghi trong ký ức chợt loãng ra và biến đi như cụm khói. Vì thế tôi có thể trở lại nhìn ngắm nhiều lần, rất nhiều lần, mà không thấy dư thừa.

Tôi dẫn cô bé về khách sạn nơi tôi ở. Lý ra tôi phải vô cùng xấu hổ cho cái việc xảy ra đó, nhưng tôi chẳng xấu hổ, mà thậm chí cũng không hề thấy thoáng hiện chút băn khoăn nào. Từ quán nước trở ra, tôi về thẳng khách sạn. Người con gái lẽo đẽo bước theo và tôi thấy đó như chuyện đương nhiên. Cô bé không nói nhiều. Tôi cũng không thấy lời nói là cần thiết. Mở cánh cửa phòng, tôi chỉ cho cô bé xem tầm nhìn qua cửa sổ. Nhưng cô bé đứng yên,

cười và lắc đầu. Từ mấy tiếng đồng hồ rồi, tôi không bao giờ hiểu được rõ ràng mấy cái gật đầu lắc đầu lung tung của cô bé, cùng những cử chỉ lắm lúc khó hiểu. Hoặc là hoàn toàn không mang một ý nghĩa nào cả, làm sao mà biết được. Cô bé bước vào phòng, ngồi bên mé chiếc giường đơn. Ngay lúc đó, tôi mới ngạc nhiên thấy ra là cô bé theo tôi với hai bàn tay không. Hai bàn tay không, chiếc áo lạnh trên người vừa bằng chiếc áo khoác mùa thu ở thành phố. Tôi thầm phục cho sức khỏe của người miền núi. Chợt nhớ ra điều gì, tôi lật đật mở tủ, khuấy một ly nước lạnh, trao cho người con gái. Đúng như tôi chờ đợi, cô bé đón lấy ly nước cầm lắc nhẹ trên tay. Trên môi nở đẹp một nụ cười.

Vừa lúc đó, tôi có nghĩ đến chuyện xuống nhà dưới để hỏi đổi lấy một căn phòng lớn hơn, nhưng ý nghĩ chỉ thoáng qua chứ không ở lại. Đôi mắt cô bé lại nhìn tôi. Tôi không biết có chút ngây thơ nào trong ánh mắt đó không. Tôi cởi cho cô chiếc áo khoác, cô nhỏ ngoan ngoãn ngồi đợi tôi trên mép giường. Cảm giác người con gái có thể bốc thành khói khiến tôi chợt ngại ngùng. Cô nhỏ ngửa cổ uống cạn ly nước đá lạnh, và tôi thấy má cô ửng hồng như vừa uống cạn ly rượu. Tôi bật cười. Tiếng cười của tôi làm cô giật mình. Cô ngơ ngác trong giây lát, rồi rụt rè cười theo. Quì xuống bên cạnh giường, tôi thận trọng cởi mấy khuy nút của chiếc áo vải lụa mỏng trên người cô. Tấm thân người con gái mở ra mỏng mảnh làm tôi chợt hoảng hốt. Ý nghĩ da thịt không phải là thịt da mà trong suốt như thủy tinh, mịn màng như ngọc trai, sáng mờ, trắng bạc, ở lại trong tâm tưởng tôi. Cảm tưởng tôi có thể làm cô vỡ tan thành nhiều mảnh chợt thấp sáng, tôi ngơ ngác ngại ngùng. Tôi đón chiếc ly trên tay người con gái, rồi im lặng đứng lên, đi về hướng phòng tắm thận trọng tráng rửa. Tâm thần ngưng đọng trên những vùng tư tưởng kỳ lạ. Người con gái dõi mắt theo từng cử chỉ của tôi. Đôi mắt mở lớn với một nỗi dị kỳ làm tôi càng thêm mông lung. Tôi mở tủ tìm một tấm khăn màu đỏ, rồi quyết định cắt lìa mình với mọi ý tưởng. Tôi trở lại cúi đầu, nhắm mắt. Hòa tan biến mất vào một vùng thịt xương mát lạnh. Người con gái mân mê tấm khăn trong tay. Hơi nhàu nhưng vẫn sạch nguyên. Tôi nhìn chăm chú màu đỏ rượu chát của tấm khăn, ớn lạnh với nỗi buồn lùa về bất ngờ. Hai bàn tay người con gái trắng muốt nổi bật, mấy ngón thật thon như tranh vẽ đang tinh nghịch đùa giỡn với rèm chỉ ở viền khăn. Tôi chồm người lượm hộp diêm rơi dưới mặt đất, mở ra bẻ một chiếc, quẹt vu vơ lên thành giường. Đầu diêm lóe sáng. Mùi diêm sinh thơm nồng, khuấy động những mạch trầm của hương vị cuộc yêu thương vừa đang lắng xuống. Tôi thở một hơi dài, thật sâu:

- Cô nhỏ ơi, cô nhỏ tên gì vậy?

Tôi ngẩng đầu ngạc nhiên với chính mình. Tại sao điều quan trọng như vậy mà đến bây giờ tôi mới thắc mắc? Người con gái đưa ngón tay búng khẽ mép khăn, cắn môi cười:

- Người ta gọi em là Mindy.

- Nhà em ở đâu?
- Ở đây mà, phải không?

Tôi chúi đầu xuống mặt nệm, cười vu vơ. Tôi đã từng sống ở nhiều nơi chốn, bao nhiêu năm trong cuộc sống, nhưng chưa bao giờ tôi trải qua những giờ phút như tôi vừa trải qua với cô bé. Tôi quay đầu lại nhìn thêm lần nữa khuôn mặt trong sáng của người con gái, rồi nằm trở lại xuống mặt giường. Thịt da non nớt mát rượi. Tôi nghĩ cô có thể còn là trẻ con và cô có thể giận tôi. Nhưng em tôi không là trẻ con, cũng không giận tôi. Tôi nhắm mắt, nghe còn chảy tràn trên thân thể cảm giác mát lạnh của da thịt. Ngọt ngào và êm dịu, nhưng cũng là một vùng buốt lạnh, không chút khí ấm. Tôi ngã người, thả tay gác ra ngoài mặt giường. Và tôi nhìn người con gái. Khoảng cách thu ngắn lại. Đôi mắt thủy tinh xanh ngước tròn nhìn tôi. Không còn là người con gái xa lạ ngồi ở cuối phòng trong quán nước với ly nước bạc hà, mà là ly nước bạc hà cho tôi, trong tôi. Tiếng đá lạnh còn khua chạm vào nhau, reo vui những nhịp trong. Tôi nghe rợn trong ý tưởng. Tung mình ngồi bật dậy, tôi thúc cô bé khoát xiêm áo, rối rít gọi em ra khỏi phòng. Đột nhiên tôi muốn dẫn em lên phố, đi đến bất kỳ một nơi chốn nào. Bất kỳ. Người con gái vụng về luống cuống bước theo. Tuyết lại lất phất rơi. Nhìn mấy cụm tuyết trắng dịu dàng đậu trên tóc em, tôi chợt thấy con phố nhỏ nơi đây như rộng ra bất tận. Một tuần ở lại với nơi chốn này có thể sẽ là thiên thu, là vạn kiếp.

Nhưng vào buổi sáng thứ hai khi thức dậy, mọi ý tưởng lãng mạn của trọn vẹn ngày hôm trước biến mất. Tôi nghĩ là tôi chỉ đang giản dị trải qua một cuộc ngoại tình. Hoặc một giấc mơ nào đó, chỉ đánh lừa mình được trong khoảnh khắc bất ngờ. Tôi mở mắt dậy, thành thật sống với ý nghĩ đó trong vài phút đồng hồ. Dự tính về những gì sẽ nói với cô bé hiện ra rõ ràng mạch lạc. Nhưng tôi bỗng bối rối mất hết tự tin khi quay đầu sang cạnh bên, bắt gặp đôi mắt người con gái đang mở lớn nhìn mình.

- Mindy ngủ ngon không?

Tôi ngập ngừng hỏi.

- Mindy không ngủ.

Cô nhỏ trả lời.

- Ở đây lạ chỗ, em khó ngủ à?

Cô bé lắc đầu. "Em không bao giờ ngủ", cô bé trả lời như vậy, nhưng tôi không tin. Tôi nằm nghiêng chống đầu lên một tay, trầm ngâm nhìn cô bé. Thật ra, tôi chẳng thấy gì. Tôi chỉ cố gắng rượt đuổi những ý tưởng đang thoát đi. Nhưng không kịp. Đầu óc càng lúc càng nhẹ hẫng, hoàn toàn trống rỗng.

- Em tên gì?
- Mindy.

Tôi lắc đầu:

- Tôi muốn hỏi em tên Mindy gì? Nguyên tên và họ của em đó, tôi muốn

biết.

- Mindy thôi. Người ta gọi em là Mindy, không Mindy gì cả. Mindy. Mindy.

Tôi kiên nhẫn:

- Thế cha mẹ của Mindy, người ta gọi là gì?

- Em không có mẹ. Còn cha, em nghe người ta gọi cha là Pinelli.

Tôi suy nghĩ giây lát, rồi vui vẻ kết luận:

- Vậy thì em là Mindy Pinelli.

Cô bé lắc đầu:

- Em không biết.

- Thế nhà em ở đâu?

Tôi lại hỏi. Nhưng lần này Mindy không trả lời mà chỉ cười. Tôi đưa ngón tay vuốt theo đường cong gò má người con gái. Làn da mịn óng cứ khiến tôi liên tưởng đến màu ngọc trai. Những viên ngọc của biển sâu quí giá, không phải thứ ngọc trồng cấy hàng ngàn hàng triệu trong hồ. Tôi nói lên ý tưởng đó cho cô bé nghe. Cô bé chớp mắt:

- Em có quen một chú sò trai. Câu chuyện của ngọc trai, buồn lắm, anh muốn Mindy kể không?

Tôi thú vị gật đầu. Mindy trầm giọng kể:

- Hạt cát. Bắt đầu là một hạt cát của lòng biển. Anh biết những hạt cát không? Không hiền, không dữ. Nhưng những chú sò trai thì sợ vô cùng những hạt cát. Cát thì có đầy, có nhiều nhiều lắm, va chạm mỗi ngày đó thôi. Nhưng, bọn chúng bảo, điều quan trọng nhất là đừng bao giờ để cát lọt vào phía bên trong. Cát lọt vào trong, em có đã được nghe kể, cát không bao giờ trở ra, không bao giờ biến mất, cát cứ ở đó hoài. Mà cát thì vẫn là cát và sò vẫn là sò. Anh có biết những con sò không? Em có quen một chú sò sống rất lâu năm. Rất lâu năm. Nhả tinh hoa bọc hạt cát để khỏi phải đau. Viên ngọc bự bằng này rồi. Cha ngắm hoài, nhưng không muốn lấy ra. Em cũng không dám trái ý cha anh biết không. Viên ngọc làm đau đớn, nó khóc hoài. Trông thương lắm. Quí cho ai đẹp cho ai, phần nó, chỉ đau đớn thôi chứ đâu hưởng được gì. Cứ phải chịu đựng hoài hoài, hoài hoài...

Hai bàn tay cô bé mỗi lúc mỗi thêm nhiều cử chỉ, đôi mắt càng lúc càng đi lạc. Tôi ngạc nhiên cho tài kể chuyện của cô bé. Trong giây phút, tôi có thể tin câu chuyện em kể là sự thật, rằng em quả đã từng ngồi trò chuyện với những con sò. Tôi đưa tay vuốt tóc cô bé, mỉm cười:

- Bây giờ chú sò bạn em đâu rồi?

Đôi mắt đi lạc chợt mất hút giữa trùng không:

- Chết rồi.

Tôi nghe điện chạy dài theo sống lưng. Không phải cho điều vừa nghe, mà vì thái độ của cô bé:

- Sao?

- Chết rồi.

Cô bé thở hắt ra từng ngụm không khí:

- Anh biết tại sao nó chết không?

Tôi lắc đầu. Cô bé chớp mắt:

- Tại hạt cát.

Tôi im lặng.

Cô bé nói như kể lể:

- Tại hạt cát. Lớn nhanh quá, nó lớn theo không kịp. Lớn theo không kịp. Vỡ tim mà chết.

Tôi bật cười. Muốn lấy tiếng cười để ngăn đứt nét trầm trọng bất thường của câu chuyện kể. Nhưng cô bé nhìn tôi nhăn nhó:

- Anh đừng cười. Anh có biết khi chú sò chết rồi, viên ngọc thành cái gì, anh biết không?

Giọng nói như gay gắt chất vấn. Tôi mất hết kiên nhẫn, bực bội lắc đầu.

- Chết theo. Dĩ nhiên là chết theo. Viên ngọc đâu có là gì đâu, chỉ hạt cát vậy thôi. Dĩ nhiên là chết theo. Đục ngầu như bất cứ một hòn đá tầm thường nào khác. Chú sò có nói với em, nếu người ta lấy ngọc, nó cũng chết. Không lấy, nó cũng chết. Hạt cát chỉ là tai họa. Nó dặn em, nhớ coi chừng những hạt cát. Anh biết không. Coi chừng những hạt cát.

Người con gái xúc động đến cực độ. Tôi bối rối, vụng về bất chợt. Tôi không biết làm gì hơn là kéo cô bé lại ôm sát vào lòng, đưa đẩy, vỗ về. Tôi không nói gì vì tôi không biết nói gì. Người con gái còn run rẩy trong cơn xúc động thêm rất lâu. Rồi dần dà em lắng trở lại. Tôi tưởng em đã quên câu chuyện con sò. Nhưng em lại nhỏ nhẹ cất tiếng:

- Coi chừng những hạt cát. Coi chừng những hạt cát. Anh không quen những con sò, không hiểu được đâu.

Tôi vỗ lưng cô bé nhè nhẹ, đều đặn. Em rúc đầu vào lồng ngực của tôi. Giọng nói càng lúc càng nhỏ hơn, nhưng tôi nghe vẫn rất rõ:

- Tại anh, em nuốt vào từng bụm cát. Từng bụm cát. Anh không hiểu được đâu. Pinelli không hài lòng. Nhưng em cũng mặc kệ. Từng bụm cát, anh biết không, từng bụm cát, em nuốt hết...

Tôi không muốn cô bé nói nhiều hơn những lời mê sảng. Tôi cúi xuống hôn lên môi cô bé, muốn dẫn cô bé quên đi những điều không ổn đã xảy ra mà tôi không thể hiểu, không thể thấy. Tôi cúi xuống đánh thức hai bờ vai màu ngọc trai, tôi cúi xuống đánh thức từng vùng thịt da mát lạnh. Tôi êm ái đẩy cô bé về lăn trên triền thân thể tôi, tôi muốn quét sạch hết những hạt cát, cho cô bé lại trong suốt như viên nước đá bạc hà. Người con gái không nói nữa. Đôi mắt mở nhìn tôi và ánh mắt dịu dàng trở về. Mười ngón tay tôi đan vào những ngón tay, ngón chân của em. Nụ cười cô bé nở ra ngọt lành. Tôi nhắm mắt cho phép mình tự do trôi theo triền nước ấm khi biết chắc là em sẽ không bỏ rơi tôi lại giữa con đường. Tôi biết tôi đã không còn là tôi, và tôi

biết em cũng không còn là em. Những hạt cát, nếu có, sẽ không làm trầy trụa vùng xương thịt này. Tôi nhắm mắt chấp nhận buông rơi tất cả, chỉ nắm lại đôi bàn tay em. Vào giây phút đó, tôi mới bắt đầu thật sự tin là mình không đang mơ ngủ. Thịt da của tôi, thịt da của em, tâm hồn của em, tâm hồn của tôi. Gặp nhau ở đây hay ở một nơi chốn nào khác. Hãy đừng nói đến yêu thương, vì tôi hiểu, yêu thương chỉ là điều hạn hẹp giữa vùng cảm giác mênh mông không bờ bến này.

Thật sự là tôi chưa bao giờ ngờ rằng thể xác lại có thể tự mình nó sống dậy như hiện thời nó đang sống dậy. Đối với tôi, thể xác luôn là một cái gì đó mang theo, sống với, thuộc về. Tôi chấp nhận thể xác tôi, và nó theo tôi, qui thuận. Nhưng bây giờ, có gì đang dần dà thay đổi.

Tôi thức dậy vào buổi sáng thứ ba, và - tựa kẻ loạn trí - tôi mỉm cười cất lời chào cánh tay của mình. Cô bé vẫn mở tròn đôi mắt nhìn tôi. Và tôi lại mỉm cười, cất lời chào trọn vẹn tấm thân cô nhỏ. Hôm nay ngày thứ ba, Mindy vẫn lẽo đẽo theo tôi như con mèo con đi lạc, tôi muốn chấp tay hạnh phúc chào người con gái. Đôi lúc tôi có cảm tưởng như đồng thời với thân xác tôi, da thịt em cũng dần dà thức dậy. Hơi ấm thoát ra từ tôi, chảy về em. Ngày đầu tiên trải tấm khăn màu rượu chát, tôi đã có cảm tưởng là tấm thân cô nhỏ không có máu huyết. Lạnh như loài côn trùng máu lạnh. Đôi mắt mở không hề biết nhắm, có những giây phút nhìn tôi như nhìn xuyên không khí, ánh mắt mất hút giữa trùng không. Tôi từ lúc đó như đứa trẻ cầm hạt mầm vùi xuống đất ẩm, miệt mài sung sướng chờ đợi. Hạt sẽ nảy mầm, sẽ trổ chồi non, sẽ lên lá xanh và rồi sẽ đơm hoa, kết trái. Tôi kiêu hãnh ngắm nhìn mầm cây thần kỳ của tôi đang lớn lên từng giờ, từng phút.

Mindy thay đổi theo thời gian. Sự thay đổi li chi không rõ ràng, không chắc chắn, nhưng tôi biết cô nhỏ đang sống dậy cùng tôi. Và buổi trưa của ngày thứ tư tôi chết lịm người khi cô nhỏ chợt gọi, thay vì ly nước "quỉ con" quen thuộc, một ly sữa nóng. Khói bốc lên làm má em tôi tái xanh giây lát. Em bẽn lẽn mỉm cười. Những phản ứng ngược ngạo như cơ thể đãng trí lầm lẫn có lẽ cũng là một trong những nét duyên dáng của em. Tôi im lặng nhìn ngắm. Cô bé nâng tách cà phê lên, nhâm nhi, rồi chớp mắt suy nghĩ. Lần này má người con gái không lầm lẫn nữa, ửng hồng thật sự. Cơn sốt của thể xác, cơn sốt của tâm hồn. Tôi chợt biết mình sẽ không bao giờ còn tìm được lối về từ vùng ngày tháng hôm nay.

Tôi lúng túng trên tay chiếc đầu nặn bằng thạch cao quanh bóng đèn. Đã tạm khô. Và cọ. Và sơn. Miếng vải lụa mềm may làm áo tôi đã chuẩn bị xong xuôi, có kết thêm hai cái nút màu vàng phía trước để làm duyên. Tất cả coi như đã tạm hoàn tất. Chỉ còn chờ tôi sơn lại cái đầu. Tôi học được cách chế tạo loại rối này từ một người bạn thuở còn học trung học. Thời đó tôi thu lượm hết tất cả các bóng đèn đã cháy hoặc chưa cháy ở nhà, cứ mỗi bóng đèn là một con rối. Con cái, con đực, con già, con trẻ, treo lủng lẳng đầy phòng.

Tôi say mê thích thú. Lâu lắm rồi tôi mới cầm lại cái bóng đèn để trét thạch cao, nặn lại con mắt, cái mũi, cái miệng. Bàn tay lâu năm mất hết tài khéo léo, nhưng tôi vẫn tin là tôi còn có thể làm được một cái đầu thật xinh. Biết đâu không đẹp hơn hết thảy những con rối tôi đã từng làm trong thời xa xưa. Tôi đưa cái đầu ra xa ngắm nghía, rồi kéo lại gần, tỉ mỉ sơn vẽ.

Bất chợt cô bé đẩy cửa bước vào. Tôi lúng túng cầm cả cái đầu còn dở dang dấu về phía sau lưng. Tưởng có trọn vẹn một buổi chiều để hoàn tất món quà cho cô bé ngạc nhiên chơi, không ngờ em lại về quá sớm. Cô bé đứng giữa phòng tròn mắt nhìn tôi:

- Anh làm gì đó?

Tôi ngập ngừng:

- Đâu có làm gì đâu.

Cô bé vẫn đứng yên. Như chờ đợi. Tôi lúng túng với chính mình. Rốt cuộc, tôi đành phải đưa ra cái đầu chưa kịp vẽ xong. Khuôn mặt người con gái chợt tối sầm. Tôi tưởng vì chiếc đầu nằm riêng lẻ có cái đuôi xoắn của bóng đèn phía dưới làm cô bé sợ. Tôi vội quay người, vẽ thật nhanh cho kịp hoàn tất trọn vẹn khuôn mặt, rồi vội vã chùi tay, loay hoay ráp chiếc đầu vào phần dưới của thân hình đã chuẩn bị sẵn sàng. Tôi chưa bao giờ thực hiện một con rối nhanh như lúc đó, và có lẽ cũng chưa bao giờ làm được đạt như vậy. Tôi mau mắn xoay người khoe cô bé công trình của mình. Nhưng tôi chợt khựng lại. Cô bé vẫn đứng nguyên ở vị trí cũ, khuôn mặt tái xanh, đôi mắt thất lạc. Tôi đưa con rối lên cao, điều khiển hai thanh gỗ hình chữ thập và con rối khua tay múa chân rất là vui vẻ. Nhưng cô bé vẫn không nhúc nhích. Tôi bắt đầu lấy làm lạ, đặt con rối xuống mặt bàn, lo lắng gọi:

- Mindy.

Người con gái giật mình. Em ngơ ngác lập lại lời tôi nói như một tiếng vang:

- Mindy...

Tôi sợ hãi:

- Em bị gì vậy ? Em làm sao vậy?

Người con gái không trả lời, mà cúi đầu thật sâu. Thật lâu. Rồi em ngẩng lên, khuôn mặt từ từ bình thường trở lại:

- Anh làm gì đó?

Tôi vẫn chưa thôi lo lắng:

- Một con rối. Tôi làm một con rối để tặng em làm kỷ niệm.

Môi cô bé mong manh một nụ cười. Khuôn mặt dịu dàng thắp ánh sáng:

- Kỷ niệm?

- Ừ, kỷ niệm. Kỷ niệm tôi gặp em nơi đây.

Cô bé tiến tới vài bước. Rồi đứng từ phía xa, em chắp hai tay sau lưng, nhón người nhìn con rối đặt trên mặt bàn, cùng với những sơn cọ và vụn vải chưa kịp thu dọn. Đôi mắt mở lớn:

- Anh làm hả?

Tôi bật cười:

- Ừ, tôi làm. Tại sao em hỏi vậy?

Người con gái vẫn lắc đầu, lắc nghiêng từ vai phải sang vai trái, lắc lư, lắc lư:

- Anh làm hả?

Lần này thì tôi ngờ là cô bé đang trêu chọc tôi. Tôi nhấc bổng người con gái vất lên giường:

- Ừ tôi làm. Tôi làm. Tôi làm. Em tưởng tôi vụng về lắm sao? Em có biết là hồi đó bao nhiêu cô bé đã chạy theo năn nỉ tôi làm cho một con rối nho nhỏ thôi, mà tôi làm cao lắm, tôi không bao giờ chấp thuận. Sao em không tin là tôi làm? Tôi làm để tặng em đó mà, em không tin sao?

Cô bé bật cười khanh khách, chồm người lên ôm sát đầu tôi vào giữa hai cánh tay. Tôi choáng váng trong giây lát. Có chút gì đang vụt khỏi tầm nhận thức của tôi nhưng tôi không để ý. Tôi vùi đầu vào giữa hai cánh tay của cô nhỏ, hít đầy phổi mùi hương ngọt ngào. Và tôi muốn cô nhỏ cũng bay lên cùng lúc với tôi. Vì tôi biết là tôi đang bay. Tôi đang bay lên. Bay giữa những tầng không khí bềnh bồng. Tôi kéo cô bé lăn tròn, lăn tròn. Căn phòng chơi vơi quay ngược, quay xuôi, trời đất lẫn lộn. Hai bàn tay cô bé chới với bám riết vào tôi, như buông ra là rơi xuống, buông ra là biến mất, là không còn. Tôi siết chặt thêm vòng tay. Tôi mở hết năm, sáu, bảy, tám, hàng chục hàng ngàn giác quan của con người, mở hết, mở hết, mở ra đón cô bé về. Giờ phút này tôi muốn tôi là như vậy đó và tôi đã thật sự là như vậy. Tôi chịu trọn vẹn tấm thân của người con gái trong tay mình, bay lên, bay lên...

Chợt bàn chân tuột êm trên lớp chăn nệm, tôi đạp nhầm khoảng không, rớt xuống, hụt hẫng. Tiếng cười cô bé vỡ dòn tan. Tôi ngơ ngác mở mắt nhìn lại, thấy cả hai đang ngồi dưới mặt đất cạnh giường. Cô bé ôm bụng cười nghiêng ngửa. Tôi đỏ mặt xấu hổ trong giây lát, rồi cũng phì cười. Nhẹ ngả người tựa lên thành giường, hai tay thả lỏng trên đầu gối, tôi nhắm mắt nhấp tiếp hương vị của cơn chóng mặt còn sót lại. Mindy vừa thôi cười. Cô nhỏ mon men đến cạnh bên, co tròn tấm thân mềm mại chui vào ngồi giữa lòng tôi. Tôi nhìn xuống, thấy qua mái tóc nâu là bờ vai với lớp áo vải lụa mỏng. Mong manh. Mong manh. Tôi đưa tay vuốt nhẹ lên lớp vải mỏng manh đó. Mindy im lặng. Có chút gì quá hiền ngoan trong cung cách của người con gái khiến tôi cứ chảy tan ra vì cảm động. Mindy cựa mình. Em tuột xuống thấp hơn, chắp tay kề má nằm tựa lên chân tôi, chớp mắt:

- Con rối.

- Gì em?

Mindy ngửa cổ ngước mắt thật cao để nhìn tôi:

- Con rối. Anh có làm một con rối.

Tôi mỉm cười. Mindy lại nằm xuống, kề má lên đôi bàn tay chắp:

- Anh cũng làm rối. Làm những con rối. Giống như Pinelli.

Tôi tò mò:

- Thật vậy sao? Cha em biết làm rối à?

- Cha biết làm. Cha khéo tay ghê lắm. Khéo hơn là người ở đây có thể ngờ.

Tôi hơi thất vọng:

- Vậy mà tôi lại bày đặt làm rối để tặng em!

Cô bé lại ngước mắt, nhìn tôi như không kịp hiểu. Tôi kiên nhẫn giải thích:

- Em vừa nói ba em làm đồ chơi khéo tay lắm...

Cô bé vẫn ngơ ngác. Rồi bật miệng hỏi bất ngờ:

- Rối của anh có biết gì về những hạt cát không?

Bây giờ thì đến phiên tôi không hiểu kịp, nhưng tôi chỉ lặng lẽ lắc đầu. Tôi không muốn cô nhỏ nhắc nhiều về những hạt cát. Cô bé có vẻ như còn suy nghĩ rất lung, nhưng không nói gì thêm mà chỉ hạ đầu xuống, nằm yên ngoan ngoãn. Tôi nhẹ nhàng đỡ đầu cô bé dậy, rút chân ra và chồm người về hướng bàn. Đưa tay lượm lấy con rối, tôi trở lại ngồi trên đầu gối ngay trước mặt em. Điều khiển bằng hai thanh gỗ hình chữ thập, tôi cho con rối chắp tay, cúi đầu chào người con gái:

- Chào chị - tôi giả giọng con rối - em không xinh đẹp bằng chị và cũng không xinh đẹp bằng những con rối mà cha chị làm cho chị, nhưng em biết chị sẽ không ghét bỏ em, em biết chị sẽ thương yêu em, tại vì - con rối tiến tới gần bên cô bé - em được tạo ra cho riêng chị, cho riêng một mình chị thôi...

Tôi cho con rối đi tới nhẹ nhàng. Tôi chờ đợi cô bé mở rộng vòng tay ra, ôm con rối vào. Nhưng cô bé chỉ ngồi yên, mở mắt nhìn chăm, bất động. Con rối đưa một tay lên, chạm nhẹ lên người cô bé. Mindy bất chợt hét một tiếng thất thanh, chụp con rối ném mạnh về phía trước mặt. Tôi ngơ ngác nhìn con rối bay lên, đâm đầu vỡ toang trên mặt tường. Hai thanh gỗ chéo rớt xuống, nhúm vải dị hình rớt theo, nằm thảm thương giữa đám vụn thạch cao và thủy tinh vỡ. Tôi quay lại. Mindy vẫn ngồi bên cạnh giường, run rẩy với đôi mắt mở lớn kinh hoàng. Tôi không dám tiếc cho con rối xinh đẹp. Tôi không có thì giờ moi móc đầu óc để hiểu chuyện gì đang xảy ra. Tôi chỉ vừa kịp bước đến ôm cô bé vào giữa vòng tay. Nhẹ nhàng vỗ về xoa dịu, mặc dầu tôi không biết mình xoa dịu những gì. Tôi nhắm mắt nghe chua xót vô cùng. Chút gì vượt khỏi tầm nhận thức đang trở về, trong hình dáng mù mờ đe dọa. Cô bé bớt run rẩy, ngước lên nói với tôi:

- Không được. Anh biết không? Nó không ở đây được. Nó không biết gì về những hạt cát hết, nhưng nó vẫn không thể ở đây được. Cha sẽ không hài lòng, em cũng không muốn anh nghĩ xấu về em...

Tôi lắc đầu, kéo đầu cô bé ép sát vào lòng mình không cho cô bé nói nữa. Tôi ấp trong tay tôi tấm thân nhỏ màu ngọc trai như đang ấp giữa lòng mình cả trời đất, cả vũ trụ. Tôi biết là tôi đang ngồi cheo leo giữa vùng trời không lối thoát. Và tôi biết là tôi cũng đang bám vào cô bé, như giờ phút này đây,

cô bé đang bám víu vào tôi.

Tuyết của buổi sáng ngày thứ sáu phủ dày hơn mọi hôm. Đêm qua dường như có trận gió lớn thổi qua. Mấy triền dốc trắng xóa mịn màn, không còn dấu chân người mà chỉ những gợn tuyết chất chồng lên nhau. Người con gái gọi tôi bước lên triền dốc soải. Bàn chân đạp trên tuyết vướng vít vào nhau, nhoài té nhiều lần. Tiếng cười cô bé trong veo, reo gợn lăn tăn phiến nhạc vui. Rừng thông xanh cao vút tuyết phủ từng cụm trắng. Tôi chỉ lên trời cao, gọi cô bé:

- Em có thích trời ở đây không?

- Em chưa ra tới đây bao giờ, nhưng chắc là em thích. Chắc vậy. Thích lắm.

Tôi mỉm cười. Cho đến hôm nay thật sự tôi vẫn chưa quen với lối nói chuyện lẩn thẩn của cô bé. Tôi chỉ hơi nghi ngờ là thật ra, nó chẳng lẩn thẩn chút nào cả. Nhưng tôi chẳng muốn suy nghĩ sâu xa. Tôi không muốn khiến mình băn khoăn, cũng không muốn làm cô nhỏ bối rối. Tôi bước hụt một bước, té trên nền tuyết mịn. Thở dốc ra mệt nhọc, tôi nhăn nhó cười:

- Có phải là em sinh ra ở miền núi này? Em leo tuyết giỏi quá.

Cô bé mon men bước lại gần tôi:

- Em sinh ra ở đây, nhưng em không quen đi tuyết đâu. Đi như vậy là giỏi lắm sao?

Tôi vuốt tóc cô bé:

- Giỏi lắm.

Cô bé dụi đầu vào ngực tôi. Như con mèo đã quen hơi. Tôi ôm cô bé vào lòng. Và bất kể giờ giấc, bất kể nơi chốn, sinh lực tôi cứ cuồn cuộn thoát đi. Tôi bức rức:

- Tại sao em theo tôi? Tại sao tôi không muốn rời em? Tại sao lại như vậy, hả Mindy?

- Em không biết.

Tôi thở dài:

- Em có biết là tôi đã có gia đình và tôi không muốn gia đình tôi buồn vì tôi?

- Tại sao gia đình anh buồn vì anh?

- Vì tôi không đàng hoàng, không chung thủy.

Cô bé cười rụt rè. Nét rụt rè của những ngày đầu, trở lại đôi khi, làm tôi nhói đau vô nghĩa.

- Ngày thứ sáu.

- Gì anh?

Tôi vỗ nhẹ lên đỉnh đầu cô nhỏ:

- Hôm nay ngày thứ sáu. Em biết chỉ còn một hôm nữa thôi, rồi là tôi về?

Người con gái không trả lời, bất ngờ luồn thoát khỏi tay tôi chạy về phía trước mặt. Quay người lại, em đưa bàn tay rối rít ngoắc vẫy. Tôi không còn

biết tôi đang đi đến đâu trong những băn khoăn suy tưởng. Chậm rãi đứng lên, tôi khó khăn bước đuổi theo em trên con đường tuyết ngập.

Thật ra, tôi không bức rức băn khoăn nhiều như tôi tưởng. Tôi không hề thấy tôi có làm điều gì sai trái. Tôi hoàn toàn thoải mái, nhắm mắt bước sâu hơn vào một thế giới lạ, rồi biếng lười vùi mình trong đó, không hề có ý định tự ý bước trở ra.

Buổi sáng thứ bảy thức dậy, tôi nghe tiếng cười khúc khích bên tai. Mở bừng mắt, tôi lại thấy đôi mắt cô bé lấp lánh nhìn tôi. Tôi chợt hiểu, đỏ mặt thu dấu vội vàng hai bàn tay. Hai bàn tay mồ côi, tìm kiếm trong giấc ngủ. Hai bàn tay tội nghiệp sợ hãi, sợ vụt thoát đi một điều không thuộc về quyền sở hữu của mình.

- Em đi đâu, hồi nãy em đi đâu vậy?

Người con gái bật cười, ngồi xếp chân trên mặt giường khua vẫy hai bàn tay như trong một điệu múa hoang sơ kỳ bí. Tôi trở lại làm trẻ nhỏ, nhìn không chớp mắt màn múa rối huyễn hoặc đang diễn ra trước mắt. Nước mắt chợt trào ra, tôi bật khóc bất ngờ. Người con gái bối rối hạ tay xuống, nghiêng đầu nhìn tôi ngạc nhiên. Tôi khóc vùi như trẻ nhỏ. Tôi úp mặt xua khỏi tầm mắt mình khuôn mặt cô bé, thân hình cô bé, đôi mắt cô bé. Tôi khóc như vắt cạn nguồn hy vọng cuối cùng. Rồi với thân xác hoàn toàn trống rỗng, tôi lăn xuống giường, cúi gằm đầu thu lượm mấy món đồ dùng lặt vặt. Thời gian đếm bằng giờ. Hạn kỳ nghỉ trên miền núi thu ngắn dần, trước sau gì tôi cũng phải về. Tôi thu dọn gần như là sạch sẽ căn phòng của khách sạn, rồi tôi đứng yên. Rồi tôi quay lại. Người con gái vẫn ngồi nguyên trên mặt nệm, dòng nước mắt chảy dài trên sóng mũi. Tôi ngạc nhiên. Tự dưng tôi biết là tôi sẽ không nhẩn nha hưởng trọn vẹn ngày hôm nay với cô bé. Tự dưng tôi biết giờ phút cuối cùng không phải là bốn giờ chiều nay, trên ga xe, mà là nơi này, ngay chính giờ phút này đây. Tôi kéo cô bé lại vuốt nhẹ mái tóc. Từng sợi tóc như chỉ cứng ngã nằm xuống ngoan ngoãn, rồi lại dựng lên. Tôi nhắm mắt đặt nhẹ một nụ hôn lên bờ môi rất ngọt:

- Nhà em ở đâu? Tôi sắp về rồi.

- Nhà em ở đây. Tại sao anh về?

- Nhà em không phải ở đây. Đây chỉ là căn phòng tôi mướn, ở tạm thôi.

- Căn phòng anh mướn?

Tôi gật đầu:

- Căn phòng tôi mướn. Hôm nay tôi về. Em muốn tôi đưa em về nhà em không? Nhà em ở đâu?

Giọt nước mắt cô bé vẫn đều đặn chảy dài như đôi mắt có thể quên đi và vẫn tiếp tục ứa lệ. Trong khi khuôn mặt thắp sáng hồn nhiên, không có dấu vết của nỗi buồn. Tôi nâng khuôn mặt đó trong tay, cố gắng hỏi thêm một lần nữa:

- Nhà em ở đâu? Tôi muốn đưa em về. Năm sau tôi trở lại, và nếu em cho

phép, tôi sẽ lại tìm em.

- Nhà em không ở đâu cả. Anh mang em theo.

Tôi lắc đầu. Cô bé gật đầu. Đôi mắt lấp lánh nụ cười.

- Ở thành phố nơi tôi ở, tôi đâu thể mang em theo như tôi đã sống với em ở đây!

Người con gái không trả lời mà chỉ cười và lại gật đầu. Tôi không hiểu gì về ý nghĩa của cái gật đầu đó. Nhưng tôi im lặng. Tôi cố gắng xua đi những nguồn suy tưởng, cúi xuống hôn cô bé. Hơi thở người con gái mát thơm có thể đưa tôi đi thật xa. Nhưng những ý tưởng chộn rộn vẫn tiếp tục lùa về. Tôi bức rức mở bừng con mắt:

- Tôi về. Tôi về thật mà Mindy. Tôi muốn đưa em về nhà em, tại sao em không muốn? Tôi sẽ để lại em nơi đây, em đừng giận tôi. Tôi không biết tôi có cần phải cám ơn em, phải xin lỗi em, có cần phải nói gì hay phải làm gì. Tôi không biết tôi có quyền để em lại đây hay không, nhưng tôi sẽ để em ở lại đây, vì tôi phải về, và ở nơi chốn mà tôi về, tôi không thể mang em theo được. Em hiểu chứ?

Người con gái ngoẻn miệng cười. Tôi tuyệt vọng chìm rơi vào khoảng không. Tôi buông tôi rớt xuống, thả mình đi tìm làn da của cô bé. Khuôn mặt người con gái dịu dàng tan loãng, bay lên trong óc tôi như một giấc mộng đẹp.

Khi tôi giật mình tỉnh ra thì tôi thấy tôi lại ngồi trong quán nước. Người đàn bà mang ly cà phê lại đặt trước mặt tôi. Tôi ngơ ngẩn nhìn quanh. Quán cà phê không đông mấy, thưa thớt vài khuôn mặt lạ. Tôi bần thần giây lát, rồi quyết định cầm ly cà phê, bước về quầy. Người đàn bà toét miệng cười chào. Bà vẫn loay hoay lau mấy ly tách, như một trò giải trí để lấp giờ trống nơi đây.

- Chào ông.

Tôi cười. Chống khuỷu tay lên quầy, tôi khuấy tách cà phê. Cử chỉ mỏi rời như người trở về từ cơn bịnh nặng. Tôi ngần ngừ thật lâu. Rốt cuộc quyết định lên tiếng hỏi:

- Bà có biết ông Pinelli ở vùng này?

Người đàn bà nhìn tôi, ngạc nhiên:

- Pinelli? Có phải ông muốn hỏi ông André Pinelli? Ông có quen à?

Tôi trầm ngâm lắc đầu. Người đàn bà vui vẻ:

- Dĩ nhiên. Làm sao ông quen được. Ông già ít giao thiệp lắm. Ông lại không phải người ở nơi đây...

Tôi làu bàu:

- Tôi có biết người con gái. Cô Mindy.

Người đàn bà mở miệng tính nói gì, nhưng rồi chỉ lắc đầu toét miệng cười. Tôi ngạc nhiên đưa mắt hỏi. Bà ta đặt một chiếc ly xuống và nhấc ly khác lên tiếp tục lau chùi:

- Làm gì có con gái. Ông già không có gia đình. Không vợ. Không con.

Tôi phản đối:

- Có một người con gái. Mindy. Cô nho nhỏ hay cùng tôi đến đây uống nước, bà không nhớ sao?

Người đàn bà nhìn tôi bằng cặp mắt kỳ lạ. Bà ta không cười nữa, nhưng cũng không thèm trả lời câu hỏi của tôi. Bà che miệng nói nhỏ như đang tiết lộ một bí mật:

- Ông già Pinelli ở một mình. Ông ta suốt ngày vùi đầu với mấy con búp bê. Tài tình vô cùng. Khắp nơi ai sành sõi cũng đều biết tiếng. Nhưng ông già khó tính lắm, không phải ai muốn mua ông ta cũng nhận bán cho đâu.

Tôi ngơ ngác:

- Còn Mindy?

Người đàn bà lắc đầu. Tôi như đi lạc vào một khoảng sương mù. Ngửa cổ nốc cạn ly cà phê, tôi tính rời quán. Nhưng chợt nhớ ra một điều, tôi lại chồm người lên quầy:

- Thế bà có biết gì về những hạt cát không?

- Ông moi móc ở đâu ra nhiều điều lạ thế? Những hạt cát? Thật ra ở vùng này có một truyền thuyết xưa lắm về những hạt cát, hình như vậy. Nhưng tôi không biết đâu. Tôi không nhớ được đâu. Chuyện xưa lắm rồi. Những hạt cát của thuở nơi chốn này còn là đại dương. Bây giờ thì, ông thấy đó, quanh đây là núi cao và tuyết trắng. Nhưng hình như những hạt cát xưa vẫn còn, lẫn lộn với đất cát của thời nay. Tôi không bao giờ hiểu gì về câu chuyện của hạt cát. Ông già Pinelli có lần nói đó không hẳn chỉ là một truyền thuyết. Hôm trước ông ta còn bảo tại một nhúm cát mà ông ta phải mất đi con búp bê bằng sứ đẹp nhất của ông ta. Ông già thật dễ thương, nhưng nhiều khi cũng thật là lẩn thẩn, ông thấy không?

Tôi không thấy gì cả, cũng không còn kịp suy nghĩ nhiều hơn. Vội vã vất tiền lên quầy, tôi rời quán nước vất giò chạy về khách sạn. Tuyết trợt dưới chân, tôi nhào té nhiều lần, nhưng không còn biết đau. Tôi rùng mình nghĩ rằng tôi sẽ tìm được một điều rất lạ ở căn phòng khách sạn. Tôi nóng nảy chạy nhanh hơn. Đầu óc miên man xoay chuyển quanh những con búp bê và những hạt cát. Tôi nghĩ là tôi đã hiểu. Hiểu rất rõ ràng. Tim nhói đau, tôi sợ tôi sẽ nổi điên lên khi bắt gặp trong phòng một con búp bê bằng sứ với mái tóc màu nâu và chiếc mũ len sặc sỡ nhiều màu. Nhưng tôi hụt hẫng khi đẩy cửa bước vào thấy căn phòng hoàn toàn trống trơn. Nền nhà trong góc phòng chỉ còn lại một vài vụn thạch cao trắng quét không sạch, của con rối tôi làm tặng Mindy. Đã vỡ nát, đã không còn. Tôi rời khách sạn. Vừa kịp chạy ra ga đón chuyến xe lửa bốn giờ chiều hôm đó.

Y CHI

tháng chín tám chín.



BÙI VĨNH PHÚC

hợp âm

Con chim gió đã bay qua hồ lửa
Rừng cháy xanh. Ngùn ngụt. Thời gian
Chuyển cảnh. Khung cửa mùa Đông. Những chùm hoa sứ
Tiếng đàn. Tiếng gió hoang mang

Mưa trắng. Những cành cây đen xám
Oằn mình trong mưa. Nỗi hạnh phúc dịu dàng
Con chim nào tiếng hót để rơi trong giông bão:
Một vệt xanh mềm trên khung vải thời gian

Gió ẩm thấp. Gió đi vào mộng mị
Chiếc bàn. Chiếc ghế. Và một bình hoa
Bông hoa nhỏ lãng du về cánh rừng xa thẳm
Người lãng du về những nỗi nhớ xót xa

Tiếng sóng biển. Tiếng rì rào lá gọi
Vỗ hoang mang một hợp âm mềm
Trắng. Xanh. Những hợp âm vươn mình trên khung vải
Trong góc tranh buồn chiếc lá chết. Nâu

Tảng đá xanh âm u tia lửa
Những thế kỷ dài im lặng nghe mưa
Tấm chăn màu xám. Nỗi buồn màu đỏ
Ly nước trong. Trong như mắt ai xưa

Đêm bùng lên một màu đen hoang
Cánh hoa thức. Mùa xanh vẫy gọi
Mưa trắng. Những cành cây đen xám
Tiếng nhạc cũ loang mềm như rượu ngọt
Hợp âm gió. Tiếng biển và lá
Hợp âm trầm không một âm vang.

BÙI VĨNH PHÚC



HUỲNH MẠNH TIÊN

20 năm sau

gặp lại trò cũ khu chợ tàu

Con cá mày ở dưới ao
Nhảy lên đồng cạn, buồn sao là buồn
Ca dao.

Nhỏ yêu thầy hỏi một lời
Trường xưa sân cũ gót hài bỏ đâu
Thuận tùy trai gửi trầm châu
Tương giao nhỏ dám bể dâu theo thầy
Thầy quăng thước bản lâu rồi
Tay lơi phấn trắng, mắt rời bảng đen
"Trai tân" phố thị bon chen
Ho hen quán chợ "người quen" kím tìm.

Đành rằng bẻ gãy thước lim
Những mong trong gió tiếng ai gọi "Thầy!"

mệt ngủ cũng không yên

Rượu ngon cái cặn cũng ngon
Ca dao.

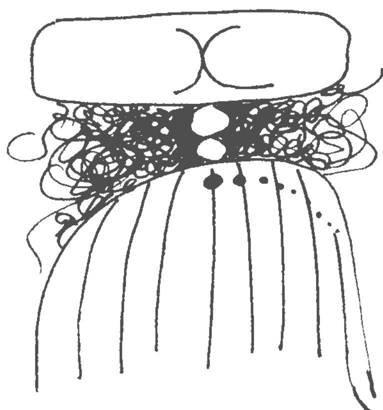
Em đi -
nắng ngủ hai hàng -
Õng eo õng ẹo. Ve vàng đeo theo
Em đi
Quanh quẹo núi đèo
Giật mình ta nắng
Rượt theo - Quên giày.

HUỲNH MẠNH TIÊN



NGÔ THỊ KIM CÚC

BÀI HÁT CHIM NHỒNG XANH



"Bóng trăng ngã lộn bóng tre, chàng ơi thức dậy mà nghe ta thề. Vườn đào vườn lựu vườn lê, con ong vô hút nhụy con bướm xê ra ngoài. Bạn về nghĩ lại mà coi, tấm tình ta ở gương soi không bằng..."

Nàng hát, hát đi hát lại bài hát ấy trong khi đứa bé hết vật mình sang phải lại sang trái. Tới lúc nàng giơ tay tát vào đít, nó mới chịu nằm yên, và yên luôn. Thế mà nàng vẫn hát, hình như quên mất mình đang làm gì.

- Thôi em nó ngủ rồi.

Giọng anh hơi gắt. Anh chợt nhớ là lần đầu khi nghe nàng hát ru con anh thú vị biết dường nào. Một cô gái trông rất diện, rất thời thượng mà lại biết hát điệu ru con. Thế nhưng càng về sau, sự thích thú càng vơi đi, thay vào đó là nỗi ngao ngán. Đứa bé dài ngoẵng, xanh rớt, cứ như một nỗi nhắc nhở đầy trách móc về bổn phận chủ gia đình của anh, của người cha, người chồng. Vì thế, anh không còn thích nghe những bài hát ru con ảo não, đầy vẻ thương thân trách phận của nàng nữa.

Qua khóe mắt, anh thấy nàng đã nằm thẳng người lại và đang kín đáo liếc anh. Vẻ dò dẫm ấy làm anh bực bội. Thà nàng cứ rằn rực còn hơn.

- Anh ơi, anh nhớ hôm nay ngày gì không? Vừa ngồi lên, nàng vừa nói bằng giọng tươi tỉnh.

- Ngày gì, ai nhớ nổi - anh làu nhàu trong miệng.

- Ngày một tháng tư... Hai năm rồi... - Giọng nàng trải ra, chờ đợi. Anh đứng lên, chỉ thấy bực dọc hơn. Nghĩa là hai năm ngày họ sống chung với

thằng con trai gần hai mươi tháng. Thế đấy. Sự sa sẩy của anh. Sự thắng thế của nàng. Người ăn mừng ngày ấy là nàng chớ chẳng phải anh đâu. Khi nàng thỏ thẻ với anh, cái thai đã gần bốn tháng. Anh nhìn sững nàng, không hẳn giận dữ, cũng không hẳn ngạc nhiên. Người từng trải như nàng, lẽ nào để xảy ra chuyện ấy.

- Thì đẻ vậy.

Anh buông thõng mấy tiếng. Mắt nàng kín đáo dò xét anh, và từ đó đến nay hầu như không hề thay đổi. Họ thành một gia đình. Có khoảng năm tháng để nàng làm vợ. Buổi sáng, sau khi ăn bún, mì hoặc xôi gì đó, anh đạp xe đến bệnh viện còn nàng đạp xe đến hiệu uốn tóc. Trưa nào anh cũng phải chờ nàng vì thợ uốn tóc phụ thuộc vào giờ giấc của khách. Họ nấu nướng và ăn uống một cách hối hả rồi lại chia tay nhau cho đến tối. Đêm thì dễ chịu hơn, vì nàng có vẻ thuộc về anh. Mùi xà phòng thơm, chiếc áo ngủ nhẹ màu xanh, thân thể nàng mát mẻ... Rồi nàng sinh con. Những lúc chỉ một mình, anh vẫn thường quan sát thằng bé để cố tìm ra tương đồng thiêng liêng nào đó. Có lẽ nó chỉ giống anh ở nét già cỗi. Da nhăn nhúm, trán chau lại đau khổ, nó như hục hặc với những gì đang đợi mình. Nàng bán chiếc nhẫn vàng duy nhất, còn anh bán chiếc cát sét, vật duy nhất có giá trong căn phòng độc thân của anh. Sữa nàng khô, vì nàng chẳng có gì ăn, thằng bé cứ héo đi với tiếng khóc ngằn ngặt, gây gổ. Nhiều đêm, từ chiếc giường cá nhân, anh nghe nàng hát ru con, lạ lùng nhận ra đời mình thay đổi đến thế. Ra là anh đã có vợ con rồi đấy. Thế mà chẳng biết làm chuyện gì hơn ngoài chuyện ngồi bên máy X quang từ ngày này sang ngày khác, để chụp và rọi phổi cho những người nghi có bệnh.

- Em có cái này tặng anh... - Nàng nói có vẻ dè dặt.

Anh chăm chú theo dõi khi nàng tiến đến chiếc bàn đêm, mở lấy cái túi và lại lục túi để đưa ra một gói nhỏ:

- Đây này, anh thắt thử coi, lịch sự lắm.

Anh cầm chiếc cà vạt xanh nhạt điểm những sọc mờ đỏm dáng từ tay nàng, đột nhiên nghĩ đến cái thòng lọng. Phải rồi, anh đã đút đầu vào sợi dây mà nàng nắm giữ.

- Mua làm gì tốn tiền. Biết mặc áo nào với nó, mà thắt vào dịp nào - Giọng anh dấm dẳng.

- À... Em sẽ mua cho anh miếng vải đen, loại hàng mới để may sơ mi. Màu đen đi với màu này rất nhã.

- Tùy em - Anh buông thõng, thầm nghĩ chẳng bao giờ điều ấy được thực hiện.

Tuy nhiên, để làm vui nàng, anh đã thắt chiếc cà vạt một cách thận trọng, sửa đi sửa lại, để khỏi phải trò chuyện. Đến khi anh đã cất cà vạt vào ngăn tủ, nằm xuống giường, đã thấy nàng ngồi xuống cạnh mình. Tay nàng chạm nhẹ lên vai anh, giọng nàng chùn xuống:

- Anh có vẻ buồn... Sao vậy?

Anh không có cách nào khác là quàng tay ôm lấy nàng, kéo nàng nằm xuống:

- Có gì đâu...

Nàng ngoan ngoãn nép mình trong tay anh. Còn anh như cái máy, vuốt ve nàng mà tâm trí để tận đâu đâu. Như thế đã nhiều chục năm rồi. Không còn háo hức, không còn cảm xúc, không còn ngay cả sự vui vẻ giả tạo. Hình như nàng cảm nhận được điều đó mà không đòi hỏi gì hơn. Giờ đây, khi nàng đã chập chờn ngủ, bình yên, anh ngó nàng dưới ánh đèn xoi mói. Đây, người đàn bà đã chung chăn gối, đã cho anh một đứa con trai. Nàng là vợ anh, người vợ từ trên trời rơi xuống, chẳng tốn đồng trầu cau nào cả.

Lúc ấy, cũng như bây giờ, anh lang thang bất định. Buổi sáng ấy, có hai phụ nữ trong số những người đến chụp hình phổi. Anh đã quá quen với việc ngắm nhìn các bộ ngực đàn bà nên cũng hơi sức đâu mà nhớ mặt họ. Lúc ra về, khi có người đến gần anh cũng chẳng buồn ngừng xe. Cô gái đành lên tiếng gọi, sau đó lúng búng nhận rằng mình mới từ phòng X quang ra và hỏi anh có phải tên Viên, bạn của Lân râu không. Thì ra nàng đã gặp anh ở nhà Lân một lần nào đó. Anh không thể không mời nàng đến quán nước, việc mà từ lâu anh đã quên làm với bạn gái. Ở quán nước, anh tóm tắt được tiểu sử của nàng. Nàng là vợ của Hỷ bạn Lân, nhưng Hỷ đã bỏ nàng sau khi được vợ chính thức bảo lãnh sang Mỹ. Nàng sống với Lân, sau đó đến lượt Lân tự trốn đi bằng thuyền đánh cá. Hiện nàng đang sống một mình với nghề uốn tóc. Anh quan sát nàng: gương mặt trước đây hẳn cũng xinh đẹp nhưng đã hằn rõ nếp héo úa sầu khổ. Thân hình nàng khá hơn, chắc là chưa sinh nở. Anh không an ủi, cũng chẳng tìm cách ve vãn nàng. Chính nàng đã tự tìm đến, ngã xuống giường anh một cách tự nguyện. Anh vẫn tự thấy mình chẳng có gì để hấp dẫn phụ nữ: túi lúc nào cũng rỗng, công việc xoàng xĩnh, người thì teo tóp lại vì thiếu ăn. Chắc là cô ta cần đàn ông, anh lơ đãng nghĩ, và cũng lơ đãng hưởng thụ nàng, chẳng băn khoăn mảy may. Cho đến khi nàng có mang và dọn đến ở hẳn với anh. Sau đó, vì có con, nàng phải nghỉ việc. Đồng lương thảm hại của anh phải tiêu cho cả ba người, nàng không than van, không nêu lên một đòi hỏi nào cả. Nhiều bữa ăn, anh thấy nàng cứ lúc thúc với những công việc chẳng đâu vào đâu, gọi cũng chẳng vào, cho đến khi anh gần xong bữa. Khi phát giác ra nàng nhường cơm, nhường phần cá canh ít ỏi cho anh, anh lặng cả người. Những ngày sau, anh đạp xe lân la đến từng nhà bè bạn nhờ hỏi xem có việc gì làm thêm. nhưng ngay cả chuyện dán bao bì, bện chổi hay lựa cà phê xuất khẩu cũng chẳng kiếm đâu ra. Anh đã đạp xe thồ được mấy tối nhưng những bữa ăn tằn tiện và chiếc xe cà tàng khiến đêm về người anh bã ra. Nàng bế con ra đường ngồi bán bắp nướng. Nhưng nàng không đủ mồm miệng để cạnh tranh với những người buôn chuyên nghiệp, lại chuyển sang bán ổi dầm, rồi mực nướng. Vẫn thế. Một hôm, nàng hân hoan khoe với

anh rằng đã có việc làm mới. Dọn dẹp nhà cửa cho một ông già. Một ông cán bộ gần bảy mươi tuổi có con trai và con dâu đang công tác ở nước ngoài. Nàng đến để nấu nướng, giặt giũ, lau chùi nhà cửa. Ở đó, nàng có thể mang cả con theo để trông. Từ đó, sáng sáng nàng lo đi chợ sớm, về nấu ăn để sẵn cho anh cả trưa và chiều. Rồi nàng bế con đi, đến tối mới trở về. Anh yên tâm thấy nàng và đứa bé có da có thịt lên nhờ cơm nhà người khác. Dần dà, nàng sắm sửa thêm vật dụng gia đình, mà đầu tiên là chiếc cát sét còn tốt hơn cả chiếc cũ của anh, như để đền bù. Từ bấy đến nay, anh hầu như không phải nghĩ ngợi gì về chuyện tiền nong. Kể ra, phụ nữ biết cách thu vén gia đình hơn, đôi khi anh phán quyết một cách hài lòng như thế.

... Xin mưa triền miên mãi không lắng đọng... Cho đôi tình nhân đắm trong giấc mộng...

Giọng hát chanh chách, ma mãnh. Con nhồng nghiêng nghiêng đầu, nhấp nháy mắt, huýt gió lại điệu nhạc thêm lần nữa. Rồi nó nhảy tâng tâng trên những thanh ngang của chiếc lồng. Anh vừa thấy ngộ, vừa thấy kỳ quái. Một con chim biết hát giọng người.

- Em ơi hun anh nữa... đi... n... ữ... a...

Con vật đã đổi sang giọng đàn ông, và lại nghiêng ngó, xem anh tán thưởng thế nào. Anh cười, búng tay tanh tách. Nó co người, nhảy lùi lại vẻ thủ thế. Anh cả cười, quay xe bỏ đi, lầm bầm:

- Con quỷ.

Từ đàng xa, anh nghe giọng nó nheo nhéo:

- Đồ đĩ ngựa...

Tiếng hát ma quái của con nhồng không hiểu sao cứ đeo đẳng anh ngay cả trong bữa cơm ngon miệng ở nhà người bạn cũ. Họ đã đâm xe vào nhau và nhận ra nhau sau tám năm không giáp mặt dù sống trong cùng một thành phố. Anh không thể không nhắc đến nó, sau những câu chuyện dầm dề về những ông to ăn chặn và ăn chơi ở xí nghiệp của bạn anh.

- Tôi thấy kinh kinh thế nào ấy, như có cái gì ma quỷ nấp trong cái xác chim của nó.

- Kinh là phải, vì nó được nuôi trong cái nhà ấy mà. Dân xóm này gọi đó là sự bí mật mà ai cũng biết. Một nhà chứa loại mới. Xe hơi và xe máy xịn dập dìu suốt ngày đêm. Còn ai ngồi xe thì anh biết rồi. Thôi thì đủ các loại em. Viên chức cải thiện có, sinh viên học sinh cần ăn diện có, thất nghiệp lang bang có... Nhưng mà này, đừng có dại dột mà dòm ngó gì vào đó, tụi nó thấy là rắc rối đó.

- Vui miệng nói chơi chớ tôi để ý làm gì. Thời buổi này chán vạn cảnh hơn thế.

Lúc đạp xe trở ra để đi làm chiều, qua ngôi nhà ấy, anh chỉ lướt ngang một cách thờ ơ. Bỗng dưng, tai anh bắt gặp tiếng khóc trẻ con thật quen rồi mắt anh nhìn thấy thằng Bô còm nhom đang vùng vẫy trên tay một bà già.

Tiếng khóc của nó inh ỏi, chói chang. Anh run lên, dừng xe lại dòm sững vào. Đúng rồi, cái áo thun màu xanh mực nàng vừa mặc cho nó sáng này. Bà già nhìn thấy anh, lặng lẽ bế đứa bé đi vào. Con nhồng ngoài hiên lại lảnh lót:

Xin mưa triền miên mãi không lắng đọng. Cho tôi tình nhân đắm trong giấc mộng...

Cổ họng đau muốn toác ra, anh nhấn chân trên bàn đạp, lướt qua khỏi ngôi nhà. Ra đến đường, anh dừng lại nghỉ ngơi. Quay lại chăng? Gọi to lên, bắt nàng ra đối mặt, ném vào mặt nàng sự tức giận đang làm anh nghẹt thở? Rồi anh nghĩ, nàng sẽ chẳng ra đâu, mà biết đâu, lại là một thằng ma cô nào đó...

Anh đến chỗ làm việc, uể oải, nhàm chán như mọi ngày với số người đến chụp phổi nhiều lên bởi đang mùa tăng vọt giá cả. Hết giờ, anh không về nhà mà đạp xe lang thang khắp phố, như một kẻ thất tình. Cơn đói khiến anh cuối cùng phải tấp vào một quán mì. Đây là đồng tiền mà anh tự kiếm được một cách trong sạch. Thì ra bấy lâu nay anh vẫn nuốt những thứ mà nàng đánh đổi bằng thể xác. Ngay trong máu thịt anh đây, suốt cả năm trời qua đã được tạo thành từ thứ tiền có nguồn gốc đó... Ăn xong, anh vào ngồi ở một công viên khai sặc mùi nước tiểu, loáng thoáng nhìn thấy những đàn ông và phụ nữ lôi nhau vào những vòm cây tối. Đến khuya, khi muỗi cắn bừng cả người, anh mới quay về. Nàng đang ngồi chờ trên bậc cửa.

- Sao anh... anh đi đâu... mà có vẻ mệt lắm...?

Không đáp, anh đi luôn ra nhà sau múc nước dội ào ào lên cái đầu và thân thể đang nóng bừng. Nàng bế đứa bé đứng nhìn anh. Mặt nàng lộ vẻ khiếp sợ. Anh chỉ muốn đập phá một cái gì đó. Thì đây, chiếc cát sét đang vẳng ra bài hát chết tiệt ấy:

... Cho đôi tình nhân đắm trong giấc mộng..

- Tắt ngay đi. Cái thằng chó chết Tuấn Tú hát như cứt phải mưa...

- Lần đầu tiên, anh ăn nói tục tằn như thế. Nàng tắt ngay máy. Đứa bé ọ ẹ phản đối, nàng chẳng hề quan tâm, mắt vẫn không rời anh.

- Em có cái này... cho anh... - Tay nàng giở ra miếng vải đen.

À, vải may sơ mi nàng nói hôm nào.

- Ăn mặc theo kiểu bọn nó đó à? - Giọng anh gây gổ.

- Dạ... màu này đang thịnh hành... - nàng mừng rỡ tán thành.

- Rồi xức nước hoa gì? Ăn nói kiểu nào? - Anh hỏi xấn xổ.

Mặt nàng ngây ra. Anh cảm thấy hả dạ. Được rồi, anh sẽ chẳng vội vàng gì, chưa nên nói hết ra tất cả, hãy cứ giữ ở cái mức hiện thời xem sao. Anh bỏ vải lên giường. Nàng nhỏ giọng:

- Mai anh đi may đi. Rồi em sẽ mua thêm vải quần. Áo quần anh cũng cũ hết rồi.

Anh hơi nhếch mép, ngồi xuống mé giường, bật diêm châm thuốc. Mùi khói thuốc lại làm anh điên tiết. Anh nhớ đến mùi thuốc lá vương trên tóc

nàng mà bao giờ nàng cũng bảo đó là của ông già.

- Này, cái ông già của em đó, đi xe loại gì?

- Xe... hình như loại mới nhất... Em cũng không rành nên không rõ... - Nàng lúng búng.

- Có đúng ông ta bảy mươi không?

- Dạ... Chắc cỡ đó... - Nàng có vẻ rất khổ sở.

- Một lũ khốn kiếp - Anh buông thõng.

Nàng co rúm lại như bị đánh, hai tay bế đứa bé run lên. Nếu đứa bé khóc, anh dễ có cớ để gây gổ hơn. Mặt nàng cúi xuống và miệng hát nho nhỏ những câu dỗ dành vô nghĩa. Thôi được, hôm nay thế là đủ rồi. Anh sẽ còn tiếp tục. Ngày mai, ngày mốt... cũng chưa muộn.

Đêm. Tiếng nàng thở nhẹ. Tiếng đứa bé trằn trọc, khóc quấy, Tiếng thạch sùng vang hơn. Tiếng gián xòe cánh... Anh trơ mắt ra đốt thuốc. Lạ lùng là anh không hề đau khổ như lẽ ra phải thế. Có lẽ chỉ là tí tự ái, cũng có thể chỉ là sự thức giấc bất chợt và của một thứ giác quan đặc biệt nào đó... Có lẽ tại anh không yêu nàng, không gắn bó với nàng cả tinh thần và thể xác. Nhưng dù sao nàng cũng là vợ anh! Lẽ ra anh phải lồng lộn, gào thét, phải sỉ nhục, làm đau nàng, phải đập phá tan hoang lên. Đằng này... Anh kinh hãi thấy mình lạnh tanh như chuyện của ai khác, cơn uất hận chìm xuống quá dễ dàng đến nỗi chính anh cũng không hiểu. Mà... biết đâu... biết đâu đứa bé mà anh trông thấy lại chẳng là thằng Bô... Nhưng... thằng Bô... liệu nó có là con anh thực không? Thời gian dan díu với anh, liệu nàng có đi lại với ai khác? Tại sao nàng lại chọn anh, lại xộc vào đời anh một cách thẳng thừng như thế?

Anh bỗng nhớ lại những lời tỉ tê của nàng khoảng thời gian đầu còn thắm thiết. Rằng nàng bơ vơ, nên chỉ mong có một mái ấm, chỉ muốn có chồng và có con. Nàng thèm khát thứ hạnh phúc bình thường đến xoàng xĩnh. Có lẽ vì thế, ngay thời gian túng thiếu nhất, nàng cũng xử sự với thái độ cam chịu người nội trợ gương mẫu. Cung cách đó khiến anh ban đầu thấy thương nhưng càng về sau càng khinh thị. Hình như đối với nàng, nắm được anh đã quá đủ. Anh ôn lại mọi chuyện để rồi cuối cùng lạ lùng nhận ra rằng trong cuộc sống chung này, anh chẳng mất gì hết. Từ một anh chàng cơm niêu nước lọ, quần lồng đèn áo ống thụt, anh đã có người chăm lo bữa ăn, nơi ở. Gần đây, trong nhà lại còn có chút tiện nghi khác. Và nàng nữa, những khi anh cần đến nàng, bao giờ nàng cũng đáp lại một cách nồng nhiệt và âu yếm. Có phải nàng yêu anh không? Nhưng lẽ nào lại có một tình yêu như thế? Cái gì ở anh đã lôi cuốn nàng? Hình như chưa hề có một phụ nữ tử tế nào, loại mà anh mơ ước, ban cho anh chút hy vọng. Anh thừa biết lý do. Ở thời buổi mà người ta tiêu hàng triệu đồng cho một bữa nhậu, đàn ông có số lương tháng chết đói như anh phải biết xếp mình ở một thứ bậc nào. Anh đã dè sẻn đến mức cao nhất để những ngày cuối tháng vẫn có cái gì đó cho vào mồm. Nhưng anh thừa biết sẽ chẳng có phụ nữ nào sẵn lòng đến san sẻ với anh sự dè sẻn

đó, bởi đàn bà lấy chồng thường để nương nhờ. Đã lâu rồi anh không còn suy nghĩ đến tương lai, không bận tâm tới thời gian, đến tuổi tác. Cuộc sống với anh là một sự thả nổi. Mỗi ngày trôi qua chỉ là sự lặp lại. Anh thấy mình giống như cây cỏ. Trời nắng thì héo khô nhưng vẫn sống, đến mưa thì ngập dập nhưng vẫn chẳng chết. Và cứ thế lay lắt dưới chân người khác, không ai nhìn ngó, không ai thương tưởng.

Trời sáng. Nàng trở dậy, rón rén ra khỏi giường. Ngang chỗ anh nằm, nàng dừng lại. Anh nhắm mắt, vờ như đang ngủ. Hẳn nàng đã thấy những đầu thuốc đầy lên trong chiếc gạt tàn dưới đất. Nàng sợ. Anh nghĩ. Và kinh ngạc thấy mình không thích thú gì về điều đó, như anh đã tưởng tượng tối qua. Khi anh từ nhà sau đi lên, đã thấy tô bún bốc khói nàng để ở chỗ mọi ngày. Nàng cũng đang cho thằng bé ăn ở chiếc ghế bên cạnh. Nàng nói mà không nhìn thẳng anh:

- Em nấu canh chua cho anh ăn nghe. Trời nóng quá.

Anh ậm ừ. Nàng lại tiếp:

- Anh cố gắng ăn uống lên, anh vẫn gầy lắm. Mắt nàng nhân cớ đó, nhìn lại anh. Vẫn cái nhìn dò dẫm sợ sệt. Tự dưng anh nổi giận. Anh dằn đũa xuống bàn:

- Thôi đi, ăn ăn mãi, nói không biết chán.

Còn anh, suốt buổi sáng ngồi trước máy, anh cứ ngẩn ngơ mãi trong đầu câu hỏi: Làm gì với nàng bây giờ? Chỉ cần anh nói thẳng ra là mọi chuyện sẽ xong ngay. Ai có thể chấp nhận việc vợ mình lại làm vợ bao kẻ khác? Anh sẽ nói thẳng và chắc chắn nàng sẽ khóc, sau đó nàng năn nỉ ỉ ôi, và nếu anh vẫn cương quyết thì hẳn nàng phải ra đi. Nàng không có quyền tiếp tục ở đây, với cái tội tày đình như thế... Và rồi anh sẽ trở lại đời sống cũ, lại cơm niêu nước lọ, hàng ngày thui thủi chỉ với cái bóng mình... nồi canh anh bắc hâm trên bếp dầu đã sôi trào, tắt cả lửa. Anh chan canh vào tô cơm, ngồi nhai như máy. Một lúc anh mới chợt nhớ ra mình đang nhai nuốt những thứ mà nàng mua sắm bằng cái đồng tiền ấy. Anh nghẹn lại, nhìn quanh. Nhưng chẳng có ai hết. Chẳng có cả nàng, chỉ có mình anh, mình anh thôi. Anh đưa mắt nhìn quanh nhà. Đâu cũng có dấu vết của nàng. Chiếc màn cửa, chùm hoa vải trên tường, cây chổi trong góc nhà, bộ quần áo nàng phơi trên dây... Anh vẫn hưởng thụ mọi thứ mỗi ngày mà không nhận biết. Sao ngay từ đầu, anh đã không chịu để ý rằng so với công việc nàng nói, số tiền nàng mang về nhà hình như hơi nhiều quá. Anh không để ý gì cả. Không để ý ngay cả bản thân nàng. Đến bây giờ, nếu cần phải mô tả gương mặt nàng, anh không biết phải nói những gì. Hình như chưa bao giờ anh ngắm nhìn nàng một cách tường tận. Sao thế nhỉ? Sao lại như thế được? Hẳn đang có cái gì không ổn nhưng cái đó là cái gì thì anh chịu, không trả lời được.

Sau giờ làm việc chiều, anh lại đạp xe đến ngôi nhà ấy. Đứng bên hàng rào với một sự hồi hộp kỳ lạ, anh chờ đợi một điều gì đó thật kinh khủng. Anh

chờ, chờ mãi... Vẫn chẳng có gì hết. Không hề thấy người, không hề nghe tiếng ai, không có cả con nhồng. Ai đã dẹp mất cái lồng chim vì lý do gì nhỉ? Anh đạp xe về, lòng đầy hoang mang. Anh có nhầm nhà không? Hay là anh đã nằm mơ chuyện con nhồng, bài hát và thằng Bô? Hay ngày hôm qua là một ngày không thực? Anh thấy mình mừng rỡ bám víu vào những điều mới phát giác ấy.

Đến nhà, đã thấy nàng đang chải tóc trước gương. Mái tóc ướt, dán vải áo vào sát da thịt. Anh nhìn nàng như mới thấy lần đầu. Hình như đã quá lâu rồi anh không thấy nàng trong dáng vẻ này. Nàng luôn tắm gội sẵn trước khi về nhà. Hừm!

Nàng quay ra, nhoẻn cười khi thấy anh trong gương.

- Anh biết không, hôm nay ông cụ cho em nghỉ sớm.

Anh dựng xe vào góc nhà.

- Tối nay mình đi xem cái gì đi anh.

- Xem gì? - Giọng anh không săn đón, cũng không ra hờ hững.

- Xem ca nhạc vậy - Lâu rồi mình không đi đâu cả - Nàng mừng rỡ.

- Thôi đi, lại tới nhìn mấy bọn điên vừa hét vừa giật như mấy con rối. Ở nhà còn hơn.

- Anh không thích thì thôi. Mà em cũng chẳng thích đâu - Nàng tán thành ngay.

Bữa tối có xà lách trộn, canh măng, dưa leo ngâm dấm, và cả bia. Giữa bữa, bỗng dưng anh lên tiếng, không kìm được:

- Sao tôi kinh cái thứ chim nhồng thế không biết.

Mắt nàng tròn xoe nhìn anh. Anh quan sát nàng một cách nham hiểm. Tay nàng cầm chai hình như đang run lên. Cũng có thể vì hơi nặng. Nhưng mắt nàng cũng cụp xuống vội vã và nàng lẳng lặng rót bia vào ly anh. Anh ăn khá nhiều và cảm thấy rất no. Hình như ít khi anh ăn no đến thế. Lúc nàng bật cát sét, một giọng ru con Nam Bộ nổi lên. Anh díp cả mắt lại, lần đến giường. Thật là một thói quen tai hại: cứ hễ ăn no là anh muốn ngủ. Mà hình như còn say bia nữa.

Khi bị chạm mạnh vào người, anh thức giấc. Mùi dầu gội đầu phụ nữ đầy mời mọc xộc vào mũi anh. Tay nàng mát rượi quàng cổ anh. Anh để mặc nàng vờn mình rồi đáp lại nàng theo kiểu một gã say đang thả lỏng hết khả năng.

Sáng. Anh dậy sớm. Nàng vẫn thở đều bên giường với thằng Bô. Anh đứng ngắm nàng. Trong tư thế hớ hênh với chiếc áo ngủ phanh ra, trông nàng thật khác với vẻ dè giữ nàng vẫn có ban ngày.

Đầu anh bỗng hiện lên cái hàng rào sơn trắng, con nhồng xanh, và nàng ở đâu đó sau những bức tường kín kia, chắc cũng trong tư thế ấy. Anh mím môi rồi buột miệng:

- Đồ đĩ!

Thở dốc vì chính câu chưởi của mình, anh mở cửa hiên đứng lặng. Anh biết chắc đó là lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng, anh dám nói như thế. Bởi sâu trong lòng anh tự hiểu mình là kẻ thua cuộc. Anh đã từng luyện tập đến mức có thể chấp nhận mọi thứ trên đời.

NGÔ THỊ KIM CÚC



ĐẶNG HIỀN

đọc "tạng thư..."

Ngày vẫn lang thang chiều qua phố lạ
Xuôi dốc đời ngồi đọc "Tạng thư..." *
Sợ mai, mắt em buồn tội nghiệp
Anh đành cười sợi tóc lặng thinh

Như chiếc áo lam bên ngày chớm lạnh
Mai mốt về ai hát lời kinh
Mai mốt ta thôi hình thôi bóng
Đêm khuya nằm em kinh hay thơ

Ngày vẫn lang thang chiều qua chợ lạ
Hai buổi đi về, chênh vênh nắng sương
Đời thường không thường, đời vui không vui
Là hư không sợi tóc trắng tội tình.

ĐẶNG HIỀN

---

* (*Tạng Thư Sống Chết* của Sogyal Rinpoche)



PHẠM MẠNH HIÊN

bóng chiều

Mai này thức dậy, nghe ra
Chén say dẫu cạn, hồn xa khuất chiều
Lạnh tê thiên cổ, nhẹ hều
Phải mây trắng ngõ, gió rêu bóng về?

Một lần qua phà rạch miễu
Lạ gì mưa bụi mái tranh
Bãi sông lấm tấm rộng thênh đất trời
Cho tôi câm nín một đời
Theo em đâu biết bóng khơi kiếp người

ở bên này cồn tiên

Về ngồi cồn lá, đất chia
Ngang vườn chim dậy ô kìa, tiếng không
Thôi em nắng liếp ngút bồng
Ngàn xưa sau trước nặng hồn tịch liêu

rêu xanh

Hỏi thăm một tiếng chim gù
Đâu nghe chuông đổ sương thu bờ chiều
Ngày mai quên hết quạnh hiu
Gối lên một cõi bóng rêu xanh đời

khuya mơ

Biết đêm lạnh cóng, tiếng gà
Trăng cong thoắt đã vỡ òa thinh không
Hỏi người về đó, bên sông
Nhánh chim đã rướm máu hồng ngày xanh

gửi mộng

Nhìm nhịp mùa lên nắng cũ
Lẽ nào tóc gió rối mù, tiễn nhau
Mắt mòn kịp ngoảnh cơn đau
Ghì ôm mây trắng ướt nhàu chiêm bao

ngược xuôi

Ngược xuôi cho vỡ phương trời
Bên mây thiên cổ còn lời nữa không
Nhấp nhô dâu bể mòn trông
Sá chi một đóa vô thường gửi theo

ngôi nhà của h. ở bình hòa

Vào ra vườn trắng mây trời
Giàn hoa mướp đã nở rồi đêm qua
Thong dong một cõi ta bà
Mai kia rồi cũng nắng tà sau lưng

ngoại ô

Chiều đi hoang lạnh bến quê
Cỏ xao động gió như chờ chân ai
Bóng ngày sụp xuống sương rây
Bên em chừng đã hồn đầy cô liêu

trăng

Ai ngồi thấm giọt trăng đơn
Bóng rêu nhạt lạnh xanh rờn cành không
Khuất trong tang hải phập phồng
Lượng trời kia vẫn đèo bồng hư vô

PHẠM MẠNH HIÊN



VÕ QUANG YẾN

BALI, NGƯỠNG CỬA VÀO THIÊN ĐƯỜNG



Chiếm một khoảng rộng 2000 cây số bề ngang, hơn 5000 cây số chiều dọc ở vùng Đông Nam Á, Nam Dương là quần đảo lớn nhất thế giới. Cả về mặt biển diện tích nước nầy lên đến 30 triệu cây số vuông, chỉ tính đất liền cũng còn 2 triệu, phân phối trên gần một vạn bốn ngàn hòn đảo. Trong số này chỉ có khoảng sáu ngàn hòn có người ở, có hòn lớn như Sumatra, Java,... có hòn nhỏ như Lambok, Sumba,... Trước kia, thuở mặt nước còn thấp, Nam Dương chưa là quần đảo, Bali và Java dính nhau và là một bán đảo của châu Á, còn Lombok thì dính liền với châu Úc. Thật vậy, ngày nay eo biển giữa Bali và Lombok là nơi nước sâu nhất. Sau này khi Java và Bali tách khỏi lục địa châu Á thì đồng thời Bali cũng rời xa Java. Huyền thoại kể chuyện lúc ấy một ông giáo sĩ Java có đứa con chơi bời lêu lổng, muốn đày nó đi xa. Hai cha con đi bộ thật lâu, đến một chỗ vắng, ông giáo sĩ lấy ngón tay vạch một đường trên cát giữa hai cha con rồi niệm một câu thần chú tức thì nước biển chảy vào cắt rời Bali ra khỏi Java.

Mỗi hòn đảo có tính chất riêng biệt, vẻ đẹp của mình, nhưng Bali được đưa ra làm mũi nhọn du lịch cho cả quần đảo.

Từ thế kỷ 16, trong khi các nước châu Âu đang mịt mù khói lửa với những cuộc chiến tranh tôn giáo thảm khốc, châu Á được xem như là một vùng xa xăm, mọi rợ vì không có tín ngưỡng, khó lòng giao du, nhưng cũng là nơi núi

sông hiểm trở, phong tục lạ lùng, dễ bề hấp dẫn kẻ giang hồ mạo hiểm. Chính những người ba đào, phiêu lưu đầu tiên đã đem về châu Âu những nhận xét về phong cảnh cũng như những phân tích đầu tiên về đời sống ở châu Á. Dần dần những thương thuyền châu Âu vượt đại dương, lân la lại gần các bờ biển phương đông, can đảm đi tìm nơi buôn bán. Từ Bali, hình ảnh những hàng dừa chạy dọc các bờ biển cát vàng êm dịu, những điệu nhạc lạ tai nhưng trầm bổng, những cô gái da ngăm ngăm, mắt đen lánh, tóc xõa dài, luôn ở trần,... đã được đưa về, biểu tượng cho một cảnh tượng thiên đường ở chốn thế gian.

Người bản xứ kể cho khách nghe huyền thoại nguyên thủy của họ. Thuở mặt đất sẵn sàng đón nhận nhân loại, hai vị thần Batara Guru và Brahma đua nhau nặn tượng hình người nhưng nặn mãi chẳng ra hình thù thích muốn. Nghĩ phải cần cho thêm một chút màu mè gì, họ bỏ vào lò nung đốt hầu mong ngọn lửa biến hóa tượng hình. Lần đầu tiên, nung không đủ thì các tượng vẫn còn trắng. Lần thứ nhì nung quá lâu thì các tượng lại đen thui. Qua lần thứ ba, thời gian nung đốt được xác định đúng mức, các tượng nhuộm một màu da ngăm, rất thích hợp cho cả hai vị thần. Họ liền mặc niệm luồn thổi sinh khí vào các tượng làm thành dân tộc khởi nguyên Bali.

Thật ra chưa ai biết rõ con người đã đến ở Bali từ thuở nào. Nếu người Homo erectus đã được khám phá ra ở đảo Java kế cạnh, ngành khảo cổ cũng tìm ra được ở Bali những dụng cụ từ thời đại đồ đá. Vào lúc hiện ra những trống đồng loại Đông Sơn, khoảng 500 năm trước D.L., Bali đã đông đúc dân cư. Ảnh hưởng trực tiếp văn minh Ấn Độ lúc bấy giờ đã thấm nhuần tư tưởng họ. Vào thế kỷ 9, nhiều chứng tích Phật giáo được ghi khắc vào bia đá.

Qua thế kỷ 11, Bali bị vương triều Majapahit ở Java qua thôn tính, từ đó Ấn giáo bắt đầu phát triển, nhất là ở kinh đô Gelgel, miền nam đảo. Cuối thế kỷ 15, vương quốc Hồi giáo Demak ở miền bắc Java lấn chiếm toàn đảo, đánh đổ đế quốc Majapahit, khắp quần đảo Nam Dương, Bali thành công kháng cự và trở nên nơi bảo tồn Ấn giáo. Nhiều trí thức, vương hầu, nhiều nghệ sĩ, thợ giỏi, nhiều nhà quyền quí rời bỏ Java, vượt biên qua lánh nạn ở Gelgel, giúp Bali mở mang một nền văn hóa đặc biệt. Một số lớn văn bản về di tích cổ truyền, tục lệ tập quán, căn bản ngôn ngữ của Java được bảo trì ở Gelgel. Nhưng cũng từ đó Java và Bal trở nên thù địch.

Cuối thế kỷ 17, nhiều rắc rối lủng củng nội bộ buộc triều chính phải dời kinh đô từ Gelgel lên Klungkung. Tuy kinh đô mới cách xa không bao lăm, hậu quả là vương quốc tan rã, nhiều tiểu quốc ra đời, mặc dù chính thức phục tùng Klungkung, thật ra các tiểu vương tranh dành quyền lực với nhau. Bắt đầu từ thế kỷ 19, lịch sử Bali đi đôi với cuộc xâm lăng của Hòa Lan. Thương thuyền Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Anh Cát Lợi rạch biển ngoài khơi từ những năm đầu thế kỷ 16 mà mãi đến năm 1597 mới có một hạm đội Hòa Lan chính thức cập bến, lâu dài hơn những lần ghé mua thức ăn hay tìm nước uống, lúc ban đầu chỉ là hợp tác thương mãi, trao đổi ngoại giao và, nếu cần,

thám hiểm rừng biển. Những báo cáo đầu tiên đưa về châu Âu trình bày Bali như một miền đất phì nhiêu sản xuất lúa, bông, hương liệu đủ thứ, triều đình là một nơi xa hoa, lộng lẫy, vàng bạc sáng chói ở mọi đồ trang sức, dụng cụ. Thêm vào đó, Bali có thể lập thành tiền đồn để đi xâm chiếm các đảo khác, vương triều Bali tuy không hùng mạnh cũng có khả năng tức khắc "động viên 30 vạn bộ binh, 10 vạn kỵ binh" tức là một đồng minh đắc lực trong tương lai để chống chỏi với những vương triều Hồi Giáo các đảo kế cạnh.

Đi theo các thương gia là các nhà học giả. Họ tin Bali là nơi sống sót của một hệ thống tôn giáo Ấn Độ đã từng chế ngự miền Đông Nam Á và cho đảo này là một viện bảo tàng sống của nền văn minh Java cũ. Tuy nhiên, họ cũng trách người Bali thiếu văn minh đã làm thoái hóa nền Ấn Giáo cao cả trước kia, đồng thời chế độ phong kiến của những vị quân chủ tàn bạo đã duy trì một sự khuất phục quá đáng của dân cư. Từ thương mãi qua văn hóa, từ văn hóa qua chính trị, một bước dễ vượt qua, dần dần người Hòa Lan muốn trực tiếp điều khiển, nhất là họ cho Bali không có chính phủ, các tiểu vương chỉ lợi dụng sự tùng phục của người dân để trị vì: vua chúa bắt dân làm nô lệ, đụng đâu xử chém đấy, lại bắt các bà góa bụa nhảy vào đống lửa tự thiêu theo chồng... Người Hòa Lan cho Bali còn dã man, cần phải được cai trị. Luận điệu nầy sao nghe quen thuộc quá, mặc dầu ở một nơi khác thì có những lý do khác.

Để bắt đầu, người Hòa Lan chỉ buộc các tiểu vương Bali thừa nhận chủ quyền của mình qua các hiệp ước thương mãi. Không thành công, họ dùng quân lực chiếm đóng các tiểu quốc Buleleng, Jembrana ở miền bắc đảo rồi Karangasem ở phía đông. Đầu thế kỷ 20, bị Kungklung đe dọa, Gianyan không biết làm gì hơn là chạy lại cầu cứu quân Hòa Lan. Cõng rắn cắn gà nhà, trong lịch sử đã từng thấy! Năm 1904, một chiếc ghe của người Tàu bị mắc cạn ở Sanur, miền nam đảo, và bị dân Bali cướp mất tất cả của cải. Người Hòa Lan bắt tiểu vương Badung chịu trách nhiệm và phải bồi thường một số tiền lớn. Được Tabanan và Klungkung ủng hộ, Badung mạnh dạn từ chối. Thương thuyết mãi không xong, hai năm sau quân Hòa Lan đổ bộ lên Sanur và tiến về kinh đô Denpasar. Mặc dầu nhiều can đảm và đầy khí khái, người Bali không sao đương đầu nổi với súng ống Hòa Lan. Và đây diễn ra một biến cố vô tiền khoáng hậu trong lịch sử thế giới.

Để tránh một cuộc đầu hàng nhục nhã, tất cả triều đình Badung, từ vua chúa, vợ con, họ hàng cho đến giáo sĩ, quân binh, quan chức cùng với nghệ sĩ, nô tỳ, dân quê là những người không cùng đẳng cấp nhưng thuộc quyền nhà vua, tổ chức một cuộc quyên sinh tập thể ngày nay còn được truyền tụng qua danh từ puputan trong ngày Tận số. Toàn mặc áo quần trắng tinh, mang hoa và đủ đồ trang sức tráng lệ, đàn ông đặc biệt đeo thánh kiếm kriss lóng lánh ngọc bích, giữa tiếng trống, tiếng mõ, giữa khói lửa mịt mù, tiếng nổ rầm trời của tạc đạn, đại phá, họ tuần tự, thản nhiên tiến lại quân địch như

diễn viên trên sân khấu ra chào cám ơn khán giả. Lẽ tất nhiên họ ngã gục dễ dàng trước các làn đạn của quân Hòa Lan. Để cho chắc chắn là tất cả cùng nhau hiến thân, nhiều ông đã lấy kiếm đâm vợ, nhiều bà đâm con trước khi chính mình bị bắn chết. Cảnh tượng vô cùng khủng khiếp, ghê sợ nầy đã được Vicki Baum miêu tả trong cuốn truyện Liebe und Tod in Bali (bản dịch tiếng Pháp Sang et Volupté à Bali), rùng rợn, bi thảm có phần hơn cả những câu vè Thất thủ kinh đô kể lại biến cố ở Huế năm 1885. Cuộc tàn sát tiểu vương Badung mở cửa rộng cho quân Hòa Lan vào Bali: ngay sau đó đến lượt vương tộc Pemecutan cũng bỏ mình trong một cuộc quyên sinh tương tự, còn tiểu vương Tebanan thì tự sát khi bị bắt, Hai năm sau, quân Hòa Lan tấn công Klungkung, lại một cuộc puputan khác diễn ra. Sau khi tiểu vương Bangli đầu hàng, quân Hòa Lan làm chủ toàn đảo, từ đấy đi chiếm cứ các đảo kế cạnh và năm 1910 thì thống nhất tất cả quần đảo Nam Dương thành một thuộc địa chạy dài từ Borneo đến Irian Jaya.

Bắt đầu từ đây, lịch sử Bali dính liền với lịch sử Nam Dương và lịch sử Nam Dương diễn biến song song với lịch sử Việt Nam, ít nhất cũng cho đến ngày hai nước tuyên bố độc lập. Hòa Lan dựa lên Nam Dương để xây dựng nền kinh tế của mình cũng như để thực hiện kỹ nghệ của "mẫu quốc". Đầu thế kỷ 20, Nam Dương là một nước sản xuất quinin và tiêu lớn nhất thế giới, cung cấp một phần ba cao su, một phần năm trà, cà phê, đường, dầu tổng lượng thế giới. Nhưng Nam Dương vẫn luôn nghèo khó. Nhiều tổ chức chính trị ra đời tranh đấu cho một cuộc sống đầy đủ hơn. Quan trọng nhất là phong trào Hồi Giáo (từ 1909) và đảng Cộng Sản (từ 1920). Năm 1927, Sokarno, một kỹ sư trẻ tuổi, thành lập một đảng quốc gia nhưng vài năm sau ông bị bắt và đưa đi đày. Ngày 9 tháng 3 năm 1945 (có phải tình cờ không?) Nhật đảo chính Hòa Lan và ngày 17 tháng 8 năm đó nước Cộng Hòa Nam Dương ra đời với Sukarno làm tổng thống. Như Pháp ở Đông Dương, Hòa Lan muốn dành lại thuộc địa và năm 1946 tái chiếm Bali. Tôi còn nhớ dạo ấy đã biết bao lần đi biểu tình ủng hộ nước bạn Nam Dương dành lại độc lập. Mãi đến ngày 17 tháng 8 năm 1950, đúng năm năm sau lần thứ nhất, được Liên Hiệp Quốc dàn xếp, nước Cộng Hòa Nam Dương thống nhất thật sự độc lập lại ra đời một lần nữa, luôn với Sukarno làm tổng thống. Khó khăn của một nước thế giới thứ ba muốn vươn lên rất nhiều, nhất là Sukarno lại có một con đường chính trị quá chống đối Tây phương. Thêm vào đó, Hòa Lan lăm le muốn chiếm lại đảo Irian Jaya. Nền kinh tế Nam Dương trở nên vô cùng khủng hoảng với một cuộc lạm phát lên đến 680% năm 1965. Một nhóm sĩ quan trẻ tuổi, mà chính quyền cho là được đảng Cộng Sản khuyến khích, tìm bắt và xử tử sáu vị đại tướng. Một ông may tránh khỏi là Suharto lập tức được đưa lên làm tổng tư lệnh quân đội để đối phó với tình thế cấp bách. Mặc dầu trách nhiệm của đảng Cộng Sản Nam Dương trong cuộc đảo chính hụt này không được chứng minh rõ ràng, đảng này và nhóm Hoa kiều ở Jakarta bị chụp mũ

là thân chính quyền Bắc Kinh, và cũng bị ghen vì làm ăn phát đạt, được đưa ra làm dê tế thần: một cuộc lùng bắt diễn ra trước ở Sumatra sau qua Java, Lambok, Bali,... giết hại hằng chục vạn người. Đây là biến cố đau buồn nhất của Nam Dương từ ngày độc lập. Và sau đó một cuộc tranh dành quyền lực giữa hai nhà lãnh tụ kéo dài đến 1965 là năm Suharto chính thức trở thành vị tổng thống thứ nhì của Nam Dương.

Công việc ưu tiên trong chương trình Suharto là tu bổ nền kinh tế đang kiệt quệ, ngăn chận lạm phát đang lên thang. Nhiều cố vấn Hoa Kỳ và nhất là nhiều nhà tư bản bắt đầu lại đầu tư, khai thác gỗ rừng, các mỏ đồng, thiếc và nhất là dầu khí. Tuy khám phá ra từ năm 1883, gần đây Nam Dương mới đạt đến mức các nước sản xuất dầu khí lớn nhất thế giới. Lợi tức quốc gia vọt nhẩy nhưng chính quyền cần rất nhiều tiền vì ngoài quân đội, cảnh sát, còn cần phải mở mang công vụ, chỉnh đốn từ hạ tầng cơ sở, đường sá cầu cống, đến các ngành canh nông giáo dục cũng như nhân khẩu, chức nghiệp,... Từ đây phải tu bổ, cải thiện một nguồn thu nhập khác: du lịch.

Ở Bali, thật ra không phải đợi đến độc lập vấn đề du lịch mới được đề cập đến. Sau những cuộc puputan khủng khiếp, chính quyền Hòa Lan có phần bối rối và như muốn cho người ta quên đi cuộc giết chóc tàn bạo tuy không phải là hoàn toàn lỗi tại họ. Họ tuyên dương Bali là nơi đầy giá trị văn hóa cần phải giữ gìn và đưa ra trình bày dưới hình thức du lịch, "du lịch văn hóa". Vì đã xem Bali như là một viện bảo tàng sống của nền văn minh Ấn Độ - Java, họ muốn không những bảo vệ Bali chống lại mọi tiếp xúc với kim thời có thể đem lại ảnh hưởng tệ hại, mà còn muốn dạy cho người Bali biết bảo tồn bản chất thuần túy Bali trong một chương trình "Bali hóa Bali". Qua giáo dục ngôn ngữ, văn chương, nghệ thuật, họ thúc đẩy thanh niên Bali ý thức rõ ràng tài sản phong phú của dân tộc mình. Ngay sau đấy, nghĩa là từ 1908, sở du lịch bắt đầu tiến hành. Tuy nhiên cũng phải đợi đến đầu thập niên 20 mới thấy khách bắt đầu lại viếng Bali và nhà khách sạn lớn đầu tiên, Bali Hotel, chỉ được xây lên ở Denpasar năm 1928. Đến lượt những du khách quảng cáo cho Bali. Trong số này phải kể Gregor Krause, một người Đức, đã cho ra một cuốn sách hình tái bản nhiều lần, trình bày thiên nhiên và con người, từ rừng rậm cây ngàn, hội hè đình đám, qua hình tượng chạm trổ, cơ thể trần trụi con người Bali. Đợt khách thứ nhì đến Bali là các nghệ sĩ. Trong những năm đầu thập niên 30, họa sĩ Walter Spies, cũng người Đức, mở xưởng ở Ubud, miền trung hòn đảo, và thành lập "làng nghệ sĩ" với những nhà cộng sự có tên tuổi như Margaret Mead và Gregory Bateson. Một họa sĩ khác, Miguel Covarrubias, người Mễ Tây Cơ, cũng là một nhà dân tộc học, cùng với phu nhân người Hoa Kỳ, bà Rose, soạn thảo một cuốn sách rất đầy đủ và thú vị về văn hóa, Island of Bali.

Từ đây, khách du lịch càng ngày càng đông đến nỗi có người đã kêu la: Coi chừng, Bali đang bị du lịch đe dọa, Bali rồi sẽ hết còn Bali! Một cuộc

tranh luận sôi nổi trên đề tài du lịch đã bắt đầu từ hồi ấy. Người lạc quan không tin là Bali sẽ mất nhân cách vì người Bali có khả năng đồng hóa, họ không chịu nhượng bộ dù chút nhỏ cốt yếu của bản tính mình. Làm được vậy là nhờ người Bali không phải đồ vật thụ động để người ta ngắm nhìn mà là cá nhân năng động biết xây dựng, chẳng hạn những cuộc biểu diễn theo thị hiếu của khách du lịch nhưng vẫn dựa lên nghi lễ cổ truyền của mình. Khách thích, xem đông thì đem lại tiền, có nhiều tiền thì nghệ sĩ có thêm điều kiện để hoàn hảo cuộc trình diễn, từ đó khách lại càng nhiều hơn: một vòng lẩn quẩn phải vào cho được! Luận pháp này như tuồng được nhà cầm quyền Nam Dương chấp nhận vì năm 1978, Suharto bổ nhậm một người rất am tường văn hóa Bali, giáo sư Ida Bagus Mantra, làm thống đốc đảo, thay thế cho một đại tá người Java mà Bali phải chịu đựng từ ngày Sukarno xuống chức. Từ đây, Bali đóng góp rất lớn vào ngân quỹ quốc gia, đồng thời củng cố địa vị của mình trong tập thể Nam Dương. Thành thử câu hỏi không phải là văn hóa Bali có sống còn được không sau cuộc đụng độ với du lịch ngoại quốc mà bản chất xác thực văn hóa Bali là gì.

Ngày nay, đi dạo quanh các thành phố, đặc biệt ở vùng nam đảo, trong khu tam giác Densapar - Sanur - Kuta, nơi tập trung các khách sạn du lịch, theo luật lệ hiện hành không được cao quá ngọn cây dừa, từ ngày Bali Beach Hotel cao đến mười tầng làm người Bali hoảng sợ, không ai lấy làm lạ nghe những bản nhạc quen tai từ Âu Mỹ đem lại. Tôi thích nhìn những cô gái trẻ đẹp, da vẫn ngăm, mắt vẫn đen, nhưng mặc quần jean, áo cụt, mang một rổ đầy hoa sắp thành từng mâm nhỏ kết bằng lá, thoăn thoắt bước qua đường, chạy từ cổng nầy qua cửa nọ, đặt các mâm hoa lên thành đá hay ngưỡng cửa, có khi ngay cả trên vỉa hè, vệ đường, chắc để tạ ơn một thần linh nào hay để cầu khấn ma quỷ đừng quấy rầy. Đi xa thành phố thì tân nhạc nghe ít lại, đồng thời tiếng trống, tiếng chiêng của dàn nhạc gamelan khi sớm, khi chiều ngân nga vọng xa từ thôn xóm.

Gamelan, từ danh từ gamel có nghĩa là cái dùi, là một dàn nhạc khí kích động trình diễn những làn điệu thường do tập thể các nhạc sĩ trong dàn sáng tác. Vì mỗi nhạc sĩ đóng góp vào làn điệu, chuốt đi sửa lại nhiều lần nên họ không cần phải tìm hiểu sử dụng nhạc khí theo ý muốn của nhà soạn nhạc mà nhạc điệu như đột nhiên tuôn vọt ra từ mỗi nhạc khí. Khi một làn điệu hay một lối chơi được ưa thích, tức thì các dàn khác cũng trình diễn và dần dần thành... cổ truyền! Tuy vậy không phải bất cứ lúc nào, ở nơi nào cũng có thể xuất phát một kiểu thức âm nhạc. Vào khoảng giữa thập niên 10, trong lúc ở miền Nam Bali cách thức sử dụng nhạc khí đang còn gò bó trong những cổ lệ quý phái thì ở miền Bắc, nhờ tiếp xúc với người nước ngoài, ít còn chung đụng với xã hội đồng lúa, nhờ một cuộc tranh chấp kinh tế năng động thay thế cho một cuộc tranh luận vô bổ về hệ thống đẳng cấp không hề lay chuyển, phát nở ra những tập quán bình dân thể hiện trong âm nhạc qua kiểu thức

kebyar từ dàn nhạc Gamelan Gong Kebyar. Có người mạnh dạn cho đây là một cuộc cách mạng trong nền âm nhạc Bali. Trong lối chơi này, âm tiết không còn điều hòa, âm điệu bị cắt đoạn, nhịp điệu bất định có khi nâng lên tốc độ cao ngất,... là những yếu tố không hề thấy trong kiểu thức cổ truyền.

Nhạc kebyar nghe nói được phát sinh trong những cuộc hỏa táng. Người Bali tin ở thuyết luân hồi. Thây ma cần phải được đốt cháy rồi rải tro xuống sông biển để cho cơ thể vật chất trở về lại thành tố nguyên thủy (đất, nước, lửa, khí quyển và khí không trung) trong khi linh hồn và cơ thể tư tưởng thoát ra khỏi tử thi; sau này phải còn có một buổi lễ cầu siêu cho linh hồn bay về thế giới tổ tiên trước khi tái sinh ở một cơ thể vật chất khác theo luật nhân quả. Một anh bạn người Bali đã có lần pha trò: chính phủ chúng tôi sắp cho ra đạo luật hai con mỗi gia đình; các linh hồn chắc rồi phải xếp hàng lâu mới hòng lại được tái sinh ở dương thế! Thực hiện một cuộc hỏa táng đắt tiền nên ở nhiều nơi, người ta tạm chôn tử thi, đôi khi có đông gia đình cùng nhau tổ chức chung. Ở miền bắc đảo, hỏa táng cũng rất hiếm nhưng đây lại là một dịp để các nhà giàu có biểu dương uy thế qua các hoạt động văn nghệ. Những dàn nhạc gamelan từ đó lắm khi biểu diễn nhiều ngày liên tiếp hay đua nhau về mặt kỳ tài và sáng tác. Tôi nhớ ở quê ta hồi trước khi khao đình, mở chợ thường có mời những đoàn hát bội lại trình diễn ba ngày đêm liên tiếp...

Đối với người Bali, mọi thực hiện của con người, từ cách sắp đặt nhà cửa, làng xóm, cho đến trang hoàng đền miếu, tổ chức văn nghệ, đều phải hòa nhịp với vũ trụ điều hòa. Dàn nhạc gamelan là một vũ trụ tí hon mà thánh chiêng tượng trưng cho bầu trời. Vì vậy gamelan có mặt ở mọi cuộc múa nhảy, nhất là ở các buổi lễ bái. Thật ra người Bali dùng danh từ sesolahan (gốc chữ solah có nghĩa là cách cư xử) tức là thái độ đặc biệt trong một tình thế chỉ định, bao gồm mọi phương diện vũ đạo và nghệ thuật, để chỉ các cuộc trình diễn. Các nghệ sĩ không mấy ai là chuyên nghiệp. Họ biểu diễn ngoài giờ làm việc, khi sáng, khi tối, tùy theo công việc và cũng tùy theo yêu cầu của khách du lịch.

Một buổi sáng, trên đường lên miền bắc, tôi được đưa đi dự một cuộc trình diễn trong một sân miếu. Mở màn là hai cô thiếu nữ rất trẻ, độ 13-14 tuổi, tượng trưng cho hai nữ thần, ra múa một điệu legong. Áo quần sặc sỡ với những mảnh kim loại nhấp nhánh dưới ánh mặt trời êm dịu ban mai, đầu bịt vành khăn cài toàn hoa sứ, hương thơm ngào ngạt qua luồn gió hiu hiu, chỉ với điệu bộ yểu điệu, hai bàn tay mềm mại, cặp mắt vô cùng linh động, hai cô trình bày một tấn tuồng xưa: một ông hoàng có người em gái bị một ông hoàng khác lại bắt cóc, ông lại xin thả cô em ra nhưng rút cuộc phải đánh nhau và hy sinh. Tiếng nhạc trầm bổng như ru ngủ lại nhắc tôi một kỷ niệm xưa. Hồi ấy tôi ở với anh tôi tại Vĩnh Điện, đi học lớp nhất trường tỉnh Quảng Nam. Nhà anh tôi mướn có tiếng lắm ma, chúng tôi lại ở trên lầu, trước nhà có cây ngọc lan phủ bóng vào lầu. Vào mùa hoa nở, hương hoa thơm phức.

Những đêm sáng trăng, lá cây lay động tưởng như có ai đu đưa trên cành. Buổi tối tôi ít ra khỏi nhà... vì sợ ma. Vậy mà dạo đó, trong mấy đêm liền tôi dám đi coi hát, một mình lẽ tất nhiên, chỉ vì có đoàn Đồng Ấu Hòa Bình ghé qua thị xã. Trong số các diễn viên thiếu niên, thiếu nữ có một cô đào, tuổi cỡ hai cô gái legong kia, trong mắt tôi hồi đó sao mà đẹp đẽ lạ thường, nhất là khi cô đóng vai Điêu Thuyền. Anh tôi phải thẳng thắn can ngăn mới giữ tôi được ở nhà, thành thử tối đến, ngồi trước bàn học mà tâm trí luôn hướng về nhà hát cạnh nhà, tiếng đàn tiếng nhạc văng vẳng bên tai. Tôi đang mơ màng trong vai Lữ Bố thì một tiếng xõa đập mạnh làm tôi tỉnh giấc. Trước sân miếu, hai cô nữ thần đã biến đâu mất, nhường chỗ cho một nhân vật kỳ quái, mình to đầu nhỏ, miệng nhe hai chiếc răng nanh nhọn hoắc; trên đầu một đống vẩy đủ màu sắc mang nhiều mảnh gương lóng lánh và trên mình một số lục lạc kêu lẻng kẻng mỗi khi nó cử động, nhất là khi nó dậm chân và mở đóng cầm cập hai hàm răng. Nhân vật có vẻ hung dữ này thật ra được coi như là ông thần thành hoàng, gọi là barong. Địch thủ của barong là con quỷ rangda, mặt mày gớm ghiếc, một cái lưỡi khổng lồ đỏ thẩm lòng thòng dưới miệng, mái tóc bờm xờm rủ dài xuống tận đầu gối, vừa đi vừa kêu the thé làm hoảng hồn bọn trẻ ngồi xem đằng trước. Thanh niên trong làng, tượng trưng cho cộng đồng, mang kiếm kriss lại đả kích, nhưng rangda chỉ dơ tay là dân làng mất hết hồn phách, quay cuồng như lên đồng, có người dùng kiếm tự sát, có kẻ ngã gục xuống đất. May nhờ barong ra tay cứu độ, dân làng mới trở lại bình tĩnh. Tạm thời ác mộng được gạt ra, nhưng rồi barong và rangda trở lại đánh nhau trong một cuộc xung đột bất phân thắng bại khác như cuộc chiến đấu muôn thuở trong đời sống giữa thiện và ác theo tư tưởng của người Bali.

Một điệu múa khác, gọi là kecak, hay là múa điệu khỉ, nghe nói chỉ dành cho khách du lịch, thường được trình diễn vào buổi tối, trong một bầu ánh sáng lu mờ, giữa mấy ngọn đèn leo lét. Lần này không có nhạc gamelan đệm theo. Thanh niên trên ở trần, dưới mặc sarong, vừa tiến ra sân vừa kêu hô kê sat, kê sat, đánh nhịp cho điệu nhảy. Họ tượng trưng cho đoàn khỉ theo giúp ông hoàng Rama đi tìm bà vợ Sita trước đây bị vua yêu quái Ravana bắt đưa về Sri Lanka trong điển tích Ramanaya. Khán giả có cảm tưởng đang sống một nơi kỳ lạ mà không dè họa sĩ Walter Spies đã đóng góp nhiều trong phép vũ đạo múa.

Bali còn có nhiều điệu múa khác, hoặc trong loại hài, hý kịch hoặc dành cho những buổi cúng lễ. Không lưu lại lâu ở đây, khách cũng nhận ra được người Bali sống trong một khuôn khổ đầy thủ tục, tôn giáo. Đời sống hằng ngày của họ được phân chia giữa nhiệm vụ xã hội và bổn phận đạo giáo. Ngay nghệ thuật cũng phản ảnh môi trường của cộng đồng. Thừ thuở ấu thơ, đứa trẻ Bali nhờ đang còn thanh khiết nên được xem như một nhân vật thiêng liêng, không được đánh đập, la mắng quá độ. Lớn lên, tục lệ là mài răng không những để cho thẳng đẹp mà còn có nghĩa để hạn chế những tật xấu

của con người: tham lam, giận dữ, ghen tuông, dục vọng,... Nếu là con gái, nhất là thuộc đẳng cấp cao, thì có lễ mừng tuổi dậy thì, ra mắt phụ nữ. Bất cứ trai hay gái, phải lập gia đình mới là trưởng thành. Ở Bali có hai cách lấy nhau: hoặc nhà trai lại xin cưới, quà cáp tốn kém lại phải viếng thăm tốn nhiều thì giờ, hoặc, phấn khích hơn, anh chàng lại bắt cóc cô nàng! Lúc trước chàng trai phải trèo tường, leo thang, vượt qua biết bao chướng ngại, tưởng mình như ông hoàng Arjuna, người hùng của truyện Mahabharata. Ngày nay thời đại mới cho phép chàng trai mang xe hơi lại phổng cô nàng, có khi được bạn bè phụ giúp. Tuy vậy, tối hôm đó cặp trai trẻ phải ra làm lễ ở miếu thờ thần Đất Pertiwi và sau đó vài hôm phải tổ chức một lễ cưới có giáo sĩ lại cầu phúc trước bàn thờ tổ tiên đồng thời đi cúng lạy ở các miếu đền khác trong xóm, trong làng.

Tục lệ như vậy vì người Bali tuy sống theo cách thức hiện đại vẫn còn tin tưởng ở đời sống thần linh. Đối với họ, mọi vật trong thiên nhiên đều có một ý nghĩa mầu nhiệm tâm linh. Núi, như ngọn núi lửa Gunung Agung, mặc dầu khi phun lửa thì tàn phá không ít nhưng cũng đem lại màu mỡ cho đất đai, là cao cả, tượng trưng cho tất cả những gì thiêng liêng. Trái lại, cái gì xấu xa, tối tăm thì thuộc về biển sâu, địa ngục. Người Bali tuy ở đảo lại hướng nhiều về núi. Họ chiếm khoảng đồng bằng giữa núi và biển. Thiên nhiên từ đó luôn có hai mặt như núi và biển: trên và dưới, trái và mặt, ngày và đêm, mạnh và yếu, thiện và ác,... Nghi thức đời sống ở Bali là làm sao giữ được thăng bằng giữa hai mặt đó. Hướng dẫn cho dân Bali là Agama Hindu Bali tức là Ấn giáo thích ứng cho Bali. Có tổ chức gọi ngược tên đạo là Agama Bali Hindu để nhấn mạnh đặc trưng Bali. Cuộc bàn cãi về giáo lý này kéo dài đã từ lâu cho đến năm 1945 thì theo hiến pháp của nước Cộng Hòa Nam Dương, mỗi đạo giáo phải có một vị Thượng Đế độc nhất. Nếu Hồi giáo và Thiên Chúa giáo có mặt ở bộ Tế tự, người Bali bị liệt vào loại không có tôn giáo vì nghi thức cúng lễ của họ được cho là thuộc về phong tục. Người Bali phải tranh thủ mãi đến 20 năm sau mới được chính phủ Nam Dương công nhận Ấn giáo ở Bali ngang hàng với năm tôn giáo khác: Hồi giáo, Phật giáo, Khổng giáo, Gia Tô và Tin Lành. Đồng thời hội Parisada Hindu Dharma ra đời, khẳng định đại diện cho toàn thể Bali. Họ mở viện Hindu Dharma để truyền bá Ấn giáo. Một vấn đề nan giải cho các nhà trí thức: muốn công nhận là một tôn giáo (agama) cần phải loại bỏ mọi nghi thức thường được cho là thuộc về phong tục (adat). Ở Bali, trên thực tế, adat là quan agama, đôi bên sống chung đụng từ thuở nào. Tuy vậy, họ thành công tổ chức lại các lễ tiết, đình đám, thờ tự, đền miếu,... Parisada ra đời đúng lúc chính quyền đang rượt bắt những người được cho là "vô thần", đồng nghĩa với "Cộng Sản". Để được yên thân, rất nhiều trí thức ghi tên vào hội, hậu quả bất ngờ là hội được phồng thổi lớn thêm. Mặt trái của cuộc phát triển này là Parisada hết còn thuần túy Bali: ngày nay, nếu trụ sở hội còn ở Bali, văn phòng được đặt ở Jakarta!

Ông thần vạn năng của đạo là Sanghyang Widi, nhưng ông thần này không được trực tiếp thờ cúng. Xung quanh ông có nhiều vị thần khác, có tiếng nhất là Tam nhất Trisakti từ Ấn Độ đưa qua: thần sáng tạo Bhrama, thần bảo trì Vishnu và thần phá hoại Shiva. Sau đó là một loạt thần dewa nhỏ hơn: thần Gió, thần Bão, thần Núi, thần Biển,... Họ thờ cúng các thần này trong đền khởi nguyên Pura Puseh tức là cái đền được dựng lên đầu tiên trong làng. Bên cạnh các thần có yêu quỷ leyak mà chúa tể là rangda, được thờ trong đền hoàng tuyền Pura Dalem dành cho người chết. Để cho trọn vẹn bộ ba, còn có đền Hội đồng (các thần thánh) Pura Bale Agung để cầu khấn phù hộ mùa màng, thu hoạch,... Ngoài ra còn có các đền đẳng cấp, đền hội đoàn, đền thị tộc,... và các miếu thờ các thần linh ao, hồ, sông, lạch...

Thành thử khi đi dạo ở ngoại ô thành phố hay ở vùng quê thì thấy nhà cửa xen lẫn miếu đền. Một cảnh tượng rất đẹp mắt là khi các cô, các bà ăn mặc đẹp đẽ mang đồ cúng trên đầu, hoa quả sắp trên khay có khi cao khoảng một thước, yểu điệu trèo lên đền... Nhà ở thì trước mặt bao giờ cũng có bình phong để ngăn chặn ma quỷ, sau có vườn trồng cây q uả, nuôi heo gà như loại nhà vườn ở Huế. Quanh nhà và vườn là một vách đất như để bảo vệ ấm cúng gia đình. Trong mỗi mảnh đất này có thể có một hay nhiều gia đình cùng ông cha ở chung với nhau. Nhiều nhà họp lại thành xóm banjar hoặc độc lập hoặc nằm trong một làng dexa. Xóm là đơn vị đời sống công cộng. Họ tự bảo vệ lấy nhau, bảo vệ văn hóa, phong tục, lo liệu mọi chuyện cưới hỏi, ly dị, đám tang, gia tài, tu bổ đền miếu,... Nhiều banjar có nhà hàng tổ hợp, xe hơi, xe hàng, dàn nhạc gamelan, nhà họp mở cửa suốt ngày và cũng là nơi hội họp đồng xóm. Lên đến mức làng mới có chợ, nhà chọi gà, chòi mõ kukul, miếu làng pura,... xung quanh một công trường thường có ở giữa một cây đa. Đi xa trung tâm làng mới có nhà giặt, nhà tắm, nghĩa địa, miếu thờ người chết,... Tất cả nhà cửa, đền miếu đều theo một kiến trúc, sắp đặt chính xác, hòa hợp, như đã thấy, với vũ trụ điều hòa.

Ra khỏi làng là đồng ruộng, ở miền đồi núi thì sắp đặt thành tầng. Tôi tìm mãi chẳng thấy xe đạp nước, các loại gàu hay máy bơm nước. Hỏi ra mới biết ở đây nước không phải từ sông ngòi đạp lên mà từ trên núi đem về. Vậy chỉ còn đào mương trổ nước thẳng xuống ruộng. Người Bali vốn có kỷ luật, họp nhau lại thành hội đoàn subak để cùng nhau xây mương, quản lý mương, phân chia nước, chỉ định ngày giao, cấy, gặt, tổ chức những buổi lễ hội ở các miếu thờ Nước, thờ Hồ,... Subak không có chút quyền gì về cách thức sử dụng đồng áng của người dân quê cũng như không có chút quyền gì về lợi tức thâu nhập. Đồng ruộng là tài sản của người dân, nước thuộc quyền sở hữu của subak. Những hội viên của subak không cần ở cùng xóm, cùng làng, vị trí đồng ruộng chỉ định họ thuộc subak nào. Vì vậy người dân quê Bali thường bảo họ có hai làng: “làng khô” banjar và “làng ẩm” subak.

Ngoài subak, người Bali còn có nhiều hội đoàn khác, nhỏ hơn, gọi là seka,

tùy lúc, tùy chỗ, tập hợp các nhạc sĩ, trí thức cũng như thợ gặt hay người đi săn,... nhưng tương đối ít bền chặt vì không có lãnh thổ, không có đền miếu. Nhưng cũng không sao, hội đoàn lập ra rồi giải tán rồi lại mọc lên... theo nhịp của đời sống và tuân theo phong tục adat mà họ rất hãnh diện. Đến nay, trải qua các thời kỳ ảnh hưởng Ấn Độ, thuộc địa Hòa Lan rồi sáp nhập vào cộng đồng Nam Dương đồng thời mở cửa cho du lịch ngoại quốc, Bali đã tỏ ra có tài chọn lựa và chỉ đồng hóa cái gì thích hợp cho mình. Họ luôn biết giữ vững phong tục từ thuở ông cha.

Thời thuộc địa, Hòa Lan muốn duy trì tục lệ để giữ Bali trong vị trí những người trung thuận, như vậy dễ bề cai trị. Khi Cộng Hòa Nam Dương thành lập, chính phủ lại muốn trưng dụng phong tục ấy vào chương trình quốc gia để phát triển kinh tế. Đồng thời du lịch đem lại tiền bạc, dù không trực tiếp, cũng góp phần vào cuộc phá hoại một số phong tục kia. Ai cũng thấy Thái Lan đã bị du lịch làm hư hỏng như thế nào. Người Bali đã biết chống lại những sức mạnh của bên ngoài, biết dùng khí giới của địch để chống lại địch như trong môn nhu đạo. Họ thường biểu tượng đất nước mình như một cái cây mà rễ là đạo giáo (agama), thân là phong tục (adat) và trái là những biểu diện nghệ thuật (seni budaya). Dù thân có bị dày vò, có khi bên ngoài có vẻ hư hỏng, nhưng nếu rễ bám cứng vào đất và tìm ra nguồn sống thì rồi thân cũng nảy nở lại, trái sẽ nhô mọc lên dồi dào, phong phú. Người Bali biết phân biệt và tách rời phong tục, chính trị, đạo giáo, nghệ thuật. Họ biết dung hòa cũ và mới, biết hỗn hợp hài hòa di sản quý báu của ông cha với những phẩm vật ngoại lai nhập cảng. Đây có lẽ là giá phải trả, việc phải làm để một nước nghèo muốn vươn lên mà không mất bản tính của mình.

VÕ QUANG YẾN



PHƯỢNG HOÀNG

NÓI CHUYỆN VỚI NGUYỄN HƯNG QUỐC



Cuộc phỏng vấn dưới đây do Phượng Hoàng, phóng viên đài phát thanh SBS tại Úc thực hiện vào tháng 10.1996.

Phượng Hoàng: *Không biết tôi nên gọi anh là Nguyễn Hưng Quốc hay Nguyễn Ngọc Tuấn? Xin lỗi, sở dĩ có câu hỏi này là vì, trước đây hầu như anh luôn luôn dùng bút hiệu Nguyễn Hưng Quốc, thế rồi bẵng đi một thời gian, không thấy anh xuất hiện trên báo chí, rồi giữa năm 1994, đột nhiên lại thấy có ông Nguyễn Ngọc Tuấn nào đó xuất hiện, khiến nhiều người ngạc nhiên, xôn xao điện thoại hỏi nhau về người mang cái tên lạ hoắc đó; rồi sau đó ít lâu, tạp chí Hợp Lưu công bố Nguyễn Ngọc Tuấn chính là Nguyễn Hưng Quốc. Độc giả bắt đầu làm quen với cái tên Nguyễn Ngọc Tuấn với một số bài viết về thơ gây ấn tượng rất mạnh trên tạp chí Hợp Lưu thì bỗng nhiên nó lại biến mất, và cái tên Nguyễn Hưng Quốc lại tái xuất hiện, đứng lừng lững trên bìa hai cuốn* Thơ, v.v... và v.v... *và* Võ Phiến *mới vừa được Văn Nghệ xuất bản. Anh có thể cho biết tại sao có những chuyện 'ly kỳ' như thế?*

Nguyễn Hưng Quốc: Thực tình thì không bao giờ tôi lại muốn làm những chuyện 'ly kỳ' như thế cả, chị ạ. Bình thường, viết phê bình, nghiên cứu, ít ai cần dùng bút hiệu làm gì. Tôi biết thế: hồi trẻ, khi bắt đầu mơ mộng chuyện

viết lách, hiếm khi tôi nghĩ đến chuyện bút hiệu này nọ. Thế nhưng, năm 1985, khi tôi vượt biên thì vợ con của tôi còn ở Việt Nam; do đó, để tránh những hậu quả đáng tiếc, tôi bắt buộc phải dùng bút hiệu dưới các bài viết đầu tiên của mình tại hải ngoại. Sau này, vợ con tôi qua Pháp rồi, không còn lý do gì để lo lắng nữa, tôi nảy ra ý định dùng lại tên thật. Bài viết đầu tiên tôi ký dưới tên Nguyễn Ngọc Tuấn, tôi gửi cho tờ Văn Học, tại California: anh Nguyễn Mộng Giác, khi đăng, đổi lại thành nguyễn Hưng Quốc, rồi giải thích: cái tên Nguyễn hưng Quốc đã 'lỡ nổi tiếng' (!) rồi. Giữa năm 1994, lúc tôi viết bài 'Thơ Con cóc' và 'Huyền thoại về một ước mơ', tôi cảm thấy quan niệm về thơ của mình thay đổi khá nhiều. Để đánh dấu sự thay đổi ấy và cũng để kiểm tra phản ứng của người đọc về một số luận điểm tương đối mới lạ của mình, tôi quyết định ký tên Nguyễn Ngọc Tuấn. Lúc ấy tôi đã định bỏ hẳn bút hiệu Nguyễn Hưng Quốc. Nhưng (lại nhưng!), sau khi cái tên Nguyễn Ngọc Tuấn xuất hiện vài lần trên Hợp Lưu, nhất là sau khi tòa soạn Hợp Lưu công khai hóa cái chuyện Nguyễn Ngọc Tuấn chính là Nguyễn Hưng Quốc, có khá nhiều bạn bè viết thư can gián. Người can gián nhiệt tình nhất là Võ Phiến. Ông đề cập đến chấy trong nhiều lá thư. Có lần, ông ví bút hiệu cũ như một người vợ, một người bạn thuở hàn vi. Một số bạn bè, viết tư cho tôi với tên mới là Nguyễn Ngọc Tuấn, nhập đề ngay bằng câu 'gọi anh bằng cái tên mới nghe sao... xa lạ quá'. Cuối cùng, tôi động lòng: thay cái tên, có cảm giác như trở mặt với bạn bè. Và với cả chính mình. Hơn nữa, cho dù tôi không còn thích những cuốn sách trước đây của mình nữa thì tôi cùng không thể nào chối bỏ chúng. Chối bỏ tác phẩm cũ của mình bằng cách thay tên đổi họ, nó có vẻ như là một cách trốn nợ. Thôi thì đành... lại Nguyễn Hưng Quốc vày.

— *Nhìn vào danh sách những tác phẩm đã xuất bản của anh, người ta thấy có một khoảng trống hơi dài giữa tác phẩm thứ ba, tức cuốn* Văn học Việt Nam dưới chế độ cộng sản, *xuất bản năm 1991 và tác phẩm thứ tư, cuốn* Thơ v.v... và v.v... *xuất bản năm 1996. Theo tôi được biết thì trong khoảng 5 năm ấy, anh cũng ít xuất hiện trên báo chí. Anh có thể giải thích lý do tại sao có sự im lặng ấy?*

— Lý do chính là tôi quá bận. Đầu năm 1991, tôi và cả gia đình từ Pháp dọn qua Úc. Đất nước mới, ngôn ngữ mới, phong tục tập quán mới và công việc mới khiến tôi mất khá nhiều thì giờ để thích nghi. Ngoài ra, còn một lý do nữa, có khi còn quan trọng hơn, đó là, sau khi viết xong ba cuốn sách đầu, tôi giật mình phát hiện ra trong kiến thức văn học mà mình thu nhận trong suốt mấy chục năm sống và học hành tại Việt Nam có cái gì đó bất ổn. Vì thế, tôi quyết định ngưng viết một thời gian để nghiền ngẫm, để tìm tòi thêm.

— *Anh mới nói đến công việc mới tại Úc, anh có thể cho biết cụ thể hơn*

chút nữa được chăng?

— Từ ngày qua Úc đến nay, tôi dạy Ngôn ngữ và Văn học Việt Nam tại Phân khoa Ngôn ngữ và Á Châu học (Asian Studies and Languages) tại trường Victoria University of Technology.

— Cái tên môn học coi bộ khá hấp dẫn, làm cho tôi liên tưởng đến chương trình học ở các trường Văn khoa tại Việt Nam trước đây. Thực chất môn Ngôn ngữ và Văn học Việt Nam tại trường Victoria University of Technology, nơi anh dạy hiện nay ra sao?

— Tại trường Victoria University of Technology, môn Ngôn ngữ và Văn học Việt Nam được chia thành hai hệ, mỗi hệ kéo dài ba năm, được chính thức công nhận là một môn học chính trong chương trình Cử nhân Văn khoa và Cử nhân Giáo dục. Hệ thứ nhất tập trung chủ yếu vào khía cạnh ngôn ngữ, dành cho người ngoại quốc hay những thanh niên Việt Nam sinh trưởng ở ngoài Việt Nam, mới bắt đầu học tiếng Việt (Vietnamese for Beginners). Hệ thứ hai được gọi là Việt ngữ cao cấp (Advanced Vietnamese), dành cho các sinh viên Việt Nam hoặc một số người ngoại quốc đã có thể sử dụng thành thạo tiếng Việt. Chương trình của lớp Việt ngữ cao cấp này được chia thành hai phần: Ngôn ngữ học và Văn học.

Về Ngôn ngữ học, năm thứ nhất, sinh viên sẽ nghiên cứu về ngữ âm và tư tưởng học tiếng Việt; năm thứ hai, về từ loại và cú pháp; năm thứ ba, về Ngôn ngữ học ứng dụng (Applied Linguistics).

Về văn học, năm thứ nhất, sinh viên sẽ được học về Văn học dân gian và văn học viết từ khởi thủy cho đến giữa thế kỷ 19, chủ yếu tập trung vào một số tác giả lớn như Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông, Nguyễn Bỉnh Khiêm, Đặng Trần Côn, Nguyễn Gia Thiều, Hồ Xuân Hương, Bà huyện Thanh Quan, Nguyễn Công Trứ và đặc biệt là Nguyễn Du, tác giả Truyện Kiều. Năm thứ hai, học văn học từ giữa thế kỷ 19 đến năm 1945, dừng lại kỹ ở phần tiểu thuyết của nhóm Tự Lực văn đoàn và phong trào Thơ Mới. Năm thứ ba, sinh viên sẽ nghiên cứu văn học kháng chiến chống Pháp, văn học thời kỳ từ 1954 đến 1975 ở cả hai miền Nam và Bắc Việt Nam. Ngoài ra, trong nguyên học kỳ 2 của năm thứ ba, sinh viên sẽ nghiên cứu khá kỹ lưỡng văn học ở hải ngoại cũng như ở trong nước từ sau năm 75 đến nay.

— Mình anh dạy hết các phần ấy?

— Không, ngoài tôi ra, còn có giáo sư Phan Văn Giưỡng, trưởng ban, và một số người khác dạy bán thời.

— Nhân nói đến công việc giảng dạy của anh, anh có thể cho biết một chút về tiểu sử của anh chăng?

— Tôi sinh năm 1957 tại Quảng Nam, vượt biên năm 1985, sau đó định

cư tại Pháp. Từ đầu năm 1991, như đã trình bày khi nãy, tôi dọn qua Úc. Các tác phẩm đã in của tôi gồm có: *Tìm hiểu nghệ thuật thơ Việt Nam* (1988), *Nghĩ về thơ* (1989), *Văn học Việt Nam dưới chế độ cộng sản, 1945-1990* (1991), *Thơ, v.v... và v.v...* (1996) và *Võ Phiến* (1996).

— Những chi tiết ấy thì tôi đã biết rồi. Điều tôi muốn hỏi là những chi tiết cụ thể hơn, chẳng hạn, về con đường đi vào văn học của anh kìa...

— Trong dòng họ tôi, từ xưa đến nay, chả có ai viết văn làm thơ cả, trừ tôi. Cho đến nay, vẫn chỉ có một mình tôi. Trong cuộc đời đi học của mình, tôi cũng không may mắn gặp được ông thầy dạy văn nào thật giỏi đủ để làm bùng cháy lên trong lòng tôi ngọn lửa đam mê văn chương nghệ thuật. Tôi đi vào thế giới văn học không phải nhờ di truyền hay giáo dục, mà là nhờ một người con gái, bạn cùng lớp, người tôi yêu thầm vào năm lớp 8, lúc tôi khoảng 13, 14 tuổi.

Cái tình yêu thầm lặng và trẻ con ấy xúi tôi làm vô số chuyện điên rồ, trong đó điên rồ nhất là việc bỏ bê học hành để suốt ngày suốt đêm ngẩn ngơ và thơ thẩn. Tôi mê văn thơ từ đó. Sau này, mối tình đầu ấy cũng như những mối tình kế tiếp khác tan vỡ, lòng đam mê văn thơ vẫn còn lại. Ngay cả những thời gian tôi bị khủng hoảng, tâm hồn nguội lạnh, thờ ơ, cơ hồ không yêu ai cả, nỗi đam mê ấy vẫn cứ còn đó. Như thế, khởi thủy chỉ là một đam mê nẩy sinh ra từ việc mê gái, văn chương tự nó đã trở thành một thứ tình yêu độc lập, say đắm và bền bỉ.

Nhưng biểu hiện của tình yêu văn chương thì thay đổi: thoạt đầu tôi làm thơ, làm thơ nhiều vô số kể, dĩ nhiên toàn là thơ tình, dễ đến hàng trăm bài thơ tình, trong vòng chỉ hai, ba năm gì đó. Sau, cùng lúc xuất hiện hai sự thực khá đau lòng: một là, người con gái tôi yêu thầm suốt mấy năm ấy lại yêu một thằng bạn của tôi; hai là, cả mấy trăm bài thơ tôi miệt mài sáng tác trong mấy năm ấy đều... khá dở. Với tôi, phát hiện thứ hai có khi còn ê chề hơn cả phát hiện thứ nhất. Bởi, chỉ thời gian ngắn sau đó, tôi có thể yêu ngay một cô bạn khác cùng lớp, trong khi cái mặc cảm làm thơ dở nó cứ ám ảnh, cứ dằn vặt tôi mãi.

Tôi bèn đọc thơ người khác. Đọc ngốn ngấu. Từ thơ cổ đến thơ hiện đại. Từ thơ Đông sang thơ Tây. Từ thơ hay đến thơ dở. Tôi ê a đến độ thuộc lòng *Truyện Kiều, Chinh phụ ngâm, Cung oán ngâm khúc*, cũng như vô số thơ của Xuân Diệu, Huy Cận, Nguyễn Bính, v.v... Tôi đọc với quyết tâm là tìm kiếm một bí quyết để làm thơ thật hay. Cái quyết tâm ấy không đẻ ra thơ mà lại đẻ ra những bài... phê bình thơ.

— Con đường đi vào văn học của anh đúng là lý thú, tuy nhiên, xin trở lại với câu nói của anh khi nãy, liên quan đến việc anh phát hiện ra trong kiến thức về văn học của anh có cái gì đó bất ổn...

— Rất nhiều thứ bất ổn. Chẳng hạn, một mặt, biết rất ít về tình hình lý luận văn học trên thế giới, mặt khác, lại thích khái quát hóa, thích rút ra những 'quy luật', những công thức này nọ. Đó là chưa kể cái khuynh hướng nhấn mạnh một cách quá đáng phần nội dung chính trị trong tác phẩm văn học.

— Có thể xem đó là những khuyết điểm chung của nền lý luận và phê bình văn học Việt Nam dưới chế độ cộng sản chăng?

— Vâng, cũng có thể. Tuy nhiên, xin nhớ một điều là tình hình phê bình và lý luận văn học ở ngoài khu vực do cộng sản thống trị cũng không khá hơn mấy đâu. Như thời 30-45 trong cả nước, hay thời 54-75 ở miền Nam, hoặc thời sau 75 ở hải ngoại. Cũng đầy dẫy những bất ổn. Chưa bao giờ nền phê bình và lý luận văn học Việt Nam thực sự trưởng thành.

— Nguyên nhân của tình trạng đáng tiếc đó là gì? Có phải tại người Việt Nam hay khinh thường giới phê bình lý luận qua kiểu nói đại để 'nhà phê bình là kẻ ký sinh, là người không có khả năng sáng tác' chăng?

— Có thể. Và cũng có thể nói là tại người Việt Nam chúng ta không có khiếu lắm trong lãnh vực lý thuyết. Chị để ý mà xem, không những trong lãnh vực lý thuyết văn học mà cả trong hầu hết các lãnh vực có tính chất lý thuyết khác, như triết học hay tôn giáo chẳng hạn, chúng ta cũng chả có đóng góp gì đáng kể.

— Tôi vẫn tò mò muốn biết anh nghĩ gì về nhận định quen thuộc của nhiều người, đặc biệt là giới văn nghệ sĩ thường nói, là các nhà phê bình là những nhà văn, những nhà thơ thất bại, sống bám vào tác phẩm của người khác.

— Nhận định ấy không phải không có lý do. Nếu được làm tác giả của *Truyện Kiều* thì chắc chắn là thú vị hơn làm tác giả của một cuốn sách phê bình về *Truyện Kiều* nhiều. Tuy nhiên, một điều chúng ta nên để ý là, trong lịch sử văn học của Việt Nam cũng như của hầu hết các quốc gia khác, số lượng những nhà phê bình lớn bao giờ cũng ít ỏi: điều đó chứng tỏ phê bình là một thứ tài năng không dễ có. Những nhà văn, những nhà thơ 'thất bại' ấy, khi đi vào lãnh vực phê bình, đã đạt được những thành tích rực rỡ mà ngay cả những nhà văn, nhà thơ thành công, cho dù cố gắng đến mấy, cũng chưa chắc đã thực hiện được. Dù sao, khái niệm 'thành công' hay 'thất bại' ở đây là một cái gì rất ư tương đối, bởi vì, theo tôi, hầu như nhà phê bình lớn nào cũng đồng thời là một nhà văn xuôi lớn. Hãy thử đọc lại cuốn *Thi nhân Việt Nam* của Hoài Thanh mà xem: chưa nói về phương diện cảm thụ hay nhận định về thơ, chỉ nói về phương diện diễn đạt mà thôi, tôi nghĩ, qua cuốn sách ấy, Hoài Thanh xứng đáng được xem là một trong vài người viết văn xuôi hay nhất của thời 30-45. Hiện nay, Nguyễn Đăng Mạnh ở trong nước và Đặng

Tiến ở hải ngoại cũng là những người viết văn xuôi rất hay.

— Tôi nhớ Chế Lan Viên có lần nói như thế này: một nhà văn, một nhà thơ chỉ cần học ba năm có thể trở thành một nhà phê bình; ngược lại, một nhà phê bình dù cho có học ba chục năm cũng không thể trở thành một nhà văn, một nhà thơ được.

— Quan niệm của Chế Lan Viên đúng trong khung cảnh sinh hoạt văn học tại Việt Nam. Ở Việt Nam, một nhà phê bình không thể sáng tác thành công, trong khi phần lớn các nhà văn, nhà thơ đều có thể kiêm nhiệm công việc phê bình. Hơn nữa, họ còn làm rất giỏi cái công việc họ kiêm nhiệm. Những bài viết của Nguyễn Tuân về văn xuôi, của Xuân Diệu, Chế Lan Viên và phần nào, Vũ Quần Phương về thơ hay hơn hẳn các bài viết cùng đề tài của các nhà phê bình.

Tuy nhiên, nhận định ấy chỉ đúng trong khung cảnh sinh hoạt văn học Việt Nam mà thôi: ở Việt Nam, phê bình văn học chỉ dừng lại ở mức cảm thụ hoặc bình giảng câu chữ, ở đó, các nhà văn, các nhà thơ có ưu thế hơn hẳn các nhà phê bình: họ có nhiều kinh nghiệm về chữ nghĩa hơn; họ thường nhạy bén hơn trong việc phát hiện cái hay, cái đẹp của văn thơ; cuối cùng, họ có khả năng diễn tả bay bướm hơn. Nói tóm, họ dễ dàng qua mặt giới phê bình thường chỉ là những anh nhà giáo cần cù nhưng lại thiếu tài hoa.

Quan niệm ấy sẽ trở thành khấp khểnh khi phê bình văn học đã trở thành một bộ môn 'khoa học' hay một lãnh vực học thuật với những kiến thức, những kỷ luật, những nguyên tắc, những thao tác trí thức riêng biệt. Ở Tây phương hiện nay, giới sáng tác không dễ dàng 'lấn sân' của giới phê bình như vậy. Lý do đơn giản là, khi phê bình văn học đã thực sự trưởng thành, nó có những 'luật chơi' riêng của nó, để bất cứ người nào muốn tham dự vào cuộc chơi cũng đều phải trải qua những cuộc huấn luyện nghiêm túc. Anh làm thơ hay ư? Mặc anh! Anh viết tiểu thuyết hay ư? Mặc anh! Muốn đi vào lãnh vực phê bình, anh phải chịu khó bắt đầu học từ những giáo trình nhập môn về các lý thuyết phê bình văn học trước đã. Mà chưa chắc anh đã hiểu các giáo trình ấy: ở đây là một trò chơi của óc duy lý, của khả năng phân tích, của các thuật ngữ phức tạp, rối rắm và mịt mùng chứ không còn là một trò chơi của trí tưởng tượng hay năng lực cảm xúc như trong lãnh vực sáng tác.

Khi nãy tôi có nói là: nếu có thể làm được tác giả của *Truyện Kiều* thì dĩ nhiên là hạnh phúc hơn hẳn cái việc làm tác giả một công trình phê bình về *Truyện Kiều*. Câu nói ấy rất ư tương đối. Viết phê bình mà như Mikhail Bakhtin viết về Dostoievsky, như Roland Barthes viết về tác phẩm của Balzac, Romam Jakobson và Claude Lévi-Strauss đọc thơ Baudelaire thì làm người phê bình chưa chắc đã kém thú vị hơn làm người sáng tác: công việc phê bình của họ cũng đầy tính chất sáng tạo.

— Tôi biết anh muốn nhấn mạnh đến khía cạnh duy lý của phê bình văn học, nhưng tôi vẫn không ngớt bị ám ảnh về bút pháp của anh. Theo tôi, trong hai cuốn sách viết về thơ trước đây, giọng văn của anh rất nhẹ nhàng, thơ mộng, như là một bài thơ. Trong cuốn Thơ, v.v... và v.v..., *ngoài cái chất thơ ấy, giọng văn của anh còn sắc sảo, đôi lúc dí dỏm, đôi lúc cay độc, quyết liệt, tàn nhẫn. Không biết anh nghĩ sao?*

— Nói về bút pháp cũng như nói về tính tình của mình là một điều tế nhị. Và khó khăn. Xin chị tha cho.

— Nhưng anh có thể cho biết một chút về những nguồn ảnh hưởng mà anh chịu chăng?

— Trong lãnh vực văn học, không có ai lại không chịu ảnh hưởng của người khác, tuy nhiên, thứ nhất, ảnh hưởng ấy thường diễn ra một cách âm thầm, từ trong vô thức; thứ hai, thường là từ lúc chúng ta còn nhỏ, chưa thực sự cầm bút; thứ ba, ở những người có cá tính tương đối mạnh, những ảnh hưởng ấy thường trộn lẫn vào nhau, tan hòa trên cái nền chung là cá tính của họ, những dấu vết vay mượn hay học tập, do đó, rất mờ, có khi ngay cả chính họ cũng không nhận ra.

— Vậy thì anh có thể nói về quá trình rèn luyện của chính anh trong việc viết lách được chăng?

— Trong công việc viết lách, nói đến rèn luyện chủ yếu là nói đến việc học tập. Dĩ nhiên, trước hết, là học từ văn chương của người khác. Khó tin được là có ai đó viết văn hay mà không từng đọc ai cả. Càng ngày văn chương càng giảm dần tính chất hồn nhiên, mộc mạc, kiểu ca dao trước kia, việc đọc càng trở nên cần thiết. Không phải ngẫu nhiên mà phần đông các nhà văn lớn của Âu Mỹ trong thế kỷ này đều là những triết gia, những học giả, hay những giáo sư nổi tiếng uyên bác. Cách viết tự phát, dựa trên bản năng, đã qua rồi.

Trong việc đọc sách, tôi là con vật tạp ăn. Tôi ngốn ngấu tất cả những gì rơi vào tay. Tôi đọc sách nhanh đến độ hầu như lúc nào cũng cảm thấy đói sách, khát sách, nhất là lúc còn ở Việt Nam. Tôi đọc thơ, đọc tiểu thuyết, nghiền ngẫm các sách lý luận, phê bình, khảo cứu và 'xơi' luôn cả truyện chưởng. Sau này, thì giờ ít, tôi tập trung vào một số lãnh vực, hoặc một số đề tài mình thích, mình cần, cũng như một số những tác giả mình tâm đắc chứ không còn lan man như trước nữa.

Qua việc đọc như thế, chắc thế nào tôi cũng chịu ảnh hưởng người này một tí, người kia một tí. Đó là điều không thể tránh được. Có điều, trong ý thức, tôi không ngừng 'tranh đấu' chống lại những tác giả ấy. Về một phương diện nào đó, có thể nói những tác giả mình yêu thích là những 'địch thủ', thậm chí là những 'kẻ thù' đáng sợ nhất: họ luôn luôn có khuynh hướng nghiền nát mình ra như bột để nắn lại thành một miếng bánh khác đúng với 'khẩu vị'

của họ. Để tránh những nguy cơ bị 'nghiền nát' như vậy, từ lâu, tôi cố học viết văn từ hai nguồn khác: thơ và châm ngôn. Văn của tôi, như chị vừa nói, hay như một số người khác cũng thường nói, hình như là có nhiều chất thơ. Chất thơ có lẽ nằm ở hình tượng và nhạc điệu của câu văn. Ngoài thơ, tôi còn bắt chước cách cấu trúc của những câu châm ngôn, danh ngôn. Tôi nghiệm ra một điều: những câu danh ngôn sở dĩ nổi tiếng, trở thành danh ngôn không phải là vì tư tưởng gì lớn lao hay mới lạ mà chủ yếu là vì cách diễn đạt gây nhiều ấn tượng, khắc sấu vào trí nhớ người đọc. Ví dụ, lâu lắm rồi, chắc hồi còn nhỏ, đang học trung học, tôi đọc đâu đó câu danh ngôn này: "Có một tật xấu mà không có một thiên tài nào mắc phải, đó là sự khiêm tốn", hay "Tôi không biết tâm hồn một tên vô lại ra sao, nhưng tôi biết tâm hồn của một chính nhân: thật tởm". Cứ tưởng tượng, thay vì diễn đạt như trên, người ta nói thế này: "Kẻ nào có tài cũng đều kiêu ngạo" hay "Tâm hồn ai cũng đáng tởm cả" thì chắc chả có ai nhớ. Cái hay của hai câu danh ngôn trên là ở cách diễn đạt. Chúng như có gai, có ngạnh. Đọc bằng mắt mà có cảm giác như câu văn đâm vào da, khứa vào thịt. Chúng buộc mình phải chú ý và có phản ứng: thích hay không thích, đồng ý hay không đồng ý. Chúng là những hồn ma không chịu siêu thoát, cứ lẩn quẩn hoài trong trí người đọc. Viết được những câu văn sắc cạnh như thế, thật thích.

— Từ kinh nghiệm rèn luyện bút pháp của anh, anh có thể rút ra được kinh nghiệm gì để viết văn hay?

Xin chị đừng hiểu lầm. Vừa rồi, tôi chỉ nói về kinh nghiệm rèn luyện ngòi bút của mình thôi, chứ không phải là cách thức làm sao viết văn hay. Rèn luyện cốt là để có một phong cách riêng, còn nó hay hay không lại là chuyện khác. Hơn nữa, cái hay trong văn học là điều tương đối. Thực tình thì tôi cũng chưa biết cách nào để viết văn hay. May ra, tôi chỉ biết cách để làm cho văn bớt dở.

Đối với người cầm bút, theo tôi, cái dở đáng sợ nhất là văn nhạt. Có hai nguyên nhân làm cho văn nhạt: thừa chữ và lặp ý. Để khắc phục, cần một biện pháp chung: cắt. Có lẽ người cầm bút nào cũng biết lời khuyên "nghệ thuật viết văn là nghệ thuật cắt bỏ", tuy nhiên, hình như rất ít người thực hiện được điều ấy. Người ta cứ sợ sự cắt bỏ sẽ làm hao hụt những điều người ta muốn gửi gắm.

Với bản thân mình, tôi luôn luôn tự dặn dò tôi: trong lãnh vực văn chương, không có ý tưởng nào thực sự quan trọng và cần thiết nếu nó không mới. Tham lam, cố giữ lại tất cả những ý tưởng không có gì mới mẻ, người ta phải trả một giá rất đắt là viết những câu văn nhạt thếch. Nhạt vì độn. Trong đời sống vật chất, có nhiều giai đoạn lịch sử, người Việt Nam buộc phải ăn độn; trong đời sống tinh thần, cho đến nay, hầu như chúng ta luôn luôn phải ăn độn: trên sách báo, giữa một vài thông tin tương đối mới mới, được được

thường là có vô số những thứ kiến thức cũ kỹ, trích từ sách giáo khoa cấp một, cấp hai, những kiến thức đã chuyển qua tay không biết bao nhiêu người, chúng mòn như là giẻ, chúng được nhét vào bài viết chỉ cốt lấp cho đầy trang; cứ mỗi một chữ tàm tạm lại cõng trên lưng nó hàng chục, hàng trăm chữ nhảm nhí, vô nghĩa.

— Trong lời 'Dẫn nhập' của cuốn Võ Phiến *vừa mới xuất bản, anh có viết là: sau khi nghiên cứu về Võ Phiến, anh "bỗng phát hiện một điều: một nhà văn lớn không những lớn mà còn giàu vô tận; mà không những giàu, họ còn có thể san sẻ sự giàu có của mình cho nhà phê bình: viết về họ thật thích, ngỡ như không bao giờ hết chuyện". Có thể xem đó là nhận xét chung của anh về quan hệ giữa nhà văn và nhà phê bình chăng?*

Vâng, ở một khía cạnh nào đó. Gần hai trăm năm nay, đặc biệt, gần một trăm năm nay, đã có vô số người viết về Nguyễn Du. Vẫn chưa hết chuyện. Và sẽ không bao giờ hết chuyện cả. Tôi nhớ mang máng, từ một tài liệu nào đó, là trung bình hằng năm trên thế giới có khoảng bốn, năm chục luận án tiến sĩ viết về Shakespeare. Cứ thế, hằng năm. Vẫn không hết chuyện. Chỉ có những tài năng lớn mới giàu có như thế.

Tuy nhiên, đó chỉ là một khía cạnh. Ở một khía cạnh khác, chúng ta cũng có thể nói ngược lại là, "một nhà phê bình lớn không những lớn mà còn giàu vô tận: họ có thể san sẻ cái giàu của họ cho các nhà văn, các nhà thơ". Cái giàu của một nhà văn, của một nhà thơ, một phần tùy thuộc vào số lượng và chất lượng tác phẩm của họ, phần khác, tùy thuộc vào số lượng và chất lượng của các công trình phê bình về họ. Mỗi nhà phê bình, bằng những cách diễn dịch mới của họ, làm cho nhà văn, nhà thơ có thêm một diện mạo mới. Số lượng những 'diện mạo' ấy càng nhiều, tầm vóc của nhà văn, nhà thơ càng trở thành lớn lao: đã giàu, họ càng giàu có hơn.

— Nghe anh nói về quan hệ giữa nhà văn và nhà phê bình như thế, tôi mới sực nhớ một nhận định của Hoàng Ngọc Hiến in trong cuốn Nhà văn Việt Nam chân dung tự họa, *tập 1, do Ngô Thảo và Lại Nguyên Ân biên soạn, Văn Học xuất bản tại Hà Nội năm 1995: "Viết phê bình để làm gì? Tôi viết phê bình để làm sáng giá và sang giá những tác phẩm tôi tâm đắc" (tr. 103). Không biết anh nghĩ sao về nhận định ấy?*

— Hoàng Ngọc Hiến là một nhà phê bình văn học không những thông minh, có tư tưởng mà còn biết viết văn. Ông luôn cố tìm cách cô đúc ý tưởng của mình vào một vài chữ có khả năng gây ấn tượng thật mạnh, mạnh đến nỗi ngay cả khi luận điểm của ông bị bác bỏ, các chữ ấy vẫn còn lại mãi, như những con dấu đóng vào thẻ căn cước của cái đề tài được bàn luận. Những chữ như 'chủ nghĩa hiện thực phải đạo', 'nền văn học âm tính', 'nền văn học dương tính'... là những ví dụ. Ở đây, cũng thế, tâm huyết của ông đổ dồn vào

chữ 'sang giá' và 'sáng giá'. Tôi cho tìm được chữ như thế là giỏi. Nhưng không đúng. Thứ nhất, khi cho nhiệm vụ của nhà phê bình là làm 'sang giá' và 'sáng giá' một tác giả hay một tác phẩm cụ thể nào đó tức là mặc nhiên chúng ta thừa nhận việc đánh giá sẽ là trung tâm của phê bình văn học. Có lẽ chính Hoàng Ngọc Hiến cũng thừa hiểu là điều này không chính xác. Trong phê bình văn học, còn nhiều công việc khác quan trọng và khó khăn hơn nhiều, chẳng hạn việc diễn dịch tác phẩm hay nhận diện bản sắc của tác giả: đây là những tiền đề để người ta có thể đánh giá đúng. Ở Việt Nam, cho đến nay, có lẽ không ai làm 'sang giá' hay 'sáng giá' *Truyện Kiều* cho bằng Phạm Quỳnh, người tìm được những cách nói chắc, mạnh và hay như châm ngôn, ví dụ "Một nước không thể không có quốc hoa, *Truyện Kiều* là quốc hoa của ta; một nước không thể không có quốc túy, *Truyện Kiều* là quốc túy của ta; một nước không thể không có quốc hồn, *Truyện Kiều* là quốc hồn của ta" hay "*Truyện Kiều* còn, tiếng ta còn; tiếng ta còn, nước ta còn". Giả dụ Nguyễn Du sống lại, tôi tin ông sẽ khoái những lời khen của Phạm Quỳnh hơn hết thẩy những lời khen khác. Tuy nhiên, dù dễ tính đến mấy, chúng ta cũng khó nói Phạm Quỳnh là một nhà phê bình giỏi, dù chỉ giới hạn trong *Truyện Kiều*. Trong trường hợp này, ông chỉ là một nhà văn giỏi chứ không phải là nhà phê bình giỏi. Ông không mang lại cho *Truyện Kiều* một ý nghĩa gì mới, một diện mạo gì mới: ông không thêm được gì vào những cái *Truyện Kiều* đã có. Ở phương diện này, tầm vóc và sự đóng góp của Nguyễn Bách Khoa, Nguyễn Văn Trung hay Phan Ngọc, v.v... lớn hơn Phạm Quỳnh nhiều.

Hơn nữa, ngay cả khi chúng ta đồng ý với Hoàng Ngọc Hiến, cho nhiệm vụ của nhà phê bình là làm 'sang giá' và 'sáng giá' tác giả và tác phẩm thì, tôi nghĩ, nhà phê bình nào thực hiện mỹ mãn điều này cũng chỉ là một tay phê bình gia hạng xoàng mà thôi. Một nhà phê bình lớn phải làm được một nhiệm vụ khác lớn hơn, đó là làm 'sang giá' và 'sáng giá' một quan niệm thẩm mỹ. Cái tài hoa vô song của Hoài Thanh qua cuốn *Thi nhân Việt Nam* không phải chỉ là việc làm rạng rỡ tên tuổi của một số người, như Thế Lữ, Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên hay Lưu Trọng Lư... mà là làm cho người đọc, trong một thời gian dài, suốt cả mấy chục năm, yêu mê yêu mệt Thơ Mới, coi Thơ Mới như là kiểu mẫu của thơ nói chung, tức là biến Thơ Mới thành một lý tưởng thẩm mỹ cho cả hai, ba thế hệ người Việt Nam.

Còn khó và quan trọng hơn cả việc làm 'sang giá' hay 'sáng giá' một quan niệm thẩm mỹ là công việc mở ra một cách đọc mới, để dựa vào đó, người ta có thể phát hiện ra những giá trị mới từ những tác phẩm cũ, tưởng đã mòn nát, không hứa hẹn một chút hương sắc nào nữa. Ở đây, nhà phê bình đã vượt biên từ lãnh địa phê bình thực hành sang lãnh địa lý thuyết. Tiêu biểu cho tầm phê bình này là những tên tuổi như Georg Lukács, Roman Jakobson, Roland Barthes, Freud, Jacques Derrida, Freud, Jacques Lacan, Edward Said, v.v... Họ đã thay đổi hẳn cách đọc sách, cách cảm thụ và phân tích văn

học của nhân loại: họ là những nhà phê bình lớn. Sau khi một nhà phê bình như thế xuất hiện, ở mỗi nước, người ta lại cảm thấy cần phải viết lại lịch sử văn học của nước mình.

— Anh vừa nhắc đến Hoài Thanh; anh nghĩ sao về cái việc nhiều người hay than thở là một khuyết điểm trầm trọng nhất trong nền văn học Việt Nam từ năm 45 đến nay, ở miền Nam cũng như ở miền Bắc, ở trong nước cũng như ở hải ngoại, là không có phê bình, là thiếu hẳn một Hoài Thanh và một Vũ Ngọc Phan?

— Tôi không chối cãi là ngành phê bình văn học Việt Nam từ năm 45 đến nay yếu, rất yếu. Tuy nhiên tôi cũng lại không thích mấy những lời than phiền ở trên vì hai lý do: thứ nhất, thấp thoáng đâu đó đằng sau lời than phiền ấy dường như có một hậu ý không được lành mạnh, nhằm mục đích phủ nhận những đóng góp của người cùng thời; hai là, quan trọng hơn, nó nâng công việc phê bình của Hoài Thanh và của Vũ Ngọc Phan lên thành một thứ mẫu mực, một thứ quy phạm mà mọi người phải noi theo, phải bắt chước.

Khi ca ngợi Hoài Thanh hay Vũ Ngọc Phan, người ta ít khi đề cập đến tài năng, quan điểm thẩm mỹ hay phương pháp phê bình của họ; người ta chủ yếu tuyên dương cách làm việc của họ: tổng kết tình hình thơ hoặc văn học nói chung trong suốt cả một thời kỳ, để qua đó, người đọc có thể biết được tác giả nào hay tác giả nào dở, v.v...

Với cách nhìn như vậy, khi người ta than phiền văn học đương đại không có phê bình, người ta muốn ám chỉ: chưa có một công trình phê bình nào tổng kết được những thành tựu văn học từ năm 45 đến nay như là cuốn *Thi nhân Việt Nam* của Hoài Thanh và Hoài Chân, cũng như bộ *Nhà văn hiện đại* của Vũ Ngọc Phan.

Tôi cho đó cũng chỉ là một thứ huyền thoại: huyền thoại về kiểu phê bình - tổng kết. Viết loại đó không khó, chỉ cần có nhiều thì giờ, cần cù và khả năng tổng hợp khá. Nó ít thử thách: để chọn ra vài chục cây bút xuất sắc nhất trong số một, hai trăm người tương đối có chút tiếng tăm, người ta được sự hỗ trợ của cả một cộng-đồng-phê-bình rộng lớn, từ giới phê bình chuyên nghiệp đến giới sáng tác và dư luận trong quần chúng độc giả nói chung. Ít thử thách, nhưng nó lại chứa đựng đầy nguy cơ: thứ nhất, nó ít hứa hẹn một phát hiện gì mới mẻ; thứ hai, chắc chắn là nó sơ lược và đơn giản. Với trình độ hiểu biết về văn học hiện nay, người đọc đòi hỏi ở một nhà phê bình văn học nhiều hơn là những nhận xét chung chung về một tài năng, một phong cách như Hoài Thanh hay Vũ Ngọc Phan đã làm trước đây. Không phải ngẫu nhiên mà ở Tây phương hiện nay, tác giả của những cuốn sách phê bình có tính chất tổng kết như thế thường là các giáo sư đại học và các nhà phê bình hạng hai, hạng ba, những người ít có tài năng gì đặc biệt.

— Nhưng dù sao thì anh cũng thừa nhận là từ năm 45 đến nay, phê bình văn học của Việt Nam, ở cả hai miền Nam và Bắc, ở trong nước cũng như ở hải ngoại, vẫn còn nghèo và yếu.

Ai cũng thấy thế. Nhưng nếu vì thế mà đổ tội cho các nhà phê bình là oan cho họ. Ở các nước phát triển cao, hoạt động phê bình văn học có vẻ rầm rộ, sôi nổi và đầy hiệu quả là vì nó có nhiều hình thức, nhờ đó, thu hút sự tham gia của rất nhiều người từ nhiều giới khác nhau. Chủ yếu là có bốn hình thức chính. Thứ nhất là phê bình báo chí, tiêu biểu nhất là các bài điểm sách, các bài tựa và các lời bạt, thường là ngắn, nhằm giới thiệu một số đặc điểm nổi bật nhất về nội dung hay hình thức của một tác phẩm cũng như một vài ấn tượng ban đầu mà tác phẩm ấy gợi lên trong tâm trí người đọc. Thứ hai là phê bình học thuật thường thấy trong các công trình nghiên cứu văn học sử: nó vốn là lịch sử, tuy nhiên, vì là lịch sử văn học chứ không phải là lịch sử của cái gì khác, nó đòi hỏi người viết một khả năng phán đoán, tức một khả năng phê bình nhất định để ít nhất có thể phân biệt tác phẩm lớn và tác phẩm nhỏ, tác giả có tài năng và những tác giả chỉ biết nhai lại. Thứ ba là phê bình thực hành nhắm vào việc phân tích, diễn dịch, cảm thụ và / hoặc đánh giá một tác giả hoặc một tác phẩm nào đó. Cuối cùng là phê bình lý thuyết: đối tượng phê bình ở đây không phải là một tác giả hay một tác phẩm mà là những sự phê bình về tác giả hay tác phẩm ấy cũng như chính bản thân của công việc phê bình hay công việc viết lách nói chung.

Ở các nước khác, ngoài những nhà phê bình chuyên nghiệp hoạt động chủ yếu ở hai hình thức cuối, người ta còn có một lực lượng cực kỳ đông đảo những người thường xuyên hoặc thỉnh thoảng tham gia vào hai hình thức phê bình đầu. Đó thường là các nhà văn, các nhà thơ hoặc là các nhà báo, các nhà giáo, nhiều nhất là các nhà giáo ở đại học: phần lớn các bài điểm sách đăng trên báo hoặc các tạp chí văn học, cũng như các công trình nghiên cứu có tính chất lịch sử về văn học là do giới này viết. Ở Việt Nam, ngược lại, hai hình thức phê bình này rất yếu. Số người tham gia đã ít, số người có chút học thức vững vàng, có óc phán đoán hay thẩm thức tương đối khá lại càng ít. Nguyên nhân gây ra cái yếu này, như vậy, rất dễ thấy, chính là hệ thống giáo dục. Muốn nâng cao trình độ phê bình, phải bắt đầu ở giáo dục.

— Ở Việt Nam, rất ít khi tôi nghe nói đến hình thức phê bình lý thuyết...

Kể ra, nó cũng khá mới. Vào cái thời của Hoài Thanh và Vũ Ngọc Phan, cái thời hồn nhiên, người ta có thể tin tưởng vào nhiều điều: kẻ thì tin vào trực giác của mình, vào tài năng thiên phú của mình, kẻ thì tin vào khoa học, vào các phương pháp gọi là khách quan và hiệu nghiệm của khoa học, và tất cả đều tin tưởng vào văn học: nó đẹp, nó có ý nghĩa, nó bộc lộ tâm hồn và thể hiện cá tính của văn nghệ sĩ, hơn nữa, họ tin là có một lý tưởng thẩm mỹ chung nhất và phổ quát: cái gì là đẹp thì sẽ đẹp với mọi người, mọi nơi, mọi lúc. Mãi

đến sau này, cuối thập niên 50 và đầu thập niên 60, Nhất Linh còn nói đến yếu tố vượt thời gian và vượt không gian của những tác phẩm lớn là vì thế. Ngày nay, những sự tin tưởng như thế đều bị lung lay: chúng ta không có lý do gì để tin chắc vào trực giác thẩm mỹ của mình cả, ngay cái gọi là thẩm mỹ, quan điểm thẩm mỹ và lý tưởng thẩm mỹ cũng là những cái đáng ngờ. Chúng ta phê bình người khác mà lại cứ phập phồng, bất an, hoài nghi cả cái tiêu chuẩn và phương pháp mình sử dụng. Phê bình văn học, bởi vậy, không thể không gắn liền với lý thuyết văn học: tại Hoa Kỳ, người ta có kinh nghiệm này từ sớm, bởi vậy, mặc dù một số học giả lớn tiếng đòi có sự phân biệt rạch ròi giữa ba khái niệm 'phê bình', 'lý luận' và 'văn học sử' như là ba bộ phận khác nhau của ngành nghiên cứu văn học, đại đa số các học giả Hoa Kỳ và Anh vẫn khăng khăng dùng chữ 'phê bình' chung cho cả ba bộ phận ấy, đặc biệt là hai bộ phận đầu, phê bình và lý luận.

— *Khi nãy, tôi có trích một ý kiến của Hoàng Ngọc Hiến in trong cuốn* Nhà văn Việt Nam, chân dung tự họa. *Cũng trong cuốn sách ấy, Hồng Diệu nêu lên một số châm ngôn của ông trong công việc phê bình văn học: "Tôi nghĩ, đã phê bình, cách viết có thể tùy, nhưng phải có chính kiến, phải khen chê rõ ràng, thẳng thắn, phải tìm ra những cái mới dù ít hay nhiều, phải giản dị hóa những điều phức tạp và không bao giờ được phức tạp hóa những điều giản dị" (tr. 55). Quan niệm của Hồng Diệu có lẽ cũng là quan niệm của nhiều người Việt Nam. Chúng ta cũng đã từng nghe nhiều người nói tương tự như thế. Những quan niệm ấy có vẻ như trái ngược hẳn quan niệm anh vừa trình bày. Không biết anh nghĩ sao?*

— Về điểm nhà phê bình 'phải có chính kiến, phải khen chê rõ ràng' thì ít nhiều tôi đã trình bày khi nhắc đến câu nói của Hoàng Ngọc Hiến. Đáng để ý hơn là về sau 'phải giản dị hóa những điều phức tạp và không được phức tạp hóa những điều giản dị'. Thú thực, tôi không thích cái câu nói ấy lắm. Thứ nhất, như chị vừa nói, cái ý ấy không mới, nó khá quen thuộc, nhưng ở đây, nó lại được diễn đạt một cách nghiêm trọng, chắc nịch, hơi hơi khệnh khạng, kiểu như phán quyết chung thẩm một vấn đề. Thứ hai, lời phán quyết ấy sai. Nếu trong cuộc sống, để cho đỡ vất vả, thỉnh thoảng người ta khuyên nhau như thế, thì trong lãnh vực khoa học, tuyệt đối không nên biến một quan niệm như thế thành một nguyên tắc vì lý do là, trong khoa học, không có cái gì có thể được xem là thực sự 'giản dị': tất cả đều có thể bị nghi vấn, bị đặt thành vấn đề. Riêng ở Việt Nam, lại càng không nên khinh thường những cái gọi là 'giản dị'. Chỉ giới hạn trong phạm vi văn học mà thôi, có vô số những điều chúng ta tưởng là 'giản dị' thực ra là vô cùng phức tạp, từng là đề tài tranh luận của các chuyên gia lỗi lạc trên thế giới suốt cả thế hệ hay cả thế kỷ mà vẫn chưa tìm ra một giải đáp nào được coi là thỏa đáng. Tất cả mọi vấn đề liên quan đến lý thuyết văn học, chẳng hạn, rộng thì có các vấn đề như

định nghĩa văn học, chức năng của văn học, các thể loại văn học, các đặc điểm khu biệt văn học và các ngành nghệ thuật khác, v.v...; hẹp hơn một chút thì có các vấn đề như thực chất của tác phẩm, của tác giả, quan hệ giữa tác giả và tác phẩm, giữa tác phẩm và người đọc, v.v... đều là những trường hợp như thế. Nói cho cùng, ví dụ chỉ giới hạn trong một bài thơ cụ thể nào đó, chúng ta cũng không thể xem bất cứ một từ, một chữ nào trong đó là 'giản dị', là không cần 'phức tạp hóa', vì lý do là không có gì chắc là chúng ta đã hiểu trọn vẹn từ ấy, chữ ấy. Dẫu bỏ hết cả đời chúng ta cũng chưa chắc đã giải thích nổi tất cả những huyền nhiệm của một từ, một chữ.

Bất cứ người nào đọc sách nghiên cứu hay lý luận văn học của Tây phương nhiều, hẳn cũng đều nhận thấy một điều: hầu như với bất cứ một vấn đề gì, một khía cạnh gì, cho dù 'nhỏ' đến đâu, cũng có kẻ bàn luận cặn kẽ trong nguyên cả một cuốn sách dày cộm hàng mấy trăm trang. Mà vấn đề vẫn còn để ngỏ. Để người khác lại bàn tiếp trong hàng loạt các cuốn sách khác, cuốn nào cũng dày cộm, cũng chật cứng tư liệu và ý tưởng. Nhìn lại Việt Nam, chúng ta không khỏi xót xa: cái gì chúng ta cũng chỉ bàn lớt phớt, qua loa trong vài dòng, vài đoạn. Chúng ta không thể không thừa nhận là khả năng phân tích của chúng ta yếu. Mọi vấn đề học thuật dù phức tạp đến mấy so với giới học giả thế giới, khi du nhập vào Việt Nam, đều bị biến thành những khái niệm đơn giản đến ấu trĩ, ở đó, người ta chỉ cần 'phán' ra vài câu là tất cả đều được sáng tỏ. Mà có lẽ không phải chỉ trong lãnh vực văn học mới như thế. Tôi ngờ là trong các ngành khoa học xã hội khác, tình trạng cũng tương tự.

Trong tình hình như vậy, chưa phải lúc chúng ta sợ sự 'phức tạp hóa' đâu. Hơn nữa, chỉ khi có thật nhiều người tập được thói quen 'phức tạp hóa' ấy thì cái bệnh 'giản dị hóa' di truyền của dân tộc chúng ta may ra mới được chữa khỏi, lúc ấy, văn học và các ngành khoa học xã hội khác của chúng ta mới có hy vọng phát triển tốt đẹp được.

— Anh dùng chữ 'bệnh di truyền' có nặng lắm không?

Chắc là không đâu, chị ạ. Ở Việt Nam, trước đây, người ta hay nói đến hiện tượng 'bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa', tiến thẳng từ chế độ phong kiến lên chế độ xã hội chủ nghĩa của nước ta. Đã có nhiều người phân tích hiện tượng ấy về phương diện chính trị. Tôi tiếc là chưa có ai phân tích về phương diện văn hóa. Tôi cho là hiện tượng Việt Nam chưa bao giờ trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa như các quốc gia khác là một sự thiệt thòi lớn lao. Bởi vì nếu chủ nghĩa tư bản đồng nghĩa với sự chuyên môn hóa, chuyên biệt hóa, duy lý hóa, trần thế hóa, cá nhân hóa, và bao nhiêu cái 'hóa' khác nữa, thì cái việc Việt Nam chưa bao giờ thông qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa cũng có nghĩa là trong đời sống tinh thần và trí thức của người Việt Nam có cái gì đó bị hụt hẫng, không trọn vẹn. Nó cứ ở mãi

trong tình trạng nghiệp dư, đại khái chủ nghĩa, cái gì cũng phơn phớt, gọi là. Không có gì là chuyên sâu cả. Không bao giờ đi đến tận cùng một cái gì cả.

Từ cả thế kỷ nay, Việt Nam lúc nào cũng ở trong giai đoạn hiện đại hóa nhưng lại chả bao giờ thực sự hiện đại hóa cả. Đầu thế kỷ, nỗ lực hiện đại hóa chỉ dừng lại ở mức cổ vũ nhau học chữ quốc ngữ, cắt tóc ngắn, và mặc tây phục, thế thôi. Bước sang thập niên 30, mới có khuynh hướng tập tành thói quen duy lý hóa, rõ nhất là trong *Mười điều tâm niệm* của Hoàng Đạo và một số công trình phê bình của Trương Tửu (Nguyễn Bách Khoa). Chưa đi đến đâu, đệ nhị thế chiến đã bùng nổ, rồi cách mạng, rồi kháng chiến, tất cả đều bị gác lại để mọi người an tâm trở về chỗ đứng truyền thống của dân tộc mình: yêu nước, yêu độc lập, sẵn sàng xả thân vì... 'đạo'. Gần đây, thời mở cửa, tiếp xúc với Tây phương, người ta lại bắt đầu đặt vấn đề duy lý hóa. Nhưng cũng chỉ mới thậm thụt bắt đầu.

— *Bây giờ, xin trở lại với cuốn sách về thơ của anh mới xuất bản, tôi hơi thắc mắc về cái tựa sách. Tại sao lại là* Thơ, v.v... và v.v...*?*
— Bùi Giáng có mấy câu thơ thế này:

Niềm vui cố quận điệp trùng
Nhị Nùng Hương Ngự Cửu Long Khúc Trà
Thu Bồn etcetera

Tôi rất thích chữ 'etcetera' ấy: nó được dùng một cách lạ lùng. 'Etcetera' là vân vân. Chữ vân vân, dưới dạng viết tắt là v.v... một lần được Viên Linh sử dụng tài tình trong mấy câu thơ:

Ba sinh hương lửa có gần
Gửi em đầy đủ
Tâm
Thân
Ý
Lời
Gửi em tiếng khóc câu cười
Văn Chương. Hạnh Phúc. Cuộc Đời, v.v...

Chữ 'v.v...' thật xuất thần. Nó rất lạ: có lẽ trong thơ ca Việt Nam chưa bao giờ có chữ 'v.v...' nào lại nằm ở cái vị trí chênh vênh, cheo leo, ngặt nghèo đến vậy. Nó nằm ở cuối câu. Câu ấy nằm ở cuối bài. Nó xuất hiện ở dạng viết tắt, ngắn ngủi, nhỏ nhoi, đứng kế liền, sát bên cạnh những 'Văn Chương, Hạnh Phúc, Cuộc Đời' được viết hoa, to lớn, uy nghi. Nhưng, nói như Đỗ Quý Toàn, trong cuốn *Tìm thơ trong tiếng nói*, nó làm cho các tiếng long trọng như 'Văn

Chương, Hạnh Phúc, Cuộc Đời'... bỗng nhẹ thênh (tr. 258-9).

Hai chữ 'v.v...' ấy cứ ám ảnh tôi mãi. Lâu lâu, tôi lại lẩm nhẩm đọc thầm. Chủ yếu là để nghe cái âm vang nhiệm màu của hai chữ 'v.v...' ở cái vị trí lất lẻo ấy. Rồi một hôm, tôi chợt nẩy ra ý nghĩ: giá mà hai chữ 'v.v...' ấy xuất hiện ngay ở bìa sách, chắc là đẹp mắt lắm. Ý nghĩa ấy nảy ra ngay giữa lúc tôi vừa mới viết xong các chương 'Huyền thoại về một nước thơ', 'Thơ Con cóc', v.v... Tôi tự hỏi: Tại sao không thử ngay trong cuốn sách mình đang viết nhỉ?

Ừ, thì Thơ, v. v... Tại sao không chứ? Có phải, khi không thể kể hết điều gì, chúng ta vẫn hay dùng chữ 'vân vân'? Thì với thơ, tôi có kể hết được gì đâu? Năm 87, 88, lúc đang viết cuốn *Tìm hiểu nghệ thuật thơ Việt Nam*, tôi nghĩ đó sẽ là cuốn sách duy nhất của mình về thơ. Viết xong, chắc lại phải loay hoay tìm một đề tài gì khác. đến lúc viết xong, tôi lại ấm ức, thấy còn bao nhiêu điều khác mình chưa đề cập, do đó, tôi viết tiếp cuốn *Nghĩ về thơ.* Khi bắt đầu, tôi cũng nghĩ đó là cuốn sách cuối cùng của tôi về thơ. Tôi không tin là sau cuốn sách ấy, mình còn có thể viết thêm được điều gì nữa. Nghĩ thế, nhưng rồi, khi cuốn sách thứ hai ấy hoàn thành, tôi mới phát hiện một điều là hình như tôi vẫn chưa nói được gì về thơ cả. Tôi biết là thế nào tôi cũng sẽ viết thêm về thơ. Tuy nhiên, sau đó, tôi bàn chuyện này chuyện nọ, mãi đến năm 94, tôi mới bắt đầu viết về thơ lại. Khác với những lần trước, lần này, ngay từ lúc bắt đầu, tôi đã biết là sẽ có vô số điều về thơ mình không thể nói hết, bàn hết được. Cho nên, tôi nghĩ đặt tựa cuốn sách là *Thơ, v.v... và v.v...* chắc là thích hợp. Như một lời hứa hẹn là câu chuyện về thơ sẽ còn dài dài. Cho đến nay thì tôi biết chắc chắn là cả đời tôi, tôi sẽ tiếp tục viết về thơ, tiếp tục bàn về thơ.

Còn lý do nữa: theo kinh nghiệm của tôi, khi nói về thơ, chúng ta luôn luôn nói về một cái gì khác, có khi chưa chắc đã là thơ. Nếu quá nhấn mạnh vào khía cạnh ngôn ngữ, chúng ta sẽ sa đà vào ngôn ngữ học; nếu quá nhấn mạnh vào khía cạnh nội dung tư tưởng của thơ, chúng ta rất dễ sa vào lãnh vực triết học, đạo đức, hoặc chính trị; nếu quá nhấn mạnh vào tác giả, chúng ta lại huyên thuyên về lịch sử hay về xã hội học, v.v... Viết về thơ, chúng ta luôn luôn đối diện với nguy cơ bị lạc đề. Trong các bộ môn khác, không có hiện tượng ấy. Bất chấp nội dung là chống cộng hay bênh vực cho cộng sản, một cuốn sách về chính trị vẫn là một cuốn sách chính trị. Nhưng hai cuốn sách cùng viết về thơ, có khi một cuốn là thực sự về thơ, là lý luận văn học, trong khi cuốn kia chỉ là sách chính trị. Bởi vậy, chúng ta có thể nói, thơ là một cái gì bất định ngay từ trong bản chất: chúng ta nói về thơ trong cái tâm trạng phập phồng là chưa chắc cái điều mình nói về ấy là thơ thực sự. Trong ý nghĩa này, nhan đề *Thơ, v.v... và v.v...* diễn tả một sự hoài nghi, phân vân.

— *Trong cuốn* Thơ, v.v... và v.v..., *anh chứng minh bài 'Thơ Con cóc' là một bài thơ hay. Có thực anh nghĩ đó là một bài thơ hay?*

— Nhiều người cũng hỏi tôi câu tương tự. Ngay chính tạp chí Hợp Lưu, trong những lần nhắc đến bài 'Thơ Con cóc' của tôi, nhắc một cách ưu ái, chủ yếu là để khen ngợi, đều cẩn thận chú thêm là: tôi dùng bài 'Thơ Con cóc' như một cái cớ để tôi nói cái này, nói cái nọ. Tôi hiểu thâm ý của người chủ trương tạp chí Hợp Lưu: anh ấy cũng không tin là tôi cho bài 'Thơ Con cóc' là một bài thơ hay thật.

Thật tình, cái chuyện bài 'Thơ Con cóc' hay thật hay không hay, với tôi, chả quan trọng gì cả. Nhưng chính thái độ dè dặt của người chủ trương tờ Hợp Lưu cũng như câu hỏi mà nhiều người hay đặt ra với tôi, là 'anh có nghĩ là bài 'Thơ Con cóc' hay thật hay không' lại là một vấn đề. Làm như người ta không thể nào tin được là tôi có thể cho 'Thơ Con cóc' là hay. Làm như người ta không thể tin - đừng nói gì là chấp nhận - được cái sự kiện bài 'Thơ Con cóc' có thể là một bài thơ hay.

Hai chữ 'không thể' ấy là một vấn đề. Tại sao 'Thơ Con cóc' lại không thể là một bài thơ hay? Cho 'Thơ Con cóc' không thể là một bài thơ hay, người ta, một cách có thể là vô ý thức, căn cứ vào một định nghĩa về thơ hay có sẵn của họ. 'Thơ Con cóc' không thể là bài thơ hay vì 'Thơ Con cóc' không hợp với cái định nghĩa về thơ hay của họ.

Chính ở đây, tôi muốn đặt dấu hỏi: cái định nghĩa về thơ hay ấy có thực sự chính xác hay không? Người ta căn cứ vào đâu để xây dựng cái định nghĩa về thơ hay ấy? Câu trả lời có lẽ tương đối dễ: đó là vì thói quen. Một định nghĩa về cái hay, cái đẹp, thật ra, chỉ là một thói quen. Mà đã là một thói quen thì nó không thể được coi là một tiêu chuẩn đáng tin cậy được vì ít nhất hai lý do: một là, thói quen, tự bản chất, là cái gì cứ thay đổi mãi; hai là vì thói quen vốn gắn liền với quá khứ: lấy quá khứ để đánh giá thơ vốn là một cái gì không ngừng vận động, không ngừng thay đổi, không ngừng đổi mới thì rõ ràng là một việc phiêu lưu, hơn nữa, đứng về phương diện phương pháp luận, nó hoàn toàn sai.

Như vậy, điều tôi muốn chứng minh không phải là 'Thơ Con cóc' là một bài thơ hay mà là: 'Thơ Con cóc' *có thể* là một bài thơ hay. Dĩ nhiên, nó cũng *có thể* là một bài thơ dở. Nhưng, nếu trước đây người ta chỉ cần phán 'Thơ Con cóc là một bài thơ dở, cực dở, dở nhất Việt Nam' một cách an toàn tuyệt đối, thì hiện nay, khi muốn chê 'Thơ Con cóc' là một bài thơ dở, người ta lại phải chứng minh là nó dở thật. Chứng minh đúng hay sai, thuyết phục hay không thuyết phục là chuyện khác. Điều quan trọng là: người ta bị đẩy vào cái thế đầy nghịch lý là phải chứng minh một bài thơ xưa nay họ vẫn cho là dở là dở thật. Điều đó có nghĩa là ngay cả những cái có vẻ như hiển nhiên nhất cũng có thể bị đặt thành nghi vấn.

— *Rồi nó sẽ đi đến đâu?*

— Đến nhiều chuyện. Như tôi đã phân tích trong cuốn *Thơ, v.v... và v.v...*

Chẳng hạn, nó buộc chúng ta phải nhìn lại vấn đề bản chất của thơ, vấn đề ý nghĩa của thơ, vấn đề quan hệ giữa thơ và người đọc thơ. Nó cũng đặt lại cả vấn đề phê bình thơ hay phê bình văn học nói chung.

— Điều tôi thắc mắc là nếu tất cả mọi chuyện đều có thể bị đặt thành nghi vấn, ngay chính công việc phê bình cũng bị đặt thành nghi vấn, thì liệu người ta có còn cần phê bình nữa hay không?

— Cần chứ. Hơn nữa, chính vì thế cho nên người ta càng cần đến tiếng nói của nhà phê bình. Trong một xã hội ổn định, mọi tiêu chuẩn đạo đức, chính trị, văn hóa, văn học... Đều rõ ràng, cố định, người ta mới không cần nhà phê bình. Thời phong kiến, khi đạo trung quân là đạo cao nhất, khi quan điểm 'văn dĩ tải đạo' là phương châm duy nhất, người ta không cần nhà phê bình. Thơ hay, thơ dở; thơ đúng, thơ sai, tất cả đều lồ lộ, ai cũng thấy. Dưới chế độ cộng sản, đặc biệt lúc nó còn nghiệt ngã, người ta cũng không cần nhà phê bình. Dựa theo bảng giá trị của chế độ, 'trong thơ phải có thép/Nhà thơ cũng phải biết xung phong', ai cũng dễ dàng đánh giá thơ. Đó là lý do tại sao ở miền Bắc trước đây, hầu như tên cán bộ chính trị nào cũng có thể nhảy ra làm 'nhà phê bình văn học' được.

Chỉ ở những thời mà lý tưởng thẩm mỹ bị chao đảo, mọi người đều hoang mang trước cái hay và không hay, cái đẹp và không đẹp, người ta mới thực sự cần đến nhà phê bình. Nhất là ở thời này. Nhất là ở các quốc gia Tây phương: số lượng sách báo ra đời mỗi ngày một ào ạt. Không có người đọc bình thường nào có thể theo dõi được hết lượng sách mới ra: mọi cặp mắt đều đổ dồn vào các nhà phê bình.

— Đó là chuyện ở các quốc gia Tây phương, còn ở Việt Nam thì sao?

— Rồi cũng sẽ như thế. Hiện nay, thứ nhất, số lượng sách bằng tiếng Việt chưa nhiều; thứ hai, phong cách viết văn làm thơ của chúng ta cũng chưa thật đa dạng; và thứ ba, phần đông chúng ta chỉ đọc để giải trí chứ chưa phải để thỏa mãn một nhu cầu thẩm mỹ, do đó, không cần chọn đúng sách hay, và do đó, không cần sự hướng dẫn của các nhà phê bình. Nhưng hiện tượng ấy dứt khoát rồi sẽ qua.

— Khi chứng minh 'Thơ Con cóc' là một bài thơ hay, hay người Việt Nam không hề yêu thơ, cũng như khi đưa ra nhiều ý kiến mới mẻ khác về thơ hay về văn học Việt Nam nói chung, anh có bao giờ nghĩ là quan điểm của anh có thể sai hay không? Anh có sợ không?

— Có chứ. Nhưng vấn đề chính là nên sợ cái kiểu sai gì. Trong lãnh vực phê bình văn học, người ta có thể vấp phải một số kiểu sai ở những mức độ trầm trọng khác nhau. Thứ nhất là lỗi về kiến thức: đây là loại lỗi sơ đẳng nhất, dễ tránh và cũng dễ sửa chữa nhất. Thứ hai là về lý luận: khó và phức

tạp hơn loại trên nhưng dù sao cũng dễ thấy và dễ sửa. Chỉ cần chút óc duy lý và chút tỉnh táo. Thứ ba, lỗi về phương pháp luận là loại lỗi người ta dễ mắc phải nhất; tuy nhiên tránh loại lỗi này cũng không quá khó, chỉ cần chút công phu nghiên cứu. Cuối cùng là lỗi về cách đánh giá, ví dụ khen một nhà văn tồi mà lại chê một người có tài hoa thật, v.v... Loại lỗi này rất khó chứng minh, trước hết nó lệ thuộc vào quan điểm thẩm mỹ, sau nữa, đôi khi nó cần thời gian xét xử mới biết ai sai ai đúng.

Ngoài bốn loại trên, theo tôi, trong lãnh vực văn học nghệ thuật, còn một cái sai khác nữa, riêng tôi, tôi rất hãi: không nói được cái gì mới. Bốn cái sai trên có thể có nhiều cách sửa chữa, riêng cái sai sau cùng này thì chỉ có một cách sửa chữa duy nhất: đừng viết nữa.

— *Đọc cuốn* Thơ, v.v... và v.v..., *tôi thấy rõ là anh trăn trở, anh dằn vặt, anh bực bội về hiện tượng trì trệ của thơ Việt Nam lâu nay, không biết có đúng không ạ?*

— Ai quan tâm đến thơ mà lại không cảm thấy xót xa trước tình trạng nghèo nàn của thơ Việt Nam lâu nay.

— *Anh có tin là cuốn sách của anh sẽ có ảnh hưởng gì đến công cuộc vận động đổi mới thơ hiện nay?*

— Nên khiêm tốn. Số lượng người đọc sách biên khảo, lý luận văn học không nhiều đâu, chị ạ.

— *Có một vấn đề thế này: giả dụ có một số người phục anh, tin anh, muốn đọc những bài thơ được sáng tác theo lối mới theo sự cổ vũ của anh, thế nhưng, nếu họ không thể hiểu và không thể cảm những bài thơ ấy thì họ phải làm sao?*

Thì thôi. Chả ai ép được ai cả, kể cả chuyện ép buộc chính mình. Chỉ có điều là: nếu anh / chị không hiểu, không cảm những bài thơ mới ấy thì anh / chị đừng đọc chúng nữa; hoặc nếu muốn, anh / chị có thể vứt chúng vào thùng rác. Tùy. Nhưng anh / chị không được lên án cả cái lối làm thơ như thế. Lý do đơn giản là anh / chị cần phải biết điều: cái chuyện anh / chị hiểu hay không hiểu, cảm hay không cảm không phải là tiêu chuẩn để đánh giá thơ. Cũng như, anh / chị có thể mê sáu câu vọng cổ hơn là nhạc giao hưởng, mê tranh minh họa trong các truyện có hình vẽ cho nhi đồng hơn tranh Picasso: tùy ý. Nhưng anh / chị lại không có quyền nằng nặc bắt người khác phải đồng ý với mình là vọng cổ hay hơn nhạc giao hưởng, tranh minh họa đẹp hơn các loại tranh trừu tượng, vô hình thể với lý do là chúng 'dễ hiểu' hơn.

— *Nhưng nếu nói thế thì những người không hiểu, không cảm được lối thơ mới sẽ vĩnh viễn không hiểu, không cảm được. Vậy thì đến lúc nào lối thơ mới ấy mới được chấp nhận?*

— Chữ 'chấp nhận' ấy rất mơ hồ. Trong lãnh vực văn học, thế nào là 'chấp nhận'? Và ai chấp nhận? Quần chúng ư? Thật ra, người ta hay nói đến quần chúng, nhưng văn chương nghệ thuật thành văn từ xưa đến nay bao giờ cũng là chuyện của một thiểu số. Xưa, là các nho sĩ; sau này là tầng lớp trí thức hoặc nửa trí thức, thường ở thành thị. Chúng ta mới nhắc đến Picasso: ở Tây phương, liệu có mấy người dân bình thường thưởng thức được tranh của Picasso? Rộng hơn, có mấy người đọc nổi Tolstoi, Dostoievsky, Sartre, Camus, Hemingway, Faulkner...? Mà đó là những tác giả thuộc loại cổ điện, xưa lắm rồi đấy.

Tuy nhiên, để tránh 'phức tạp hóa' vấn đề, chỉ dừng lại ở cách hiểu đại khái, quen thuộc, 'truyền thống' của dân Việt Nam chúng ta thì tôi có thể trả lời lạc quan thế này: Vấn đề là thời gian. Tại sao một số khá đông người dân Âu Mỹ có thể hiểu được tranh Picasso, có thể cảm được nhạc giao hưởng? Chắc chắn không phải tại họ thông minh hơn chúng ta. Lý do là họ được giáo dục trong cái hệ thẩm mỹ gần gũi với loại tranh vô hình thể và loại nhạc không lời.

— *Vậy thì vai trò của phê bình và lý luận sẽ trở nên vô cùng cần thiết?*

— Có lẽ thế.

— *Cuối cùng, anh có thể cho biết với những quan điểm về thơ, về văn học được trình bày trong cuốn* Thơ, v.v... và v.v..., *anh thuộc trường phái nào trong những khung lý thuyết phê bình văn học trên thế giới hiện nay?*

— Tôi không biết. Tôi chỉ thực sự tìm hiểu sâu và tương đối có hệ thống các lý thuyết phê bình văn học phương Tây khá muộn, sau khi đã xuất bản hai cuốn sách về thơ và một cuốn sách tổng kết tình hình văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa. Lúc ấy, thứ nhất, tôi đã quá già, hơn nữa, lại có chút tự hào là mình đã là tác giả, là nhà phê bình văn học, do đó, khó mà chấp nhận làm đồ đệ của một người nào, cho dù đó là một tên tuổi lớn trên thế giới. Thứ hai, dẫu tôi có muốn làm môn đồ của ai thì cũng chưa chắc đã được: đầu óc tôi đã mất trinh tiết từ lâu, đã chung chạ với vô số các luồng tư tưởng khác nhau, đâu dễ gì ngày một ngày hai có thể đào thải tất cả kiến thức cũ của mình để thu nhận một hệ thống tư tưởng nào mới lạ. Cuối cùng, tính tôi vốn bướng bỉnh, tôi luôn luôn đọc sách với tâm thế của một người gây gổ, gây hấn, thích cãi cọ với tác giả để tìm kiếm một cách nhìn, một cách lý giải riêng của mình. Bởi vậy, hình như cái khung lý thuyết tôi dùng để phê bình hay nghiên cứu văn học không nằm hẳn trong một trường phái nào cả: hoặc nó có tính chất chiết trung hoặc nó có tính chất sáng tạo, tôi chưa biết.

— *Xin cám ơn anh.*

PHƯỢNG HOÀNG *thực hiện*



NGÔ NHỰT TÂN

ĐỌC VÀ NGHĨ VỀ "NỖI BUỒN CHIẾN TRANH" CỦA BẢO NINH



Rất hiếm khi, và nếu có chăng trong quá khứ không thể nhớ lại được, tôi đã phải bỏ dở nhiều lần khi đọc một quyển sách. Tiểu thuyết *Nỗi Buồn Chiến Tranh* của Bảo Ninh, nhà xuất bản Hồng Lĩnh ấn loát và phát hành, vỏn vẹn chỉ có 326 trang mà, mất hơn mười ngày tôi chỉ nuốt trôi được một trăm bốn mươi trang giấy trắng nỏn nà, đầy kín chữ.

Nếu cho rằng "văn dĩ tãi đạo" thì cái đạo mà tác giả muốn gửi gấm chẳng có gì lạ lùng với người đọc, hậu quả của cuộc chiến tàn khốc giữa hai miền Nam Bắc, đối với các thế hệ thanh thiếu niên. Nếu dùng định nghĩa "văn là người" thì, nhân vật Kiên trong *Nỗi Buồn Chiến Tranh* chính là Phượng, Hoàng Âu Phượng, tên thật của Bảo Ninh. Theo tôi, không riêng gì cho Phượng, tâm trạng của nhân vật trong câu chuyện không những chỉ đại diện cho chính anh, nhưng cho thế hệ của anh, bất kể giới tuyến nào mà họ đã thuộc về, ngày xưa.

Tôi ghi lại cảm nghĩ này, mang trong lòng nhiều tâm trạng. Bảo Ninh lớn hơn tôi đúng một tuổi. Cả hai chúng tôi cùng là những thanh niên mà, vào lứa tuổi 18, 19, không có sự lựa chọn nào khác hơn là "xung phong nhập ngũ". Anh miền Bắc, tôi miền Nam. Phục vụ cho những lý tưởng cao cả riêng. Anh "đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào, mang lại hòa bình ấm no cho dân tộc" còn tôi, "hy sinh để bảo vệ từng tấc đất của miền Nam không cho lọt vào

tay Cộng Sản Bắc phương". Bảo Ninh trực thuộc đội trinh sát, một đơn vị đã bám sát thủ đô Sài Gòn từ đầu cho đến những giây phút cuối cùng khi Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng, ngày 30 tháng tư năm 1975. Tôi là một sĩ quan cấp úy trong đơn vị Liên Đoàn 81 Biệt Cách Nhảy Dù mà, nếu ai đã đọc *Cây Tùng Trước Bão* của Hoàng khởi Phong, đều hình dung ra được những giây phút cuối cùng của đơn vị tôi, qua lời tường thuật rõ ràng, mạch lạc của Đại Tá Phan Văn Huấn, chỉ huy trưởng đơn vị. Thì ra anh và tôi đã đánh đấm nhau tả tơi trong những giờ phút cuối cùng ấy. Lúc đó có ai trong chúng tôi ngờ rằng, hai mươi năm sau, Bảo Ninh viết chuyện và, kẻ thù của anh ngồi say sưa đọc. Trong *Nỗi Buồn Chiến Tranh* trang 130, Bảo Ninh viết "Các ổ đề kháng cuối cùng của biệt kích dù trong phi trường Tân Sơn Nhất đã bị dứt điểm. Kiên từ mé bên đường băng chính lê bước trở về nhà ga sân bay để tìm trung đoàn của mình. Đội trinh sát thế là chỉ còn một thân anh sống sót".

Trước khi tiếp tục, tôi cần phải nhấn mạnh rằng, những định kiến Bắc Nam, Quốc Cộng, kẻ thắng người thua, nên được tạm thời gác qua một bên. Nếu nói Bắc Nam, anh là người Bắc, tôi sinh tại Nam. Nếu nói Quốc Cộng, anh là người Cộng Sản tôi Quốc Gia. Nếu nói kẻ thắng người thua, thì chính tôi là người thua trận, cho dù muốn hay không muốn, bị bức tử hay không bị bức tử. Để những định kiến ấy chen vào, giống như, nhìn ngắm một trẻ sơ sinh, thân thể chưa chùi sạch hoàn toàn những chất nhờn cùng máu mủ, qua một tấm kính trong suốt, nhưng không thể ngửi mùi thơm trên da thịt của hài nhi ấy được, vì khi đưa mặt ra, đụng phải tấm gương trong veo ấy.

Một vài người bạn của tôi, thích thú khi cầm quyển chuyện của Bảo Ninh trên tay, hình bìa trình bày đẹp mắt, màu sắc trang nhã, chữ lớn dễ đọc. Nhưng đã trả quyển sách lại cho tôi với một vài lời bình phẩm, mới thoạt nghe qua thì có lý, nhưng xét cho cùng thì có vẻ tiêu cực, khắc khe quá. Người bạn bảo, văn phong thì phải công nhận là hay, nhưng đến phần chuyện kể lính thám báo của "mình" bắt giết ba cô gái của trại tăng gia Việt Cộng, sau đó 4 người trong toán bị bắt sống hành quyết, thì thấy không thể đọc tiếp được, xạo quá trời, "bảy tên lính viễn thám. Ba tên bị hạ khi đọ súng. Bốn tên bị bắt sống" (trang 53) và "Khi bắt sống được những thám báo đã giết hại ba cô gái của trại gia tăng, Kiên quyết định cho chúng nhận cái chết theo kiểu chết tận mắt, chết tận tay, chết nhìn thấy đáy huyệt" (trang 183).

Tôi nghĩ người bạn ấy khắc khe quá, mang nhiều định kiến quá nên không chịu đọc tiếp, để thấy Kiên như đang sống trong một hỏa ngục khủng khiếp của trần gian, "Tiếng tru tréo như xóc vào óc Kiên" (trang 58), anh sống với những máu me ám ảnh "Từ vết thương ở trán một dòng máu nhóng nhánh chạy dọc xuống sống mũi" (trang 58).

Tuy nhiên, những hình ảnh đầy kinh hãi ấy, những mối thù không đội trời chung ấy, Kiên không những chỉ có đối với những người lính ngụy, kẻ thù của anh, mà còn ngay cả đến đồng chí Cừ của anh nữa. Khi Cừ đề nghị Kiên hay

là tạm tha cho chúng...đưa những người lính thám báo của miền Nam về trên xử lý thì Kiên ngoắt lại. Một nỗi điên giận hung tàn nóng như thiêu ngút dậy trong lòng, đốt cháy anh, xé anh ra (trang 59). Kiên đã thô bạo dí họng tiểu liên vào miệng bạn mình đòi "Tao sẽ hạ luôn cả mày". Rồi giật mình tỉnh giấc. "Nỗi mệt nhọc buông hết sức nặng giằn lên anh và cảm giác đau đớn của giấc mơ vẫn đang đều đặn nện trên thái dương". Là một người đã có cơ hội tham dự nhiều trận đánh khốc liệt trước năm 1975, như An Lộc, Quảng Trị vân vân... và đã từng chứng kiến nhiều cảnh nát thịt tan xương từ đồng đội cũng như từ những người không phải là đồng đội, ngay trước mắt mình, tôi hiểu và có chung niềm tâm cảm đó với Bảo Ninh.

Người bạn mà tôi vừa đề cập ở trên, khác tôi và tôi hiểu, chưa một ngày trong quân ngũ, chưa một giây phút nào đối diện với cái chết... trong đường tơ kẽ tóc.

Nên tôi nhận xét *Nỗi Buồn Chiến Tranh* qua một lăng kính khác.

Sau một cuộc chiến tranh kéo dài, sự chán chường, uất ức vì thua trận không những chỉ riêng có từ nhân dân và chiến sĩ trong quân đội miền Nam, những người bên phe thắng trận như Bảo Ninh và đồng chí của anh cũng mang cùng tâm tư ấy. Dân quân miền Nam ngỡ ngàng vì sự đầu hàng nhục nhã của đám lãnh đạo xôi thịt đã đành, nhân dân miền Bắc cũng nhận thấy hòa bình ập tới với họ trong phủ phàng, bỡ ngỡ. Từ chiến thắng ấy, và nghe tường thuật lại từ một người lính chính quy, thứ đánh trận nhà nghề, mới thấy Bắc Nam, Quốc Cộng, hay bất cứ nhãn hiệu gì, cũng mang một đặc tính đồng điệu duy nhất, đó là tâm tư hiền hòa của người dân Việt. Có phải chỉ riêng lính miền Nam mới đánh lộn phá phách đâu! Sau khi Sài Gòn đầu hàng, đang trong men say chiến thắng ấy "Kiên cười gằn vung tay liệng chai Brandy vào tường. Suốt đêm anh lang thang trong phi cảng xem lính tráng vét "đồ cổ", nhập hội ăn nhậu đập phá. Cuộc hoan lạc ồ ạt song ít vui, đúng hơn là tuyệt nhiên chẳng vui một chút nào. Bàn ghế bị xô đẩy, đập nát, chẻ băm ra, ngổn ngang, lổng chổng.

Giấy má tiền bạc tung tóe bay. Ly cốc bình tách bằng sứ bằng thủy tinh bị đập vụn. Chai vỡ từng két xối tràn suối rượu xuống tưới đẫm các tấm thảm. Và tiểu liên, súng lục đua nhau nã vung vít lên trần bắn rụng các đèn chùm. Ai nấy thả sức uống. Say khướt. Phần đông dở khóc dở cười. Có tay rống lên rồi nức nở và sực nấc như dậy cơn tâm thần. Hòa bình ập tới phủ phàng, choáng váng đất trời và xiêu đảo lòng người, gây bàng hoàng, gây đau đớn nhiều hơn là mừng vui". Tôi nghĩ Bảo Ninh không chỉ nói riêng tâm trạng của chính anh, anh diễn tả gần như chính xác tâm trạng của cả hai miền đất nước. Cho dù người Nam kẻ Bắc. Cho dù Quốc Gia hay Cộng Sản. Trước khi cuộc chiến chấm dứt, chúng ta nghĩ và thấy thế nào về hình ảnh của một người lính Việt Nam theo chủ nghĩa Cộng Sản, mà chúng ta thường gọi là

bọn Việt Cộng. Nào răng hô, nào ốm yếu đến độ đánh đu được trên nhánh cây đu đủ, nào vô thần, vân vân và vân vân. Chúng ta có biết đâu rằng, họ cũng duy tâm như chúng ta, hay có thể còn hơn cả chúng ta nữa. Nhưng chắc chắn họ phải đáng thương hơn chúng ta.

Ít nhất trong nỗi kinh hoàng của cuộc chiến, khi trực diện với đạn với bom, với cái chết, chúng ta dám công khai cầu Trời khẩn Phật, chúng ta dám lần chuỗi hạt kêu van Mẹ Maria, nếu chúng ta có niềm tin vào Phật và vào Maria. Nhưng qua tác phẩm của Bảo Ninh, chúng ta thấy những người bộ đội cộng sản thật đáng thương, họ cũng tin như chúng ta, nhưng họ phải cầu nguyện trong âm thầm lén lút. Đám thiểu số lãnh đạo của họ đã mang về quê hương miền Bắc một chủ thuyết vô thần, ngoại lai. Rồi đẩy nhiều thế hệ thanh thiếu niên vào đường hủy diệt nhưng, họ có hủy diệt được bốn nghìn năm văn hóa và tâm tư hiền hòa của đám cùng dân ấy đâu. Vì thế, những người lính trinh sát miền Bắc vẫn âm thầm tin vào linh hồn, và linh hồn nếu chết oan thì cứ còn lãng vãng hoài, chứ không tiêu tán như chủ nghĩa duy vật mà họ đã bị nhồi sọ, tẩy não trong những cuộc học tập. "Từ đó chẳng còn ai nhắc đến tiểu đoàn 27 nữa, mặc dù vô khối ma quỷ ra đời trong trận bại vong ấy hiện vẫn lang thang khắp các xó xỉnh bụi bờ ven rừng, dọc suối chưa chịu chầu trời" (trang 20), nên "đám trinh sát bọn Kiên đã phải lo lập bàn thờ và bí mật tổ chức cầu khấn, cúng giỗ cho các vong hồn..." (trang 21). Sự cầu khấn khác biệt giữa những người lính hai bên, nếu có, chỉ là những nhãn hiệu cầu chứng Chúa và Phật đối với những người miền Nam có tự do tín ngưỡng và, khấn vào hư vô, không rõ rệt một thứ nhãn hiệu nào, đối với những người miền Bắc mà tín ngưỡng bị cấm đoán. Chưa hết, họ cũng có hệt tình người như chúng ta, "Tên tuổi anh ta tôi không biết, chỉ biết anh ta là lính của liên đoàn 6 Biệt Động Quân, người Nam hay Bắc hay Trung cũng chả biết vì anh ta chỉ rên, rên thì dân xứ nào cũng một giọng như nhau. Và ta hay ngụy thì cũng rên như vậy" (trang 119), đau đớn khi thấy chiến hữu mình nằm xuống, và xót xa khi thấy chính máu của kẻ thù tuôn chảy. "Tôi nằm chết dí. Và chính lúc đó thì anh ta lộn xấp xuống đè uỵch lên tôi như súc gỗ.

Điên lên vì sợ tôi rút dao thí liền hai nhát vào ngực áo rằn ri, vào bụng một nhát nữa, rồi vào cổ. Anh ta kêu ằng ặc, giẫy đành đạch, mắt trợn lên. Bấy giờ tôi mới biết là anh ta bị thương từ trước lúc ăn dao... Tôi chẳng biết làm thế nào, nom khủng khiếp và thương tâm quá. Tôi nhét ruột vào bụng cho anh ta, rồi xé áo để băng... Tôi kinh sợ đến thấu tim, và xót thương nữa... "Mày nằm đây một lát nhé" Tôi lay vai anh ta bảo "Tao lên tìm ít vải và bông băng. Sẽ quay lại ngay" (trang 119, 120). Thật sự đến đây, tôi không còn muốn đọc tiếp nữa. Có một cái gì đó nghèn nghẹn ở cổ họng tôi. Đó là tâm tư của những người lính bộ đội miền Bắc, hay chỉ đơn thuần là bút pháp của Bảo Ninh? Tôi không biết. Chúng tôi được các thế hệ đàn anh, đàn chú, đàn bác cho rằng các anh khác máu lắm kia mà, các anh không có tình cảm gì hết kia mà,

và các anh, ngoài Bác và Đảng chẳng còn biết gì nữa kia mà? Tôi thật sự hụt hẫng khi đọc tiếp và, không biết rõ, nếu mình rơi vào hoàn cảnh như thế, tôi có làm được điều mà anh lính trinh sát Việt Cộng đã làm và suy nghĩ cho người bạn chiến hữu Biệt Động Quân liên đoàn 6 của tôi hay không. Sau khi chạy đi tìm vải băng, anh ta chợt nhận ra rằng kẻ thù của mình đang bị thương nặng nằm bất động trong một giao thông hào và, tất cả các hố bom, hầm hố đang bị nước mưa đổ xuống ào ạt, ngập dần "Tôi ngu quá! Trời đã tối sập. Mưa lụt trời. Rừng thì sụp đổ, ngổn ngang cây cối bị đốn hạ...Cái hố của tôi với thằng ngụy ở dưới đó đâu rồi? Trời thì mưa kinh khủng là mưa. Nước tràn từ sườn núi xuống réo ồ ồ". Trong hoảng hốt vì thấy mình quá ngu xuẩn anh ta đã kêu gào "Ngụy ơi! Ngụy ơi!... Nghĩ đến cảnh ngộ của anh ta lòng tôi đau đớn cuồng thất" (trang 120).

Rồi sau một cuộc chiến dài đằng đẵng, với những những cảnh tượng đau thương xảy ra hàng ngày như thế, cuộc chiến đã chấm dứt. Miền Nam bại trận nên phải rút vào vỏ ốc trú thân đã đành. Miền Bắc, theo Bảo Ninh, và anh đã dám nói lên sự thật, cũng chẳng vui gì cho lắm. Hậu quả ấy phát xuất từ một chiến thắng ập tới phủ phàng, bỡ ngỡ. Hình như, không những chỉ riêng anh, mà hầu như toàn miền Bắc, mọi người như hụt hẫng, như cô đơn "Ám ảnh cô đơn luôn bám gót Kiên, nỗi cô đơn không của riêng anh mà của cả đám đông. Nỗi cô đơn của cả một đống người ", Bảo Ninh cho người đọc thấy rõ sự nghèo nàn của quê hương, nơi anh đang sống "Sự cô đơn của nghèo nàn và đơn lẻ lồ lộ phơi bày trong các số phận đồng loạt, lầm lũi đi bên nhau nối nhau thành dòng nước quẩn" (trang 200). Rồi người ta bắt đầu quên dần đi chiến tranh. Sự đấu tranh, dành giựt với miếng cơm manh áo sau cuộc chiến, đã làm con người mất đi nhân tính, trở nên tàn nhẫn với cả đồng loại của mình. Sự hy sinh ngày nào của bộ đội "sinh Bắc tử Nam", chiến đấu cho chủ nghĩa Cộng Sản ưu việt bị bỏ quên và bị coi rẻ rúng trong một xã hội mà phần lớn chưa công ăn việc làm, chưa định hình cuộc sống mới, và như người ta nói, là còn chưa lại hồn (trang 202), một xã hội mà nữ sinh viên phải đi làm đĩ để kiếm tiền nuôi sống bản thân và gia đình (trang 205). Tôi thật sự hiểu và có chung cảm giác ấy với anh. Tháng mười một năm 96, trong một bất ngờ không dự tính trước, tôi được sở chọn về Việt Nam làm việc, trong 10 ngày. Công việc chẳng có gì ngoài việc trình bày một dự án về thuế vụ, để cơ quan này có thể mượn tiền từ ngân hàng thế giới. Tôi đã có nhiều giờ rảnh để viếng chung quanh Hà Nội, một thành phố thân yêu mà hơn bốn mươi năm chưa một lần được đặt chân đến. Tôi phải kể lại câu chuyện thật này, để chứng tỏ niềm cảm thông của riêng mình đối với Bảo Ninh. Khi thuê riêng một xe Toyota để đi tới đi lui làm việc, dần dần tôi trao đổi thân mật hơn với anh tài xế khoảng chừng 25 tuổi, tên Phương. Một buổi sáng nọ, trên một con đường dẫn đến sở, nghẹt cứng xe cộ và người, tôi bỗng nhận ra rằng rất nhiều người đội nón cối màu xanh cứt ngựa. Thắc mắc tôi hỏi Phương ra đâu mà lắm bộ

đội thế. Bằng một giọng thật tự nhiên và rất Bắc, Phương bảo: "Không anh ạ, bọn lưu manh ấy mà". Tôi phá lên cười ngất vì câu trả lời ấy. Và cười hoài. Một lúc lâu tôi chợt thấy mình vô duyên vì, qua kính chiếu hậu, hình như Phương đang nhìn tôi tìm câu trả lời vì sao tôi lại cười lâu đến như thế. Tôi phải vội xin lỗi Phương và giải thích tại sao tôi cười. Chính ngay lúc ấy tôi cũng không biết rõ lắm nguyên nhân cái cười của mình. Nhưng bây giờ thì tôi hiểu, hình như đó là cách người dân miền Bắc đã nghĩ về những người đã ngày xưa vào Nam chiến đấu. Bảo Ninh cũng xác nhận như vậy, về suy luận của tôi, trong trang 207 "Đồ rác rưởi, một thằng cha đầy lòng tự hào chiến thắng đấy. Thật đúng là thắng lợi của bọn dã man, bọn ăn lông ở lỗ, bọn nhà quê An-nam-mít đối với văn minh và tiến hóa. Đồ rác rưởi!".

Câu chuyện *Nỗi Buồn Chiến Tranh,* tôi nghĩ sẽ giảm đi giá trị rất nhiều, nếu không xét về mặt bút pháp. Bảo Ninh có lối viết tựa Trần Vũ. Văn anh bạo, đọc nghe rờn rợn buồn nôn khi diễn tả cảnh giết chóc, đánh đấm nhau "máu ộc ra, trơn như xà phòng..."(trang 290). Tuy nhiên vẫn có những cảm động đến rơi nước khi nói về tình yêu, sự cô đơn và những bạc bẽo trong cuộc sống. Anh làm đọc giả cùng thế hệ với anh, những người biết rất ít về Cộng Sản, ngạc nhiên, qua lối diễn tả tình yêu trai gái rất thơ mộng trong thời niên thiếu. Bảo Ninh có thể làm người đọc hình dung được và cười khẩy một cách mỉa mai, cảnh miền Bắc vào dạo ấy, trước khi cuộc chiến bùng nổ dữ dội, các anh hùng rơm cầm dao gậy ồm ờ la lối xách động, rồi cũng trong đám đông ấy một cặp trai gái bỏ trốn đi chơi riêng, rồi thì một cảnh thịt da khêu gợi lồ lộ của người yêu vào tuổi dậy thì, rồi một cảnh đạn bom tàn khốc, tất cả đều xảy ra trên một đoản văn ngắn và trên cùng một trang giấy, nhưng sao lúc đọc lại thấy hình như là một khoảng thời gian rất dài và liên tục (trang 155, 156). Lối dùng chữ của Bảo Ninh điêu luyện, như anh sanh ra để viết, như chữ nghĩa của anh đã tích lũy từ muôn kiếp trước. Tuy nhiên anh đã sanh ra nhầm thời, nhầm chỗ, nên khiến anh phải phí mất vài chục năm trong khói lửa, rồi thoát chết trong đường tơ kẽ tóc, và để cuối cùng là viết. Bảo Ninh làm cho người đọc không còn kinh hãi nữa với vẻ to lớn của thế giới, của vũ trụ, và anh vẽ được một cách thành công cái mà chúng ta hay tuyên bố là sự vô cùng của không gian qua cụm chữ "rìa thế giới". Đọc phần anh diễn tả "tiếng lép bép từ những đám cháy bên kia khu rừng" (trang 254), anh làm tôi nhớ lại mồn một từng chi tiết, một chuyến nhảy toán ở khu rừng lá tại Bình Tuy, năm 1974 dạo nào. Toán chúng tôi được thả trong khu rừng lá ấy, và tôi đã dẫn toán đi xuyên dọc theo vùng hoạt động, khoảng chừng hơn bảy cây số. Chúng tôi đã đi ngang một khoảng rừng dài đang bốc cháy, khói bốc lên mịt mù, nóng bức đến nỗi tôi có cảm tưởng cả toán trước sau gì cũng sẽ chết vì khát, những thân cây to cao bị cháy đen xì, và tiếng lép bép từ những đám cháy vẫn còn quanh quẩn bên tai tôi, như mới vừa được triệt xuất ra khỏi vùng nhảy ngày hôm qua vậy.

Bảo Ninh nắm vững quy luật sống. Anh không vọng về một tương lai mơ hồ nào cả. Anh sống tỉnh thức với hiện tại. Không may cho cả thế hệ của anh, quá khứ lại là chất liệu cho cuộc sống hiện tại. Hơn ai hết, anh nhận diện mình hiện là một kẻ di chứng của thời đại trước và một kẻ á nam á nữ về phần hồn, anh chấp nhận sống với nó không than van hờn trách (trang 321). Anh nắm vững quy luật khổ đế của đạo Phật, như có sẵn từ trong máu huyết mình, anh cho rằng "đau buồn là một thể nguyên khối suốt cuộc đời, liền một mạch từ thời thơ ấu, qua chiến tranh đến bây giờ. Và có lẽ để nhận lấy đau khổ, mà người ta được sinh ra ở trên đời này, cũng vì đau khổ mà người ta phải sống, phải mưu cầu hạnh phúc, phải đến với tình yêu, với nghệ thuật. Phải tận hưởng phải chịu đựng đến cùng cuộc sống..." (trang 213). Còn ai biết rõ đời là bể khổ hơn Bảo Ninh được! Biết để sống bình yên vì nhận thấy rằng "thời kỳ của anh đang sống là thời kỳ mà từ đấy bắt đầu địa ngục đời thường, địa ngục của thời thái bình an lạc" (trang 206).

Kiên thân mến, bây giờ tôi có một niềm ao ước: phải chi tôi đừng bao giờ đọc cuốn *Nỗi Buồn Chiến Tranh* Của Bảo Ninh. Hay ngay từ đầu, giá mà đừng có ý tưởng xách nó về để làm đầy thêm kệ sách.

NGÔ NHỰT TÂN

CHIA BUỒN

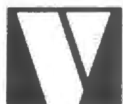
Chúng tôi vừa nhận được tin

Giáo sư TẠ TRỌNG HIỆP

đã từ trần hồi 21 giờ ngày 25 tháng 10, 1996, vì bạo bệnh tại bệnh viện Kremlin Bicêtre , Paris (Pháp), hưởng thọ 63 tuổi.

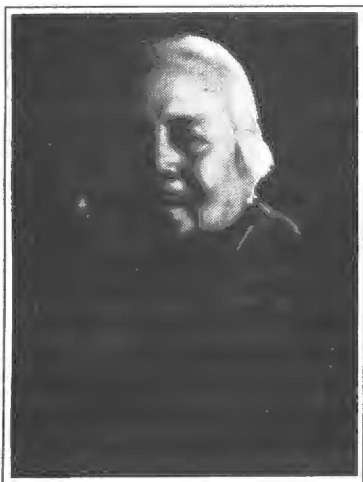
Ban chủ trương *Hợp Lưu* thành kính chia buồn cùng gia quyến cố giáo sư.
Cầu mong hương hồn ông sớm về miền vĩnh phúc.

Hợp Lưu



VĂN NGHỆ SĨ VIỆT NAM

Tiểu Sử - Tác Phẩm - Chân Dung Tự Họa



TẠ TỴ

- Sinh năm 1921 tại Hà Nội (Khai sinh đề 1922 Hà Đông)

- Tốt nghiệp trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Đông Dương năm 1943.

- Tốt nghiệp khóa 3 trường Võ Bị Sĩ Quan Thủ Đức với cấp bậc thiếu úy. Giải ngũ tháng 6 năm 1972 với cấp bậc trung tá theo qui chế Quân Đội.

- Trong thời gian tại ngũ đã công tác gần khắp các nước Á châu.

A. Nghệ Thuật Tạo Hình:

Tác phẩm đầu tay về hội họa với nhan đề *Mùa Hạ* đã được giải thưởng tại phòng triển lãm Salon Unique tại Hà Nội vào năm 1941, do chính phủ Pháp tặng.

- Tác phẩm *Hoa Đăng* trưng bày tại phòng Triển Lãm Mùa Thu năm 1946, trước ngày kháng chiến đã được Hiệp Hội Báo Chí Việt Nam tặng giải thưởng.

- Đã thực hiện một phòng triển lãm trong kháng chiến (tại Liên Khu 3 cùng với Văn Cao và Bùi Xuân Phái vào năm 1948.

- Đã có những tác phẩm được tuyển lựa để gửi đi dự thi những cuộc Triển Lãm Quốc Tế như Nhật Bản và Hoa Kỳ v.v... từ năm 1940-41-42.

- Là người đầu tiên đưa nền Hội Họa Việt Nam vào con đường Tiền Tiến của nền Hội Họa Âu châu từ năm 1943.

- Đã tổ chức được 3 phòng triển lãm cá nhân:

. Tại Hà Nội năm 1952 trưng bày 55 họa phẩm lập thể.

. Tại Sàigòn năm 1956 gồm 57 họa phẩm lập thể và trừu tượng.

. Tại Sàigòn năm 1961 trưng bài 60 họa phẩm trừu tượng.

- Dự định sẽ trưng bày 100 họa phẩm: 50 tranh trừu tượng và 50 khuôn mặt văn nghệ sĩ hiện đại vào cuối năm 1975. Số tranh trưng bày vẽ đã gần đủ, nhưng chẳng may miền Nam bị Cộng Sản lấn chiếm vào ngày 30-4-75, nên dự định bị hủy bỏ vĩnh viễn.

- Đi cải tạo gần 6 năm, qua 7 trại, từ miền Nam tới miền Bắc.

B. Văn Học

- Đã cộng tác với các tạp chí từ Hà Nội tới Sàigòn kể từ năm 1951 tới ngày 30.4.1975. (Xin xem bản liệt kê)

- Tác phẩm văn học đầu tiên: Tuyển tập truyện ngắn *Những Viên Sỏi* do nhà Nam Chi Tùng Thư xuất bản năm 1962 tại Sàigòn.

- Đã cộng tác với các tạp chí Văn Học tại miền Bắc và miền Nam từ năm 1950 đến 30.4.1975: *Thế Kỷ, Đời Mới, Nguồn Sống Mới, Sáng Tạo, Văn, Văn Học, Hiện Đại, Nghệ Thuật, Bách Khoa* và *Tin Văn, Thế Kỷ 21* (Hoa Kỳ)

Những Tác Phẩm Đã Xuất Bản Tại Miền Nam

1. *Những Viên Sỏi*, tập truyện, Nam Chi Tùng Thư 1962
2. *Yêu Và Thù*, tập truyện, Phạm Quang Khai 1970
3. *Mười Khuôn Mặt Văn Nghệ*, nhận định văn học, Nam Chi Tùng Thư 1970. Đã được nhà xuất bản Hội Nhà Văn Việt Nam (XHCN) tái bản tại Hà Nội năm 1996.
4. *Phạm Duy Còn Đó Nỗi Buồn*, Văn Sử Học, 1971
5. *Cho Cuộc Đời*, thơ, Khai Phóng 1971
6. *Mười Khuôn Mặt Văn Nghệ Hôm Nay*, nhận định văn học, Lá Bối 1972, Xuân Thu tái bản tại Hoa Kỳ 1991

Bao Giờ, tập truyện, Gìn Vàng Giữ Ngọc xuất bản 1972

8. *Ý Nghĩ*, tạp văn, Khai Phóng 1974.

Những Tác Phẩm Xuất Bản Tại Hoa kỳ

1. *Đáy Địa Ngục*, hồi ký cải tạo, Cơ Sở Thằng Mõ, 1985
2. *Những Khuôn Mặt Văn Nghệ Đã Đi Qua Đời Tôi*, hồi ký, Cơ Sở Thằng Mõ, 1990.
3. *Xóm Nhà Tôi*, tập truyện viết trong những ngày tháng lưu vong nơi đất khách, nhà xuất bản Xuân Thu 1992.
4. *Mây Bay*, thi phẩm, Miền Nam xuất bản 1996.

Sẽ Xuất Bản

1. *Cuộc Đời Và Hội Họa* (Hồi ký)
2. *Văn Nghệ Là Gì?* (Tiểu luận).

Vì Sao Tôi Viết?

Tôi sinh ra đời, hình như định mệnh đã an bài, bởi vậy tất cả những gì tôi làm ra đều có bàn tay của định mệnh dính vào.

Lúc còn trẻ tôi yêu tất cả những thứ gì thuộc về văn chương nghệ thuật, nhưng tôi mê kéo vĩ cầm hơn cả. Vào năm 1936-37 gì đó, tôi được nghe tiếng đàn của nhạc sĩ Nguyễn Văn Giệp tại Nhà Hát Lớn Hà Nội. Anh chơi bản *Dance Macabre* với tiếng dương cầm phụ họa của nhạc sĩ Nguyễn Văn Hiếu. Tất cả nhà hát đều yên lặng để thưởng thức tiếng đàn tuyệt vời của hai nhạc sĩ trứ danh nhất của đất Thăng Long thời đó. Tôi về nhà xin Mẹ tiền mua cây đàn và quyển *Mazas*, là cuốn sách học kéo violon vỡ lòng. Tôi học kéo đàn song song với học vẽ ở trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Đông Dương. Vì mê học nhạc nên tôi quen với cố nhạc sĩ Đỗ Thế Phiệt. Sau mấy năm học thấy không có tiến bộ, tôi bỏ đàn, chuyên về vẽ.

Rồi dần dà định mệnh cứ đẩy tôi từ ngả này qua ngả khác. Ngoài giờ học ở trường, tôi thường ra thư viện đọc những sách về Mỹ Thuật. Tôi đọc tờ báo *Illustrtion* có in nhiều tranh của các nhà danh họa bên Pháp như Gaugin, Matisse, Van gogh, Utrillo v.v... nhờ đó tôi mới có ý tưởng vẽ theo lối mới vì nhà trường chỉ dạy những thứ tầm thường, cóp nhặt mà không có sáng tạo.

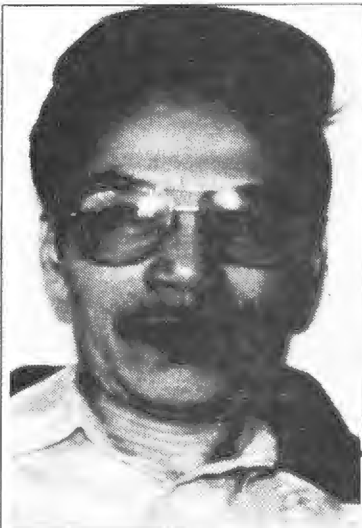
Sau nhiều năm cầm cọ, đùa vui cùng màu sắc, dù rằng người ta đã tôn vinh hội họa là thứ ngôn ngữ quốc tế (*langage Universel*). Tuy nói thế, nhưng thứ ngôn ngữ này hạn hẹp quá, chỉ có các nhà chuyên môn mới đoán ra được. Từ ngày tôi chuyển hẳn sang vẽ tranh trừu tượng (từ năm 1960), tôi cảm thấy cô đơn vì luôn luôn là kẻ độc hành trong lãnh vực nghệ thuật tạo hình. Hơn nữa, tầm hoạt động của hội họa bị hạn chế bởi không gian cũng như thời gian, nên chỉ có một số người ở các thành phố lớn mới được thưởng thức, trong một khoảng thời gian nhất định nào đó thôi. Còn một trở ngại to lớn nữa là người họa sĩ chỉ vẽ tấm tranh duy nhất, nếu bán đi, người họa sĩ không còn gì ngoài tấm ảnh chụp giữ làm kỷ niệm. Vì nhìn thấy cái thế "yếu" của hội họa, vả lại, cuộc sống trong chiến tranh có rất nhiều sự việc tác động mạnh và sâu đậm trong tâm cảm mà hội họa bất lực, không thể nói bằng màu sắc được. Do đó, tôi phải nhờ tới văn chương cũng như thi ca để bày tỏ lập trường, cùng thái độ sống trước tập thể, trước xã hội. Biết bao nhiêu đổ vỡ, tang thương do chiến tranh gây ra. Biết bao nhiêu tuổi trẻ đã lên đường và cũng có bao nhiêu vòng khăn tang đã quấn ngang đầu, bao nhiêu tiếng khóc than vật vã, với đôi tay bé nhỏ xanh xao của người góa phụ, ôm lấy chiếc quan tài phủ lá quốc kỳ với vòng hoa cườm có hàng chữ "Tổ Quốc Ghi Ơn", nhưng tôi được biết, trong chiếc quan tài đó chỉ có chiếc bọc nylon ôm gọn thây người chiến sĩ đã nát bấy vì pháo địch, chỉ còn lại một đống thịt xương bầy nhầy với chiếc thẻ bài lẫn lộn trong vũng máu đông đặc vì được cất kỹ trong ô kéo của căn phòng chứa xác cực lạnh. Ngay cạnh đó, một đứa nhỏ chừng ba tuổi gầy ốm đứng nhìn ngơ ngác! Còn biết bao nhiêu cuộc tình tan tác như

những chiếc bong bóng thổi bằng bọt xà bông. Đại lộ kinh hoàng còn đó. Xác những chiếc xe tăng của Trung Cộng, của Liên Sô, của Mỹ còn nằm rải rác dọc theo đường số 1 như những con quái vật thời tiền sử và còn nhiều, nhiều nữa những dấu ấn của chiến tranh cần phải nói ra, nhưng hội họa quả tình bất lực trước vấn đề này. Chỉ có văn chương mới đủ sức khai quật những oan khuất chìm ở đáy sâu tâm cảm.

Thú thực, tôi làm văn nghệ không cầu mong nổi tiếng, vì tôi làm cho cuộc đời và cũng cho tôi. Tôi cộng tác viết bài cho nhiều tạp chí văn học, nhưng cho đến nay, tôi vẫn không ở nhóm nào. Tôi vốn không thích bè phái. Có bè phái là có bao che, để đưa nhau lên và cũng để dìm đối tượng xuống bùn đen một khi không ưng ý. Điều đó chúng ta phải nhận là có trong sinh hoạt văn nghệ Việt Nam. Theo ý riêng tôi, làm văn nghệ phải vô tư, độc lập, trong suy nghĩ cũng như hành động, vì thế, tôi thường nghi ngờ sự khen chê của người này đối với người khác.

Không hiểu sao, tôi rất sợ đám đông, nên ít khi có mặt tại những nơi tổ chức có đông đảo người tham dự. Tôi thích cô đơn. Sự cô đơn làm tôi thấy tâm hồn mình thư thái hơn, khỏe mạnh hơn, vì: "có cứng mới đứng đầu gió". Ngựa hay mới chạy được đường dài.

Tôi thả những cánh hoa nghệ thuật bay theo chiều gió, chẳng biết có cánh nào rơi vào bàn tay thân ái của kẻ sĩ?



LUÂN HOÁN

Tên thật Lê Ngọc Châu, sinh cuối năm Canh Thìn, nhằm ngày 10.01.1941 tại thị trấn Hội An, Quảng Nam, khôn lớn trong lòng phố Đà Nẵng. Khóa 24 sĩ quan trừ bị Thủ Đức. Mất một chân trái tại mặt trận Quảng Ngãi năm 1969. Công chức. Cư trú tại Canada, thành phố Montréal kể từ 2.2.1985.

Tác Phẩm:

- Thập niên 60:
  . *Về Trời* (Văn Học)
  . *Trôi Sông* (Văn Học)
  . *Chết Trong Lòng Người* (Ngưỡng Cửa)
  . *Viên Đạn Cho Người Yêu Dấu* (Thơ).

- Thập niên 70:
  . *Rượu Hồng Đã Rót* (Thơ)
  . *Nén Hương Cho Bàn Chân Trái* (Thơ)
  . *Lục Bát Ca* (Thơ)
  . Thơ Tình (Thơ)
  . *Ca Dao Tình Yêu* (Thơ)
  . *Hòa Bình Ơi, Hãy Đến* (Thơ).
- Thập niên 80:
  . *Hơn Thở Việt Nam* (Sông Thu)
  . *Đưa Nhau Về Đến Đâu* (Sông Thu)
  . *Ngơ Ngác Cõi Người* (Nhân Văn)
- Thập niên 90:
  . *Cảm Ơn Đất Đá Trổ Thơ...* (Kinh Đô-Sông Thu)
  . *Mời Em Lên Ngựa* (Sông Thu)
  . *Nuôi Thơm Chùm Kỷ Niệm Xanh* (Thơ).

Trong cuộc sống tôi, có nhiều việc bắt đầu bằng những tình cờ. Nhưng việc làm thơ lại được quyết tâm học hỏi, trau dồi đàng hoàng với ông thân sinh.

Thời gian khởi đầu, tôi làm thơ, thuần túy vì mê thơ, khoái làm thơ. Sau khi in ấn được vài thi phẩm, ngoài việc mê thơ và khoái làm thơ, tôi viết vì còn thích mình được nổi danh nữa. Đến giai đoạn gần kề với cái tuổi 60 này (còn 5 năm nữa), tôi trở lại với thời gian khởi đầu. Nhưng coi bộ, cái mê, cái khoái còn trầm trọng hơn chút đỉnh. Thuốc trường thọ, cường dương linh nghiệm nhất của tôi vẫn là thơ.

Xin thành thật cảm ơn nhiều bạn đọc, bạn văn đã nhận xét: "Thơ Luân Hoán nhẹ nhàng, giản dị, trong sáng, đôn hậu..."; cũng xin được ghi nhận phê phán của cô bạn đời yêu quí: "thơ anh (ấy) có một số bị ngoại cảnh của cuộc sống chi phối, do đó có nhiều dòng thơ đọng nặng chất thời cuộc". Còn tôi? Soi mình qua những gì đã viết, tôi vẫn chỉ thấy tôi là một gã mê vần điệu, hình ảnh và màu sắc. Đã bao lần:

"Mở lòng định quét nước vôi
ngặt tình yêu vẫn đời đời mới nguyên"

Thơ cũng như tình yêu vậy, cứ mới hoài.

Thật ra, tôi ngưỡng mộ nồng nàn những người có quyêt tâm làm mới thi ca qua mọi hình thức.

Lâu nay tôi vẫn nghĩ: mình đã có ít nhiều dể dãi với chính mình khi làm thơ. Nay suy lại có lẽ không phải vậy. Làm thơ là làm công việc giải bày những tâm sự thao thức trong lòng; đồng lúc với gợi mở, rủ rê những người khác cùng ghé vào tham dự những suy tưởng của mình. Mỗi tập thơ đã xuất bản của tôi đa số đều xoay quanh một chủ đề nào đó. Viết về thân phận con người

có những *Về Trời - Trôi Sông - Chết Trong Lòng Người...* Về cuộc chiến có *Viên Đạn Cho Người Yêu Dấu - Hòa Bình Ơi, Hãy Đến...* Về cuộc sống sau 75 có *Hơi Thở Việt Nam - Ngơ Ngác Cõi Người.* Về tình bạn có *Nuôi Thơm Chùm Kỷ Niệm Xanh.* Về tình lứa đôi có *Rượu Hồng Đã Rót - Đưa Nhau Về Đến Đâu - Thơ Tình - Mời Em Lên Ngựa - Ca Dao Tình Yêu...* May mắn một điều là tôi rất có duyên với việc in ấn xuất bản. Ngoài tập *Về Trời*, đầu tay, phải bán một phần nhỏ đất ruộng được gia đình chia cho phần mình để in thơ. Những thi phẩm còn lại hầu hết được bạn đọc, bạn văn (trong số này có nhiều bạn đến nay tôi vẫn chưa được gặp mặt, bắt tay một lần) in cho. Quá trình hình thành cụ thể những tác phẩm của tôi có điểm đặc biệt là không có tác phẩm nào ra đời trong cùng một vùng đất mà tôi đang cư ngụ. Ở Đà Nẵng, sách in ở Sàigòn. Ở Canada, sách in ở Hoa Kỳ. Tóm lại, tôi chưa trực tiếp lo cho những đứa con tinh thần của mình ra đời. Những người bạn bị tôi làm phiền nhiều nhất là các anh Nghiêu Đề, Đinh Cường, Nguyễn Sông Ba, Thái Tú Hạp, Khánh Trường... Và tôi còn chịu ơn nhiều bạn văn khác, để hồng hào làm một Luân Hoán hôm nay.



NGUYỄN HỮU LIÊM

Sinh năm 1955, Quảng Trị. Học tiểu và trung học ở tỉnh nhà. Qua Mỹ năm 1975. Cử nhân kinh tế nông nghiệp, Oklahoma State University (1978); cao học công quyền, University of Texas at Austin (1981); tiến sĩ luật khoa, University of California, Hastings (1987). Hành nghề luật sư từ 1987.

Tác Phẩm:

- Đầu tay: *Dân Chủ Pháp Trị: Luật Pháp, Công Lý, Tự Do và Trật Tự Xã Hội* (San Jose: Biển Mới, 1991)
- *Tự Do và Đạo Lý: Hegel, Lão Tử và Triết Học Pháp Lý* (San Jose: Biển Mới, 1993)
- *Thời Lý và Hiện Hữu* (San Jose: Triết, 1996).

Thường đóng góp các bài bút ký cho các báo và tạp chí như *Phật Giáo Việt Nam, Khai Phóng, Giao Điểm, Hợp Lưu, Đối Thoại* (California), *Cửa*

Việt (Quảng Trị), Đại Đoàn Kết, Thanh Niên (Sài Gòn).

Năm 1995, cùng với Như Hạnh và Phan Công Chánh chủ trương TRIẾT: Tập San Triết Học và Tư Tưởng.

Tại Sao Viết?

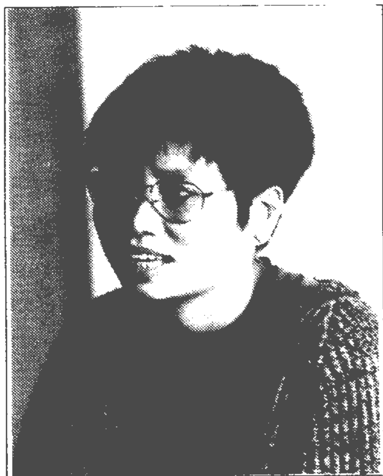
Tôi bắt đầu viết nhật ký từ lúc rất nhỏ tuổi khi còn ở trong làng Bích La Thượng, bên giòng sông Thạch Hãn. Tôi viết hàng ngày như một thói quen. Hàng đêm dưới ánh đèn dầu leo lét, tôi viết lại những gì đã xẩy ra trong ngày và những gì tôi suy nghĩ, từ chuyện đánh lộn với bọn con nít hàng xóm, đến chuyện chiến tranh. Có buổi sáng thức dậy sau một đêm súng nổ, hỏa châu, tôi chạy ra cuối làng, nhìn thấy xác bộ đội chết, tôi chạy về nhà viết vào nhật ký. Chiến tranh và cái chết kích động tôi từ ấu thơ và tôi bám vào Việt ngữ bằng văn viết như là để chạy theo và đối thoại với thực tại. Sau đó, tôi lên trọ học trên tỉnh Quảng Trị. Tôi kinh nghiệm lần đầu cái nỗi nhớ nhà hằng đêm dù rằng chỉ đi xa nhà khoảng 15 cây số và cuối tuần là về. Trong nỗi nhớ nhà đó, tôi được ru bằng nhạc boléro Duy Khánh và Chế Linh từ máy phát thanh. Và tôi tiếp tục viết nhật ký để bớt nhớ nhà. Tôi vẫn tiếp tục viết nhật ký cho đến khi ra trường luật. Nhiều khi tôi lục lại tập nhật ký, tôi đọc từng chi tiết cá nhân hằng ngày những gì đã xẩy ra mấy chục năm trước. Ví dụ như ngày 30 tháng tư, 1975, dù là ở trên biển, lên đảo Côn Sơn, lên tàu đánh cá Phi, lên tàu Mỹ, qua Phi Luật Tân, tôi vẫn viết trong khi đang lênh đênh với đầy hiểm nguy. Ngay cả lúc gần đây, khi về Việt Nam, khi đang đi tàu lửa hay xe đò, tôi vẫn viết trong lúc xe tàu đang chạy.

Tôi chưa hề viết truyện ngắn, chỉ có làm một vài bài thơ để nhớ về quê hương. Ngoài ra tôi chỉ viết bút ký về những lúc nhớ nhà, nhớ gia đình, những chuyến đi. Khoảng mười năm nay, tôi bắt đầu đọc và viết về chính trị, luật pháp và triết học. Tuy nhiên, tất cả vẫn phát xuất từ một niềm nhớ nhà - quê nhà như một nỗi ám ảnh, dằn vặt, thao thức, thôi thúc cây viết của tôi. Dù là bút ký hay là lý luận, tôi vẫn muốn tìm ra được một nơi đến, một chỗ về để trú ngụ tâm hồn của mình mà những gì mình viết cứ như là đang lên tiếng kêu đò bên bờ sông của cuộc sống.

Phật Giáo cũng là một nỗi ám ảnh khác mà tôi muốn hóa giải. Tôi đã viết xong bản thảo gần 400 trang cuốn "Ngã Thể và Tánh Không", trong đó tôi chỉ trích nặng nề tinh thần triết học và tư tưởng Phật Giáo. Tôi đưa cho vài người bạn xem qua, họ rất phẫn nộ và đề nghị tôi không nên xuất bản. Tôi đồng ý. Thực ra, tôi không muốn chỉ kiểm thảo Phật Giáo; trái lại, tôi tự đả kích chính mình - một nỗ lực phủ định tình cảm Phật Giáo tự đáy sâu tâm hồn tôi. Với tôi, Phật Giáo là quê nhà cho tâm thức; Quảng Trị là quê nhà cho thân xác. Triết học của tôi là sự cố gắng xây dựng một căn nhà mới cho chính mình bằng cách tìm về lại căn nhà cũ để lột tranh, gỡ kèo, hạ phên ra mà tìm bóng dáng của mình giữa gỗ mục, giữa mọt mối. Vì rứa, với kinh

nghiệm bản thân, và dù đã quá trễ, tôi xin khuyên bạn: nếu bạn lớn lên ở làng quê, nếu phải ra đi, nên đi ra khỏi làng trước mười tuổi, nếu không, bạn sẽ bị quê nhà ám ảnh suốt cả cuộc đời. Và sau đó: đừng tin theo một tôn giáo nào cả, vì nếu không, bạn chỉ mất công phủ định nó hết đời mình mà thôi.

Tôi cảm thấy rằng hết thảy nhân loại đều bị một bản án chung thân: mất quê hương. Riêng con người Việt Nam thì bị thêm một bản án khác: không tìm ra được chính mình. Chúng ta ưa viết văn làm thơ theo thể cách diễn đạt tâm tư chắc là chỉ bởi vì muốn giải hóa tính chuyên chế của hai bản án nầy. Và, vì vậy, tôi nghĩ rằng cái lý do làm cho tôi viết - bằng Việt ngữ - cũng nằm trong bối cảnh đó: một kẻ mất quê hương và không nhận chân ra được chính mình.



PHẠM THỊ HOÀI

— Sinh ngày 29.3.1960 tại Hải Dương, nay thuộc Hải Hưng, Bắc Việt Nam.
— 1977-1983: học nghành Lưu Trữ Văn Khố tại Humboldt-Universitat zu Berlin (CHDC Đức cũ)
— 1983-1993: Làm việc tại Viện Sử Học và Viện Nghiên Cứu Tôn Giáo tại Hà Nội.
— Từ 1993 sống với chồng và con 2/3 tại Berlin, 1/3 tại Hà Nội.

Tác phẩm:
1. Thiên Sứ, *tiểu thuyết*, 1988
2. Mê Lộ, *tập truyện*, 1989
3. Man Nương, *tập truyện và tiểu luận*, 1993
4. Marie Sến, *tiểu thuyết*, 1996
Dịch Kafka, Rilke, Brecht, Durrenmatt, Grass.

Về nghề văn:
Trong nghề văn, tài năng có thể chỉ chiếm 1%, phần còn lại là lao động và một số thứ khác. Song không có nó thì 99% kia chẳng là gì.

Về nghề dịch:
Trong nghề dịch, chữ TRUNG đáng giá ngàn vàng



NGUYỄN TRẦN PH.

SINH HOẠT VĂN HỌC NGHỆ THUẬT



BA LAN VINH DANH NHÀ THƠ WISLAWA SZYMBORSKA

Cả nước Ba Lan đã cùng vinh danh Wislawa Szymborska, nhà thơ nữ 73 tuổi trầm lặng người vừa thắng Giải Nobel Văn Chương năm nay.

Thi ca vẫn luôn luôn là một thể loại nghệ thuật được tôn quý ở Ba Lan, một quốc gia trong quá khứ từng bị trấn áp, chia cắt và xâm lăng bởi các nước láng giềng, và là nơi nhà thơ thường trở thành người đi đầu trong các cảm hứng yêu nước của dân tộc Ba Lan. Các nhà thơ thời kỳ Lãng Mạn như Mickiewicz, Slowacki và Krasinski đã đưa cao ngọn đuốc văn hóa Ba Lan trong những ngày đen tối khi nước này bị chia cắt và trấn áp bởi các đạo quân Nga, Phổ và Áo.

Do vậy, giải thưởng Szumborska nhận được đã đặc biệt được ăn mừng bởi cả dân tộc. Szymborska, 73 tuổi, người lớn dậy tại thành phố phía Nam Krakow, là người Ba Lan thứ tư và là phụ nữ thứ chín thắng giải này từ khi giải thành lập năm 1901.

Khi loan báo, Hàn Lâm Viện Thụy Điển diễn tả nhà thơ nữ như "một Mozart của thi ca... nhưng với một chút cuồng nộ của Beethoven trong tác phẩm của bà." Các sáng tác của bà đã đưa ra những câu hỏi triết lý và đạo đức trong một ngôn ngữ giàu thi tính. Ban tuyển chọn ghi nhận đặc biệt về

bài thơ "On Death, without Exaggeration" (Về Nỗi Chết, Không Quá Lời) với các dòng:

Không có đời sống nào
mà không thể là bất tử
nếu chỉ cho một khoảnh khắc.

Bà đã in khoảng hơn chục thi tập. Các trích dẫn trong bản văn loan báo cũng nêu lên các dòng kết từ đoạn thơ cuối bài "Nothing Twice" (Không Có Gì Hai Lần) viết năm 1980, và cho rằng nó "bật sáng như tia chớp trong nghệ thuật của Szymborska..."

Với nụ cười và nụ hôn, chúng ta muốn
tìm hòa điệu dưới vì sao của chúng ta
mặc dù chúng ta khác biệt (chúng ta đồng ý điều này)
hệt như hai giọt nước.

Bà cũng đã dịch nhiều thi phẩm Pháp thời Trung Cổ sang tiếng Ba Lan và đã in hai tập phê bình văn học.

Nhà phê bình Jan Pieszczchowicz nói với hãng tin PAP của Ba Lan rằng Szymborska "viết ít nhưng với chính xác và thận trọng. Không có lời dư thừa nơi đây, nhưng là một cảm thức u mặc, và lòng tử tế và thương cảm đối với con người."

Tác giả nổi tiếng Andrzej Szczpiorski thêm, "Szymborska đã nhân cách hóa cái vĩ đại của thi ca Ba Lan trong thế kỷ 20." Ông nhìn đây như một phản kháng của văn hóa Ba Lan trong một thời mà đất nước bị tràn ngập bởi làn sóng kinh tế thị trường. Ông nói với PAP, "Sức mạnh của đất nước Ba Lan và của bản chất Ba Lan nằm ở trong bầu khí tinh thần khi nhà thơ lớn của Krakow trở thành quan trọng hơn đối với cả thế giới hơn là tất cả những tay khủng hoảng chạy vòng vòng lo chuyện vơ vét tiền."

Ít được biết tới ngoài Ba Lan nhưng được trọng vọng nơi quê nhà, bà được tràn ngập bởi trận lụt các lời khen ngợi. Nhật báo hàng đầu Ba Lan Gazeta Wyborcza số ngày 4.10 đã chạy tít lớn trang nhất với một chữ "Szymborska!" và một bài vinh danh từ chủ nhiệm, nhà văn cựu ly khai Adam Michnik.

Những người Ba Lan từng được giải Nobel khác, nhà thơ lưu vong Czeslaw Milosz (Nobel Văn Chương 1980) và cựu Tổng Thống Lech Walesa (Nobel Hòa Bình), cũng đã khen ngợi nhà thơ nữ. Walesa nói, "Một lần nữa, Ba Lan được thế giới công nhận, và trên hết là người phụ nữ này được công nhận: quá khiêm tốn như một người và quá vĩ đại trong tinh thần và trong tác phẩm."

Sinh ngày 2.7.1923 tại làng Bnin, gần Poznan, Szymborska học văn

chương tại Đại Học Krakow tại Krakow, thủ đô văn hóa phía Nam của Ba Lan, và đã sống tại đây từ đó. Bà dự tính chia tiền thắng giải 1.12 triệu đô la cho các nhà văn khác, "Tôi không cần trọn số tiền này."

Bà sẽ được tặng giải tại một buổi lễ chính thức ở Stockholm ngày 10.12, cũng là ngày kỷ niệm năm thứ 100 cái chết của Alfred Nobel.

NGHỆ THUẬT SẼ CỨU RỖI CON NGƯỜI?

Một tù nhân tại nhà tù Diepkloof (Nam Phi) nói, "Tôi đã thường xấu hổ với tội lỗi của mình [bắt cóc, sở hữu vũ khí và chất nổ]. Bây giờ hết rồi. Tôi đã học tha tội chính mình. Tôi đã là một tên nóng giận, tôi trưởng thành trong một trại mồ côi. Bây giờ thì bớt nóng giận rồi."

Tù nhân này, bị án 11 năm, đang kể chuyện đời mình trong một khóa dạy làm thơ trách nhiệm bởi Elaine Rumboll tại Diepkloof. Mười người đàn ông, phạm các tội hình sự từ sát nhân tới cướp có vũ trang, đã ngồi trong một phòng họp nhỏ với Rumboll như họ đã làm trong năm ngoái, để tự khám phá một phương diện nội tâm của chính họ mà hầu hết họ khó thấy..

Trước đó, sáu phụ nữ, bị các án gian lận, cướp và một tội sát nhân, đã cũng làm tương tự trong một phòng tù chung và một sân xi măng nhỏ. Và, lần đầu tiên, một cai tù cùng vào tham dự. Đó là một hình ảnh dị thường và xúc động khi nhìn một cai tù và một tù phạm sát nhân tham dự trong việc tập tin cậy nhau, mỗi người thay nhau chịu bịt mắt và được dắt đi trong sân.

Khi được yêu cầu diễn tả lòng tin cậy dựa trên cảm giác sờ mó, ngửi, màu sắc, như một đối tượng, ngôn ngữ và hình ảnh của họ trình bày thật kinh ngạc. Tin cậy cũng hệt như nước, họ nói, nó di động và trôi chảy và thay đổi và mặt trái của nó là ghen tị. Nó cũng hệt như một chiếc ly vỡ đã được hàn gắn—bạn không bao giờ biết nó sẽ vẫn chứa được hoặc nó sẽ chảy rỉ bao nhiêu. Và nó có âm thanh của một con ngựa phi nước đại trong một cuộc đua mà bạn dốc hết tiền đặt cược vào, theo họ mô tả. Và vậy đó, một bài thơ gần như được viết xong.

Trong một Nam Phi thời hậu kỳ thị chủng tộc, người ta đang nhìn vào các nhà tù và các điều kiện sinh hoạt tù trong một cách mà nước này chưa bao giờ trải qua. Có tới 120,000 tù nhân đang ở trong các nhà tù dung lượng dự trù chỉ 95,000 tù nhân, theo lời Gary Friedman của chương trình Puppets in Prison (Búp Bê Trong Tù), và mỗi năm có từ 450,000 tới 500,000 tù nhân bước vào tù. Nghĩa là hầu hết đều ở tù ngắn hạn.

Fiona Lloyd, một huấn luyện viên phát thanh cộng đồng, mới đây đã mở hai khóa học về kỹ thuật phát thanh và giúp tạo ra một vở kịch truyền thanh. Nontsikelelo Qaba đã mở một khóa học về thi ca ngợi ca thổ ngữ. Nhạc sĩ Matthew van der Want mở một khóa dạy soạn nhạc và chơi nhạc, mà "một

phái đoàn Mỹ đã rất thích đến nỗi họ đã đem phương pháp này áp dụng cho các nhà tù Hoa Kỳ," theo lời Rumboll.

Phát ngôn nhân Rosemary Shapiro của Viện Ngừa Chống Tội Ác (NICRO) giải thích, "Bất cứ những gì tăng thêm tính nhân đạo và giảm tính tàn bạo đều tốt, và tăng được khả năng sống trong xã hội trong một cách xây dựng. Bằng cách gợi lên mặt sáng tạo của đời sống, con người đang dần dần giảm bớt tội ác..."

Vấn đề là, hầu hết các chương trình hướng dẫn sáng tạo nghệ thuật trong tù đều ngắn hạn và cạn tiền. Khóa dạy làm thơ, tài trợ bởi Arts Alive trong năm ngoái, tuần này (7.10.96) đã sạch tiền, nhưng Rumboll vẫn tiếp tục hoạt động.

TIẾNG ĐỨC: GIỮ TRUYỀN THỐNG HAY ĐƠN GIẢN HÓA?

Một số nhà văn hàng đầu Đức, kể cả tiểu thuyết gia Guenter Grass, hôm 6.10 đã kêu gọi phải bỏ việc cải sửa ngôn ngữ Đức và đừng đụng tới các truyền thống ngữ học.

Các tác giả nói rằng công cuộc cải sửa tiếng Đức—được thỏa thuận tại Vienna hồi tháng 7 bởi Đức, Áo, Thụy Sĩ và đại diện các cộng đồng nói tiếng Đức—thì không cần thiết và chỉ đốt tiền trong một thời mà ít người có dư giả.

Trong Bản Tuyên Ngôn Frankfurt, được phổ biến cùng lúc với hội chợ sách khổng lồ của thành phố, họ viết rằng cuộc cải sửa đã được sửa soạn bởi một "nhóm các chuyên gia hầu hết là vô danh" và sẽ gây "rối loạn cho nhiều thập niên."

Nhóm bênh vực việc cải tổ nói rằng việc này sẽ đơn giản hóa và tiêu chuẩn hóa nhiều luật cổ xưa về văn phạm và chính tả trong tiếng Đức, làm dễ dàng hơn cho người bản xứ và người ngoại quốc học hỏi.

Nhưng những người ký tuyên ngôn, trong đó có các tiểu thuyết gia Siegfried Lenz và Marin Walser, nói rằng việc cải tổ sẽ gây hại cho tiếng Đức cả trong và ngoài nước.

Bản tuyên ngôn, được viết trong một thứ tiếng Đức chính xác đầy những công thức ngữ học phức tạp và các mệnh đề hỗ trợ mà các nhà cải tổ đang muốn đơn giản hóa, thúc giục mọi người trong lĩnh vực ngữ học hãy ngưng việc thay đổi và "gắn bó với chính tả hiện nay."

MỘT TRANG MỚI CỦA VĂN HỌC NGA

Dmitri Lipskerov ba năm trước đã tới Los Angeles với lòng hăm hở của một nhà văn ước mơ xây dựng một sự nghiệp văn chương, nhưng chỉ để rồi

phải kiếm sống bằng việc giao pizza. Sau một năm lưu vong đầy thất vọng, anh đã về lại Nga, nơi nhà soạn kịch 32 tuổi này được ngợi khen với cuốn tiểu thuyết đầu tay bán chạy hàng đầu về đời sống thực trong một thành phố huyền thoại, "Bốn Mươi Năm của Chanchzhoe." Nhưng dù vậy, anh vẫn chưa thể sống toàn thời bằng ngòi bút.

Trong một thế giới văn hóa lạnh lẽo, tàn nhẫn của nước Nga ngày nay, những gì kiếm được từ thành công văn chương của anh chỉ như một chút điểm xuyết cho mức thu nhập từ một tiệm ăn anh đang sở hữu.

Văn chương Nga đã chịu đựng nỗi đau trong 5 năm qua, đã mất chế độ bao cấp của nhà nước, điều từng cho phép Moscow khoe khoang rằng dân Nga đọc nhiều nhất so với các dân tộc khác trên thế giới.

Mặc dù được kích thích bởi tự do sáng tạo, một điều chưa từng có dưới chế độ cộng sản trước kia, ngay cả các tác giả được ưa chuộng nhất vẫn phải hưởng niềm vui tinh thần hơn là được phần thưởng vật chất khi thương vụ sách thời hậu cộng sản cứ liên tục đi xuống.

Nhưng các nhà văn, các nhà biên tập và các nhà phê bình vẫn không bị khủng hoảng về tình trạng văn chương trong thời đại mới. Họ hạnh phúc xem việc mất bao cấp như một giá nhỏ phải trả cho việc từ biệt chế độ kiểm duyệt, và họ tiên đoán sẽ tới một thời hoàng kim mới của văn chương Nga một khi màn khói của cuộc cách mạng xã hội đương thời tan đi.

Đã hết rồi một thời khi hàng ngàn người chen nhau vào hội trường Luzhniki ở Moscow để nghe đọc thơ. Nhưng các nhà thơ mới lên vẫn còn có thể tìm được chỗ đọc thơ trong các tiệm cà phê dưới những căn hầm đầy khói hay đọc cho những vị khách trong các tiệm sách tư.

Alexei Kostanyan, trưởng biên tập của nhà xuất bản Vagrius nơi in tác phẩm của một số nhà văn mới nổi tiếng, nhận xét, "Trong xã hội Xô Viết, người ta có dư thì giờ và không có thú vui gì khác. Họ quen nghĩ rằng một cuốn sách hay nên được đọc suốt trong một đêm. Bây giờ thì ai cũng phải lo chạy kiếm sống, và khi họ có vài phút thư thả thì lại có những chương trình hứng thú trên TV và video và đủ thứ sách báo loại không đòi hỏi suy nghĩ gì bao nhiêu."

Ủy Ban Xuất Bản Nhà Nước tường trình rằng mức in sách cứ liên tục sút giảm, với 350 triệu ấn bản năm nay thì chỉ bằng 22% mức in sách thời đỉnh cao Xô Viết 1990 và chỉ tương đương với lượng sách in năm 1940.

Mức in các tạp chí văn chương Nga cũng bị sút giảm. Nhà xuất bản được ưa chuộng nhất cho các tác phẩm mới, Novy Mir, đã bán 2.5 triệu ấn bản một tháng trong năm 1990, bây giờ chỉ được có 22,000 ấn bản.

Giá sách cũng thấp so với loại sách bìa cứng Tây Phương, chỉ từ 3 đô la tới 5 đô la cho các tựa sách mới. Nhưng trong một đất nước với lương tháng trung bình dưới 200 đô la—ít nhất đây là con số người ta khai với Sở Thuế—thì mua sách là điều xa xỉ, và các thư viện chỉ được cung cấp ít ỏi với cùng lý

do thiếu ngân quỹ.

Các loại sách thám tử, sách khoa học giả tưởng, tiểu thuyết diễm tình và truyện dâm đãng đang tràn ngập vượt xa mức bán các tác phẩm giá trị. Tamara Samukhina, một thư ký văn phòng 40 tuổi, giải thích khi nhìn qua các tựa sách trong Nhà Sách Moscow, "Tôi thích tiểu thuyết thám tử. Loại này dễ đọc khi đi xe điện ngầm và chúng giúp tôi thoát khỏi mọi lo lắng."

Nhưng chỉ nhìn qua các tiệm sách bận rộn nhất và các chợ sách vỉa hè cũng thấy được sách của các nhà văn Nga chiếm ngự trong loại bìa cứng, trong khi có tới khoảng 90% sách bìa mềm là các bản dịch từ sách các nước Phương Tây.

Phải làm việc khác để kiếm sống hiện là một thực tế của cuộc đời đối với hầu hết nhà văn Nga, và họ đã chấp nhận trong một cách thái chờ đợi cho quả đất xoay đi một vòng mới. Kabakov, tiểu thuyết gia nổi tiếng người đang làm biên tập toàn thời cho tuần báo Moscow News, nói, "Tôi nghĩ ở bất kỳ nơi nào cũng chỉ có một số ít nhà văn có thể sống hoàn toàn nhờ văn chương. Ngay cả ở Mỹ, hầu hết những nhà văn có tài phải đi dạy trên các đại học. Nhưng bất hạnh là, tại Nga, các giáo sư lại kiếm tiền ít hơn cả các nhà văn."

Nhà văn chủ tiệm ăn Lipskerov nói, "Bây giờ thì không có gì đứng cản sức sáng tạo nữa. Kẻ thù duy nhất của tôi bây giờ chính là sự lười biếng."

SÁCH CŨ GÂY RA ẢO GIÁC

Sức mê hoặc của văn chương đang mang một nghĩa hoàn toàn mới. Nghĩa là, nếu bạn để nhiều thì giờ quanh các sách cũ và các bản thảo xưa cổ trong các văn khố ẩm mốc, bạn có thể rơi vào ảo giác. Thật vậy.

Các chuyên gia về những loại vi thảo mộc sống bám trên các trang giấy và trên các bìa sách ngày càng tin rằng bạn có thể bị rơi vào ảo giác khi ngửi các sách cũ. Họ nói, vi thảo mộc trên trang sách nhiều phần là nguồn tạo nên các tế bào gây ảo giác.

Monona Rossol, một chuyên gia về ảnh hưởng sức khỏe của các sản phẩm dùng trong thế giới nghệ thuật, nói rằng nếu bạn dùng nhiều thì giờ ngửi các tế bào ảo giác từ các vi thảo mộc thì sẽ bị những phản ứng kỳ dị.

Mới tuần qua (30.9.96) Thư Viện Công Cộng Las Cruces ở N.M. đã bị đóng cửa vô hạn định sau khi các vi thảo mộc tràn ngập trong khu chứa sách tham khảo. Giám đốc thư viện Carol Brey nói rằng các vi thảo mộc đã lan khắp các sách sử cũ và tiến vào khu chứa sách văn chương.

Brey, người có chứng dị ứng, nói rằng bà ghi nhận đã bị nhiều hơn các cơn ho, chảy nước mũi và hắt-xì. Nhưng bà nói, chưa thấy ai báo cáo về bất kỳ ảnh hưởng ảo giác nào như cảnh cáo của cơ quan Mold Eradication Team (Đội Chống Bụi Vi Khuẩn) khi ra lệnh đóng cửa thư viện.

TIỂU THUYẾT "TRẬT TỰ SAU CÙNG" CỦA GRAHAM SWIFT ĐOẠT GIẢI BOOKER PRIZE

Tiểu thuyết "Trật Tự Sau Cùng" (Last Orders) của Graham Swift, viết về chuyến đi của bốn cư dân Luân Đôn đến thành phố Kent để thực hiện ước nguyện sau cùng trước khi chết của một người bạn của họ bằng cách rải tro xác của anh ta xuống biển, vừa đoạt giải Booker Prize, giải thưởng văn học có giá trị nhất của Anh hôm 29 tháng 10 vừa qua.

Giải thưởng trị giá khoảng 35 ngàn Mỹ kim và là một đảm bảo chắc chắn cho việc sách bán chạy này, mang một ý nghĩa khá đặc biệt vào năm nay vì tránh được những cuộc tranh luận đã xảy ra cho giải thưởng này các năm gần đây. Tác phẩm đoạt giải đã đạt được sự đồng tình của nhiều giới quan tâm đến văn học. Tiểu thuyết của Swift vượt thắng năm tác phẩm khác, đều đã được các nhà phê bình đón nhận nồng nhiệt và trong các mức độ khác nhau, đã được dân đọc sách và giới bình luận xem như rất xứng đáng để vào trong vòng cuối của giải thưởng.

Tuy vậy, "Trật Tự Sau Cùng" vẫn được xem như sự lựa chọn hiển nhiên ngay từ lúc danh sách thu hẹp còn lại sáu quyển được công bố trong tháng. Quyển sách đã được khen ngợi khắp nơi ngay từ khi vừa được ấn hành. (Sách được nhà xuất bản Knopf phát hành ở Hoa Kỳ). Đây là tiểu thuyết thứ hai của Swift xuất hiện trong danh sách các tác phẩm vào vòng cuối cùng của giải Booker.

Quyển "Waterland" cũng đã được đề cử vào năm 1983 nhưng không đoạt giải.

Một thành viên hội đồng cho biết là sau khi thu hẹp từ 150 tác phẩm còn lại sáu, hội đồng chấm giải gồm năm vị đã tách thành hai phe để quyết định giữa tác phẩm "Trật Tự sau Cùng" và "Đọc Trong Bóng Tối" (Reading in the dark).

"Đọc Trong Bóng Tối" là tác phẩm đầu tiên của nhà thơ Ái Nhĩ Lan Seamus Deane, là một bán tự truyện của một cậu bé chạm trán với những bí mật của gia đình ở Bắc Ái Nhĩ Lan trong thập niên 40, 50 và 60. Tác phẩm này được hai phiếu và "Trật Tự Sau Cùng" được ba.

Giải Booker Prize được trao tặng mỗi năm cho một tác phẩm được viết bởi một công dân Anh và có tầm quan trọng cho đến nỗi đài BBC có trực tiếp tường thuật phần công bố kết quả và ý kiến của các nhà bình luận về giải thưởng.

Ngoài quyển "Viết Trong Bóng Tối", các tác phẩm được chọn vào vòng cuối giải thưởng Booker năm nay gồm có: "Alias Grace" của Margaret Atwood, "Every Man Himself" của Beryl Brainbridge", "A Fine Balancc" của Robinson Mistry và "The Orchard on Fire" của Shena Mackay.

NHÀ THƠ KENNETH KOTH ĐOẠT GIẢI THƯỞNG THI CA

Kenneth Koth vừa đoạt giải Rebekah Johnson Bobbitt National Prize về thơ năm 1996 với tác phẩm "One Train"

Giải thưởng trị giá 10 ngàn Mỹ kim này được Thư Viện Quốc Hội (Library of Congress) trao mỗi hai năm một lần cho sáng tác nổi bậc của một thi sĩ Hoa Kỳ.

Hội đồng tuyển chọn năm nay gồm các nhà thơ Envan Boland, Robert Creeley và A. Walton Litz, một nhà văn và giáo sư tại đại học Princeton.

Giải thưởng được thành lập năm 1990 bởi gia đình bà Bobbitt, một người em gái của tổng thống Lyndon B. Johnson. Những nhà thơ đoạt giải trước đó là James Merril (1990), Mark Strand và Louise Gluck, chia nhau giải thưởng (1992) và A.R. Ammons (1994).

Nhà thơ Kenneth Koth hiện dạy tại Đại học Columbia đã đọc thơ nà nhận giải thưởng trong buổi tiệc được tổ chức tối 31 tháng 10 tại Thư Viện Quốc Hội.

HỌC GIẢ TẠ TRỌNG HIỆP TỪ TRẦN

Giáo sư Tạ Trọng Hiệp đã từ trần hồi 21 giờ, ngày 25-10-1996, vì bệnh ung thư tại bệnh viện Kremlin Bicêtre ở Paris. Hưởng thọ 63 tuổi. Tang lễ đã được cử hành hồi 14 giờ 15 ngày 4-11-1996, từ bệnh viện về nghĩa trang, Gentilly.

Bảy tháng, sau khi học giả Hoàng Xuân Hãn từ trần, sự ra đi của học giả Tạ Trọng Hiệp là một mất mát không nhỏ cho văn hóa nước nhà.

Xuất thân từ một gia đình văn học, cha là Tạ Đình Bính, một trong hai chủ bút của *Hà Thành Ngọ Báo,* và mẹ là Phùng Thị Vi đã từng viết trong *Hà Thành Ngọ Báo* dưới bút hiệu Mỹ Chân những năm 30. Tạ Trong Hiệp sinh ngày 18-10- 1933 tại làng Thụy Khuê, cạnh Hồ Tây, Hà Nội. Quê cha ở Hưng Yên, quê mẹ ở Nam Định.

Tạ Trong Hiệp đã thấm nhuần không khí văn học trong sách vở gia đình. Ông ngoại là cụ Phùng Gia Tấn, cử nhân Hán Học, và bà ngoại là cụ Trần Thị Nhị, cùng là người hay chữ, thông thuộc văn thơ cổ điển.

Sau mấy năm học tiểu học ở Hà Nội, lúc đó độ 11-12, khoảng 44-45, theo mẹ vào Huế, Tạ Trong Hiệp quyết định không đến trường nữa, tự mình học lấy một mình, với sách vở của ông ngoại để lại cho đến ngày đi Pháp vào cuối năm 1951, lúc ông 18 tuổi.

Mười lăm tuổi đã đọc *Nam Hoa Kinh*, công việc nghiên cứu và sưu tầm sách vở của Tạ Trọng Hiệp bắt đầu từ khi còn ở Saigon những năm 49-50.

Tủ sách của Tạ Trọng Hiệp cũng là một di sản văn hóa lớn lao cho giới

nghiên cứu văn học. Sang Pháp học ở trường sinh ngữ Đông Phương và đại học Sorbonne, ông là thành viên của Société Asiatique (Hội Á Châu). Năm 1953, ông đến thụ giáo giáo sư Hoàng Xuân Hãn trong vòng một năm, và chính bác Hãn đã dẫn ông vào con đường nghiên cứu Hán Nôm. Trong bài tưởng niệm bác Hãn, ông viết:

"Tôi đọc cuốn danh từ khoa học ở Pháp và tôi đã gặp ở đấy, như mọi độc giả của cuốn sách ấy, cả một vũ trụ tư duy khoa học, trong đó ngôn ngữ Việt Nam được sử dụng như một công cụ đầy hiệu nghiệm, đạt đến trình độ trưởng thành và chính xác. Ở đó, cả hai yếu tố - Hán và Việt - đều được vận dụng và kết hợp rất hợp lý để cấu tạo ra thuật ngữ chuyên môn.

Ai cũng dễ thấy là tác giả bắt được cái cầu nối cái mới và cái cũ. Kiêm được cả hai cái có vẻ mâu thuẫn ấy trong một bản lĩnh thống nhất, vững vàng. Trong sự học của ta, không thể chỉ có Tân học. Trong cái vốn cổ của ta, không thể loại bỏ thành phần Hán.

Kết luận với tôi là ghi học chữ Hán (qua Hoa Ngữ) ở trường sinh ngữ Đông Phương. Học đến năm thứ hai, có phần cổ văn, tôi cố mầy mò để học thêm Hán Việt, bằng cách tra trong *Hán Việt Tự Điển* của Đào Duy Anh". (Tưởng Niệm Bác Hãn, HL, số 39, tháng 6/7-1996)

Đấy là cách ông tự học trong suốt cuộc đời học và nghiên cứu.

Tạ Trọng Hiệp làm việc âm thầm và những công trình của ông thể hiện phần lớn như những báo cáo cho Trung Tâm Nghiên Cứu Khoa Học (CNRS Pháp.

Ông đã góp phần - nếu không muốn nói ông là vai chính - trong việc phát hiện bộ *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư Bản*, *"Nội Các Quan Bản"*, tức là bản khắc in năm Chính Hòa thứ 18 (1697), bản cổ nhất còn giữ được trong tủ sách của giáo sư Demiéville, thầy học của ông.

Ông cũng phát hiện và đặt vấn đề khảo sát lại *Vân Đài Loại Ngữ* của Lê Quý Đôn, những đoạn văn Lê Quý Đôn chép của sách Trung Quốc mà không đề rõ xuất xứ.

Ông đã tham gia đắc lực vào việc hình thành *Thư Mục Di Sản Hán Nôm* từ đời Lý Trần đến ngày nay. Ông đã dịch và chú giải *Hải Trình Chí Lược* của Phan Huy Chú, cùng với Claudine Salmon và Phan Huy Lê. Dịch và chú giải cùng với Claudine Salmon một số bài thơ chữ Hán của Cao Bá Quát chưa được mọi người biết đến.

Nhiều công trình nghiên cứu còn dang dở, trong đó có chương trình *Tuyển Tập Văn Bia Bi Ký Việt Nam* từ thời Lý Trần đến ngày nay. Đây là chương trình cộng tác giữa trường Viễn Đông Bác Cổ và Viện Hán Nôm Hà Nội.

Sự nghiên cứu của Tạ Trong Hiệp về Văn Bản Học và Thư Tịch Học, không chỉ riêng ở việc phát hiện các văn bản, mà còn ở chính phần chú giải, hiệu đính người đọc mới cảm thấy sự học rộng của ông. Tính cách khoa học,

trật tự làm việc nghiêm túc và cẩn trọng đến độ chi li, toàn bích. (Thụy Khuê, RFI, 25 và 26/10/96)

TRIỂN LÃM TRANH CỦA HAI HỌA SĨ NGUYÊN KHAI VÀ KHÁNH TRƯỜNG TẠI SAN JOSE

Ngày 08 tháng 12 năm 1996 tại VINA ART Gallery, số 167 E., Santa Clara St, thuộc thành phố San Jose đã khai mạc phòng tranh của hai họa sĩ Khánh Trường và Nguyên Khai, với những sáng tác mới nhất, gồm mỗi người 20 bức.

Phần tranh của Nguyên Khai mang chủ đề *"Con Người Và Computer"*, được thực hiện bằng chất liệu hỗn hợp, là những vật dụng phế thải trong máy computer (phần lớn là những con *chíp*), cùng với sắt, kẽm, gỗ, thảm lót nhà, bao gạo, bố, sơn dầu, acrylic.

Bằng một trái tim nhạy cảm, Nguyên Khai đã biến những vật liệu thô cứng vừa nêu thành những không gian mới, với *gam* màu dứt khoát, mạnh bạo nhưng vẫn thấp thoáng chất thơ. Đó là những không gian có khả năng gợi mở, dẫn đưa khách xem tranh đến mọi bến bờ kỳ thú bất ngờ.

Phần tranh của Khánh Trường mang chủ đề *"Ngày... Tháng..."*, tất cả được thực hiện với khuynh hướng "vô hình thể". Khánh Trường cho rằng chức năng của hội họa là tìm kiếm và phô diễn cái đẹp. Trong quá trình làm việc, cái đã thành tựu thường khi không mảy may liên hệ với cái đã ấp u trong đầu. Yếu tố may rủi và hoạt động của tiềm thức bao giờ cũng chiếm vị trí cực quan trọng. Cũng có nghĩa, sự bất ngờ luôn luôn là yếu tố sinh tử. Vì vậy đặt tên cho một bức tranh thường vẫn là việc làm khiêm cưỡng, do đó ông chỉ ghi *ngày tháng năm* hoàn tất, "Đó là những dấu mốc, cắm dọc chặng đường sáng tác của tôi", ông nói.

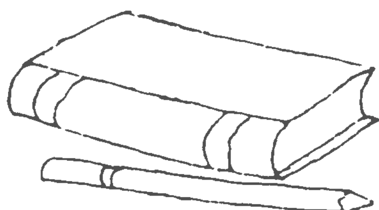
Phòng tranh sẽ mở cửa mỗi ngày từ 10:30AM đến 07:00PM (kể cả thứ bảy, chủ nhật) trong ba tuần, bắt đầu từ ngày 08 đến ngày 22 tháng 12 năm 1996.

NGUYỄN TRẦN PH.



KIM THI

NGÀY... THÁNG...



Ngày 12 tháng 10 năm 1996

Ở Bolsa có hai quán cà phê qui tụ khá đầy đủ những khuôn mặt tiêu biểu, xứng đáng đại diện cho các thiên tài kiệt xuất trong các lãnh vực liên quan đến văn chương, báo chí, chính trị.

Tụ điểm thứ nhất gồm toàn những "văn nghệ sĩ" đã (một thời) thành danh, hoặc chưa bao giờ (và có lẽ không bao giờ) thành danh. Họ ngồi đó, mặt lúc nào cũng nghiêm và buồn. Họ nói với nhau đủ mọi chuyện liên quan đến nền văn học nghệ thuật hải ngoại, đôi khi cả trong nước. Và dù đề cập đến ai, tác phẩm nào thì cuối cùng trọng tâm của câu chuyện cũng sẽ trở lại cái lõi chính: "tôi". Rằng "tôi" có thời từng thế này thế nọ, "tôi" bây giờ đang viết một tác phẩm lớn, "tôi" được nhà xuất bản A,B,C,D nào đó đặt hàng một cuốn sách về một vấn đề "tôi" đã nghiền ngẫm bao lâu nay. Rằng mỗi câu mỗi chữ "tôi" viết ra đều không phải vô thưởng vô phạt, nó sẽ gây nên những cơn địa chấn, sẽ khiến nhiều "thằng" ngẩn ngơ, sẽ là một ngón đòn trời giáng cho bọn bồi bút cả trong lẫn ngoài nước. Rằng thơ "tôi" được các nhà xuất bản Mỹ thương lượng xin được in và từng đoạt giải thưởng. Để chứng minh, tác giả lôi trong cái cặp da lúc nào cũng khư khư một bên ra cho thiên hạ xem những tờ giấy khen được bọc ni lông cẩn thận (riêng khoản này, Kim Thi xin vui vẻ mách nước cho bất cứ vị nào muốn có một tấm giấy khen loại ấy, thậm chí thơ của quí vị chắc chắn sẽ được in trong những tuyển tập dày cộm năm ba trăm trang, bìa da gáy mạ vàng hẳn hòi. Chả là ở Mỹ cái gì cũng trở thàng business được cả. Muốn có bằng tiến sĩ chả hạn, chẳng khó khăn chi, chỉ việc ghi tên học hàm thụ, mỗi mùa đóng bao nhiêu tiền, là sẽ đến lúc người ta cấp cho quí vị một tấm bằng tiến sĩ, về mặt pháp lý, sẽ rất hợp lệ. Nhưng tấm bằng

ấy chỉ để mang về VN hù thiên hạ cho oai, thực sự, nó chỉ là một mảnh giấy lộn, cầm nó đi xin việc, dù chỉ xin làm công nhân vặn ốc nối dây điện trong các hãng điện tử, chưa chắc đã được nhận! Cũng thế, quí vị muốn trở thành thi sĩ. Dễ thôi. Cứ viết nhăng viết cuộc tùy thích. Sai văn phạm, chữ nghĩa cua còng cũng được, sẽ có người "nhuận sắc" hộ quí vị, và chắc chắn quí vị sẽ được chọn, đồng thời sẽ được ghi danh bảng vàng. Chỉ một điều kiện duy nhất quí vị phải làm: bằng lòng mua vài chục cuốn "tuyển tập" ấy sau khi nó được xuất bản. Mỗi cuốn vài chục đô la, mỗi vị vài chục cuốn, một cuộc thi có ba bốn trăm người dự, nhân lên, sau khi trừ mọi phí khoản, kể cả phí khoản trả cho một ông bà thi sĩ thực sự nào đó có công nhuận sắc, nhà xuất bản cũng kiếm được món tiền bở. Đôi bên cùng có lợi. Chỉ tốn vài trăm bạc, các thi sĩ mầm non sẽ có cơ hội vung vít tên tuổi với đồng hương, nhà xuất bản vài tháng ra một "tuyển tập", thừa sức tiếp tục làm "văn học" xuôi chèo mát mái). Kim Thi một vài lần nể lời anh em có đến uống cà phê ở tụ điểm ấy, và kinh ngạc nghĩ không ra tại sao chỉ một góc nhỏ Bolsa lại lắm thiên tài đến thế. Dần dà Kim Thi đâm ra ngưỡng mộ họ. Ngưỡng mộ thực sự. Bởi vì, nhất định những vị trung niên, cao niên này phải có một phương pháp tu luyện nào đó, mới có thể chung thân trẻ mãi không già! Họ có khả năng nuôi dưỡng tính ngông cuồng và háo thắng của những thanh niên mười tám đôi mươi bền bỉ, dài lâu, không hề mỏi mệt.

Tụ điểm thứ hai, cũng nằm trong một khu sầm uất nhất Bolsa. Ở đây không qui tụ những văn nghệ sĩ, mà là căn cứ địa của các "nhà báo" và các "chính trị gia". Nếu có dịp ghé qua nơi này vào buổi sáng, độc giả sẽ có dịp chứng kiến một hoạt cảnh rất ư náo nhiệt. Vài ba cái bàn kê ngoài hiên (dành cho khách hàng hút thuốc lá), năm mười nhân vật quen mặt quen tên, họ ngồi quây quần chung quanh những ly cà phê, giữa mù mịt khói thuốc, tranh nhau nói. Chuyện thời sự, chuyện cộng đồng, chuyện thế giới, chuyện quốc nội. Hình như vị nào ở đây cũng kinh luân một bụng. Nói đến chuyện bầu cử tổng thống Mỹ ư? Họ có thể quả quyết như đinh đóng cột ai thắng ai bại, và phân tích chi li khúc triết tại sao, bởi động cơ nào. Nói đến chuyện CSVN ư? Họ có khả năng tiên đoán bao lâu nữa thì chế độ ấy sụp đổ, và sách lược chính trị, kinh tế của họ rồi sẽ được thực thi ra sao. Nói đến "thế đứng của Cộng Đồng hải ngoại trong công cuộc phục hưng đất nước" ư? Họ, là một vài trong những người đại diện, hiểu hơn ai hết rằng nếu không có họ, cái xứ Bolsa nói riêng, Việt kiều hải ngoại nói chung, sẽ như rắn mất đầu, chẳng thể có tư cách nào để có thể ngang nhiên đối thoại với "tụi trong nước", hầu dành lại cái thế tất thắng của mình... Cũng như các văn nghệ sĩ ở tụ điểm thứ nhất, các "nhà báo", các "chính trị gia" ở tụ điểm thứ hai tỏ ra quan trọng và cần thiết không kém. Hình như tất cả đều là những đại diện cho lương tâm và tiếng nói của người Việt hải ngoại. Hình như nếu không có họ thì cái nhúm người nhỏ nhoi đang ăn nhờ ở đậu trên quê người chỉ là những con chó mất

chủ, bơ vơ và lạc lõng. Hình như sở dĩ CSVN rồi đây sẽ sụp đổ tan tành vô phương cứu vãng phần lớn nhờ sự đấu tranh không khoan nhượng và không mệt mỏi của họ trên các diễn đàn công luận...

Đôi lần Kim Thi tò mò ghé đến quán cà phê này, những mong học hỏi được chút đỉnh gì chăng, hầu bồi đắp thêm cho cái kiến thức vốn hết sức nghèo nàn của mình. Và Kim Thi lại một lần nữa ngưỡng mộ họ, không kém gì ngưỡng mộ các thiên tài văn học nghệ thuật ở tụ điểm thứ nhất. Quả đúng họ là những trung niên lão niên trẻ mãi không già. Hai mươi mốt năm sống trên xứ người, không một dấu hiệu nao núng, họ vẫn là những thành trì đấu tranh kiên cường cho một Việt Nam no ấm và phú cường nhất Đông Nam Á. Và hai mươi mốt năm sống trên xứ người, dù tài kinh bang tế thế của họ chưa được kẻ có mắt xanh nhìn thấy, nhưng không vì thế họ nhụt chí...

Ngày 17 tháng 10 năm 1996

Nguyễn Duy đến Mỹ, Nguyễn Thị Hồng Ngát đến Mỹ, Lê Minh Khuê, Nguyễn Quang Thiều, Hoàng Ngọc Hiến, Nguyễn Huy Thiệp, Phan Thị Vàng Anh, Hoàng Tố Mai... đến Mỹ. Những năm gần đây văn nghệ sĩ trong nước thay phiên nhau, liên tục, bay đi bốn phương tám hướng. Họ đi, để cập nhật cái mới, để tiếp nhận cái lạ, để học hỏi cái hay, để bồi đắp cái thiếu, để khai thông cái còn bế tắc. Việc đi của họ xét trên nhiều mặt hết sức cần thiết cho cả đôi bên. Khoảng cách quan san trong/ngoài nhờ những chuyến đi và những cuộc gặp gỡ đã ngắn lại, rất nhiều. Nói như Nguyễn Thị Hồng Ngát trong một buổi họp mặt thân hữu ở quận Cam: văn nghệ sĩ xét cho cùng ở đâu thì cũng thế, cũng yêu quê hương và yêu tiếng mẹ đẻ. Khi còn yêu được tiếng mẹ đẻ thì sao lại không yêu được nhau.

Kim Thi đã có dịp gặp gỡ hầu hết những văn nghệ sĩ từng đến nước Mỹ. Tất cả bọn họ đều đồng ý người Việt ở hải ngoại tốt lắm, tình nghĩa lắm, nồng hậu lắm. Nhưng sau đó, một cách dè dặt, họ cũng cùng có chung một nhận xét khác: Nhưng nhiều người... dữ quá (dữ, hiểu theo nghĩa căn thù chế độ hiện tại ở nội địa tận răng). Lần về nước năm ngoái, trong những buổi tiếp xúc với các anh em viết văn làm thơ trong Nam ngoài Bắc, Kim Thi thường thấy rất nhiều lần thái độ kinh ngạc của họ khi bàn đến lòng "căm thù" của người Việt hải ngoại với chế độ mới. Bảo Ninh, Nguyễn Quang Lập, giữa men say một cuộc rượu, thắc mắc hỏi Kim Thi: Sao lạ thế, chúng tôi cũng là lính tráng, cũng có anh em bè bạn hy sinh trong chiến tranh. Miền Bắc vào những năm chống Mỹ phải nói là cơ cực, chết tróc vì đói kém, vì bom rơi đạn lạc hơn hẳn miền Nam, nhưng ngày nay thử mấy ai còn nhớ và còn căm thù Mỹ ngụy như người hải ngoại đối với chúng tôi? Chiến tranh, như một vết thương, cũng phải đến lúc lành. Hai mươi năm, nó lành rồi. Hãy để yên cho nó lành, sao cứ khơi ra làm gì để kéo dài thêm đau nhức? Này, tôi nói khí

không phải, nhưng hãy cứ cho tôi nói thật: người hải ngoại các anh thù dai và... dữ quá!

Hôm trước, qua đường điện thoại từ Iowa, Phan Thị Vàng Anh gọi cho Kim Thi, thăm hỏi. Trong câu chuyện có lúc chúng tôi đề cập đến chuyện trong, ngoài. Vàng Anh, như Bảo Ninh, như Nguyễn Quang Lập, như bao nhiêu người đã hoặc chưa từng đến đất nước này, lại nhận xét: Nhiều người ở hải ngoại... dữ quá!

Nhiều người ở hải ngoại dữ quá!

Kim Thi hiểu rõ chuyện ấy hơn ai hết, vì chính bản thân đã từng là "nạn nhân" của thái độ hung dữ này, nhiều lần, ở nhiều nơi, bằng nhiều kiểu cách, từ trực diện đôi co tay đôi đến chữ nghĩa ba que xỏ lá. Ban đầu, Kim Thi bực bội lắm. Để "trả đũa", Kim Thi cũng chọn thái độ "hung dữ", như họ. Cũng đốp chát tới nơi tới chốn, cũng ăn thua đủ, nhất định không chịu nhường một bước. Xứ sở tự do mà, chơi trò súng đạn lưỡi lê hẳn không êm, tù mọt gông là cái chắc! Còn "đánh" nhau bằng chữ nghĩa, tha hồ. Anh nào nhiều chữ, nỏ mồm, giỏi trò cãi chày cãi cối, mặc sức thi triển võ công. Báo bổ ở đây vốn đói bài kinh niên, cứ viết, cứ đánh máy sẵn càng tốt, các ông bà chủ nhiệm chủ bút chả bao giờ biết từ chối, trái lại còn mừng "hết lớn", nhắm mắt hồ hởi phấn khởi dán loạn vào những chỗ còn trống, trên các mẩu quảng cáo dầu gội đầu keo xịt tóc máy hút mỡ bụng... Khỏi mất công chôm của báo này dán qua báo khác, đỡ tốn tiền thuê các chuyên viên dịch tin xào nấu rắc rối, lại một công đôi chuyện lợi: vừa chứng tỏ được lập trường chống cộng sáng ngời như trăng rằm vừa tránh được tiếng báo bổ gì đâu chỉ rặc quảng cáo!

Nhưng vài ba lần đụng trận, Kim Thi chợt ngộ ra điều này: Chả anh nào giết được anh nào. Ông chửi qua bà ném lại. Thanh hay tục, trí thức hay dân dã, phải hay trái, rốt cục cũng chỉ hai đối thủ đang tham chiến lãnh đủ. Từ tông chi họ hàng vợ con bồ bịch bè bạn đến đời riêng đời chung đều được (bị) hai bên lần lượt thay nhau đưa lên mặt báo. Thiên hạ chẳng ai rụng một cọng lông, đất nước (Việt, Mỹ, Tây, Tàu...) vẫn bầu cử, ứng cử, lên xuống, cải cách, sửa đổi, đấu tranh... như từ bao giờ đến bây giờ. Những ưu tư, trăn trở, phẫn nộ của các "chiến sĩ" (quốc gia, cộng sản, lừng khừng nửa nạc nửa mỡ) xem chừng chẳng khác chi "tiếng vọng từ đáy vực". Vô âm, vô hình, vô tướng và vô bổ một cách hết sức nao lòng! Nói chung, trong các cuộc chiến tranh bằng bút mực ấy, kẻ hưởng lợi nhiều nhất chẳng ai khác hơn là các ông bà chủ nhiệm chủ bút. Không có những đôi co lảm nhảm ấy, thử hỏi báo bổ Việt Nam còn có cái gì để đăng? Và còn có lý do gì để tồn tại, hòng "bắt" quảng cáo sống qua ngày?

Sau khi ngộ ra chân lý, Kim Thi lập tức tách khỏi chốn gió tanh mưa máu ấy, và cảm thấy thoải mái hẳn. Đâu đó, qua bè bạn, thỉnh thoảng cũng loáng thoáng có nghe người ta nhắc đến tên mình, tất nhiên chẳng mấy thiện cảm, và tất nhiên nhiều phần sẽ tức... ói máu nếu được (hoặc bị) đọc. Thôi thì tốt

nhất phớt tỉnh, nhất định không đọc báo Việt ngữ và nhất định không nghe bất cứ khen chê của bất cứ ai. Việc mình mình làm, hay dở mình chịu trách nhiệm, chuyện đúng sai hãy cứ để cho thời gian giám định. Giải pháp này hiệu quả lắm, Kim Thi thấy yêu đời và yêu người hơn. Nhờ vậy, Kim Thi bình tĩnh hơn, ôn hòa hơn. Nhờ đó, Kim Thi thấy thêm một điều khá thú vị: Vâng, người hải ngoại "dữ quá". Nhưng mà, chỉ "dữ"... hàm thụ thế thôi. Đất nước này tự do, nhất là tự do ngôn luận, miễn là những điều anh chị cô dì chú bác nói ra, hoặc viết lên giấy phải được điều nghiên kỹ lưỡng (nếu cần, nhờ luật sư mách nước) đừng để địch thủ tìm ra khe hở, kiện cáo, đòi bồi thường danh dự hoặc tài sản, có khi tán gia bại sản lãng xẹt. Có cơm no áo ấm, có xe đẹp nhà tốt, có con cái học hành thành đạt, giờ có thêm quyền được nói, được chửi, thì tội gì không sử dụng cái quyền hoàn toàn miễn phí này, cho bù lại bao nhiêu năm sống ở quê nhà, từ cái ăn, cái uống, cái đi, cái đứng, cái nằm, cái ngồi, và nhất là cái nói, đều phải ý tứ giữ gìn.

Cho nên Kim Thi muốn nói với Phan Thị Vàng Anh cũng như nhiều anh chị em khác, đã hoặc chưa đến đất nước này, rằng "dzậy mà hổng phải dzậy". Chẳng bao giờ người hải ngoại nâng cái sự "dữ" ấy thành hành động đâu. Luật pháp ở những xứ sở này rất công minh. Hò hét, hoan hô, đả đảo nhặng xị với nhau cho đời... đỡ buồn vậy mà. Chỉ có những thằng điên mới dở trò bạo lực, dùi cui cảnh sát dứt khoát không tha.

Con người, được ăn ngon mặt đẹp, chưa đủ. Phải được thêm nhiều thức khác nữa, như được yêu, được ghét, được giận dữ, được căm thù... thì con người mới chịu yên ổn sống cho ra... con người. Ở các nước tự do dân chủ, nhà cầm quyền hiểu điều ấy rất rõ. Nên họ đã tìm cách hướng dẫn mọi thứ hỉ nộ ái ố của con người vào khuôn khổ pháp định. Ghét ai, thương ai, cứ việc nói, thả cửa, miễn là đừng phương hại gì đến quyền lợi cá nhân của người bị nói. Chúng ta đều hiểu, khi nói ra được, lòng ta sẽ nhẹ hẫn, tâm ta sẽ bình yên, và do nó bản chất của ta sẽ dần dần trở nên lành hơn, tốt hơn.

Khác với những chế độ toàn trị, mọi thứ tự do đều bị hạn chế, hoặc bị sử dụng một cách sai lệnh, gây nên những xáo trộn, những bức bối, làm cho bản tính con người trở thành gian xảo, cay độc. Chúng ta vẫn thường thích thú với những chuyện dân gian hoặc những câu thơ mà sau này người ta thường gán cho Bút Tre. Quả thật những chuyện, những bài thơ ấy thâm thúy và thấm thía lắm. Nhưng nghĩ cho sâu, chúng ta không khỏi cảm thấy ơn ớn. Phải bị bao vây bít bùng bởi trăm thứ rào cản, con người mới phải tìm mọi cách "vượt rào" bằng phương cách xỏ xiên cay độc. Chúng ta thừa hiểu: khi đã nghĩ được những điều cay độc thì hẳn nhiên lòng dạ, tâm địa của tác giả chắc chắn chẳng thanh thản lương thiện gì!

Vậy thì, tóm lại, "dzậy mà hổng phải dzậy". Người hải ngoại chẳng dữ chút nào. "dữ", chỉ là một hình thức xả xú bắp. Thế thôi. Chứ bản chất thực sự của người hải ngoại vốn lành, như đất. Không tin, PTVA và các anh chị

thử tìm hiểu sâu, sẽ thấy có lắm người hải ngoại sau khi chửi tơi bời hoa lá cái chế độ hiện nay tại Việt Nam, nhưng tuần sau, tháng sau sẽ thấy họ đang ung dung dạo chơi trên vỉa hè Tự Do Sàigòn, lại còn đưa tay vẫy chào rất thân thiện với chàng công an áo vàng đứng chỉ đường giữa ngã tư.

Ngày 8 tháng 11 năm 1996

Thời tiết California mùa này thật khó chịu. Buổi sáng đang nắng lớn, và nóng, ngồi trong xe phải mở máy điều hòa. Buổi tối đã lạnh tê, sương mù kín đặc các ngã đường. Có việc cần lên xa lộ, giới hạn tốc độ nha lộ vận cho phép là 65 dặm/giờ, bình thường chẳng ai ... dại gì thực thi đúng đắn, ít nhất phải ăn gian thêm khoảng 10 dặm. Thế mà mùa này, chẳng ai bảo ai, cũng tự động rút bớt, có khi chỉ còn 40 dặm/giờ, hoặc chậm hơn nữa. Chính vì vậy, tình trạng kẹt xe, bình thường, đã là nan đề của Cali, giờ, trở nên "hết thuốc chữa".

Thể chất của Kim Thi thuộc loại, nói theo ngôn ngữ của Huy râu, tác giả *Tháng Ba Gãy Súng*: "Còn sống được đến hôm nay, cũng là phép lạ."

Dĩ nhiên Huy râu hơi cường điệu chút đỉnh cho thêm phần... bi đát. Nhưng mà, nếu bảo Kim Thi có cảm thấy thoải mái không, thì, xin thưa, rất nhanh: Không. Một năm có bốn mùa, Kim Thi sợ nhất mùa Đông. Nói cách khác, Kim Thi sợ lạnh như sợ... sâu (nhất là sâu róm, cứ nhìn cái thân hình mềm oặc, lông lá lởm chởm, là khắp người nổi gai). Đó là lý do cách đây mười một năm, ngày mới đặt chân đến đất Mỹ, một ông giáo sư Mỹ Thuật của một viện đại học ở miền Đông cảm... "tài" Kim Thi, một hai đòi bảo trợ cho Kim Thi qua bển, để tái "dùi mài kinh sử", hầu tạo dựng tương lai sau này. Ông giáo sư hồ hởi hứa hẹn sẽ chu tất chỗ ăn chỗ ở và tìm cho Kim Thi một cái job bán thời gian, đủ có tí tiền tiêu pha thoải mái. Đối với một anh tị nạn chân ướt chân ráo đến xứ sở này, được thế thử hỏi còn gì hơn. Ngu lắm, không nhét thêm được tí kiến thức nào vô đầu, thì chí ít cũng giải quyết tốt đẹp chuyện ăn ở, hơn xa cái cảnh hàng tháng phải chầu chực ở sở xã hội, lãnh ba trăm trợ cấp và mấy chục foodstamps, hèn cả người. Vậy mà Kim Thi đành lắc đầu từ chối hảo ý của ông giáo sư. Chỉ vì, nghe nói, ở bển mùa Đông tuyết phủ trắng trời, và khí hậu xuống thấp dưới độ không vài mươi độ là chuyện thường!

Kim Thi sợ lạnh, thật ra một phần vì thể chất không thích ứng, nhưng một phần khác, lớn hơn, là do mấy mảnh kim khí nằm trong đầu và nhất là chỗ khớp xương vai. Cứ mỗi năm trở trời là chúng - những mảnh kim khí - lại thức dậy, màu mè yêu sách.

Những mảnh kim khí. Chiến tranh. Lam Sơn 719. Hạ Lào. Căn cứ A Lưới. Đạn pháo. Hầm sập. Người chết không toàn thây. Quốc lộ chín đẫm máu trên đường tháo chạy...

Cùng với những mảnh kim khí, và những cơn đau nhức dai dẳng, là một phần tuổi trẻ theo nhau hiện về. Thấm thoát đã gần 25 năm. Kim Thi rất muốn quên. Thực sự cách tốt nhất là phải quên đi, tất cả. Phải xóa sạch, cho đầu óc trắng trinh như lụa nõn, như ngó sen, như hoa ngọc lan. Nhưng không thể được. Bởi vì mỗi năm trời đất lại một lần trở mùa.

Bỗng nhiên Kim Thi chợt nhớ đến cuốn phim tài liệu của một đạo diễn trong nước, thu hình một cái bàn thờ của bà mẹ già miền quê Bắc Việt. Trên chiếc bàn thờ ấy không phải chỉ một, mà có đến bốn năm bài vị: của chồng, của các con trai, con dâu, con rể. Tất cả lần lượt kẻ trước người sau trở thành liệt sĩ. Người mẹ già ấy mỗi năm cúng giỗ không phải chỉ một lần, mà những bốn năm lần. Có nghĩa, mỗi năm bà phải sống lại, bốn năm lần, cái cảm giác mất mát đau thương cũ. Kim Thi cũng chợt nhớ đến nhiều bài vị, nhiều bàn thờ khác nữa, đầy rẫy trên đất nước Việt Nam.

Những vết thương trong tâm hồn, những vết thương trên thể xác. Sao người Việt Nam lắm thương tích đến thế.

Tuy nhiên, có một điều lạ. Hình như sống lâu với những vết thương, con người đâm... nhớ, đâm ghiền chúng. Như Kim Thi, hàng năm, sắp đến mùa đông, là ngày đêm cứ thấp thỏm chờ đợi những cơn đau nhức, đến độ tưởng không thể yêm tâm nếu năm nào nó đến chậm. Có lẽ nhà văn Mai Thảo là người thấu hiểu chuyện này hơn ai hết. Bài thơ *Dỗ Bệnh* của ông tôi rất yêu:

Mỗi lần cơ thể gây thành chuyện
Ta lại cùng cơ thể chuyện trò
Dỗ nó chớ gây thành chuyện lớn
Nó nghĩ sao rồi nói lại thôi

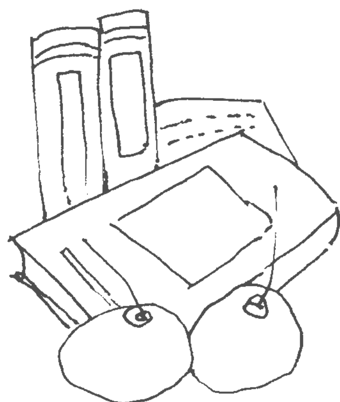
Bệnh ở trong người thành bệnh bạn
Bệnh ở lâu dài thành bệnh thân
Gối tay lên bệnh nằm thanh thản
Thành một đôi ta rất đá vàng
(Dỗ Bệnh - Mai Thảo)

KIM THI



NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI



Trong mục này, Hợp Lưu *số 31 phát hàng tháng 10 & 11, 1996, người điểm sách có giới thiệu cuốn* Lột Mặt Nạ Những Con Thò Lò Văn Hóa Qua Vụ Án 16 Triệu *do tác giả Lê Trọng Văn gửi tặng.*

Ngày 10 tháng 11 năm 1996 tòa soạn nhận được một Thư Ngỏ *của bác sĩ/nhà văn Nguyễn Xuân Quang.*

Với chiều hướng thông tin khách quan, Hợp Lưu *cho đăng* Thư Ngỏ *này, nhằm mục đích tạo thêm dữ kiện để độc giả, dựa vào đó, tìm ra một kết luận đúng đắn, hầu tránh mọi sai lệch đáng tiếc.*

Hợp Lưu

THƯ NGỎ
CỦA BÁC SĨ NGUYỄN XUÂN QUANG

Gần đây một số thân hữu có cho chúng tôi biết đã nhận được miễn phí và yêu cầu khi đọc xong chuyền tay cho người khác đọc, một quyển sách nhan đề là "Lột Mặt Nạ Con Thò Lò Văn Hóa qua vụ án 16 triệu" của Cửu Long Lê Trọng Văn nói về chúng tôi và vụ kiện với Nguyễn Đức An và Việt Nam Tự Do. Chúng tôi chưa đọc quyển sách này. Cũng có thể không cần đọc vì

chúng tôi quan niệm bản án 16 triệu do 12 vị trong bồi thẩm đoàn tại tòa Los Angeles đồng thanh quyết định, đã nói quá rõ sự sai trái hoàn toàn của hành động phỉ báng mạ lỵ của hai bị cáo. Tuy nhiên chúng tôi thấy cần phải lên tiếng, chỉ một lần, để rộng đường dư luận, để các độc giả có thể suy gẫm về những động cơ và uẩn khúc nào đã thúc đẩy tác giả Lê Trọng Văn viết một quyển sách cố ý hướng dẫn sai lầm dư luận về một bản án báo chí lịch sử. Bản án này cho thấy không ai có thể lạm dụng quyền tự do báo chí truyền thông mạ lỵ người khác mà không bị hậu quả trước pháp luật.

Chúng tôi biết ông Lê Trọng Văn qua sự giới thiệu của dược sĩ Bùi Khiết và Vũ Văn Tùng vào khoảng giữa năm 1992 khi sửa soạn hợp tác làm tờ nguyệt san Y Tế dưới hình thức nhóm Y Tế publishing Inc. Ds Bùi Khiết và ông Lê Trọng Văn đã quen biết nhau lâu ở San Diego. Ông Khiết đã từng viết tựa cho quyển sách Lột Mặt Nạ Những Con Thò Lò Chính Trị của ông Văn. Còn ông Khiết và ông Vũ Văn Tùng là bạn thân, ai cũng biết. Ông Bùi Khiết đã giới thiệu với chúng tôi và anh chị bác sĩ Nguyễn Khắc Lân và dược sĩ Nguyễn Xuân Lan một thành viên khác của báo Y Tế, ông Lê Trọng Văn là một dược sĩ để ngồi vào nhóm "Y Nha Dược sĩ chủ trương" ấn hành tờ Y Tế (cũ). Trong tờ Y Tế số ra mắt, thành phần cộng tác viên có đề tên Lê Trọng Văn với tước vị dược sĩ.

Để tài trợ cho tờ Y Tế, tất cả các thành viên hợp tác đồng ý đóng góp tài chánh theo nhu cầu để thực hiện tờ báo. Riêng ông Lê Trọng Văn được đồng ý cho đóng góp ít hơn để bù lại việc ông lo "lay out" cho tờ Y Tế.

Tờ báo ra được một số, ds Bùi Khiết và Vũ văn Tùng trước ngày họp nhóm lên nhà chúng tôi tỏ ý không muốn để ông Văn lo tờ báo Y Tế ở San Diego nữa. Ds Bùi Khiết cho biết có độc giả thấy tên ông Lê Trọng Văn với tước vị dược sĩ đã cho ông Khiết biết ông Văn không phải là một dược sĩ! và ông Khiết còn cho biết nhiều điều nữa... chưa tiện viết ra lúc này. Hai ông Khiết và Tùng cho biết buổi họp ngày hôm sau sẽ bỏ phiếu quyết định lấy tờ báo ra khỏi tay ông Văn. Ngày hôm sau ds Bùi Khiết không đi họp lấy cớ về gia cảnh vợ đau con ốm. Ds Vũ văn Tùng im lặng không đả động gì. Không phải là dược sĩ nên chúng tôi không biết rõ ông Văn là dược sĩ thật hay giả. Chúng tôi chẳng có hiềm thù gì với ông Văn. Tờ báo làm ở đâu đối với chúng tôi cũng vậy. Chúng tôi chỉ lo đặc trách phần nội dung. Do đó trong buổi họp này chúng tôi cũng không đả động gì đến vấn đề của ông Văn.

Tờ báo số hai vẫn do ông Văn "lay out" nhưng đến số này chúng tôi không còn thấy tên ông Lê Trọng Văn với tước vị dược sĩ trong danh sách các người cộng tác vì tất cả tên những cộng tác viên được nêu ra đều có kèm theo tước vị bác sĩ, dược sĩ, nha sĩ. Số báo này vẫn do ông Văn "lay out", chắc chắn việc bỏ tên và tước vị dược sĩ của ông Văn không phải là một sơ sót bất cẩn. Ít lâu sau, ông Vũ Văn Tùng đem tờ báo cho người khác đánh máy và "lay out" ở Norwalk. Tờ báo lỗ lã rất nặng, các thành viên phải tiếp tục bỏ tiền vào nuôi

tờ báo. Khoảng hai tháng sau ông Văn xin rút lui vì lý do sức khỏe rồi ít lâu sau ds Bùi Khiết cũng xin rút lui vì lý do gia cảnh. Sau đó những người còn lại quyết định giải tán nhóm Y Tế publishing Inc., đình bản tờ Y Tế và lập công ty Y Tế Inc để ấn hành tờ Y Tế Phổ Thông. Việc thành lập công ty Y Tế Inc. cũng như vốn mới của các cổ đông được luật sư đảm trách cho thật minh bạch hoàn toàn không dính dáng gì nữa đến tờ báo Y Tế cũ hay nhóm Y Tế Publishing Inc. Chúng tôi đã làm việc này để tránh những phiền hà có thể xảy ra. Tờ Y Tế Phổ Thông ra được đến tháng ba, 1995 vì bất đồng ý kiến với ds Vũ văn Tùng, BS Nguyễn Khắc Lân xin rút lui nên công ty Y Tế được giải tán và báo Y Tế Phổ Thông đình bản. Chúng tôi ra làm riêng một tờ báo mới mang tên Y Học Thường Thức. Ds Vũ văn Tùng ra làm tờ Y Tế, giữ lại tên tờ báo đầu tiên. Ông Vũ văn Tùng đã vi phạm nhiều điều mà tất cả các thành viên cùng cam kết trong buổi họp giải tán Y Tế Inc. Để tránh ngộ nhận và trách nhiệm, Bác sĩ Nguyễn Khắc Lân Ds Nguyễn Xuân Lan cùng chúng tôi đã ra một Bố Cáo nói rõ về những hành động này của ông Vũ Văn Tùng.

Sau khi có quyết định giải tán công ty Y Tế Inc và đình bản tờ Y Tế Phổ Thông không biết được ai báo ông Lê Trọng Văn gởi cho các thành viên của Y Tế Inc. một lá thư đòi lại số tiền đã đóng góp đã làm tờ báo Y Tế ngày trước, mặc dù ông Văn thừa biết đã lỗ lã nặng. Chị Ds Nguyễn Xuân Lan, tổng thư ký công ty Y Tế Inc. đã trả lời rõ ông Văn qua hai bức thư đề ngày 23-03-95 và ngày 01 tháng 5, 1995 là số tiền đóng góp của ông cũng như số tiền mà các thành viên khác đóng góp hơn ông đã dùng hết vào việc ấn hành báo.

Phải chăng đây là một trong những động cơ thúc đẩy ông Văn cầm bút viết những điều hướng dẫn sai lạc dư luận về chúng tôi?.

Khi quyển sách nói về chúng tôi được in ra và gởi miễn phí đi khắp nơi và đặc biệt là gởi cho các thân chủ quảng cáo của Y Học Thường Thức, ds Bùi Khiết gọi điện thoại cho Bs Nguyễn Khắc Lân "thuyết phục" nên trả lại số tiền năm trăm đồng ông Văn đã đóng góp. Chúng tôi tự hỏi nếu không trả thì việc gì sẽ xảy ra nữa đây?

Việc ông Văn nói ông là một trong những người lập ra tờ báo Y Tế nếu ông Văn muốn đòi "good will" thì ông nên nói chuyện thẳng với ông Vũ văn Tùng người hiện nay đang dùng lại đúng tên Y Tế cũ, tờ báo có ông và ông Khiết đã từng đóng góp vào lúc trước.

Chúng tôi cũng nhận được những quyển sách do ông Lê Trọng Văn viết như Lột Mặt Nạ Những Con Thò Lò Chính Trị, do ds Bùi Khiết đề tựa viết về ông Cao Thế Dung, Nguyễn văn Chức, Nhị Lang, Trần văn Dĩnh, cha Cao Văn Luận và Lương Kim Định cùng cuốn Tây Dương Gia Tô Bí Lục do ông Văn viết "Lời Nói Đầu" gởi tới. Vì nội dung của những cuốn sách trên có tính cách đả phá cá nhân, Thiên Chúa giáo, không có tính cách xây dựng nên chúng tôi đã không giới thiệu trên báo. Không biết ông Văn có để tâm thù

oán việc này không? Quyển sách viết về chúng tôi với tựa đề lặp lại "Lột Mặt Nạ Con Thò Lò..." thì có lẽ nội dung cũng không khác gì những cuốn trước. Không hiểu kỳ này ông Văn có nhờ ds Bùi Khiết viết tựa nữa hay không?

Khi còn làm chung tờ Y Tế cũ chính ds Bùi Khiết đã đề nghị chúng tôi cung cấp tài liệu cho ông Lê Trọng Văn để viết về vụ án của chúng tôi với VNTD hầu cộng đồng thấu triệt hết sự sai trái của các bị cáo. Nhận thấy sự cần thiết để độc giả hiểu thấu mọi sự thật chúng tôi đã cung cấp cho ông Văn một số tài liệu liên hệ đến vụ án. Đến nay vì những lý do gì đó thay vì viết sự thật ông Văn lại viết khác đi chăng? Chúng tôi tự hỏi vì lý do gì ông Văn xoay chiều đổi hướng?

Nghe một số thân hữu cho biết trong sách ông có nhắc đến tên một số đồng nghiệp của chúng tôi. Vụ án với VNTD đã làm chúng tôi buộc phải xa lánh một số đồng nghiệp vì nhiều lý do. Chúng tôi đã lựa chọn thái độ của kẻ sĩ không gục đầu trước bạo lực, không giả dối tay bắt mặt mừng trước mặt mà cầm gươm giáo đâm sau lưng đồng nghiệp. Ngược lại chúng tôi đã bầy tỏ lòng biết ơn và cảm phục với các đồng nghiệp khác, có người chưa hề quen biết đã chia xẻ giúp đỡ lúc hoạn nạn cũng như hân hoan chung vui với bản án của lẽ phải và sự thật.

Nguyên cái đề tựa "Con Thò Lò Văn Hóa" chúng tôi thấy ông Lê Trọng Văn đã đưa chúng tôi lên quá cao. Chúng tôi đâu phải là một nhà văn hóa chuyên nghiệp, một thủ lãnh văn hóa. Chúng tôi chẳng bao giờ có ý "xoay như con thò lò" để chiếm đoạt một chút danh lợi gì văn hóa.. Chúng tôi chỉ là một người yêu thích nghệ thuật, coi chữ nghĩa như một thú tiêu khiển thế thôi.

Có những động cơ nào khác thúc đẩy ông Văn viết ra cuốn sách này chăng?

Chúng tôi luôn luôn tin vào sự sáng suốt của các độc giả cũng như vào lẽ phải và sự thật.

Trân trọng

Bác sĩ NGUYỄN XUÂN QUANG

NGUYỄN DU, ĐẠI THI HÀO DÂN TỘC - Triết Lý Việt Nam Về Chữ "Lòng" Và Chữ "Tơ", Phạm Công Thiện. Viện Triết Lý Việt Nam Và Triết Học Thế Giới xuất bản. Giá 18MK. Văn Nghệ tổng phát hành.

Ba mươi năm trước, Phạm Công Thiện cho rằng Nguyễn Du là một trong 5 (năm) thi hào vĩ đại nhất của phương Đông. Bây giờ, sau một thời gian dài chiêm nghiệm, ông tái khẳng định, quyết liệt hơn: Nguyễn Du là một trong 3 (ba) thi hào vĩ đại nhất, không phải chỉ của phương Đông, mà là của nhân

loại (hai người kia là Hoelderlin và Walt Whitman).

Để chứng minh, Phạm Công Thiện đã viết *Nguyễn Du, Đại Thi Hào Dân Tộc*. Tác phẩm được hoàn tất trong một thời gian kỷ lục: 45 ngày, dày trên 300 trang, chia làm hai phần, gồm 12 chương, mỗi chương có nhiều tiểu mục.

Với những khám phá lý thú về thi học, mỹ học, ngữ học, triết học... Phạm Công Thiện vẫn chứng tỏ là một ngòi bút có sức lôi cuốn.

ĐẶC SAN QUẢNG ĐÀ, Số 1, tháng 9/1996. Thái Tú Hạp và Ái Cầm chủ trương. Bìa Khánh Trường. Giá 12MK. Liên lạc: Saigon Times. P.O.Box 428 Rosemead, CA 91770. USA.

Là một đặc san xuất bản không định kỳ, dày trên 400 trang, tập hợp những sáng tác thơ văn, biên khảo, lý luận của 37 tác giả gốc Quảng Nam, hoặc ít nhiều liên hệ đến vùng đất này.

Vài năm nay nhà thơ Thái Tú Hạp và Ái Cầm đã theo đuổi một công việc có tính cách... công quả: cho ra đời và nuôi dưỡng tờ đặc san Quảng Đà, nhằm mục đích giới thiệu, xiển dương những thành quả trong các lĩnh vực, nhất là lĩnh vực văn chương, của những nhân tài đã sinh ra và lớn khôn từ vùng đất vẫn được mệnh danh "địa linh nhân kiệt" này. Đối với người dân xứ Quảng, việc làm của Thái Tú Hạp-Ái Cầm, cách nào đó, là sợi dây liên lạc mật thiết nối kết tình đồng hương. Đối với văn học nghệ thuật VN, những sáng tác văn chương mang đậm dấu ấn dãi đất nối liền hai đầu Nam Bắc của địa hình đất nước có những nét đặc thù tiêu biểu, xứng đáng được bảo tồn và quảng bá sâu rộng.

MINH TRIẾT TRONG ĐỜI SỐNG, Darshani Deane, Nguyên Phong dịch, bìa Khánh Trường, Văn Nghệ tái bản lần thứ ba 1996. Giá 12MK.

Darshani Deane là một diễn giả nổi tiếng, đã giúp đỡ nhiều người trên phương diện tâm linh. Cuộc diễn thuyết nào của bà cũng thu hút rất đông quần chúng, sau buổi nói chuyện bà thường dùng thời giờ tiếp xúc với thính giả để thảo luận thêm về những đề tài liên quan đến đời sống cá nhân của họ. Chi tiết cuộc tiếp xúc được ghi nhận và in thành sách dưới tựa đề "Wisdom Bliss, and Common Sense" (tạm dịch: *Minh Triết Trong Đời Sống*). Cuốn sách này đã giúp nhiều người tìm được sự thoải mái trong đời sống tinh thần và là một trong những cuốn sách tâm linh bán chạy nhất.

KIẾN VÀ NGƯỜI, tập truyện Trần Duy Phiên, bìa Khánh Trường, Tân Thư xuất bản. Giá 12MK. Địa chỉ liên lạc: P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842. USA.

Tác giả hiện ở trong nước.

Tác phẩm gồm 20 truyện ngắn, mỗi truyện là một vấn đề, liên quan đến đời sống con người, được viết với một văn văn phong giản dị nhưng sâu sắc

và lôi cuốn.

Trần Duy Phiên không xem văn chương là trò vọc câu giỡn chữ. Với ông, từ những thập niên 60, 70 tại miền Nam, rồi đến những thập niên 80, 90 trên toàn cõi Việt Nam, mỗi dòng viết lên giấy, mỗi tác phẩm đưa vào cuộc đời, đều phải mang chức năng tố cáo. Văn chương, với Trần Duy Phiên, từ bao giờ đến bây giờ vẫn là tên nhọn, đạn lớn, tiến công không khoan nhượng vào các mặt tiêu cực của con người và xã hội, bất kể xã hội ấy mang nhãn hiệu, tên gọi gì. Chính vì thế, trước kia, ông bị xem là người "thiên tả", nhưng ngày nay ông lại là cái gai của chế độ hiện hành.

Tác phẩm *Kiến Và Người* được gửi ra từ trong nước, được đông đảo các nhà văn tại hải ngoại đánmh giá là một tác phẩm xuất sắc.

VÕ PHIẾN, biên khảo của Nguyễn Hưng Quốc. Bìa Khánh Trường, phụ bản chân dung Võ Phiến qua ký họa của Bé Ký, Nguyễn Nhật Tân, Phạm Tăng, Chóe và hình chụp của Nguyễn Hữu Nghĩa. Văn Nghệ xuất bản. Giá 12MK.

Tuy Nguyễn Hưng Quốc khiêm tốn bảo rằng cuốn sách này chỉ là phác thảo diện mạo văn chương của Võ Phiến, và chỉ là phác thảo mà thôi, nhưng đọc trên 200 trang "phác thảo" ấy, chúng ta không thể không nhận rằng cuốn sach này được viết một cách rất cẩn trọng và công phu.

Ngoài phần *Dẫn nhập* và *Vài ghi chú về tiểu sử*, sách chia làm 7 chương theo thứ tự sau:

Chương 1: Một Phong cách. Chương 2: Nhà lý luận văn học. Chương 3: Nhà phê bình văn học. Chương 4: Nhà tạp luận. Chương 5: Nhà tùy bút. Chương 6: Người viết truyện. Chương 7: Một niềm trăn trở không nguôi.

Cuối cùng là phần phụ lục: Niên biểu Võ Phiến. Tác phẩm của Võ Phiến. Tài liệu tham khảo của Võ Phiến.

MÙA XUÂN VÀ NHỮNG CON DÃ TRÀNG, tập truyện Phan Thị Trọng Tuyến, bìa Đinh Cường, An Tiêm xuất bản. Giá 12MK. Văn Nghệ phát hành.

Phan Thị Trọng Tuyến là một trong vài ba tác giả phái nữ đã thành danh trên một thập niên vừa qua, tại hải ngoại. Như hầu hết những tác phẩm khác đã xuất bản, truyện của bà bao giờ cũng đôn hậu, nhẹ nhàng trong cấu trúc; vi tế, nhạy bén trong cảm xúc. Bà không bao giờ đưa vào văn chương những "vấn đề lớn", mà chỉ nhìn ngắm, khai thác những mảnh "đời thường", nhưng qua đó, độc giả thấy được những băn khoăn, trăn trở của một trái tim mãi mãi hoài nhớ không nguôi một khoảng trời quê hương, một tiếng chim vườn cũ, một vạt nắng cuối ngày, một đời trăng mới lớn...

Có thể hình dung văn chương Phan Thị Trọng Tuyến là thảm cỏ mượt. Ở đó ta có thể yên tâm ngã lưng ngửa mặt nhìn lên cao, nhìn qua tàng lá rậm, và bắt gặp những miếng trời rất xanh, trong vắt.

VĂN HIẾN, NỀN TẢNG CỦA MINH TRIẾT, biên khảo Nguyễn Đăng Trúc, Định Hướng Tùng Thư xuất bản. Giá 15MK. Liên lạc: 13 rue de L'Ill - 67116 Reichtett - France.

Sách chia làm 3 phần và IX chương.

Phần Một: Sử và huyền sử, gồm Chương I: Sử và huyền sử trong truyện họ Hồng Bàng. Chương II: Huyền thoại dựng nước trong Lĩnh Nam Chích Quái.

Phần Hai: Phân tích bản văn. Chân Tính con người. Gồm chương III: Chân tính con người. Truyện họ Hồng Bàng. Chương IV: Người và đất. Chương V: Các tương quan của Đạo Người. Chương VI: Chiều kích trời. Chương VII: Trực giác về hữu thể con người và hiện sinh. Chương VIII: Tinh thần kiểm thảo vô chấp và tinh thần khai phóng của minh triết.

Phần Ba: Vấn đề Văn hiến. gồm chương IX: Văn hiến - Những trực giác nền tảng về hữu thể con người.

Toànbộ cuốn sách nhằm cố gắng truy tìm nền tảng văn hiến của đất nước Việt Nam qua trực giác căn nguyên về hữu thể con trong quyển I Lĩnh Nam Chích Quái.

QUAND ON EST JEUNE, Phan Thị Vàng Anh, Kim Lefèvre chuyển sang Pháp ngữ, bìa tranh của Tran Van Lan (*La petite Thuy - Bé Thủy, 1943*). Philippe Picquier xuất bản. Giá 98F. Liên lạc: Mas de Vert, 13200 Arles. France.

Tác phẩm có tên nguyên thủy bằng Việt ngữ: *Khi Người Ta Trẻ*, gồm những truyện ngắn được chính tác giả chọn lọc trong toàn bộ sáng tác của mình: Khi người ta trẻ; Xe đêm; Mười ngày; Hoài cổ; Truyện trẻ con; Thương; Người có học; Hội chợ; Sau những hẹn hò; Tường; Con trôm; Hoa muộn; Đất đỏ; Kịch câm.

Phan Thị Vàng Anh hiện sống trong nước, là con gái của nhà thơ Chế Lan Viên, tuổi còn khá trẻ. Cô nổi tiếng trong vài năm trở lại đây, trở thành một trong vài ngòi viết mới xuất sắc của văn chương đương đại Việt Nam.

Cũng trong vài năm trở lại đây, nhiều tác phẩm Việt Nam đã được chuyển sang Pháp ngữ. Chúng ta đã biết *Nỗi Buồn Chiến Tranh* của Bảo Ninh, *Những Thiên Đường Mù, Tiểu Thuyết Vô Đề, Bên Kia Bờ Ảo Vọng* của Dương Thu Hương, *Thiên Sứ* của Phạm Thị Hoài. Rồi những tác phẩm của Nguyễn Huy Thiệp, Nguyễn Quang Lập, Cung Tích Biền, Trần Vũ, Ngọc Khôi... đã trở thành món ăn tinh thần, trong giới hạn nào đó, không còn xa lạ lắm với độc giả sử dụng Pháp ngữ. Để đưa tên tuổi và những sáng tác này đến với độc giả Âu châu, chúng ta không thể không nhìn nhận đó là công lao rất lớn của những dịch giả như Phan Huy Đường, Kim Lefèvre.

THƠ LÒNG, thơ Đặng Văn Long. Bìa Khánh Trường. Tân Thư xuất bản.

Giá 8MK.

Tác giả tình nguyện vào lính thợ thay cho một người bạn và sang Pháp năm 1939. Ngót hai phần ba thế kỷ xa quê hương, sống nổi trôi với đủ mọi nghề. Người lính thợ năm xưa nay đã gần 80, đang ở trong buổi hoàng hôn của cuộc đời. *Thơ Lòng* nặng chĩu những rung cảm chân thật của một tấm lòng thiết tha với dân tộc và với những người Việt tác giả từng gặp trong cuộc sống tha hương nơi quê người.

VIETNAM A BOOK OF CHANGES của nhiếp ảnh gia Mitch Epstein. Bìa cứng, có bìa phụ bọc ngoài, trình bày bởi Anthony Mccall Associates, New York. xuất bản bởi Double Take Book và W.W. Norton & Company. In tại Italy. Giá US$35.00 ($45.00 Canada). Liên lạc: W.W. Norton & Company LTD, 500 Fifth Ave. New York, NY 10110. Internet: http://www.wwnorton.com

Là một nhiếp ảnh gia quốc tế, Mitch Epstein từng rong ruổi khắp nơi trên thế giới để săn hình. Ông cũng đã nhiều lần triển lãm tại các thành phố lớn như New York, Paris...

Vietnam A Book Of Changes gồm nhiều tác phẩm nhiếp ảnh lấy đề tài từ nửa nước Việt Nam (miền Bắc) sau 30 năm cách biệt với thế giới phương Tây, và đang vội vã đổi mới. Dưới ống kính của một nhiếp ảnh gia ngoại quốc, Việt Nam được (và bị) soi ngắm ở những góc độ, qua những hình ảnh có lúc rất đẹp, rất thơ, đôi lúc khác lại ẩn chứa những nỗi xót xa, mai mỉa, tựa một tiếng thở dài cam phận, một lời trách than không nhắm vào bất cứ đối tượng nào, ngoài chính mình...

Tuy nhiên, dù nhìn ngắm những tác phẩm nhiếp ảnh này dưới góc độ nào, người ta vẫn không thể không công nhận rằng tác giả đã có được những góc nhìn sâu sắc, chứng tỏ một tay nghề vững vàng và một nội lực tư duy thấu đáo.

LÃNG MẠN NĂM 2000, thơ Ngô Tịnh Yên, tựa Nguyên Sa, bạt Ngọc Anh, bìa Đinh Cường, phụ bản Mme Chau, Vanny Ngo, Maggie Ngo, Đỗ Trung Quân, Nguyễn Hải, thư họa Vũ Hối. Đời xuất bản. Giá 10MK.

Tập thơ thứ hai của một nhà thơ nữ, trong vài năm gần đây, đã tạo được cho mình một vị trí vững chải trên thi đàn hải ngoại, gồm trên 80 bài lục bát. Theo Du Tử Lê, "Ngô Tịnh Yên mang thêm cho lục bát phần máu huyết, phần thịt xương của chính nàng". Và nhà thơ Nguyên Sa, trong lời tựa, đã giới thiệu Ngô Tịnh Yên với độc giả: "những đại sảnh, những thâm cung và cả những hành lang đầy ắp những cảm xúc sống động, tình yêu, tình đời, cảm xúc và suy tư, kiến trúc và trần thiết với những kỹ thuật ở những độ cao của kiến trúc thơ và, nhìn xuống, từ đó, là sâu thẳm bất ngờ."

Một tập thơ nên có cho những người yêu thơ.

BÊN DÒNG SÔNG DONAU (Tuyển tập truyện ngắn - bìa P.Tăng - Không ghi giá bán) - **SAU NGÀY TANG** (tuyển tập truyện ngắn - Không ghi giá bán) - **NƠI CUỐI DÒNG SÔNG** (truyện dài - bìa tác phẩm nhiếp ảnh của Lê Quang Xuân)- Giá 16 Đức Mã). Cả ba tác phẩm trên đều của Vũ Nam. Viên Giác xuất bản. Liên lạc: Trung Tân Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo Việt Nam tại Đức Quốc. Eichelkampstr. 35A, 3000 Hannover 81 - Ghermany.

Theo Hồ Trường An, Vũ Tú Nam là cây bút xứng đáng góp mặt vào lực lượng các cây bút miền Nam, đã có cho mình một vị trí vững vàng bên cạnh Nguyễn Tấn Hưng, Sĩ Liêm, Phạm Thăng, Huỳnh Hữu Cửu, Hồ Trường An, Kiệt Tấn, Nguyễn Văn Sâm, Võ Kỳ Điền, Ngô Nguyên Dũng, Nguyễn Đức Lập, Võ Hoàng, Nguyễn Văn Ba, Phan Thị Trọng Tuyến, Ngọc Diễm, Nguyễn Thị Ngọc Nhung, Cao Bình Minh, Trần Kim Vy, Đặng Thị Quế Phượng, Hoàng Du Thụy...

CÁC CUỘC THƯƠNG LƯỢNG LÊ ĐỨC THỌ - KISSINGER, Nguyễn Văn Lợi, Nguyễn Anh Vũ. Sách in lại từ trong nước, không ghi nhà xuất bản và địa chỉ. Giá 20 Mỹ Kim.

Sách dày gần 400 trang, khổ chữ nhỏ. Trong lời tựa, các tác giả viết:

"Trong hồi ký của họ, Tổnh thống Lyndon Johnson, Tổng thống Richard Nixon, cố vấn Kissinger đều có nói đến hội nghị Paris và các cuộc thương lượng bí mật. Nhưng họ chỉ nêu được một phần sự thật qua các tài liệu và cách nhìn của họ. Độc giả và các nhà nhiên cứu vẫn dòi hỏi sự thật **nhìn từ Hà Nội**, sự thật toàn phần.

Rất tiếc là Lê Đức Thọ, Xuân Thủy đều đã sớm ra đi chưa kịp viết về vấn đề này ngoài một vài bài báo ngắn.

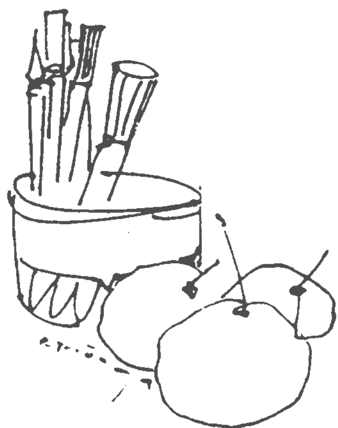
Là những nhà nghiên cứu về chiến tranh Việt Nam đồng thời là những người may mắn đã tham gia thực sự vào việc tìm kiếm giải pháp cho vấn đề Việt Nam, chúng tôi đã cố gắng tìm thêm tài liệu, lần giở nhiều tư liệu Việt Nam kể cả số chưa được công bố để kể lại các cuộc thương lượng bí mật ở Paris theo trình tự thời gian từ cuộc gặp đầu tiên đến cuộc gặp sau cùng."

Chúng ta không thể đòi hỏi những cuốn hồi ký, cũng như những tài liệu liên quan đến các biến cố chính trị sẽ được viết với một tinh thần tuyệt đối khách quan. Chính vì vậy, khi nghiên cứu lịch sử, các nhà nghiêm cứu thường phải tìm hiểu một sự việc nào đó, không phải chỉ từ một phía, một người, mà càng nhiều phía, nhiều người càng tốt. Cuộc hòa đàm tại Paris giữa các phe tham chiến tại Việt Nam đã xảy ra ngót một phần tư thế kỷ, từ đó đến nay đã làm tổn hao biết bao giấy mực. Nhưng những "sự thật toàn phần" về nó có lẽ vẫn cần nhiều khai quật nữa. Cho nên cuốn sách này, dù được viết dưới nhãn quan nào, thiết nghĩ cũng cần tìm đọc.

NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU



VỚI VĂN HỮU VÀ BẠN ĐỌC



THƯ VĂN HỮU VÀ BẠN ĐỌC

những nhà văn trẻ...

Gần đây, đọc được một số truyện ngắn của các nhà văn trẻ VN lớn lên và sống ở Mỹ, tôi rất vui. Đọc mãi các truyện lèo nhèo về thân phận hẩm hiu, đau buồn dĩ vãng của các nhà văn lớn (tuổi) mãi cũng chán. Đọc hoài loại văn chương hợm hĩnh, bất tôn trọng độc giả của các vị trung niên cũng ớn. Nay có một luồng gió lạ thổi qua, tuy nhẹ, nhưng cũng đã mát mẻ lắm. Dĩ nhiên không phải tất cả đều viết hay, nhưng qua họ, tôi nhận ra được một vài điều đáng để ý.

1. Quả thật đời sống của tuổi trẻ lớn lên ở Mỹ cũng vất vả, khổ nhọc và không kém bất hạnh mà, nếu không qua họ thổ lộ, chúng ta - những cha, anh... - ít được biết đến và chia xẻ với họ, mặc dù họ là những người ít than vãn nhất.

2. Họ có "học" thực sự. Văn phong và kỹ thuật hành văn, viết truyện gọn gãy, vừa đủ, không dài dòng vô ích, không thêm mắm dặm muối... dư thừa.

3. Cũng vì những lẽ đó, tôi chợt hiểu tại sao, bấy lâu nay các nhà văn cũ của chúng ta bỗng"tịt" viết: - Có lẽ họ tự cảm thấy ngượng - Có lẽ họ cảm thấy chẳng còn gì để gọi là sáng tác nữa!

...Mong Hợp lưu cho đăng thêm nhiều những tác phẩm tương tự. Cũng không nhất thiết là phải ở Mỹ, mà cả ở VN nữa càng hay.

BNT (San Jose)

Chủ trương tìm kiếm những tài năng trẻ vẫn được Hợp Lưu nâng lên hàng đầu. Chỉ tiếc, lớp trẻ ở hải ngoại nếu so với nội địa, là quá ít, và hầu hết đều

không thông thạo Việt ngữ, do đó, dù cố gắng lắm, chúng tôi vẫn chưa thể gây nổi thành phong trào. Nhân đây, rất mong các bạn trẻ tích cực cộng tác với Hợp Lưu hơn nữa. Tòa soạn xin nhắc lại: các bạn có thể viết bằng bất cứ ngôn ngữ nào các bạn thông suốt, tòa soạn chịu trách nhiệm chuyển sang Việt ngữ.

Riêng nhận xét của anh về các nhà văn "già" và "trung niên", tòa soạn chia xẻ phần nào quan điểm ấy. Tuy nhiên có lẽ vấn đề còn nhiều phức tạp. Hợp Lưu hy vọng sẽ có dịp thực hiện một số đặc biệt liên quan đến "hiện tượng" trên, và sẽ mời độc giả, văn hữu tham gia ý kiến. Thân mến.

Kêm, lần nữa

Tôi gửi cho *Hợp Lưu* hai bài thơ, một về "văn nghệ" (*Kêm*), và một về "thời sự Bắc Kinh" *(Chuyện Đọc Báo Giờ Điểm Tâm)*. Nhưng tiếc thay, tôi sắp xếp không rõ ràng, khiến Hợp Lưu lầm tưởng là một (HL số 31, tr. 125).

Tôi chuyển "Camp" thành "Kêm", viết bài thơ một câu đề "tặng các nhà phê bình". "Camp" là một từ tiếng Anh, thường là tính từ, hay gặp trên báo ngoại quốc, nhưng chưa thấy (?) trên báo ta. Nếu xứ người đã có nhiều loại "Camp" vĩ đại (Art Nouveau là một, Hồ Thiên Nga là hai, Michael"Jacko" (Jackson) là ba, Gina "Lollo" là bốn, Victor Mature là năm, Bette Davis là sáu, Disneyland là bảy...), thì nước ta chắc cũng phải có vài thứ "Kêm" nho nhỏ đáng yêu chứ, dân Việt mình đâu chịu thua ai? (Kêm: Hoạn Thư? Từ Hải?, Mai Lệ Huyền, Hùng Cường, Bích Thuận? Truyện ngắn của Trần Vũ? Thẩm Thúy Hằng? Tòa Thánh Phật Giáo Cao Đài ở Tây Ninh?...)

Bắc Kinh hiện nay chỉ hơi... "Kênh" tí thôi! Hoan hô Bắc Kênh!

TN (London)

Xin lỗi đã "nhìn hai thành một". Đúng là quáng gà! Tuy nhiên, lần sau xin anh ngắt quãng tựa của bài thứ hai xa hẳn bài thứ nhất, và dùng cỡ chữ lớn hơn, hoặc gạch đít bằng mực đỏ để người đánh máy dễ... nhận diện. Phàm các loại thơ mới thường thiên hình vạn trạng. Các thi sĩ rất thích ngắt quãng, xuống hàng, cho chữ này rời xa chữ kia, hoặc viết nghiêng, viết đứng, viết to, viết nhỏ, đủ cỡ đủ kiểu... (Có vị còn bắt tòa soạn cắt rời từng chữ, dán lại theo chiều nghiêng, chiều dọc. Ví dụ: con thuyền bập bềnh thì chữ bập phải xéo lên, chữ bềnh phải chúi xuống, cho có vẻ... bập bềnh, hoặc Tôi chết đứng như Từ Hải *thì câu này phải được lay-out như sau:*

Tôi chết đứng như Từ Hải)

Vì thế, nếu đoạn thơ này "nhảy xổ" vào bài thơ khác, âu cũng chuyện... dễ

hiểu! (Đã xảy ra trường hợp này, trong cuốn "Hai Mươi Năm Văn Học Việt Nam Hải Ngoại", *khiến nạn nhân là thi sĩ Khế Iêm phải viết một bài dài trên tạp chí Thơ, "khóc than" cho số phận của* "Một Bài Thơ Đã Chết Như Thế Nào*?", nghe lâm li bi thiết còn hơn* Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh

Nghĩ, thấy tội cả hai: thi sĩ và đả tự viên.

Hôm nay mưa. Lạnh. Trời đất u ám. Lòng bỗng ngán ngẩm đến muốn... chết! Bèn lợi dụng lá thư của anh, tán nhảm một tí cho lên tinh thần. Thân mến.

Lại chuyện thơ

Trong mục *"Ngày... Tháng..."*, HL số 31, có đề cập một số vấn đề liên quan đến thơ, mà theo tôi, cũng nên xét lại.

Tôi nghĩ, trên đời không có gì là hoàn hảo và đúng một cách tuyệt đối. Nếu nhận xét theo khách quan, cái đẹp cũng thế.

Ở trong bất cứ hoàn cảnh và thời điểm nào, đã là con người, bẩm sinh không thể không có tình cảm: Tình yêu lứa đôi, tình yêu quê hương, tình yêu con người.. Khi nói đến tình yêu thì cũng không thể không nói đến sự nhớ thương, muộn phiền, vui sướng hay đau xót, v.v... Đó là lẽ tự nhiên và là điều muôn thuở. Đâu phải lúc nào cũng chỉ có vui.

Làm mới ngôn ngữ thi ca phải bắt nguồn từ cơ bản. Đó là việc tạo ra thêm cái đẹp, sự quyến rũ và những điều lạ lùng gây tác động vào tâm thức con người. Ở một tài năng thực sự, cái "lạ lùng" sẽ tự nhiên phát tiết ra, không cần sự nguỵ tạo.

Tôi cũng nghĩ, đối với nhóm chủ trương "Tạp chí Thơ", thật hay giả, hay hay dở hãy để thời gian trả lời. Và các bạn cứ tự nhiên kiên nhẫn làm việc của mình. Cần gi phải lớn tiếng đả kích các loại thơ trữ tình khác.

Tiện đây, nhân đọc bài thơ "Bốn sợn lông..." của Đỗ Kh., tôi cũng thấy vui vui và đột nhiên "thơ" ra một bài. Ghi lại gửi các bạn đọc chơi. Hy vọng các bạn cũng... vui

...

NT (The Netherlands)

— *Đồng ý với anh.*

— *Riêng bài thơ anh ghi lại, chúng tôi rất muốn đưa lên đây để mọi người cùng... vui. Nhưng xét thấy vui quá hóa... loạn. Độc giả mắng cho thì hết còn vui nổi, nên chỉ đọc và ... vui riêng với anh thôi. Thân mến.*

HỢP LƯU TRẢ LỜI VĂN HỮU, ĐỘC GIẢ

Ông NĐS (CA): Như chúng tôi đã thông báo ở các số HL trước, các số 1, 4, 6, 8, 12 đã tuyệt bản. Kính.

Ông THH (Úc): Vâng, đã tục bản. Vẫn Mai Thảo làm chủ nhiệm, nhưng có thêm Nguyễn Xuân Hoàng phụ trách biên tập. Tờ tạp chí này chắc chắn sẽ khởi sắc. Ông liên lạc về địa chỉ mới của tòa soạn Văn: 10602 Melric Ave., Garden Grove, CA 92843. Điện thoại: 714-531-7292. Kính.

Cô NUD (Cali): Chúng tôi đã gửi bù số 31. Hy vong lần này không thất lạc. Thân mến.

Bà HTĐH (Đức): Lúc trước, có. Nhưng báo thì họ vẫn nhận đều, và bán, mà tiền trả cho chúng tôi thì... không bao giờ. Thành ra đành phải giả từ. Vâng, mong bà cổ động thêm người đọc giúp chúng tôi,cách tốt nhất là mua dài hạn, như bà. Kính.

PTVA (Iowa): Đã chuyển giúp tuyển tập truyện ngắn ấy đến các "thân chủ". Rất mong gặp A ở Cali. Thân mến.

Anh L (Seattle): Vâng, thành phố "của anh" đẹp lắm. Tôi yêu những con đường quanh co chập chùng và màu xanh ngun ngút của rừng. Đã đến một lần. Định đến nhiều lần nữa nhưng (lại nhưng!) bao nhiêu chuyện lẩm cẩm đa đoan, không dứt ra được. Hẹn sang năm vậy. Thân mến

Chị NTTHVHK (MD): Trời ạ! Không biết người Mỹ sẽ đọc tên họ của chị thế nào đây? Mấy tháng đầu năm tình hình sách báo có vẻ "khởi sắc", nhưng chưa kịp mừng thì đã xẹp xuống, như quả bóng hết hơi! Độc giả quả thật mỗi ngày mỗi "teo" lại. Các nhà văn hình như không còn hứng khởi tiếp tục cái công việc, xem ra, chẳng tạo được cho họ một chút lợi lộc gì, từ tinh thần đến vật chất. Thân mến.

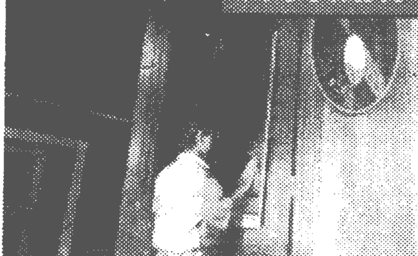
Ông HVC (Pháp): Ông có thể đặt mua báo và trả tiền qua đại diện của *Hợp Lưu* (địa chỉ ở trang bìa 2). Như thế tiện hơn. Thân kính.

Ông VNM (PA): Đúng rồi, nhà văn ấy cùng ở một thành phố với ông. Nhưng theo nguyên tắc chúng tôi không thể cho ông địa chỉ của ông ấy. Ông viết thư, chúng tôi sẽ chuyển giúp. Kính.

Bà TTHG (TX): Không phải ai cũng nghĩ như bà đâu. Chín người mười ý mà! Làm báo, khó, phần lớn vì vậy. Cũng giống như một đầu bếp, món ăn ngon, chưa hẳn đã vừa lòng thực khách. Không phải lúc nào chúng tôi cũng được "khích lệ" cả đâu. Không thiếu những lá thư, những cú điện thoại chuyển đến chúng tôi những trách cứ có khi rất nặng lời. Tuy nhiên có lẽ nhờ vậy chúng tôi mới có cơ hội điều chỉnh được những sai trật. Dù "khen" hay "chê", đối với chúng tôi đều tốt cả. Nó chứng tỏ độc giả còn quan tâm. Trên các xứ sở bên ngoài quê hương, đời sống quá tất bật, thế mà còn viết hoặc nhấc ống điện thoại gọi cho chúng tôi, chỉ chừng đó cũng an ủi lắm rồi. Kính.

Cháu LTNP (CA): Đúng, không thể vội vã được đâu. Kiến thức văn học, muốn có, phải dài ngày dài năm lắm. Mỗi ngày một tí, bồi đắp, tích lũy. Với tuổi của cháu, đòi "biết hết", coi chừng "bội thực" đấy. Thân mến.

HỢP LƯU



Tìm đọc tuyển tập

NIGHT, AGAIN

12 truyện ngắn giá trị Việt Nam chuyển dịch sang Anh ngữ
Đinh Linh chủ biên
Giá $12.95 (bìa dày có bìa phụ bọc ngoài)

"Các bạn trẻ khônh am tường ngôn ngữ Việt, muốn tìm hiểu văn chương Việt Nam đương đại, nên tìm đọc cuốn sách này" *(Hợp Lưu)*

"An important anthology" (*Kirkus Review*)

● NGUYỄN THỊ ẤM ● BẢO NINH ● DƯƠNG THU HƯƠNG ● NGUYỄN HUY THIỆP ● LÊ MINH KHUÊ ● ĐỖ PHƯỚC TIẾN ● THẾ GIANG ● PHẠM THỊ HOÀI ● MAI KIM NGỌC ● ĐỖ KH. ● TRẦN VŨ ● NGUYỄN MINH CHÂU ●

Có bán tại các tiệm sách Mỹ hay mua trực tiếp từ nhà xuất bản Seven Storiee Press.

To order, call 1-800-596-7437

PHAN THI VANG ANH

QUAND ON EST JEUNE

Tìm mua

QUAND ON EST JEUNE

Nguyên tác tiếng Việt: **Khi Người Ta Trẻ** của PHAN THỊ VÀNG ANH

Kim Lefèvre chuyển sang Pháp ngữ.
Giá 98F

Có bán tại các quốc gia sử dụng Pháp ngữ, các tiệm sách ngoại văn tại Mỹ, hoặc mua trực tiếp qua nhà xuất bản Philippe Picquier, Mas de Vert, 13200 Arles, France.

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

(Tất cả ghi bằng CHỮ IN)

Tôi tên:______________________________

Địa chỉ:______________________________

____

Điện thoại:______________________________

nhận mua dài hạn tạp chí HỢP LƯU bắt đầu từ số: ____________

GIÁ TIỀN

Nội địa Hoa Kỳ và Canada:

Hạng tư: 20MK ☐ (1/2 năm) ● 40MK ☐ (một năm)

Âu châu:

Đường thủy: 50MK ☐ (một năm)

Hàng không: 70MK ☐ (một năm)

Úc châu, Á châu:

Đường thủy: 50MK ☐ (một năm)

Hàng không: 80MK ☐ (một năm)

Xin gửi ngân phiếu (kể cả Canada) bằng Mỹ Kim.

Ngoài Hoa Kỳ và Canada, chỉ nhận Money Order International, trả cho:

HỢP LƯU

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92642. USA

● Cho toà soạn biết ngay nếu gặp các trường hợp sau đây: 1) Thay đổi địa chỉ - 2) Không nhận báo đúng thời hạn - 3) Báo hư rách (do bưu điện), hoặc nhầm, thiếu trang (do tắc trách của nhà in, trị sự), chúng tôi sẽ gửi bù bằng phương tiện nhanh nhất.

● Lưu ý MÃ SỐ ở hàng đầu trên LABEL để biết số báo hết hạn (Ví dụ: **M:20-25**, tức mua HẠNG TƯ hoặc TÀU THỦY từ số 20 đến số 25 là hết hạn. **MF:20-25**, tức mua HẠNG NHẤT hoặc HÀNG KHÔNG từ số 20 đến số 25 là hết hạn.

● Độc giả ở Âu châu xin gửi trả cho đại diện tại Pháp (địa chỉ trang bìa 2)

VIETNAM
A BOOK OF CHANGES
Mitch Epstein



Hành trình thơ mộng và kinh ngạc của một nhiếp ảnh gia xuyên qua một Việt Nam hiện đại. Tác phẩm ghi lại một nền văn hóa và phong cảnh phần lớn đã bị cắt lìa khỏi người Tây phương trong ba mươi năm qua, và bây giờ mở ra cho nền kinh tế thị trường và một quan niệm mới với phương Tây. Các tấm ảnh dàn trải ra vẻ tươi tắn của đời sống Việt, một dân tộc luôn sống bên mép bờ chính trị và kinh tế. Ẩn dưới bề mặt thân hữu là căng thẳng của chính trị; ẩn dưới vẻ đẹp là bạo lực; ẩn dưới những khuôn mặt cứng nhắc của các dân làng miền xa là một động lực kinh doanh lôi kéo họ vào các thành phố; và ẩn dưới gạch vụn chiến tranh là một giới nghệ sĩ nắm chụp ngay những tự do mới hưởng và một nền kiểm duyệt dai dẳng.

Những tấm ảnh này đưa chúng ta vào giữa lòng Việt Nam.

---

hợp tác giữa Double Take Book và W.W. Norton & Company.

Giá 35 Mỹ Kim tại các hiệu sách (Mỹ)